VĂN HỌC

tạp chí sáng tác nhận định văn nghệ

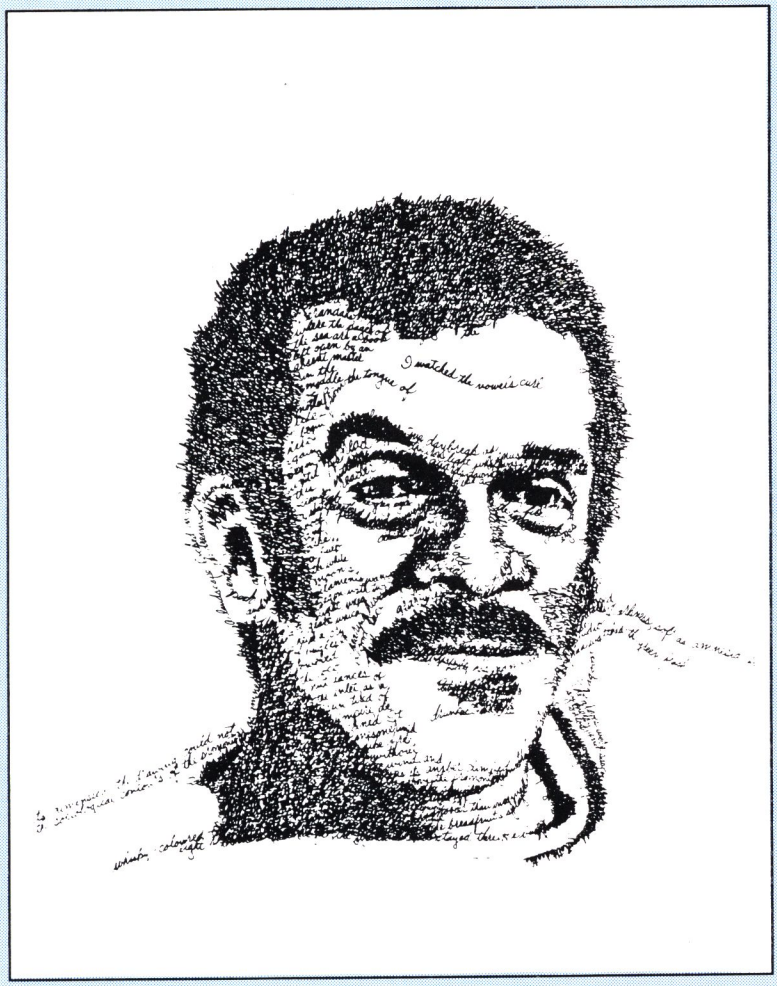

Chân dung nhà thơ Derek Walcott, Nobel Văn chương 1992

số 79 . tháng 11 năm 1992

đặc biệt về truyện ngắn

VĂN HỌC

Tạp chí sáng tác nhận định văn nghệ

Phát hành mỗi đầu tháng

Chủ Bút: Nguyễn Mộng Giác
Tổng Thư Ký: Trịnh Y Thư

Đại diện Văn Học ở Âu châu: Mrs. Lê Tất Luyện
15 Place Souham, 75013 Paris, France.
Phone: 45.831.912

Đại diện Văn Học ở Úc châu: Nguyễn Khắc Phú
14 Lester Rd, Padstow, N.S.W. 2211 Australia.
Tel: (02) 771.1770

Thư từ tiền bạc xin gửi về:

Văn Học
P.O. Box 1359
Garden Grove, CA 92642-1359, USA
Tel: (714) 894-8535

Số đăng ký tại Thư Viện Quốc Hội Hoa Kỳ: ISSN - 0885 - 128X

VĂN HỌC
số 79 - tháng 11 năm 1992

TRONG SỐ NÀY

ĐẶC BIỆT VỀ TRUYỆN NGẮN

Nguyễn Văn Sâm	*Truyện ngắn là gì?*	*3*
Nguyễn Mộng Giác	*Cơn khủng hoảng của truyện ngắn*	*12*
Mai Kim Ngọc	*"Ánh Trăng", tập truyện ngắn được giải cuộc thi báo Văn Nghệ 1991*	*21*
Lại Văn Long	*Kẻ sát nhân lương thiện,* truyện ngắn	*33*
G. G. Márquez	*Người tình trong mộng,* truyện ngắn	*42*
Raymond Carver	*Chiếc xe cũ,* truyện ngắn	*49*
K. Paustovsky	*Đêm trắng,* truyện ngắn	*57*
Lỗ Tấn	*Quê cũ,* truyện ngắn	64
Joyce Carol Oates	*Bản chất của truyện ngắn hay bản chất những truyện ngắn của tôi*	*71*

SÁNG TÁC - NHẬN ĐỊNH

Chân Phương	*Derek Walcott, khi thơ ca cất tiếng chào đời*	*79*
Bùi Diễm Âu	*Nét họa châu mai,* truyện ngắn	*85*
Hoàng Xuân Sơn	*Như nhiên,* thơ	*102*
Cao Xuân Tứ	*Mưa rào,* thơ	*103*
Lưu Hy Lạc	*Trọ,* thơ	*103*
Nguyễn Mạnh Trinh	*Có gã làm thơ,* thơ	*104*
Trần Vũ	*Tùy bút xám*	*106*
Sĩ Liêm	*Lời thú tội trong thành ghetto*	*114*
Duy Lam	*Thử lắng nghe im lặng rừng thơ,* thơ	*122*
Lê Tấn Lộc	*Chân dung một linh mục*	*126*

ĐIỂM SÁCH

Quỳnh Giao	*Nghe tiếng quê hương trong tiếng núi*	*123*

Tranh bìa: Chân dung thi sĩ Derek Walcott
(John Sokol, 1981)

thư tòa soạn

Như đã loan báo trong số báo trước, *Văn Học* số này tập hợp một số bài viết xoay quanh chủ đề Truyện Ngắn.

Nhà văn Nguyễn Văn Sâm đặt lại câu hỏi căn bản, "Truyện ngắn là gì?", trong đó ông giúp độc giả có cái nhìn chính xác hơn thế nào là một truyện ngắn. Ông trích dẫn khá nhiều truyện ngắn danh tiếng của Việt Nam cũng như thế giới để làm thí dụ. Nhà văn Nguyễn Mộng Giác, dùng Truyện Ngắn như cái cớ, một lần nữa đưa ra cái nhìn phê phán sắc bén về chiều hướng sáng tác nói chung trong văn học Việt Nam hải ngoại. Nhà văn Mai Kim Ngọc phê bình cuốn "*Ánh Trăng*", tập truyện gồm những truyện ngắn trong nước trúng giải thưởng do báo *Văn Nghệ* tổ chức. Và, quan điểm về Truyện Ngắn của một nữ văn sĩ Hoa Kỳ, bà Joyce Carol Oates, qua bản dịch của Lê Thọ Giáo, cũng cho chúng ta ít nhiều ý tưởng hay la thế nào là một truyện ngắn. Trong phần trích dẫn, vì khuôn khổ có hạn của tờ báo, chúng tôi chỉ có thể giới thiệu bốn truyện ngắn của bốn nhà văn danh tiếng: Lỗ Tấn (Trung Hoa); Raymond Carver (Hoa Kỳ); Konstantine Pauslovsky (Nga) và Gabriel García Márquez (Columbia - Châu Mỹ La tinh), qua bản dịch của các dịch giả Mai Kim Ngọc, Vụ Bản và Kim Ân.

Tháng mười cũng là tháng Hàn lâm viện Thụy Điển công bố giải Nobel. Năm nay giải văn chương trao về tay thi sĩ Derek Walcott trong dòng văn học các quốc gia vùng Caribbean, Trung Mỹ. Xin đọc tiểu sử và văn nghiệp của thi sĩ Walcott trong bài giới thiệu của nhà thơ Chân Phương.

Vì phải dành một số trang khá nhiều cho phần đặc biệt về Truyện Ngắn, tòa soạn đành phải tạm gác một số sáng tác thơ văn của quí văn thi hữu. Truyện dài *Chị Em* của nhà văn Mai Kim Ngọc cũng phải tạm ngưng một kỳ. Tòa soạn thành thật cáo lỗi. Sau số báo này, *Văn Học* sẽ nghỉ một tháng (tháng 12) để chuẩn bị thực hiện *Giai phẩm Văn Học Xuân Quí Dậu* 1993, dự trù ra mắt độc giả vào thượng tuần tháng Giêng dương lịch. Bài vở đóng góp cho Giai phẩm Xuân năm nay xin gửi về trước 15 tháng 12 năm1992.

Văn Học

TRUYỆN NGẮN LÀ GÌ

NGUYỄN VĂN SÂM

Ai đã từng đọc sách thế nào cũng biết phân biệt truyện ngắn, truyện dài. Thế nhưng bảo chính ngay nhà văn phát biểu cho biết truyện ngắn là gì, ta sẽ được những câu trả lời không rõ nét, thậm chí còn thay đổi rất khác biệt theo từng tác giả.

Tại sao vậy? Bởi vì truyện ngắn là đứa con sinh chậm do với các dạng khác của văn chương. Ở Âu Châu kịch - thơ - truyện dài - xuất hiện rất lâu rồi mới tới truyện ngắn trong vòng hai trăm năm nay, hiện tại nó vẫn chưa ở trạng thái định hình, mỗi người quan niệm và viết truyện ngắn theo cách thế của mình. Ở Việt Nam, truyện ngắn viết bằng quốc ngữ tuy chỉ mới xuất hiện hồi đầu thế kỷ nhưng đã đi hia bảy đặm trên con đường của mình. Các truyện ngắn Việt Namkhoảng bốn mươi năm trở lại đây có giá trị nghệ thật và tư tưởng không thua gì các xứ đã có truyền thống truyện ngắn lâu đời hơn.

Một trong những truyện nổi tiếng còn sót lại là truyện ngắn rất gợi cảm *"Câu Chuyện Một Tối Tân Hôn"* của Phạm Duy Tốn, rõ ràng trong điều cần được trình bày; kỹ thuật dựng truyện và cách sắp xếp điều cần thiết của một truyện ngắn theo cách thế của các truyện ngắn Pháp chớ không bắt nguồn từ truyện ngắn Việt Nam (viết bằng chữ Nôm hay chữ Hán trước đó) như *"Truyền Kỳ Mạn Lục Giải Âm"*, chữ Nôm thế kỷ XVII, hay *"Lĩnh Nam Chích Quái"* của Trần Thế Pháp hoặc *"Việt Điện U Linh"* của Lý Tế Xuyên, chữ Hán, thế kỷ XIV. Với loại viết bằng chữ Nôm thì câu văn khó hiểu, kết cấu truyện lượm thượm và còn đang ở trong hình thức truyện kể. Với loại viết bằng chữ Hán thì người đọc không thấy được tính chất thời đại cũng như đặc tính của ngôn ngữ Việt trong đó vì khi thực hiện các tập này, tác giả chỉ thuần nhắm phần thâu thập các truyện cổ truyền trong dân gian, phần sáng tác cá

nhân của tác giả và phần văn chương không được coi là quan trọng, khác với trường hợp tương tự của Sir Walter Scott ở Anh và Washington Irving ở Mỹ sau nầy đã dùng kho tàng truyện kể dân gian làm chất liệu cho các truyện ngắn của mình.

Một vài nhà văn Việt thời chữ Nôm có sáng tác loại truyện kể nặng tính chất truyền kỳ — một hình thức truyện ngắn tương đối gần với dạng phôi thai của truyện ngắn ngày nay — như Đoàn Thị Điểm, với sáu truyện trong tập *"Truyền Kỳ Tân Phả"*, như Cao Bá Quát với mười truyện trong văn cảo của ông. Các truyện này cho tới ngày nay vẫn chưa có điều kiện để được lưu hành rộng rãi cho nên không có ảnh hưởng trong văn chương.

Nhìn chung các mặt ngôn ngữ, không khí cũng như hình thức các truyện ngắn cũ đều khác xa với truyện ngắn gần đây. Nói cách khác, ở Âu Mỹ truyện ngắn tuy mới xuất hiện chỉ hai thế kỷ nhưng truyền thống truyện ngắn của họ cũng đã được hai trăm năm trong khi ở Việt Nam truyện ngắn xuất hiện cả năm trăm nay nhưng mới chỉ có truyền thống truyện ngắn như chúng ta có theo khái niệm ngày nay từ thập niên ba mươi của thế kỷ nầy.

Trong khi đó truyện dài Việt Nam đã xuất hiện và rất phong phú trước thời gian có hình thức truyện dài hiện đại khá lâu, dưới dạng truyện thơ Nôm như *Trê Cóc, Phan Trần, Hoa Tiên, Nhị Độ Mai, Đoạn Trường Tân Thanh*... hay dưới dạng một chuỗi nhiều bài thơ (người bên nhà gọi là một chùm (!) thơ) diễn tả một câu chuyện như thơ *Vương Tường, Bạch Viên Tôn Các*. Ở đây ngôn ngữ dùng rất gần với ngôn ngữ hiện đại. Sự kiện lại diễn thành một câu chuyện có đầu đuôi, ý nghĩa. Thêm vào đó, trong dân gian, lại có vô số truyện thơ. Có thể nói dân tộc Việt Nam đã thấm nhuần không khí truyện dài từ lâu.

Ta không có truyền thống truyện dài viết bằng chữ Hán. (Cuốn *"Lĩnh Nam Dật Sử"* trước đây một nhân vật túng tiền chép lại một truyện dài tầm thường của đời Thanh bán cho trường Viễn Đông Bác Cổ thác là truyện dài Việt Nam xưa viết bằng tiếng Mường, tác giả là Ma Văn Cao, anh hùng Trần Nhật Duật đời Trần dịch ra chữ Hán, sự giả trá đó trong văn chương cần phải được quên đi, không nên nhắc đến nữa).

Cuốn *"Hoàng Lê Nhất Thống Chí"* của nhóm Ngô Gia văn phái viết theo lối Tam Quốc Chí là một cuốn truyện dài lịch sử khá đặc biệt trong văn chương Việt, nhưng tiếc thay một con én lạc loài không tạo được mùa Xuân truyện dài chữ Hán mà chỉ tạo được mùa Xuân truyện dài lịch sử ở các trường

hợp Tân Dân Tử (Nguyễn Hữu Ngữi) trong Nam, Nguyễn Triệu Luật, Lan Khai, Tchya ở Bắc sau nầy...

Dầu sao truyện dài Việt Nam cũng phát sinh từ truyền thống truyện dài Nôm và ít ra cũng từ thế kỷ XIV. Nhờ đó khi chữ quốc ngữ bắt đầu ổn định trong Nam, Nguyễn Trọng Quản có *"Truyện Thầy Lazaro Phiền"* 1887 đặt bước chân đầu tiên vào lãnh vực truyện dài mới và thập niên thứ nhì của thế kỷ này truyện dài *"Chăng Cà Mum"* 1920 của Nguyễn Chánh Sắt, *"Hoàng Tố Anh hàm oan"* 1910 của Trần Chánh chiếu, *"Phan Yên ngoại sử"* 1910 của Phan Duy Toản đã vang dội một thời. Ngoài Bắc, những cuốn *Tố Tâm, Nho Phong, Người Quay Tơ* sau đó góp phần xây dựng những bước tiến vững chãi cho nền văn học Việt Nam. Ngay đến tinh thần coi trọng truyện dài của người viết và câu nói thường lập lại trong giới cầm bút *"nhà văn chưa phải là nhà văn nếu chưa viết được truyện dài"* cũng có nguồn gốc từ dòng lịch sử lâu đời của truyện dài Việt.

Sinh muộn, vốn chưa định hình rõ rệt nên tùy theo quan điểm từng người viết, khái niệm truyện ngắn biến thiên. Dầu sao trước một truyện ngắn ai cũng đều có thể vạch mặt chỉ tên đó là một truyện ngắn nhờ căn cứ một vài điểm hiển nhiên nào đó.

Những điểm chung đó nằm trên mặt hình thức, như độ dài ngắn, sự liên hệ của những sự kiện được trình bày. Cho đến ngày nay quan niệm truyện ngắn đã khác với lúc nó mới phát sinh. Nhiều người đồng ý như cái tên của nó, đó là một sáng tác phẩm ngắn kể lại một câu chuyện, một mảnh vụn đặc biệt của đời sống, hoặc — như quan niệm mới gần đây — chỉ là một tâm trạng không cần thành truyện, không cần đầu đuôi, không nhất thiết phải theo thứ tự thời gian.

Nhưng ngắn đến thế nào, chữ này thiệt là tương đối.

Có nhà giáo, ông X.J. Kennedy, trong quyển Literature thường dùng ở năm đầu của văn chương Anh Mỹ ở đại học Mỹ nhắc đến một truyện ngắn của Thomas Bailey Aldrich chỉ dài độc có ba dòng:

"Một thiếu phụ đang ngồi trong căn nhà cũ kỹ, đóng kín, biết rằng chỉ có mình mình trơ trọi trên thế giới này. Tất cả đều đã bị tiêu hủy.

Chuông cửa reo".

Ít người đồng ý với ông giáo sư nọ để coi đây là một truyện ngắn. Không có truyện trong đó mà chỉ là một mảnh đời. Cũng được đi, nhưng cả truyện nhìn chung không *"nói"* được điều gì mặc dầu ta có thể tưởng tượng được vài

điều về hoàn cảnh và tâm trạng của thiếu phụ đó. Ngắn quá, truyện không thể hội đủ những yếu tính cấu thành nó, không thể thực hiện được nhiệm vụ tương thông giữa người đọc và người viết, yếu tính căn bản của sáng tạo phẩm.

Nguyên tử không thể là vật chất, một tế bào của con người không thể là con người. Truyện cũng vậy, phải dài ở mức độ tối thiểu nào đó, dưới mức đó, sẽ bị biến thể thành một thứ gì khác. Truyện ngắn ngắn của Việt Nam do các người viết có chút tên tuổi thường là bốn trang (khổ sách hay tạp chí Văn, Văn Học) ngắn quá, chỉ được viết bởi người mới vô nghề, chưa đủ dài hơi, chưa đủ sức phân tích những đoạn cần khai triển.

Người Mỹ có những truyện cụt gọi là *short short story*, (tôi không muốn dùng chữ truyện ngắn ngắn) trong tuyển tập kiểu này ta gặp rất nhiều truyện chưa dài tới hai trang, mặc dầu viết bởi các cây bút có tên tuổi, Ernest Hemingway chẳng hạn. Những loại này chưa được xếp vào thể loại văn chương thật sự, ít nhất là trong những sách giáo khoa hay các tuyển tập có giá trị vì không đủ yếu tố đem đến thú vị cho người đọc.

Các truyện dài khoảng ba, bốn trang được kể là truyện hay được chọn trong tuyển truyện quốc tế có quá nhiều. Chẳng hạn:

"Bức Thư Gửi Cho Thượng Đế" (A Letter To God) của nhà văn Mễ Tây Cơ Gregorio Lopez Y Fuentes đăng trong "Great Short Story of The World" tuyển bởi The Reader's Degest - 1974. Truyện kể về anh nông dân Lencho, quá nghèo, năm nọ bị nạn hạn hán, gia đình sắp chết đói, viết thư gởi lên Thượng Đế xin được cứu giúp. Một nhân viên bưu điện thấy thơ, xúc động bàn với các đồng sự cứu giúp bằng cách cùng nhau góp tiền. Ác thay họ chỉ góp được có bảy chục pesos thay vì một trăm như Lencho xin. Nhận được tiền, Lencho tức giận viết thêm một bức thơ nữa:

"Thưa Thượng Đế, về chuyện tiền con xin Ngài giúp đỡ, con chỉ nhận được có bảy chục pesos. Xin Ngày gửi đến con số còn lại, con rất cần. Xin Ngài chớ gởi qua đường bưu điện vì nhân viên bưu điện là một bọn ăn chận".

Truyện chấm dứt ở đó. Tác giả bỏ lửng làm cho truyện mở ra nhiều chiều hướng từ khôi hài — tôi từng thấy người ta mượn ý này viết thành chuyện cười — niềm tin ở khả năng siêu việt của Thượng Đế có thể tác động lên cuộc đời này, đến cái giá phải trả của người thi ơn, đời sống khốn khổ, thất học của nông dân... mà ta vẫn không hiểu được chính ý của tác giả.

Vậy thì viết ngắn, bỏ lửng, không nói hết cũng có cái lợi của nó! Cái lợi ở chỗ gợi lên những vấn đề mà tác giả khỏi mất công đi sâu. Tuy nhiên cho

tới bây giờ chưa ai chấp nhận truyện ngắn cụt có tuyệt phẩm mặc dầu người ta công nhận có truyện ngắn cụt và các tuyển tập về loại nầy hiện nay không phải là ít.

"Kẻ Theo Đuổi" (The Chaser) của John Collier, trích đăng trong quyển IV của bộ sáu cuốn dạy văn chương Anh do Trung Tâm Nghiên Cứu Học Trình Oregon (The Oregon Curriculum; A Sequential program in English) thực hiện cũng ở vào loại đó, ngắn và mở rộng.

"Cậu Alan Austen đến một lão già chuyên bán nước đặc biệt để mua "nước yêu" vì cậu đang yêu cô Diana và muốn chiếm cảm tình của cô ta. Trong cuộc đối thoại lão bán nước nói nhiều điều làm cho người đọc suy nghĩ: "nước tẩy đời sống (Life cleaner) giá năm ngàn đồng, nước yêu (Love lotion) thì không vậy. Người trai trẻ cần nước yêu thì rất ít khi có năm ngàn. Nếu có năm ngàn thì đâu có cần nước yêu... nước yêu thì một đồng thôi... Tôi thích phục vụ khách hàng, rồi khách hàng sẽ trở lại khi họ khá hơn và cần những thứ mắc tiền hơn".

Tác giả kết thúc truyện ngắn của mình bằng câu chào tạm biệt của ông lão bán nước yêu khiến ta thắc mắc về chiều hướng mở ra của truyện: Người yêu hôm nay ngày mai giận ghét? Alan Austen có thể sẽ trở lại sau này vì cần thứ mắc tiền để thanh toán Diana? Không biết. Hay anh ta trở lại để mua nước yêu nữa để săn đuổi một Diana khác? Có thể lắm.

Vậy truyện ngắn dầu ở trạng thái ngắn tối thiểu cũng phải mở được những chân trời mới cho người đọc, nếu người viết biết mở ra chân trời đó.

Việt Nam cũng có những truyện ngắn cỡ này, cũng là những truyện có giá trị đầy đủ, và có khả năng mở ra những chân trời mới suy tư cho độc giả.

"Vệt son" và *"Thế giới của Kathy Graham"* trong tập Ngọn Hải Đăng Mù của Mai Thảo. *"Thư Quê Hương"* trong tập Xuôi Dòng của Nguyễn Mộng Giác, những thí dụ điển hình.

Ngắn thì vậy, khoảng ba, bốn trang.

Nhưng dài bao nhiêu mới không bị coi như truyện dài? Ở Việt nam chỉ có truyện dài quá ngắn không có truyện ngắn quá dài. Truyện ngắn *"Thác Đổ Sau Nhà"* trước năm bảy mươi lăm của Võ Phiến (in trong tập truyện ngắn I- Văn Nghệ) dài bốn mươi bốn trang. Hầu hết những truyện khác dài cỡ này như các truyện của Mai Kim Ngọc trong *"Muôn Kiếp Cô Liêu"*, *"Rồi Sao? Niềm Tin Mới"*, của J. Ngọc (Trong tập truyện cùng tên, xuất bản ở Houston

- 1987) *"Nụ cười Tre Trúc"* của Kiệt Tấn, đều là những truyện dài hụt hơi, truyện vừa, chớ không phải là truyện ngắn dài.

Văn chương thế giới chấp nhận một vài truyện ngắn dài như *"Cái Chết Của Lão Ivan Ilych"* của Leo Tolstoi dài bốn mươi trang chữ nhỏ. Truyện *"The Heart Of Darkness"* của Justave Flaubert dài năm mươi hai trang chữ nhỏ. Đếm chữ sợ còn nhiều hơn truyện dài *"Bonjour Tristesse"* của F. Sagan nổi tiếng một thời trước đây. Cũng vậy truyện *"Man In The Drawer"* của Bernard Malamud dài 46 trang, đọc mà ngán ngẩm khi đầu óc đã quen thuộc với truyện ngắn khoảng hai mươi trang trở lại. Trong khi đó các truyện khác, dài dưới cỡ này hầu hết đều được xếp vào loại truyện vừa (novella). Truyện *"Neighbour Rosinsky"* của bà Willa Cather, người chuyên viết những điều càng ngày càng biến mất trên quê hương mình, chẳng hạn: in khoảng hai mươi lăm trang chữ nhỏ thế mà các tác giả cuốn *"Question And Form In Literature"* trong bộ Medaillon Edition-America Reader xếp vào truyện vừa.

Ở Việt Nam, khái niệm truyện vừa ít được để ý vì loại này đều bị xếp vào chung với truyện ngắn. Nhà văn Bình Nguyên Lộc dường như là người đầu tiên dùng chữ truyện vừa để chỉ khái niệm novella, một thứ truyện phát xuất ở Nga, dài nhưng được viết sao cho in vừa đủ một kỳ báo của các loại tạp chí hồi thế kỷ XIX ở Mạc Tư Khoa.

Vậy thì truyện ngắn không được dài quá, cũng không được ngắn quá. Từ ba, bốn trang tới bốn, năm, mươi trang là vừa. Người Mỹ tính chữ nói là từ vài ngàn chữ tới năm, sáu chục ngàn chữ. Ở Việt Nam, trước 1954 hầu hết chuyện dài đều vào khoảng một trăm trang chữ, lớn lại in thưa, nếu xếp chữ như ngày nay, chỉ còn độ bốn năm chục trang. Truyện *"Hồn Bướm Mơ Tiên"* của Khái Hưng, truyện *"Bạc Xỉu Lìn"* của Vũ Anh Khanh là những thí dụ, với quan điểm ngày nay, ta dễ dàng nói đó là một truyện ngắn dài hơi như các truyện của Võ Phiến trước đây.

Vậy thì quan niệm truyện dài, truyện ngắn không phải chỉ thuần túy nằm ở chỗ giới hạn số trang của truyện mà đòi hỏi thêm một yếu tố khác, đó là cách nói đến điều được nói trong truyện.

Dở một hai cuốn truyện dài mà giá trị không còn ai đặt thành vấn đề nữa, đã trở thành tác phẩm cổ điển như: *"Chiến Tranh và Hòa Bình"* của Leo Tolstoi hay *"Kiếp Người"* (Of Human Bondage) của S. Maugham ta thấy tác giả tả tỉ mỉ, chi tiết, có thể nói là dụng gì viết nấy. Chỗ này, gia đình này được giới thiệu chi ly. Địa điểm khác, nhân vật khác cũng xuất hiện với

đầy đủ chi tiết, không cần những người này có một sự liên hệ chặt chẽ về những diễn biến của câu chuyện. Truyện dài hiện diện quá điều cần thiết, với những tẳn mẳn tỉ mỷ thừa thãi của nó. Truyện dài bắt chụp với đời sống như một ống kính quay phim kéo lê đi khắp nơi, gặp gì thu nấy, hào phóng không rích róng trong sự lựa chọn.

Truyện ngắn trái lại, nhân vật đã rất ít lại liên quan với nhau, sự kiện cùng nhau chằng chịt buộc ràng: không gian, thời gian thường cô, quánh lại chớ ít khi mở rộng. Suy nghĩ và hành động của nhân vật cũng chỉ được giới hạn để diễn tả một hai điều tác giả muốn; những điều khác bị hy sinh tối đa. Hiện tượng nhiều chủ đề trong một truyện ngắn thường bị coi như yếu tố đem đến sự thất bại của truyện vì tính chất mông lung của nó, khác với truyện dài, tính chất đa-trọng-tâm thường được coi như phong phú, sâu sắc.

Chúng ta có thể ví một bàn cờ tướng, cờ tây với một truyện dài: truyện ngắn chỉ giống như một bàn tíc-tắc-toe, một bàn cờ chó, hoặc nhiều nhứt là một bàn cờ mụ, cờ gánh. Đứng trước một cảnh thiên nhiên hùng vĩ, bốn bề núi non rừng rậm, ao đầm, nhìn mọi thứ một chút đó là công việc của người viết truyện dài. Chú mục vào một cảnh nhỏ, một chóp núi với tuyết phủ trắng bạc trên đỉnh, vào vài căn nhà lộng lẫy bên sườn, vào một dòng suối trong có đá cuội trong lành đó là công việc của người viết truyện ngắn. Dĩ nhiên có người chỉ quan sát một vùng tuyết để thấy rõ hơn một vài cây thông bị khuất lấp, vài hòn đá như cố vươn mình lên trên tuyết; hay chỉ chú trọng đến những gì xảy ra trong một căn phòng của gian nhà nọ, hoặc một khúc suối có cô sơn nữ vọc nước, nô đùa....

Một bức địa đồ chi tiết với đường sá, sông ngòi nước non sông biển của tiểu bang là truyện dài. Một ô vuông nhỏ về một thành phố với lời chú *"xem chi tiết ở phía sau"*, chi tiết phía sau đó là truyện ngắn.

Ta đi đến một tính chất nữa cũng thuộc phần hình thức của truyện ngắn, đó là các sự kiện được mô tả cần phải cô động trong chi tiết và liên quan chặt chẽ với nhau.

Các nhà văn có cách diễn tả đặc biệt về tính chất "chi tiết cô đọng và liên quan nhau" của truyện ngắn.

Nhà văn Mặc Đỗ cho rằng *"truyện ngắn là một truyện dài đúc lại chung quanh một tình tiết, một động tác chính. Truyện ngắn gần với kịch"*. Khi nhắc đến kịch, Mặc Đỗ muốn nhắc đến kịch Hy Lạp hay ít ra cũng là kịch ở Âu Châu trước thế kỷ XVIII với những luật lệ về đồng nhất động tác, thời gian

và không gian, nghĩa là truyện ngắn không được dài dòng, miên man mà chỉ xoáy trục quanh một nét chính.

Nhà văn Nguyễn Nghiệp Nhượng, phát biểu có vẻ Tây Phương hơn nhưng cụ thể hơn: *"Truyện ngắn giống như một sự soi sáng tập trung".*

Nhà văn Nguyễn Đông Ngạc cũng một ý đó: *"Vì là truyện ngắn nên tình tiết ý tưởng phải thật chọn lọc và có tính chất quyết định hơn (thơ, truyện dài). Truyện ngắn gần giống như thơ Đường về nội dung".* Nhắc đến thơ Đường, Nguyễn Đông Ngạc muốn nói về tính chất cô động ít lời, chi tiết được chọn lọc để phục vụ cho **"đề"** của loại này.

Những nhà văn tên tuổi khác nói cách này, cách kia nhưng đại khái cũng tương tợ. Âu Mỹ cũng không nói gì mới hơn. Ta có thể đi đến một định nghĩa dễ hiểu **"Truyện ngắn là một sáng tác nghệ thuật có tính cách cô đọng, kết hợp giữa cốt truyện, nhân vật, diễn tiến, để diễn tả hoàn chỉnh một điều cần diễn tả, không dư cũng không thiếu".**

Thiếu, truyện trở thành lỏng chỏng, mất cân bằng và tối tăm; dư, truyện sẽ nhạt, dài dòng, rườm rà nhiều lời ít ý, làm nản chí độc giả.

Nhà văn Doãn Quốc Sỹ gọi định luật không được dư thừa của truyện ngắn là tính chất không có chi tiết tràn bờ, không có chi tiết tràn bờ cũng chỉ là một cách nói khác về tính nhất quán của truyện ngắn.

Nữ văn sĩ Nadine Gordiner của Nam Phi nhắc đến tính cách nhất thống vấn đề của truyện ngắn khi bà nói trong bài tựa tuyển tập truyện ngắn của mình: *"truyện ngắn được tạo thành bởi một vấn đề gì nhà văn có thể nắm, bắt được hoàn toàn ngay tức khắc trong trí tưởng tượng của mình"* trong khi đó đối với truyện dài điều này phải thực hiện từng bước một. Do đó bà cho rằng khi đã có ý tưởng rồi thì không có sự lựa chọn hình thức dài ngắn nữa. Ý tưởng đã quyết định rồi. Truyện ngắn hiện ra tức thời.

Thường thường truyện ngắn xoay chung quanh một câu chuyện chính, xảy ra trong một thời gian ngắn do một, hai nhân vật chánh. Nếu tác giả chú trọng trên một mặt nào đó, ông ta sẽ trình bày yếu tố đó thật chi tiết và giữ lại thật là tối thiểu những yếu tố khác. Nên nhớ tác giả hy sinh một số chi tiết thấy không ích lợi cho toàn thể tác phẩm chớ không phải ông không biết những chi tiết chưa được viết ra đó.

Trong truyện ngắn nhân vật đặt biệt được làm nổi bật bằng hành động, ngôn ngữ, suy tưởng của anh ta và của cả nhân vật phản diện nữa.

Phải quan sát thật nhiều về con người, phải thấy được phần điển hình nhân vật mình muốn tả và loại bỏ đi những thứ khác mới có những nhân vật đặc biệt và tác phẩm mới có cơ hội sống theo thời gian. Trong *"Một Bông Hồng Cho Emily"* của W. Faulkner: Quận Toàn với cách nói chuyện của ông ta với những đặc ngữ, bọn thợ săn chúng tôi *"với vỗ vỗ tự tin vào bên trong về của người thiếu phụ"*, trong Một Bông Hồng Cho Emily" của W. Faulkner, cô Emily ương ngạnh không thèm tiếp chuyện với bất cứ ai được gởi đến để nói chuyện thuế má với mình. Trong *"Tiếng Thầm Quê Mẹ"* của Nguyễn văn Sâm, thằng Mỹ ương ngạnh, ngang tàng cướp giật nhưng lời nói cà cử chỉ của nó cho biết bên trong con người của nó.

Một nhà văn nào đó nói tất cả mọi sản xuất đều có chất phế thải. Công việc của nhà văn cũng vậy, ông ta phải quan sát thật nhiều nhưng cô đọng lại và phế thải một phần lớn. Nếu không biết cô đọng, không biết phế thải nhà văn sẽ trở thành một người ngồi lê đôi mách và một truyện ngắn sẽ thành truyện dài hụt hơi, một truyện dài sẽ thành truyện đầu Ngô mình Sở, đại cà sa, không đâu vô đâu.

Nhưng trong định nghĩa vừa nêu trên chữ *"một sáng tác nghệ thuật"* cũng là chữ đặt ra nhiều vấn đề. Có những sáng tác được viết ra đọc lên thấy hứng thú, nao nao, thống khoái, đã điếu, thỉnh thoảng ta thích đọc lại, càng đọc lại càng thấy chiếu sáng, càng khám phá thêm điều mới; những điều tác giả viết làm phong phú tâm hồn ta, thay đổi ta, làm giầu kiến thức ta.

Có những sáng tác tuy có thể tạo cho ta nụ cười cuối truyện, hay một chút thích thú nào đó — do câu chuyện mang lại — nhưng lại thuộc loại đọc xong rồi bỏ, không thể đọc lại vì đọc lại lòng ta sẽ dửng dưng.

Nghệ thuật của truyện ngắn như vậy nằm ở đâu? Đó là câu trả lời cần nhiều suy nghĩ. Vì chính những người viết, người sưu tuyển truyện ngắn lẫy lừng như Sir Victor Pritchet còn nói rằng sự lựa chọn của mình tùy theo sở thích riêng, có tính cách rất cá nhân và truyện ngắn là một loại nghệ thuật tuyệt đối khó khăn.

NGUYỄN MỘNG GIÁC

cơn khủng khoảng của truyện ngắn

Khi một người cầm bút quyết định ngồi xuống bàn viết truyện ngắn, có lẽ câu hỏi đầu tiên người đó đặt ra cho mình là: "Viết cái gì đây?"

Một câu hỏi khó! Ngay cả những người đã có sẵn lời đáp rồi, mới ngồi xuống bàn, khi đặt bút lên trang giấy trắng, họ mới thấy những dự tính tưởng là rõ ràng thực ra không rõ ràng chút nào. Viết truyện ngắn để gửi tới bạn đọc một thông điệp về chính trị, về nhân sinh? Những người nhiệt tín trong các cuộc hội thảo, xuống đường; những người cầm cờ dẫn đầu các cuộc biểu dương lực lượng, chưa chắc vẫn giữ được trọn vẹn lòng nhiệt thành của mình khi anh ta viết truyện. Khi trổ tài hùng biện trước micro hoặc phất cờ trước cảnh huyên náo, người chiến sĩ ấy sống trọn vẹn với xúc cảm và ngoại cảnh, không hề có một phút giây nào dành cho do dự ngập ngừng, phản tỉnh. Giả sử ngay buổi tối hôm đó (hôm anh ta thành công rực rỡ với cuộc biểu dương lực lượng), chiến sĩ bỗng nổi chứng văn nghệ, muốn trở thành một nhà tư tưởng, một nhà văn. Anh ngồi một mình dưới vòm sáng ngọn đèn nhỏ, trước mặt là tờ giấy trắng lạnh lẽo. Anh cảm thấy cô độc. Chung quanh anh không còn cờ phướng, khẩu hiệu. Không còn đám đông chờ đợi anh nói để vỗ tay rào rào. Không còn micro, máy khuếch âm. Khung cảnh bắt buộc anh phải sống tự lực, suy nghĩ đơn độc, và gay go hơn hết, là phải soi gương để nhận diện, cân nhắc phê phán từng cử chỉ, từng lời nói, từng suy nghĩ của chính mình. Cái dự tính ban đầu (muốn tự biến mình thành người chiến sĩ xung kích, người phất cờ, người cầm loa, người chăn chiên, người hoa tiêu ...) dần dần trở nên khả nghi. Anh khám phá thấy những lời hùng biện buổi sáng chỉ gồm toàn những tạp âm rỗng tuếch, chưa kể những điều dối trá — nhớ lại những câu hùng biện đắc ý từng làm cho cử tọa vỗ tay tán thưởng, anh nhận

ra lớp sơn hoa mỹ quết bên ngoài một chiếc bong bóng căng phồng. Đám đông (đồng bào thân mến của anh, chiến hữu thân mến của anh, đám đông mà anh tự nguyện hi sinh cuộc đời để phục vụ), bây giờ nhớ lại, anh mới thấy hết tính phức tạp bất nhất của nó. Đám đông ấy đã cười vào những lúc không có gì đáng cười, đã vỗ tay tán thưởng vào những lúc anh nói vô duyên nhất, chưa kể lâu lâu có những lời cãi cọ, những tiếng chửi thề đúng vào lúc anh rao giảng những điều thiêng liêng, cao vĩ. Lúc ngồi vào bàn viết, anh muốn mượn văn chương để gửi một thông điệp. Ngẩn ngơ một lúc, do dự thêm một lúc nữa, chiến sĩ thấy cái gì cũng khả nghi: khả nghi nhân cách mình, khả nghi giá trị thông điệp, khả nghi cả đồng bào thân mến ... Lúc bấy giờ, anh phải chọn một trong hai giải pháp: hoặc đối diện với chính mình để viết một truyện ngắn trung thực với lòng mình, nhưng không có sức thuyết phục đám đông tham dự một cuộc biểu dương lực lượng khác, hoặc vứt bút đi, xé giấy đi, tìm hộp sơn và cây cọ để kẻ khẩu hiệu. Cả hai giải pháp đều đau lòng. Cho nên nhiều người chọn giải pháp thứ ba, giải pháp "trung dung": kẻ khẩu hiệu bằng truyện ngắn! Truyện ngắn dở, dĩ nhiên!

Nhưng thế nào là một truyện ngắn hay?

Câu hỏi đó dễ đưa đẩy tới vấn đề kỹ thuật viết truyện, tức là câu các tác giả thường tự hỏi mình: "Viết thế nào đây?" Tôi cho rằng hỏi như thế là vội — Khi chưa giải quyết được vấn nạn "Viết cái gì đây?" — vấn đề kỹ thuật viết trở thành phụ thuộc. Nói nôm na, một người tài xế giỏi phải biết trọng tải món hàng mình chuyên chở trước khi chọn mua cái xe đủ mạnh để chuyên chở món hàng đó. Liệu người cầm bút có "món hàng" nào cần thiết cho "bạn đọc thân mến" hay không?

Những chân lý mới mẻ? Tôi ngờ lắm. Tôi đồng ý với nhà văn Võ Kỳ Điền khi nhà văn này trả lời trong một cuộc phỏng vấn rằng những điều chúng ta viết ra không có gì mới mẻ, những cái tưởng là trọng đại cần kíp thật ra đã cũ mèm, vài nghìn năm trước đã có người nói rồi. Bước vào một hiệu sách lớn hoặc một thư viện đại học choáng ngợp trước hằng hà sa số những pho sách đủ loại của vĩ nhân cổ kim, chúng ta thường có cảm giác chán nản của người đến chậm, viết cái gì thêm cũng bằng thừa, phí giấy mực, phiền người đọc. Tiểu thuyết, thi ca, phim ảnh, kịch, ca nhạc, hội họa, triết lý, sử học ... dù có đa dạng bao nhiêu vẫn bàn quanh một chủ đề nòng cốt của con người muôn thuở: chủ đề tốt - xấu, chính - tà. Chỉ bấy nhiêu thôi, viết hoài nói hoài không hết. Trước đây vài nghìn năm đã thế, và chắc chắn vài nghìn năm sau cũng chỉ loanh quanh bấy nhiêu.

Những câu chuyện hấp dẫn lôi cuốn? Dở một tờ nhật báo chúng ta tìm được vô khối những chuyện hấp dẫn lôi cuốn hơn truyện ngắn. Gián điệp, cướp bóc, chém giết, ghen tuông, mánh khoé lừa đảo, chửi bới phỉ báng nhau vì chính kiến, chuyện tình éo le, chuyện gối chăn, tất cả đều có thực, ác quỉ hay thiên thần, tác nhân hay nạn nhân đều hiển lộ rõ ràng bằng lý lịch chi tiết lẫn hình ảnh. Chuyện bịa mà hấp dẫn thì truyện ngắn sao cạnh tranh lại

với những tờ báo *tabloid* đăng trên trang nhất những tin kiểu "Elvis Presley còn sống", "Người hành tinh khác hiếp dâm một bé gái hai tuổi", "Marilyn Monroe là gián điệp đôi"... Những bộ sách giáo khoa căn bản của môn viết văn tại đại học đều liệt kê những mẫu truyện ngắn tiêu biểu, và kết luận rằng văn chương cổ kim chỉ loanh quanh trong gần 120 mẫu chuyện đời. Viết một truyện ngắn hấp dẫn ly kỳ, đọc mà sướng, đọc mà khoái, e khó! Không cạnh tranh nổi với các bài báo phóng sự hằng ngày, chưa nói tới chuyện theo gót những chuyện ly kỳ rùng rợn đăng trên *Enquirer, Globe.*

Viết để phản ảnh thời thế? Nhà văn là chứng nhân của thời đại! Ý tưởng chủ đạo này đã là kim chỉ nam của biết bao thế hệ người cầm bút, là mẫu mực để phê bình, ấn định giá trị tác phẩm văn học. Mẫu mực đó là một hình thức xuống cấp của một thứ mẫu mực cao hơn: văn dĩ tải đạo thời thịnh Nho, nhà văn người kỹ sư tâm hồn, người chiến sĩ trên mặt trận văn hóa tư tưởng trong hệ thống tổ chức Cộng sản, và người nghệ sĩ dấn thân của Âu châu thời hậu chiến. Không đóng được vai trò tích cực trong các vận động của lịch sử, người cầm bút mới tự an ủi bằng vai trò người chứng sáng suốt và trung thực. Lập luận này đã quyến rũ được hầu hết những người cầm bút Việt Nam từ sau thế chiến thứ hai, ảnh hưởng sâu đậm trên cách lý luận và phê bình văn học. Thử dở bất cứ cuốn sách giáo khoa nào về văn chương Việt Nam, chúng ta đọc được những gì: Tinh thần hoài Lê của Nguyễn Du, lòng yêu nước tiêu cực của Nguyễn Khuyến, quan niệm nhập thế của Nguyễn Công Trứ, xã hội Việt Nam buổi giao thời qua thơ Trần Tế Xương, Nguyễn Đình Chiểu và tinh thần đấu tranh chống ngoại xâm của nho sĩ miền Nam, Nông thôn Việt Nam qua tiểu thuết Ngô Tất Tố, vai trò Nhất Linh trong cuộc giải phóng người phụ nữ khỏi đại gia đình và cổ tục...

Một cách mặc nhiên, người ta xem tác phẩm văn chương như một tài liệu xác thực, hoàn toàn đáng tin cậy, để tìm hiểu về lịch sử, xã hội thời đại tác giả sống, và ngoài cái giá trị tư liệu cần thiết cho cuộc nghiên cứu, không có điều gì khác đáng quan tâm. Phương pháp đánh giá văn chương và nghiên cứu nhân văn như thế vừa bất công đối với văn chương vừa thiếu tinh thần khoa học.

Bất công đối với văn chương, vì văn học nghệ thuật nói chung không phải là cái máy chụp hình tốt có mục đích duy nhất là chụp y nguyên hiện thực. Nghệ thuật chỉ dựa vào hiện thực rồi thăng hoa hiện thực đó lên thành một thứ hiện thực huyền ảo có tính phổ quát cao hơn, đa dạng phong phú hơn, nhờ sự mẫn cảm và óc tưởng tượng kỳ diệu của người nghệ sĩ. Chỉ chấp nhận giá trị tư liệu của nghệ thuật tức là phủ nhận tính sáng tạo của nó.

Thiếu tinh thần khoa học vì muốn tìm hiểu một xã hội, ngày nay các khoa Khoa học Nhân văn có những phương pháp thống kê, khảo sát, đối chiếu, xác minh, định giá chính xác hơn nhiều. Muốn biết mức sống nghèo khổ của nông thôn Việt Nam, các nhà kinh tế học có thể tính được khá chính xác lợi tức bình quân hằng năm của người dân, các khoản chi thu cho đời sống, sinh

suất và tử suất, tình trạng mù chữ, tiện nghi y tế, mức tiêu thụ sách báo, tỷ lệ bách phân những người tham gia các sinh hoạt tôn giáo, xã hội . . . so sánh kết quả thống kê của một đơn vị nông thôn làm mẫu khảo sát ở miền Bắc với kết quả những mẫu khác tại miền Trung, miền Nam, Thái Lan, Ấn Độ, Mã Lai, Phi Luật Tân . . . Trong đống tài liệu nghiên cứu phong phú như thế, cuốn *Tắt Đèn* của Ngô Tất Tố, cuốn *Mảnh Đất Lắm Người Nhiều Ma* của Nguyễn Khắc Trường chỉ là một thứ tư liệu tham khảo, đọc thêm cho vui mà thôi.

Tôi đồng ý với nhà phê bình Nguyễn Hưng Quốc, khi anh cho rằng người viết truyện, làm thơ không phản ảnh thời thế, mà phản ảnh con người trong thời thế đó. Nếu người cầm bút phải ép lòng chấp nhận vai trò người chứng, tác phẩm ép lòng làm một thứ tài liệu sử, thì đối tượng của văn chương là con người trong hoàn cảnh xã hội lịch sử thời đại tác giả sống, chứ không phải là xã hội hay lịch sử.

*

Tôi vừa nói tới hai tiếng "ép lòng" vì cả hai phía, nhà khảo cứu lịch sử lẫn nhà văn, đều không thoải mái, bằng lòng về nhau. Phía giới khảo cứu, tác phẩm của nhà văn là một tài liệu thiếu chính xác, rất chủ quan, pha trộn mông lung giữa thực và ảo, nhiều lúc thực tại bị phóng đại quá đáng, nhiều lúc loại thực tại cần thiết cho cuộc nghiên cứu lại bị bỏ quên trong khi những điều tủn mủn vụn vặt lại được ghi chép cẩn thận. Nguyễn Du đã nghĩ gì về triều Tây Sơn? Về triều Nguyễn? Về Nguyễn Huệ, Nguyễn Ánh? Ông không phải là người mình đồng da sắt để bao nhiêu hỗn loạn của lịch sử không hề ảnh hưởng đến tâm hồn ông. Nguyễn Du cũng không phải là chim én chim nhạn bay lượn bên trên cảnh tang thương dưới mặt đất Bắc Hà. Ông là nhà thơ có trái tim nhạy cảm hơn bất cứ nhà thơ đồng thời nào. Thế mà soi tìm *Đoạn Trường Tân Thanh* và các tập thơ chữ Hán của Tố Như, chúng ta chỉ thấy lác đác, thấp thoáng đây đó khi một tiếng thở dài, khi một cơn đói, khi một nỗi tiếc nuối, khi một chút xót xa cho thân phận một cung nữ già tiền triều. Quanh ông thiếu gì những nàng Thúy Kiều họ Trịnh, họ Lê, họ Trần, họ Phan, họ Nguyễn. Ông quan tâm làm chi tới cuộc đời mười lăm năm lưu lạc của một cô gái Trung Hoa họ Vương, tận hồi triều Minh?

Đã thế, ngay cách suy nghĩ, "thành thật phúc trình" những lời chứng của Nguyễn Du cũng bất nhất, quanh co. Ban đầu ông muốn kể toàn những chuyện "đau đớn lòng", những chuyện thương tâm đến đứt ruột. Ông dồn tâm trí, xúc cảm và tài năng để hoàn tất việc đó. Thế rồi khi làm xong, Nguyễn Du lại hạ bút kết luận:

Lời quê góp nhặt dông dài
Mua vui cũng được một vài trống canh.

Mua vui? Nguyễn Du có đùa không? Không. Tôi không nghĩ là lúc Nguyễn Du viết hai câu thơ cuối, trên môi nhà thơ có nụ cười. Ông viết *Đoạn Trường Tân Thanh* không nhằm mỉa mai ai. Cũng không muốn khinh

thường cao ngạo với ai. Ông viết vì không thể không viết, viết để tìm cảm thông của người đồng điệu, dù biết là rất khó tìm (*Bất tri tam bách dư niên hậu. Thiên hạ hà nhân khốc Tố Như*). Nguyễn Du hoàn toàn thành thật khi nhận toàn bộ truyện thơ chỉ mới là "lời quê góp nhặt", và chỉ mong thiên hạ "mua vui" được đôi chút mà thôi. Ông giống với bất cứ người cầm bút nào trên đời: mỗi khi bạn bè hỏi, "Độ này có viết gì không?" họ thường đỏ mặt lúng túng giấu kín những mộng tưởng ấp ủ, và khi tác phẩm ra đời, một lần nữa lúng túng xấu hổ giúi tác phẩm vào tay bạn bè rồi lắp bắp, "Mình vừa in cái này, đem về đọc cho vui."

Tại sao từ những bậc thiên tài như Nguyễn Du cho tới những người tập sự cầm bút đều thiếu lòng tự tín về chính mình, đều lúng túng xấu hổ khi có người đọc tác phẩm của mình? Theo tiêu chuẩn thị trường ngày nay, họ là những *salesmen* hạng tồi, không hề biết cách *sell yourself* (phô trương khả năng mình) với khách hàng hoặc các ông chủ hãng.

Họ không tha thiết với việc họ làm? Ngược lại!

Họ không tin ở tài năng mình? Có thể, trừ trường hợp . . .

Tôi nghĩ lý do chính là người cầm bút biết rõ một điều: mục tiêu họ cố gắng tìm hiểu, mô tả con người (con người đầy bí nhiệm, huyền ảo, vừa đáng giận vừa đáng thương . . .) là một mục tiêu bất trắc, chao đảo khôn lường, tài nghệ cao siêu đến mấy cũng không nói hết, viết hết được "cõi người ta". Xấu hổ, lúng túng, nhận lời mình quê, nhận tác phẩm mình chỉ là trò vui trước cuộc ảo hóa, chứng tỏ đức liêm khiết trí thức của người cầm bút, tiêu biểu là Nguyễn Du. Viết, là một chuyện "ép lòng", vì ngây thơ, vì đam mê, hoặc nói như Lý Trác Ngô khi viết tựa cho *Tây Sương Ký*, là ấm ách vì những tâm tư "khạc chẳng ra cho, nuốt chẳng vào". Mối ưu tư hàng đầu của người cầm bút là con người với tất cả tính chất phức tạp muôn thuở của nó, con người tưởng như trần trụi đơn giản nhưng thoạt ẩn thoạt hiện như một làn gió, thơ mộng như một áng mây nhưng bất chợt tụ lại thành mưa bão giông tố. Khi các thực thể biến ảo đó trở thành một ý niệm triết học, một phương tiện chính trị, một công cụ sản xuất, một bộ phận của guồng máy, kể cả một tài liệu để khảo sát, thì con người kết thành con người đích thực.

Cho nên theo tôi, có thể căn cứ vào mối quan tâm của người viết đối với con người (hoặc nhân vật truyện) để định giá đâu là một truyện hay, đâu là truyện "chưa hay". Chữ "hay" không căn cứ trên mức độ lợi ích đối với xã hội, hoặc chính trị. Tôi xin lấy một ví dụ: *Lục Vân Tiên* là một tài liệu giáo khoa tốt, một lợi khí tuyên truyền đắc dụng vào nhiều thời kỳ. Các nhà giáo dục xoa tay an tâm khi đưa *Lục Vân Tiên* cho con cháu học. Tác phẩm *Đoạn Trường Tân Thanh*, ngược lại, là một tài liệu giáo khoa "có vấn đề". Trai không lấy gì làm trung hiếu, gái là gái lầu xanh! Đem Vương Thúy Kiều làm "gương tiết hạnh" ư? Còn lâu! Nguyễn Đình Chiểu rắn rỏi, sang sảng tuyên xưng những điều xác quyết, rành mạch chỉ dẫn đâu là sáng, đâu là tối. Nguyễn Du rao giảng điều gì? Những nhân vật đứng mấp mé ở biên giới

thiện ác, tốt xấu, như Thúy Kiều, Từ Hải, Thúc Sinh là mẫu mực sao? Hoạn Thư, Tú Bà đã hẳn nhiên là những kẻ lòng lang dạ thú chưa? Nguyễn Đình Chiểu đưa người đọc đến một chỗ sáng sủa vững chãi, con người đơn giản, cuộc sống rạch ròi. Còn Nguyễn Du? Ông đưa người đọc về đâu? Nhân vật của ông như những người đi lạc vào mê lộ, đọc hết *Đoạn Trường Tân Thanh* mà lòng ta ngẩn ngơ, bồi hồi, cuộc đời mờ ảo hơn, con người khó hiểu hơn, ta đâu ngờ cả những điều lâu nay tưởng là chân lý đơn giản, ta trở nên rụt rè do dự khi dựa vào một tiêu chuẩn nào đó để phán xét người khác. Ta xót xa như người vừa mất một mái che, nhưng ngược lại, ta nhũn nhặn hơn, nhỏ nhẹ hơn, mở lòng thông cảm và yêu thương những mẫu người lận đận khốn cùng, dè dặt hơn với những định kiến. Tài liệu giáo khoa của Nguyễn Du không dành cho cấp sơ học. Nó đòi hỏi những người học trò có bản lãnh, vì là một hợp tấu khúc phức tạp chứ không phải là một bản ca đơn điệu.

Càng làm đơn giản cuộc đời, đơn giản con người để phục vụ cho một mục tiêu nào đó (dù là mục tiêu cao đẹp như đạo đức xã hội, lý tưởng chính trị, tôn giáo), càng làm cho truyện kém hay. André Gide bảo một tác phẩm có thiện ý đạo đức thường là một tác phẩm tồi. Phan Khôi bảo hễ được mùa "cách mạng" thì mất mùa văn chương. Không thiếu những đại văn hào bị rút phép thông công vì những tác phẩm về sau được đời đời xưng tụng. Nói như vậy không có nghĩa là phủ nhận những giá trị đạo đức hay tôn giáo, mà chỉ muốn làm sáng tỏ một điều: bậc thang giá trị của văn chương dựa theo một tiêu chuẩn khác với đạo đức, chính trị, tôn giáo... Một bên muốn con người vào khuôn vào phép, một bên mời gọi những cuộc phiêu lưu.

*

Văn chương Việt Nam nổi trôi thăng trầm theo vận nước, tất nhiên. Điều không tất nhiên, là không có gì bảo đảm hễ vận nước đi lên thì văn chương cũng được mùa. Có khi hai bên tăng trưởng theo chiều thuận như thời Lý Trần. Nhiều khi vận nước và văn chương thăng trầm theo chiều nghịch: Lê mạt Nguyễn sơ đất nước hỗn loạn, nhân tâm điên đảo mà có Nguyễn Du, thời Pháp thuộc Nho học suy tàn Tân học manh nha lố lăng mà có thơ mới, tiểu thuyết mới. Có thể đưa ra một lối giải thích liều lĩnh: thời nào hệ thống quyền lực mạnh, áp đảo cá nhân thì văn chương suy vi, thời nào quyền lực xã hội yếu, cá nhân được chút tự do và tự tín, thì văn chương thịnh. Cơ chế quyền lực mạnh có khuynh hướng biến con người thành công cụ, phương tiện, nô bộc, đẻ ra quan niệm văn chương tải đạo, văn chương minh họa, văn chương cung đình. Cơ chế yếu đi một chút, có văn chương phản ảnh thời thế.

Hai loại thiên la địa võng này bao trùm lên gần mười thế kỷ văn học Việt Nam, đến nỗi ngày nay, gần hết thế kỷ hai mươi, chính những người cầm bút vẫn còn xem các màng lưới trói buộc đó là tất nhiên, không có gì phải bàn cãi. Từ đó mới tranh luận gay gắt với nhau về giá trị đạo lý của *Đoạn Trường Tân Thanh*, về nghệ thuật vị nghệ thuật hay vị nhân sinh, về văn chương dấn

thân hay viễn mơ, cách mạng hay phản động đồi trụy, chống Cộng hay không chống Cộng. Từ đó mà các nhà phê bình quan tân tới *Đôi Bạn* hơn *Bướm Trắng* và coi *Xóm Cầu Mới* là cung đàn lỗi nhịp của một Nhất Linh về già. Từ đó mà một tạp chí văn chương cung cúc tận tụy với khẩu hiệu "vì chủ nghĩa xã hội", và sổ toẹt tất cả những gì nằm ngoài cái chủ nghĩa đó. Rồi cũng từ đó mà những kẻ bị sổ toẹt trả đũa bằng cách sổ toẹt sạch trơn những gì liên hệ xa gần tới kẻ thắng. Giấy mực tốn phí quá nhiều cho những cuộc tranh luận văn chương bất tận, về một vấn đề không thuộc văn chương. Người ta khen hay chê một tác phẩm vì "vấn đề" của tác phẩm ấy, không thèm quan tâm con người, cuộc sống được tác giả thể hiện ra sao qua tác phẩm. "Vấn đề" lấn át con người, tác giả lấn át nhân vật, nội dung lấn át hình thức, cái giả lấn át cái thực, mối tương quan bất công đó lưu cữu từ thế hệ này sang thế hệ kia, lâu lắm mới chợt loé lên những "phút huy hoàng rồi chợt tắt" như trường hợp *Đoạn Trường Tân Thanh, Chinh Phụ Ngâm*, thơ mới, tiểu thuyết những năm 30... sau đó lại tiếp tục cái điệp khúc văn chương tải đạo, văn chương thời thế.

Ở quốc nội hiện nay, những tác phẩm được nói tới nhiều là những tác phẩm "có vấn đề", nghĩa là nội dung tác phẩm dám đi ra ngoài khuôn thước hiện thực xã hội chủ nghĩa do nhà nước định đặt. Truyện của Nguyễn Mạnh Tuấn, Dương Thu Hương, Nguyễn Huy Thiệp, Nguyễn Minh Châu, Lê Lựu, Phạm Thị Hoài, Trần Mạnh Hảo, Bảo Ninh, Nguyễn Khắc Trường, Nhật Tuấn, Hoàng Lại Giang... thuộc loại này. Nhưng họ có "vấn đề" không có nghĩa là trở lại với mục tiêu văn chương là con người, mà vì họ "đặt vấn đề" khác, tải đạo theo một hướng khác, phản ảnh thời thế với lối nhìn khác. Trừ một vài ngoại lệ như truyện ngắn của Nguyễn Huy Thiệp, vài truyện ngắn của Phạm Thị Hoài, *Những Thiên Đường Mù* của Dương Thu Hương, *Đi Về Nơi Hoang Dã* của Nhật Tuấn, ở những tác phẩm khác, người viết vẫn giẫm chân lên con đường cũ, át giọng nhân vật, bẻ hướng dòng sống theo định kiến, chỉ khác là đổi chiều cho hợp với xu thế mới. Một số tác giả lớp trẻ hơn như Nguyễn Quang Lập, Trần Trung Chính, Nguyễn Thị Âm, Đỗ Phước Tiến... muốn đoạn tuyệt với quá khứ bằng các thủ pháp (đã thất bại) của phong trào tiểu-thuyết-mới Âu châu hơn ba mươi năm trước. Đó là dấu hiệu của bế tắc, khủng khoảng, không phải là cách khai phóng hứa hẹn, vì vẫn loanh quanh trong cái lưới "vấn đề". Tính hồn nhiên đa diện của truyện Nguyễn Huy Thiệp thuở ban đầu dần dần mất đi, trở thành lập dị gò ép trong vài truyện mới viết gần đây, cũng do cái bệnh "vấn đề". "Vấn đề" càng rõ, con người càng mờ, cuộc sống càng đơn điệu, trống rỗng.

Truyện ngắn ở hải ngoại, tiếp nối của văn học miền Nam trước 1975, cũng không thoát khỏi hai thứ thiên la địa võng trên. Không bị các nghị quyết, chỉ thị trên cao sai khiến, người hải ngoại muốn viết gì thì viết, in gì thì in. Họ được hoàn toàn tự do? Không! Hay chưa được như họ tưởng! Hầu hết người viết không thoát ra được vòng kiềm tỏa của quá khứ, tự nguyện

gánh vác những "sứ mệnh" nặng nề về chính trị, tự trách cứ cái quá khứ tiêu cực viển mơ phi chính trị của mình, và tự hứa là từ nay trở đi phải biến mỗi câu thơ, mỗi dòng chữ truyện ngắn, truyện dài trở thành một viên đạn phục quốc. Văn tải đạo được phục hưng. Nguyễn Đình Chiểu lại được dựng tượng. Ranh giới chính - tà, ta - địch rạch ròi. Từ đó đẻ ra những truyện "cái nồi ngồi trên cái cốc", từ đó phát sinh những câu đay nghiến "đâm sau lưng chiến sĩ", "phỉ báng quân lực Việt Nam Cộng Hòa". Từ đó có những lời phê bình dễ dãi "truyện chưa được hay, nhưng mà chống Cộng".

Bám riết lấy "sứ mệnh", người ta đi từ cực đoan này tới cực đoan khác. Khối Cộng sản liên tiếp tan rã, nhiều người xoa tay coi như sau khi Cộng sản sụp đổ thì không còn cái gì phải lo toan nữa, mọi sự trở nên đơn giản, trọn vẹn, hoa từ nay lại nở, chim hót líu lo bốn mùa. Viết một truyện ngắn về thân phận người miền Nam sau 1975? Hồi ký lao tù cải tạo? Ôi! Lỗi thời! Gợi cái quá khứ căm thù ấy làm gì khi dân tộc cần hoà giải để bước vào kỷ nguyên xây dựng hoà bình? Nhiều người cầm bút ở hải ngoại đã băn khoăn không biết cái truyện mình viết hồi 1983 liệu có còn hợp thời hay không? Vâng, thưa anh, truyện đó đã lỗi thời, nếu anh chú ý đến thời thế hơn là con người trong thời thế. Ann Frank viết hồi ký thời Quốc xã Đức, Tolstoi viết về các nhân vật André, Pierre, Natacha, Maria thời Napoléon tiến quân xâm lăng nước Nga, Nguyễn Du kể chuyện thời Gia Tĩnh triều Minh. Thế mà tác phẩm của những nhà văn trên có lỗi thời đâu! Ann Frank, Natacha Rostov, Thúy Kiều nói gì ta không hiểu, ăn mặc theo kiểu cách lạ hoắc thế mà ta có cảm tưởng vừa gặp họ ngoài phố Bolsa, vừa ngồi cùng bàn với họ nhai một mẩu pizza ở Pizza Hut, hoặc lang thang bên bờ sông Seine tìm mua sách cũ với họ.

Những truyện ngắn "miệt vườn" viết ở hải ngoại hiện cũng vướng lưới, cái lưới "phản ảnh", cái lưới "vấn đề". Chưa bao giờ các nhà văn gốc Nam Bộ (tôi dùng chữ này để tránh hai chữ "miền Nam" vẫn được dùng để chỉ vùng lãnh thổ Việt Nam Cộng Hòa trước 1975) xuất hiện nhiều, và viết nhiều truyện ngắn phong tục "miệt vườn" như lúc này ở hải ngoại. Người phất cờ mở đầu phong trào là nhà văn Hồ Trường An. Những truyện ngắn như *Tạp Chủng, Vợ Chồng* của anh, cùng một số truyện ngắn miệt vườn của Kiệt Tấn, Nguyễn Văn Sâm, Nguyễn Đức Lập, Ngô Nguyên Dũng, Nguyễn Tấn Hưng, Sĩ Liêm, Nguyễn Văn Ba ... đã làm cho lối viết truyện phong tục theo truyền thống Hồ Biểu Chánh, Lê Xuyên, Bình Nguyên Lộc, Sơn Nam trở thành một phong trào lớn rộng, và từng tác giả đã có một số truyện ngắn xuất sắc. "Vấn đề" ở đây là "tình hoài hương", và lối "phản ảnh" cố ý biểu lộ niềm hãnh diện truyền thống của một vùng đất trù phú, an lành trước chiến tranh. Quá chú ý tới vấn đề, truyện miệt vườn đang sa vào cái tật quá khích. Nhiều truyện ngắn viết ở Âu châu, Bắc Mỹ năm 1992 mà người đọc có cảm tưởng đang đọc một truyện của Hồ Biểu Chánh viết trước đây một thế kỷ! Kể cả lối tác giả xen vào câu chuyện giảng giải cho nhân vật nghe chuyện đạo lý thánh hiền,

nghĩa là vướng lần nữa vào cái lưới "tải đạo".

Gần đây, một số nhà văn lớp trẻ (trên dưới ba mươi), giống như thế hệ trẻ ở Việt Nam, cũng muốn "phá lưới" để tìm đường riêng cho thế hệ mình. Họ cùng thế hệ của Phạm Thị Hoài, Nguyễn Quang Lập, Trần Trung Chính ở quốc nội. Rời Việt Nam vào tuổi thiếu niên do quyết định của cha mẹ, bọc hành lý các cô bé, cậu bé ôm ra xứ người nhẹ tênh, không nặng trĩu cay đắng hận thù như lớp cha chú. Ở các đại học Âu châu và Bắc Mỹ, họ được giáo dục đầy đủ và kỹ càng, được rèn luyện cho tinh thần yêu tự do, lối suy nghĩ độc lập. Họ được đọc những tài liệu giáo khoa chỉ dẫn tường tận cách viết một truyện ngắn mà những nhà văn thế hệ đàn anh chưa hề được đọc. Tốt nghiệp đại học, họ sống một cuộc đời ổn định, sung túc. Nhưng họ có một thua thiệt lớn: không có một quá khứ để da diết thương nhớ, trong khi giữa cuộc sống nơi đất người họ vẫn là kẻ ngoài. Thuộc thế hệ di dân thứ hai, họ bị căn bệnh tâm thần chung của mọi thế hệ di dân này: bệnh khủng khoảng căn cước.

Không chịu được cảnh đôi co nhì nhằng về thời thế của thế hệ đàn anh, họ tìm cách thoát lưới, tìm con đường riêng.

Vài cây bút trẻ hải ngoại tung ra chiều rộng, tận dụng kinh nghiệm đi nhiều, biết nhiều của mình, như Ngô Nguyên Dũng, Đỗ Kh., Dương Như Nguyện, Vũ Quỳnh N.H. Truyện ngắn của họ sống động, cảnh trí thay đổi từng trang, nhân vật đa chủng. Đây là thí nghiệm chỉ có giới trẻ mới làm được, và cũng như mọi cuộc thí nghiệm, kèm theo những thành công đạt được luôn luôn có những phụ ứng bất ngờ. Nhiều truyện loại này đầy rẫy những địa danh lạ, tên tuổi lạ, giống y những bài viết trong sách hướng dẫn du lịch. Con người lại vắng mặt, nhất là người Việt Nam.

Một số khác, đông đảo hơn, xông vào lãnh vực bị cấm kỵ là tình dục. Họ cố ý viết bạo, như thách thức. Nhân vật truyện ngắn không đi đâu xa, quanh quẩn từ cái giường ngủ tới phòng tắm. Viết về dục tính không có gì sai trái, vì đó là một phần quan trọng của tình yêu, con người. Nhưng những truyện ngắn tình dục đăng tải gần đây thiếu cái phần quan trọng biến dục tính thành văn chương: cái hồn nhiên lãng mạn (như truyện của D.H. Lawrence) và chiều sâu cảm giác và suy tưởng (như truyện Henry Miller). Lớp trẻ chưa đạt được trình độ nghệ thuật truyện dục tính cao như Kiệt Tấn đã đạt được trong *Em Điên Xõa Tóc, Người Em Xóm Học.*

Tóm lại, nếu truyện ngắn Việt Nam (cả trong nước lẫn hải ngoại) gặp khủng khoảng, bế tắc, theo ý kiến chủ quan của tôi, do người viết chưa quan tâm đầy đủ tới con người. Con người phức tạp và huyền nhiệm, đối tượng của những khám phá kỳ thú không ngưng nghỉ qua ngòi bút. Càng tìm kiếm, đào sâu ta càng thấy con người kỳ ảo, để ta yêu thương con người hơn, cư xử với nhau tử tế hơn.

Đây là một cái lưới mới chăng? Có thể! Nhưng cái lưới này rộng bao la như bầu trời xanh. Không hẹp như "thời thế", "vấn đề". □

MAI KIM NGỌC

"ánh trăng", tập truyện ngắn được giải cuộc thi báo văn nghệ 1991

Nhà xuất bản Hội Nhà Văn, tuần báo Văn Nghệ, và Tổng Công ty Phát hành sách liên kết xuất bản. Một tài liệu nhân văn quan trọng về văn học và đời sống quốc nội.

Tổng Quan

Trước đây, văn học quốc nội hoàn toàn xa lạ với người Việt hải ngoại. Ngay cả ở những nước có sứ quán của Việt Nam Cộng sản, sách truyện quốc nội cũng không thu hút nhiều độc giả trong giới Việt kiều. Nói chung, những tác phẩm ấy đều nặng tính tuyên truyền mà lại nhẹ về phẩm chất nghệ thuật. Chúng là sản phẩm của một hai thế hệ người viết, mặc dù tiềm năng có thể tốt, nhưng không được tự do sáng tác và không có phương tiện trau dồi kiến thức sau gần nửa thế kỷ cô lập với cộng đồng thế giới.

Nhưng chỉ vài năm gần đây, một vài ấn phẩm quốc nội đã lọt ra nước ngoài với phẩm chất nghệ thuật cao hơn trước, lại tương đối độc lập với chính quyền, làm ta liên tưởng đến phong trào *đổi mới* của Đông Âu.

Văn giới hải ngoại đặc biệt chú ý. Trong một thời gian ngắn, những tác giả quốc nội như Nguyễn Huy Thiệp (*Tướng Về Hưu, Muối Của Rừng, Những Ngọn Gió Hua Tát*...); Dương Thu Hương, (*Những Thiên Đường Mù, Truyện Tình Kể Lúc Rạng Đông*...); Lê Lựu (*Thời Xa Vắng*); Phạm Thị Hoài (Mê Lộ, Thiên Sứ...); Nguyễn Minh Châu (*Rừng Lau*...) trở thành đề tài tranh luận sôi nổi.

Phản ứng, dù khen hay chê, đều rất mãnh liệt. Có người thấy đây là tiếng nói tự do đầu tiên thoát lên từ kìm kẹp, một nền văn học phản kháng, tuy sự

phản kháng còn giới hạn trong việc phê phán cá nhân một vài mẫu cán bộ hay lên án một cách cục bộ một vài chính sách riêng rẽ. Thậm chí có người hăng say tuyên bố là chỉ có văn sĩ quốc nội mới biết viết, và phải sống tại quốc nội mới có thể sáng tác một cách nghiêm chỉnh.

Ngược lại, nhiều người khác chỉ thấy dối trá trong việc các nhà văn quốc nội chống đối chính quyền, và có bàn tay Cộng sản trong phong trào văn nghệ phản kháng giả vờ này. Sự tranh luận đã, đang, và sẽ còn tốn nhiều giấy mực.

Bỏ riêng vấn đề chính kiến, ta phải nói ngay là đợt đầu của những tác phẩm quốc nội nói chung đều có phẩm chất nghệ thuật cao hơn dự đoán. So với mấy năm trước, các tác giả đã bỏ dần được cái nếp văn học khẩu hiệu thường lệ. Tuy muộn màng so với *Glasnost* của *Perestroika* ở Nga và Đông Âu, sự bắt đầu xuất hiện của tính chất văn học nghiêm chỉnh trong tác phẩm quốc nội đem lại cho ta ít nhiều vui mừng.

*

Nhưng niềm vui mừng ấy vẫn vẩn nét lo âu. Không lo sao được khi nỗi vui của ta dựa trên những căn bản bấp bênh. Nó đòi hỏi ta tin rằng như một ngoại lệ, văn học vẫn tốt đẹp mặc dầu xã hội xung quanh thoái hóa đến mức nguy hiểm trong mọi lãnh vực, từ giáo dục, y tế, kinh tế, hành chánh . . . cho đến đạo lý.

Nỗi lo âu lại gia tăng, khi những đợt sau của sách truyện quốc nội bắt đầu sút kém về phẩm chất. Thí dụ điển hình là cuốn *Ly Thân* của Trần Mạnh Hảo, hay cuốn *Tiểu Thuyết Vô Đề* của Dương Thu Hương. Địa bàn của chống đối rộng hơn, ngôn ngữ bạo dạn hơn, nhưng lại ít thuyết phục hơn vì nhiều khi nghệ thuật tỏ ra thiếu đều đặn, có khi non nớt (cốt truyện quá cường điệu, nhân vật cấu trúc cẩu thả, tác giả ham triết lý hay biện luận mà sao nhãng chuyện viết hay, v.v...) Những đoạn bất cập khá nhiều, như cảnh chàng bộ đội của Trần Mạnh Hảo thao thao độc diễn bên mộ nàng Oanh suốt mấy chục trang sách, nỉ non trong ẩn dụ là vì Đảng mà cuộc tình lỡ làng; hay cảnh hai anh cán bộ cao cấp trong *Tiểu Thuyết Vô Đề* của Dương Thu Hương ồn ào triết lý về quyền lực và quần chúng trên toa tầu hạng ba.

*

Trước sự việc như vậy, kẻ theo dõi tình trạng văn học quốc nội cảm thấy đang đứng trước một khúc quẹo quan trọng, với quá ít dữ kiện để ước đoán tương lai. Và ta ghi nhận trong buổi ban đầu hăng say với diện chính trị của vấn đề, ta chỉ thắc mắc là các tác giả quốc nội có thật sự phản kháng chính quyền Cộng sản hay không. Ta chưa nghiêm chỉnh phân tích giá trị nghệ thuật của họ.

Vậy mà văn học quốc nội hay hay dở là một câu hỏi quan trọng, ngay trên bình diện chính trị. Quả thật, một tác phẩm dở, dù có hợp với chính kiến của ta, cũng không đóng góp cho lý tưởng tự do dân chủ nhiều hơn là một mớ khẩu hiệu thô bạo nhất thời. Còn nếu văn học quốc nội đã thật sự hay, thì đó

là điều đáng mừng cho đất nước đã bắt đầu phục hồi sau nửa thế kỷ áp đặt của văn chương minh họa Cộng sản.

*

Cuốn *Ánh Trăng*, tập truyện được giải năm 1991 của báo *Văn Nghệ*, đến với chúng ta đúng lúc, như một tư liệu quan trọng để tìm hiểu đời sống văn học quốc nội. Nó tổng kết cuộc thi đông đảo của một tờ báo văn học lớn. Công bố ngày 1-1-91, khóa sổ ngày 31-12-91, cuộc thi đã thu hút 1.334 tác giả (trong đó có nhiều nhà văn đã thành danh như Nguyễn Huy Thiệp) với tất cả 1.626 tác phẩm. Vì cuộc thi nhiều năm mới có một lần, các tác phẩm dự thi là sáng tác dồn lại từ nhiều năm trước.

Ban giám khảo gồm nhiều nhà văn tên tuổi, chia làm ban Sơ khảo gồm Ngô Ngọc Bội, Lê Minh Khuê, Trần Huy Quang, Hoàng Minh Tường, và ban Chung khảo gồm Hữu Thỉnh, Anh Đức, Nguyễn Khải, Ma Văn Kháng, Nguyên Ngọc, Chu Văn. Trái với một vài cuộc thi văn chương trong quá khứ, hình như không có ai trong ban giám khảo dự thi. Lời phê phán của các giám khảo được in lại trong sách lại càng tăng thêm giá trị tư liệu của ấn phẩm.

Với một tư liệu như vậy, ta có thể tìm hiểu tài nghệ văn học của các thí sinh, cũng như kiến thức và mỹ quan của ban giám khảo. Hơn nữa, văn là người, và tư liệu nếu được nghiên cứu nghiêm chỉnh sẽ rọi thêm ánh sáng vào những lãnh vực quan trọng của đời sống văn giới quốc nội mà ta đang khao khát tìm hiểu. Từ đấy ta sẽ có dịp suy diễn ít nhiều về quan điểm của họ với những vấn đề xã hội, đạo lý, chính trị, tự do, công lý... Tóm lại những vấn đề hiện đại của đất nước.

Bài Tựa Của Trưởng Ban Chung Khảo

Bài tựa *Thay Lời Nói đầu* do Hữu Thỉnh viết, tuy ngắn nhưng có một giá trị tư liệu rõ ràng. Nó mang nhiều nét đặc thù không thấy ở một chánh chủ khảo thông thường ở một nơi khác ngoài Việt Nam. Ông viết:

... Sự nghiệp đổi mới đất nước cùng những cởi mở trong đời sống văn học đem đến cho cuộc thi truyện ngắn lần này những cảm hứng và một sức chứa lớn. Các tác giả không còn phải băn khoăn, ngập ngừng khi lựa chọn nhân vật và vấn đề, giọng điệu và bút pháp, chính vì thế mà có thể gửi gắp được nhiều hơn, tâm đắc cũng nhiều hơn. Nhưng dẫu thực hay ảo, xung xắt dữ dằn hay đằm thắm xót thương, ngậm ngùi chia sẻ hay lên án phơi bày thì tình cảm lớn nhất của các tác giả vẫn là tình yêu không mệt mỏi với con người, những vấn đề của con người ngày hôm nay. Mối quan tâm khắc khoải về sự toàn thiện nhân cách, về những xói mòn trong lối sống, trong đạo lý, trong ngõ ngách tận cùng của đời sống cá nhân, cả những băn khoăn không dứt về môi trường nhân tính đang có chiều giảm sút, hay lên tiếng báo động về những thảm họa có thể đến với con người, tất cả những cung bực ấy đều toát lên từ một chủ nghĩa nhân văn đầy trách nhiệm của nhà văn trước những vấn đề không thể lảng tránh.

Những vấn đề cốt tử như thế cần được diễn đạt bằng một ngôn ngữ nghệ thuật tinh diệu, mang sức truyền cảm lớn. Nhưng đấy lại là vấn đề đặt ra cho cả nền văn học . . .

Riêng cuộc thi lần này, với giới hạn của thể tài và thời gian, tôi nghĩ các tác giả, nhất là các tác giả trúng giải đã làm tất cả những gì có thể làm được trong một cuộc thi ngắn.

Bài văn lưu loát, trong sáng khi nêu ra những lý thuyết chỉ nam cho văn học, như phải yêu con người, phải bám sát lấy nhân sinh, và phải dùng một nghệ thuật tinh diệu để thực thi mục tiêu ấy . . . Mới đọc ông, ta tưởng như Hữu Thỉnh đang liệt kê những nét ưu việt của các tác giả dự thi, nếu ta không để ý đến một chữ *Nhưng* đắc địa (*Nhưng* đấy lại là vấn đề đặt ra cho cả nền văn học). Một khi chữ *Nhưng* này được nghiêm chỉnh ghi nhận, thì cả bài chỉ còn là một lời khen an ủi cho một đám thí sinh chưa tốt hay mới tốt vừa, tuy viết chưa tới, nhưng đã cố gắng hết mình trong hoàn cảnh hiện tại. Sự khéo léo khôn ngoan của vị chánh thủ khảo làm ta mỉm cười.

Giải Nhất Cuộc Thi

Giải nhất cuộc thi là truyện *Kẻ Sát Nhân Lương Thiện* của Lại Văn Long. (Xin xem truyện ngắn này đăng sau bài viết). Truyện đáng phân tích kỹ lưỡng, vì văn phong đã điển hình cho toàn tập, mà nhân sinh quan gửi gấm trong ấy lại có nhiều nét cần bàn.

Bắt đầu bằng câu ca dao "Con Vua thì lại làm Vua, con Sãi ở chùa lại quét lá đa", cốt truyện liên hệ đến hai gia đình, một chủ một tớ, suốt ba thế hệ và qua mấy thập niên, từ hồi Pháp thuộc đến mấy chục năm sau khi Việt Nam thống nhất dưới chế độ Cộng sản. Hắn, vai chính, là một đứa trẻ không cha lớn lên tại miền Nam. Cha hắn tên Sửu, một cùng đinh, bỏ nhà đi theo cách mệnh từ lúc hắn còn trứng nước. Mẹ hắn buôn thúng bán mẹt nuôi con. Sau giải phóng, hai mẹ con bị đẩy lên vùng kinh tế mới. Hắn đang khổ sở lam lũ thì cha trở về, với quân hàm trung tá, uy quyền và vinh quang. Cách mạng thưởng công cho ông ngôi biệt thự Villa Pensée của thiếu tá ngụy Lâm Quang Sang bỏ lại hồi 75 khi chạy ra ngoại quốc. Tình cờ, việc cấp nhà có một ý nghĩa cách mạng. Thiếu tá Sang chẳng phải ai xa lạ, chính là tiểu chủ của trung tá Sửu, khi cha ruột của trung tá còn làm đầy tớ giữ ngựa cho thân phụ thiếu tá Sang bấy giờ làm quan tại Huế.

Trung tá vẫn chưa quên thuở hàn vi nô bộc sống với cha bên tầu ngựa của tư dinh cụ cố. Ít lâu sau, trung tá Sửu được vinh thăng đại tá và giải ngũ. Về hưu, ông rán kinh tế tự túc bằng cách trồng tỉa chăn nuôi ngay trong biệt thự sau khi đã phá nát vườn hoa và sân quần vợt của chủ cũ. Riêng hắn, từ ngày đoàn tụ với cha, bắt đầu được nếm mùi sung sướng. Hắn đi học lại, và cuối năm thứ hai đại học, sang Nga làm công nhân.

Nhưng cuộc đời lại xoay hướng. Với sự đổi mới của đất nước, thiếu tá Sang từ Pháp đem vốn trở về Việt Nam làm ăn. Như những người có khả

năng đầu tư lớn, thiếu tá được nhà cầm quyền Cộng sản trọng đãi và được trả lại ngôi biệt thự cũ. Đại tá Sửu bỗng dưng không có chỗ ở, đành xin dọn xuống chuồng ngựa của biệt thự. Túng bấn, vợ chồng đại tá đành đi cắt cỏ thuê cho thiếu tá ngụy. Cắt cỏ lại hoàn cắt cỏ, và câu ca dao về con Vua và con Sãi chùa ứng nghiệm.

Rồi hắn từ Nga trở về. Vì thói phong lưu dổm hay sĩ diện hão với bạn bè, lương tiền lãnh đến đâu hắn tiêu đến đấy, và hắn hồi hương tay trắng sau bẩy năm lao động tại nước người. Hắn lại thất nghiệp, vì khi ở Nga hắn chỉ học được nghề đập bù loong với cây búa năm cân. Cùng quẫn, hắn phải theo gương cha mẹ, đi cắt cỏ thuê cho kẻ thù cũ.

Tình thế đảo ngược. Gia đình thiếu tá Sang kết cấu với các tay trùm Cộng sản, buôn bán làm ăn, tiệc tùng chè chén. Giai cấp thượng lưu mới, nửa cộng nửa ngụy, khinh khi người nghèo khó, trong đó có gia đình đại tá Sửu.

Hắn khốn khổ về sự thay bậc đổi ngôi. Rồi một hôm quá uất ức sau cái đá đít của Lâm Quang Vinh (con trai thiếu tá Sang), hắn lấy súng lục của bố lên nhà trên hạ sát cả bàn tiệc, bất kể chủ khách hay nam nữ già trẻ. Người chết hắn cũng không tha. Còn viên đạn cuối cùng, hắn bắn vào bức ảnh cụ cố họ Lâm, chủ cũ của ông nội hắn ngày xưa ngoài Huế.

Ra tòa, không hề ăn năn, hắn khai rằng hắn hoàn toàn tỉnh táo khi giết người. Lý do là hắn muốn tự tay thanh toán bọn tư bản đã đè đầu cỡi cổ gia đình hắn suốt ba đời mà cả cách mạng vô sản (với đấu tố?) đã không dứt khoát thanh toán nổi. Viên đạn cuối cùng hắn bắn vào tấm ảnh cụ cố họ Lâm là để sửa sai luôn cả dĩ vãng.

Đọc truyện xong, tôi phải gấp sách lại suy nghĩ. Mong có chuyện nhầm lẫn, tôi đọc lại lần thứ hai, để sau cùng chấp nhận đây là sự thật. Tôi ngỡ ngàng với trình độ kỹ thuật và nghệ thuật của tác giả. Và tôi vô cùng bận tâm với quan niệm công lý và đạo lý của ông.

Khuyết Điểm Kỹ Thuật

Ngay trên bình diện cơ bản kỹ thuật của nghề viết, tác phẩm đã phô bầy những thiếu sót khó bỏ qua. Tác giả thiếu cẩn trọng trong ngữ vựng và văn phạm, và lối hành văn quá bừa bãi đem lại gian nan cho người đọc.

Chữ dùng không chỉnh là một lỗi khá thông thường. Như trong câu "*Cảm ơn số phận đã cho ông bố muộn màng nhưng đầy ý nghĩa*" (trang 11), ta thật không hiểu tác giả muốn nói gì với "một ông bố đầy ý nghĩa".

Những câu như "*Từ chuồng ngựa bước lên trăm bước, một nhà chữ A hai tầng xinh gọn với mầu tím than của tường nhà và màu tươi vàng của các ô cửa*" (trang 13), quả thật vừa què vừa bơ vơ. Ngôi nhà chữ A biết bước? Cả câu sau dấu phẩy (,) không có động từ.

Trang 14 đầy rẫy những lỗi, hoặc điệp ngữ, hoặc câu què, hoặc liên hệ câu chính câu phụ lộn xộn: "*Thế là ông có một giàn rộng, kiên cố có thể thả lên đấy dăm bẩy dây bầu, dây bí. Đất hồi giờ không trồng bầu, bí, lại thêm hố*

phân hỗ trợ, nên khoai lang, bầu, bí tốt đáo để . . . Thêm dăm con lợn quay vòng, cặp vợ chồng già đã biến "Villa Pensée" trưởng giả thành một tiểu công xã tự cấp tự túc . . . (trang 14)

Cách chấm câu dứt câu cũng không kém phần luộm thuộm, với những dấu (.); (,); (:); (—) hay ()) đặt lung tung làm ta chóng mặt: "*Pensée" phục hồi sở hữu chủ, phục hồi "nhan sắc" và đáng nói hơn: — phục hồi quyền lực tư sản, sức hấp dẫn của mác "Việt kiều" và sự liên tưởng về những con số đầu tư bằng đô-la qua những lời lừa hẹn) đã giúp một số người, công kênh tàn tích đổi màu của một chế độ đã được đánh đổ bằng máu của chính họ.* (trang 17)

Và vẫn trang 17: "*Mới khai trương hơn hai tháng, khi hai chữ "đầu tư" vừa được công bố ở một quảng cáo . . . các kiểu xe hơi với các loại biển số nườm nượp đến viếng . . . có lần nghe tin bà giám đốc Việt kiều quyết định tặng nghìn đô-la để trùng tu lại nghĩa trang liệt sĩ, vị phó Chủ tịch tỉnh xúc động đến mức gọi "nhầm" bà Việt kiều là . . . "đồng chí" . . . Hôm sau báo chí nhắc lại lần nữa coi như thay mặt cho hơn nghìn liệt sĩ nằm dưới đất cảm ơn "hương hoa" của bà* . . . (trang 17)

Tác giả còn cẩu thả về thời gian, mắc phải những sai lầm trầm trọng về ngày tháng. Nhân vật chính "Hắn" đói khổ phải đi lao động nuôi thân cho đến chiều 21-10-87 mới gặp được cha và được đi học lại. Chưa đầy năm tháng sau, ngày 3-11-88 cha đã bị đòi nhà, và chưa đầy năm sau, đã phải dọn xuống chuồng ngựa ở. Vậy mà tác giả vẫn đủ thì giờ cho hắn đi học lại, hoàn tất được hai năm đại học . . . Khi tác giả cho hắn đi Nga lao động, lầm lẫn về năm tháng trở thành hoàn toàn khôi hài. Thời gian kể từ ngày đoàn tụ với bố, 21-10-87, cho đến khi đi Nga trở về ít nhất là 9 năm (2 năm đại học và 7 năm làm thợ bên Nga), như vậy phải đợi tới 1996 cái đoạn kết bắn giết đầy kịch tính mới xảy ra được.

Khuyết Điểm Nghệ Thuật

1. *Luận Đề và Kịch Tính*: Tác giả dùng thể văn luận đề một cách cực đoan. Luận đề của *Kẻ Sát Nhân Lương Thiện* là chuyện bất công truyền kiếp (con Vua, con Sãi chùa), và tự tay cầm súng giết người để chấm dứt sự bất công truyền kiếp ấy là hoàn toàn lương thiện (ác giả ác báo).

Để chở luận đề, tác giả đã hiếp dáp cốt truyện và tâm lý nhân vật một cách thô bạo. Tác giả dựng ra một gia đình ba đời nghèo khó, ba đời bị một gia đình giầu có đè đầu cỡi cổ. Cốt truyện phải sử dụng quá nhiều trùng hợp để hai gia đình chủ tớ cứ phải dính vào nhau, mặc dầu hơn bốn mươi năm loạn lạc và mọi người đã phiêu bạc sang tỉnh khác, miền khác. Ngôi nhà mà cách mạng thưởng cho trung tá Sửu lại phải là chính biệt thự của thiếu tá Sang, với đầy đủ chuồng ngựa như tư dinh cụ cố ngày xưa. Sau cùng khi tình thế đổi ngược, tác giả lại bạo tay sắp xếp hoàn cảnh, bắt trung tá Sửu phải trở lại cắt cỏ nuôi ngựa, làm lại chính cái nghề hèn hạ cũ của cha. Trung tá phải hầu hạ thiếu tá Sang, in hệt như cha ông đã hầu hạ cụ cố họ Lâm ngày trước

. . . Thậm chí cho đến đời thứ ba, tác giả vẫn không tha. Hắn phải hầu họ Lâm như tôi tớ, mặc dầu đã có hai năm đại học và bảy năm đi Nga.

Muốn cho "ác giả ác báo" được thuận tiện, tác giả lại phải sắp xếp cho hai cha con thiếu tá Lâm Quang Sang cùng một lúc có mặt trong cùng một căn phòng để cho hắn tiện hành hung. Thậm chí tấm ảnh của cụ cố cũng phải treo sẵn trong phòng ấy để lãnh đạn. Và vẫn vì cái tham viết luận đề, sau màn bắn giết tác giả đã dựng thêm cảnh xử án để nhờ miệng hung thủ một lần chót diễn thuyết giùm cho ông cái triết lý "ác giả ác báo".

Vậy mà kịch tính cũng như xu hướng luận đề đã làm hại tác phẩm không ít. Có người ví truyện hay với mỹ nhân, và cốt truyện là bộ xương của nàng. Không có bộ xương, mỹ nhân không thể thành mỹ nhân. Nhưng trong trường hợp *Kẻ Sát Nhân Lương Thiện*, bộ xương luận đề quá đồ sộ, đâm chĩa ngổn ngang ra cả ngoài da thịt. Kết quả là thay vì người đẹp, ta có một quái thai kịch cỡm. Còn kịch tính thì nó như con dao hai lưỡi. Có nhiều loại kịch cũng như nhiều loại kịch tính, vì kịch cũng có kịch dở kịch hay. *Kẻ Sát Nhân Lương Thiện* là một vở kịch dở. Nguyên tắc căn bản của kịch là *đóng kịch* chứ đừng *diễn thuyết*. Mà tác giả lẫn nhân vật lại lấy diễn thuyết làm sở trường. Tệ hơn nữa, dụng ý tác giả đã quá rõ sau màn bắn súng, và cả đoạn đối chất trước vành móng ngựa không những vụng về lại còn thừa thãi.

Đạo Lý và Công Lý

Từ nãy đến giờ, ta bàn về diện hay dở của *Kẻ Sát Nhân Lương Thiện*. Vậy mà chuyện hay dở ở đây chỉ là một vấn đề nhỏ. *Kẻ Sát Nhân Lương Thiện* làm ta khó chịu hơn một truyện dở thông thường nhiều lắm. Đúng ra, nó làm ta hoảng sợ với quan niệm đạo lý và công lý tác giả gửi gấm ở đây.

Tác giả cho chỉ có người giầu mới có tội lỗi, và người giầu phải lãnh hết tội lỗi của thế gian. Hắn bỏ học đi ngoại quốc làm lao công lại không chịu dành giụm để trở về nước tay trắng, chuyện đó là tại lỗi tư bản họ Lâm. Không có nghề chuyên môn, phải đi cắt cỏ, chuyện đó cũng tại họ Lâm nốt.

Đối với họ Lâm, một cái đá đít phải trả bằng tính mạng ba đời . . .

Theo tác giả, cả công lý của cách mạng vô sản, với những phương tiện tàn bạo của chính quyền Cộng sản gần suốt nửa thế kỷ, từ đấu tố cho tới phong trào đổi mới gần đây, vẫn chưa đủ đem lại công lý cho hắn.

Cái công lý mà tác giả đòi hỏi còn quyết liệt hơn nữa. Nó bao gồm chuyện bắn giết thẳng tay đám nhà giầu ăn tiệc trên nhà trên, để trán chúng nở bông hoa máu của viên đạn bể sọ, để chúng lăn lộn ra sàn nhà chồng chất lên nhau thành một đống xác rũ rượi, để máu và nước tiểu chúng lẫn lộn với những đồ uống chúng chưa nuốt kịp . . . Chúng đáng chết, cộng hay ngụy cũng mặc, chủ hay khách cũng pha, và đàn bà con gái cũng không từ.

Cái công lý bệnh hoạn ấy chấp nhận một đạo lý bệnh hoạn. Tác giả sẵn sàng giẫm lên đạo lý làm người, tự tay chấp pháp, quên rằng giết người vô tội vạ là cái vô luân tối thượng.

Ban Giám Khảo

Nói cho cùng một truyện dở để cao một kẻ cuồng sát vô luân lẽ ra không đáng ta bận tâm, vì truyện dở và vô luân ở đâu chẳng có. Nhưng điều quái dị đáng bận tâm là một tác phẩm như vậy lại được một tờ báo văn học lớn trao giải nhất.

Nhận định như vậy, ta đến thắc mắc về ban giám khảo. Từ sơ khảo đến chung khảo, các vị nghĩ gì về tác phẩm này? Có thể nào có sự lầm lẫn của nhân viên văn phòng tòa báo chăng? Để tìm câu trả lời ta hãy đọc nguyên văn ý kiến của các vị đăng tải trong tập *Ánh Trăng*, rồi từ đó suy ra ít nhiều kết luận về văn học quốc nội.

Lời Phê của Ban Giám khảo

—Ma Văn Kháng viết: "*Tự mình giải phóng cho mình bằng cách của mình. Một sự vượt lên thân phận. Nỗi giận dữ đau đời vì thất vọng. Chủ đề này có sự cực đoan — nếu như sự cảm nhận mang tính xã hội cao — do* chính *truyện đã gợi nên, do dữ kiện của nó. Dẫu sao cũng vẫn là một câu truyện đơn giản về tâm lý. Mặc dầu ưu điểm về hình thức là* văn *rất linh hoạt, sắc sảo, thông phóng bất ngờ và kết cấu kịch tính cao.*"

— Anh Đức viết: "*Truyện này rất quyết liệt, nhưng tốt. Nó thể hiện một sự đổi thay trái khoáy, do giới chức ta coi trọng đồng tiền, dẫy sự việc tới những phát súng, thay vì chờ đợi luật pháp. Đúng hơn là lòng căm thù có khi đứng trên luật pháp, thừa hành luật pháp. Cho giải.*"

— Chu Văn viết: "*Những sự thay bực đổi ngôi, lên voi xuống chó biến diễn chỉ trong một thời gian ngắn, dẫn tới những bi kịch xót xa, những tội ác, mà tội nhân là nạn nhân, còn những kẻ gây ra mọi đổ vỡ là ngu dốt, quyền lực mê muội, là sự bất cập của quản lý xã hội.*

Văn chương giản dị. Bố cục bình thường, không lắt léo, không giật gân, không hằn học, nhưng có một chiều sâu đáng kể."

Đó là những lời tuyên bố dõng dạc của ban giám khảo để khen lao thí sinh ưu hạng vừa trúng giải khôi nguyên. Từ văn chương đến đạo lý, thí sinh đã hoàn toàn hợp ý các vị, và không có chuyện lầm lẫn. Phân tích lời phê của các vị, ta có thể rút ra nhiều nhận định về kỳ thi truyện ngắn của báo *Văn Nghệ*, và rộng hơn, về văn học quốc nội nói chung.

Thứ nhất, ta ngậm ngùi ghi nhận là chính ban giám khảo cũng rất phóng túng với ngữ pháp. Chỉ có mấy lời phê phán, vậy mà các vị cũng để lộ ra những sơ suất quá nặng về văn phạm ngữ vựng. Câu văn của Ma Văn Kháng "*Chủ đề này có sự cực đoan — nếu như sự cảm nhận mang tính xã hội cao — do* chính *truyện đã gợi nên, do dữ kiện của nó*" lủng củng đến chỗ bất thành văn.

Chu Văn cũng tỏ ra không kém phóng túng với ngữ pháp, khi ông viết "*Còn những* kẻ *gây ra mọi đổ vỡ là* ngu dốt, quyền lực mê muội, *là* sự bất cập

của quản lý xã hội". Chữ "kẻ" của ông làm ta chờ đợi một danh sách những nhân vật bằng xương bằng thịt, thay vì những ý niệm trừu tượng như ba cái *sự* mà ông liệt kê (ngu dốt, quyền lực mê muội, và bất cập của quản lý xã hội). Tất nhiên với chút cố gắng ta có thể hiểu ý ông, nhưng một giám khảo đi chấm văn không nên cẩu thả như thế.

Rộng lượng với chính bản thân như vậy, hèn gì không giám khảo nào phản đối những lỗi lầm kỹ thuật căn bản như cú pháp và văn phạm đã nêu ở trên. Thật ra các vị còn nhiệt liệt tán dương bút pháp của thí sinh: "*Ưu điểm về hình thức là* văn *rất linh hoạt, sắc sảo, thông phóng, bất ngờ và kết cấu kịch tính cao.*" (Ma Văn Kháng), hay "Bố cục bình thường, không lắt léo, không giật gân, không hằn học, nhưng có một chiều sâu đáng kể. (Chu Văn). Sự dễ dãi của các vị về kỹ thuật và nghệ thuật, với thí sinh cũng như với chính bản thân, nêu lên nhiều câu hỏi nhức nhối về văn nhân quốc nội. Các vị không thấy viết như vậy là không nghiêm túc với tiếng Việt sao?

Vấn về diện văn, ta hãy phân tích cách thức thưởng lãm nghệ thuật của ban giám khảo. Xem ra các vị coi nặng những truyện có nhiều ẩn dụ, có nhiều mệnh đề để nhắn nhủ dậy dỗ người đọc. Hai truyện ngắn được nhất trong tập là truyện *Chị Thìn* và *Ánh Trăng* lại bị các vị xếp vào loại ba, vì tuy hay nhưng cốt truyện không đủ kịch tính, và nhân vật không có triết lý sâu xa này nọ . . .

Cách thưởng lãm của các vị phản ảnh một nền văn học cổ hủ và kỳ dị, cái nền văn học mà Cộng sản quốc gia hay quốc tế đặt cho cái tên mỹ miều là "Nghệ Thuật Vị Nhân Sinh", với ba chữ "Vị Nhân Sinh" có nghĩa là vị tất cả những gì tiện lợi cho Đảng. Và viết văn khẩu hiệu phụng sự cái "Vị Nhân Sinh" kiểu cách mạng vô sản ấy được gọi là "dấn thân", nửa thế kỷ trước.

Các vị giám khảo cho ta thấy nền văn học minh họa ấy có một sức sống dai dẳng bất thường. Chuyện "dấn thân" viết văn khẩu hiệu — tuy từ lâu đã bị phủ nhận bởi chính những triết gia hay văn nhân sinh thành ra nó (như Gide hay Sartre) — vẫn còn sức quyến rũ mãnh liệt với một số người. Và tuy "vị nhân sinh" không còn có nghĩa "vị Cộng sản", lề lối viết văn minh họa vẫn không thay đổi. Cốt truyện vẫn bị áp đặt để thỏa mãn luận đề, và tuyên truyền hay diễn thuyết vẫn là cứu cánh. Chỉ có chiều hướng của luận đề là thay đổi để trở thành đối nghịch với quá khứ.

Ngày xưa ai không vào hợp tác xã là phản động (*Cù Lao Tràm*, Nguyễn Mạnh Tuấn), không những dại dột về chính trị lại còn điếm đàng thiếu nhân phẩm . . . Bây giờ thì ngược lại. Sinh hoạt theo lối thị trường tự do là những người tốt, tài kinh doanh là nguồn lợi chính đáng cho cá nhân cũng như tập thể. Nếu đảng viên ngày xưa là con người lý tưởng, thì bây giờ y xấu xa, thối nát, dâm ô một cách thê thảm, vì người tốt bây giờ không được có đảng tịch.

Xưa là đen thì nay là trắng . . . Xưa khổ hạnh thì nay trác táng dâm ô. Sự đổi mới trong văn học quốc nội đơn giản và thô thiển, đầy đủ 180 độ cực đoan, và hôm nay là âm bản của hôm qua. Cứ thế, văn chương phản kháng

của hiện tại sau cùng lại giống hệt văn chương minh họa của quá khứ, như âm bản giống dương bản của cùng một tấm ảnh. Ngoài sự hoán đổi vai tuồng cho ông thiện ông ác, ta vẫn không thấy chút tiến bộ nào về nghệ thuật. Cốt truyện vẫn thô bạo, nhân vật vẫn kịch cỡm, người không ra người ma không ra ma, không thuộc vào đâu trong cõi âm dương của thế giới này. Con người thật sống những cảnh thật của cuộc đời muôn vạn kỳ diệu, con người ấy chưa được các vị chiếu cố đến.

Trường hợp Nguyễn Huy Thiệp

Sự bất cập của ban giám khảo nói lên sự bất cập của diện bình văn nói chung, và dẫn tới một vài ý nghĩ về Nguyễn Huy Thiệp. Ông cũng dự thi với truyện ngắn *Sang Sông*, và được vào chung kết nhưng không đoạt giải và không được đăng lại trong tuyển tập.

Qua mấy truyện đầu, ông tỏ ra là người có tài. Văn phong đa dạng, bắt được những nét độc đáo và đẹp nơi con người. Nhưng có lẽ vì sống trong sự cô lập nghệ thuật của quốc nội, cái tài ấy đã tỏ dấu mai một trong những tác phẩm gần đây. Với giới bình văn như vậy, và có lẽ vì ảnh hưởng của họ, ông đã bỏ sở trường mà theo sở đoản. Ông đã lạc lối sang một thể văn siêu luận đề. Truyện ngắn của ông sau này bỏ nét nghệ thuật tài hoa để tham những tư tưởng triết lý, tôn giáo, xã hội, hay chính trị không lấy gì cao siêu lắm, để vừa đố vừa dậy khôn bạn đọc. Cộng thêm xu hướng ẩn dụ khai triển đến mức bí hiểm, những tác phẩm ấy vừa nặng nề vừa tối nghĩa, đã làm người đọc thất vọng. Truyện ngắn dự thi của ông (đăng ở nơi khác) là một thí dụ điển hình về sự sa sút đáng tiếc ấy.

*

Bấy nhiêu mới là chuyện văn chương. Sang đến ý niệm công lý và đạo lý của ban giám khảo, ta lại còn cảm thấy bất an hơn. Thật ra, ta kinh hãi. Rõ ràng là các vị còn đáng sợ hơn là hung thủ trong truyện. Y chẳng qua là một kẻ cuồng sát đã mất lương tri đến độ không còn biết ăn năn. Những kẻ cuồng sát như vậy, dù đáng ghê tởm đến đâu, thực ra ở xã hội nào cũng có, không những trong hư cấu tiểu thuyết mà còn trong đời sống thật hằng ngày.

Nhưng thái độ (từ dung dưỡng tới khen lao) của những nhà văn lớn quốc nội đối với một quái vật như vậy quả là điều quái dị có tầm mức quốc gia. Ta còn biết nói làm sao nữa, khi đọc lại những lời phê của các vị.

Để biện minh bào chữa, Chu Văn viết: ". . . *Tội nhân là nạn nhân, còn những kẻ gây ra mọi đổ vỡ là ngu dốt, quyền lực mê muội, là sự bất cập của quản lý xã hội . . .*"

Để tán thưởng, Ma Văn Kháng viết: "*Tự mình giải phóng cho mình bằng cách của mình. Một sự vượt lên thân phận . . .*"

Và sau cùng, để khẳng định khen lao và dứt khoát trao giải nhất cho thí sinh, Anh Đức viết: "*Truyện này rất quyết liệt, nhưng tốt. Nó thể hiện một sự đổi thay trái khoáy, do giới chức ta coi trọng đồng tiền, đẩy sự việc tới những*

phát súng, thay vì chờ đợi luật pháp. Đúng hơn là lòng căm thù có khi đứng trên luật pháp, thừa hành luật pháp. Cho giải."

Đến đây, tôi nghĩ đến bài tựa của trưởng ban chung khảo. Tôi nhớ lại những mệnh đề Hữu Thỉnh viết, như *"Tình yêu không mệt mỏi với con người"*, hay *"Mối quan tâm khắc khoải về sự toàn thiện nhân cách"*

Nhân cách nào đây và thế nào là thiện? Quí vị yêu con người nào đây? Có phải con người trong đầu quý vị là hung thủ mà quý vị cho là nạn nhân chứ không phải tội nhân? Một kẻ sát nhân lương thiện? Một kẻ anh hùng làm nốt chuyện công lý mà cách mạng vô sản nửa thế kỷ qua vẫn làm chưa xong. Còn năm sáu người chết oan trong bàn tiệc không phải là người. Họ giàu có và họ là địch, mà kẻ địch thì kể như đã mất nhân tính từ lâu rồi.

Người ta có thể nêu ra một vài giả thuyết để lý giải hiện tượng trên:

Có thể tập quán phân chia ta và địch từ thời chiến tranh, đã làm cho quý vị không quen nhìn câu chuyện từ nhiều phía một lúc, nhất là từ phía những người tuy cùng máu mủ nhưng vẫn xa lạ với quý vị. Nếu *ta* cuồng sát thì *ta* là kẻ sát nhân lương thiện, *địch* có chết oan là điều không cần nghĩ tới. Mười bảy năm thống nhất rồi, các vị vẫn chỉ viết cho một nửa dân tộc, hay cho một vài triệu hội viên kiêu hãnh của cái hội chọn lọc gồm những người đã dự phần vào cuộc xẻ Trường Sơn vào Nam đánh phá . . .

Quý vị hiếm hoi đề cập đến người miền Nam cũ trong tác phẩm của quý vị. Mà những trường hợp hiếm hoi ấy, quý vị không bỏ thì giờ để tìm hiểu họ, và quí vị mô tả họ như những người không ra người, xa lạ như từ Hỏa tinh rớt xuống, thậm chí như những hình nộm minh họa cho cái xấu tập thể của địch. Tha hóa đối phương, chối bỏ nhân tính của địch để khỏi phải ray rứt lương tâm khi đối xử tệ bạc hay bắn giết họ là một phương thức tiện lợi đã có người dùng trong quá khứ. Đức Quốc xã đã làm vậy với người Do Thái. (Tôi phải ghi nhận có những ngoại lệ ở đây, và tôi đang nghĩ đến Nguyễn Minh Châu với lòng cảm mến. Ông là nhà văn quốc nội có tài lớn đã quá cố, một trong những người hiếm hoi quả thật yêu con người, trăn trở tìm cái tốt trong con người dù ở đâu hay tin tưởng ở chủ thuyết nào).

Vài Cảm Nghĩ

Đọc tập truyện được giải *Ánh Trăng*, tôi nhớ lại một truyện ngắn của Lỗ Tấn. Đó là chuyện *Quê Cũ* mà tôi phỏng dịch và cho đăng tải trong số *Văn Học* đặc biệt về truyện ngắn này. Tôi nghĩ đọc *Ánh Trăng*, tôi cũng như người sau hai ba thập niên ly hương bỗng được về thăm quê cũ.

Quê hương tôi vừa thăm là quê hương văn hóa, với một nền cổ văn mỹ miều, với những truyện ngắn cận đại hay hiện đại rất hay như *Chí Phèo* của Nam Cao, như *Nhà Nghèo* của Tô Hoài, như *Thác Đổ Sau Nhà* của Võ Phiến, hay như *Rừng Mắm* của Bình Nguyên Lộc . . . Và còn nữa, quê cũ của riêng tôi còn có những người bạn học thuở ấu thơ tại Khu IV, khi chúng tôi cùng học tiểu rồi trung học đệ nhất cấp ở đấy. Tôi biết có nhiều bạn trong

đám ấy đã thành nhà văn. Và tôi hồi hộp tìm họ qua thơ văn quốc nội . . .

Trở lại Lỗ Tấn, ông đã về làng nhưng không tìm lại được quê cũ. Và hôm nay đọc *Ánh Trăng*, tôi lại càng thấy truyện của ông thấm thía. Ít người thăm quê mà không khỏi chạnh lòng.

Nhưng tôi biết tôi không được tiêu cực, không được thất vọng, vì dù sao câu chuyện văn học này là câu chuyện của đất nước tôi. Và tôi nghĩ chẳng qua là đời sống đồng bào tôi ở quốc nội còn quá cơ cực, đến nỗi gần như tất cả mọi người, trong cũng như ngoài văn giới, phải sao nhãng công việc chính của mình để xoay sở kiếm sống. Con người không còn đủ thì giờ để chuyên chú làm tốt việc mình phải làm, và phẩm chất mọi ngành suy sụp. Nhân một chuyến thăm viếng nước Nga năm năm trước đây, tôi đã thấy những phẩm vật quốc nội trưng bày ở nhưng gian hàng hữu nghị . . . nhưng bình trà bằng sứ thô kệch, miệng thấp hơn vòi, hễ rót là trà đổ ra tay trước khi ra tách . . . những tấm sơn mài co rút rạn nứt nằm hứng bụi trong những tủ kính nghèo nàn . . . những gói kẹo gương kẹo mè lấm sạn, ăn vào lợn cợn trong miệng . . . những gói trà đề là hảo hạng, nhưng đã hả hơi vì giấy gói không đủ kín . . . So với những phẩm vật cùng loại tôi nhớ vẫn được dùng trong quá khứ, phẩm chất đã sa sút đi nhiều quá. Lúc ấy tôi xót xa nghĩ người nước tôi vẫn nổi tiếng giỏi nghề thủ công, và hàng đấu xảo Việt Nam ngay cả dưới thời Pháp thuộc vẫn phản ảnh một nghệ thuật thanh lịch và một nền văn hóa thượng hạng.

Hôm nay, kỷ niệm thăm viếng gian hàng hữu nghị ấy trở lại với tôi như một an ủi. Vì tôi biết thợ mình không phải không khéo. Chỉ vì sống trong tuyệt vọng thường xuyên, nên cái ấm họ nặn không ra cái ấm, tấm tranh sơn mài họ tô vẽ bị rạn nứt tả tơi, và gói trà họ ướp hả hơi trong bao giấy không kín . . . Vậy mà giờ đây những phẩm vật ấy đã thu hồi được phần nào phẩm chất cao của thời xưa . . .

Và tôi cảm thấy lạc quan. Tôi nghĩ tình trạng kém phẩm chất nghệ thuật cũng như đạo lý kiểu *Kẻ Sát Nhân Lương Thiện*, chỉ là một giai đoạn rất ngắn của văn học đất nước. Như những diện khác, văn chương nước tôi sẽ phục hồi.

*

Tôi lại nghĩ niềm lạc quan của tôi có căn bản vững chắc. Những tác phẩm hay quốc nội tuy hiếm nhưng không phải là không có. Như đã nói, ngay trong tập truyện được giải cũng có vài tác phẩm xuất sắc (truyện *Chị Thìn*, truyện *Ánh Trăng*; và rộng rãi hơn chút nữa, truyện *Mùi Cọp*, nếu tạm bỏ qua cái kết có kịch tính hơi đơn giản ngây ngô).

Đáng để ý là cả ba truyện được nhất trong tập này đều bị xếp hạng ba, mặc dầu phẩm chất cao hơn các truyện hạng nhì (*Vũ Điệu Của Cái Bô* và *Nhân Sĩ*), và còn cao hơn nữa so với truyện trúng giải nhất. Sự việc éo le làm ta nghĩ tới một phim khôi hài kiểu Charlie Chaplin thường hay chiếu trên đài Mỹ với tựa đề *The Munsters*, trong đó có một cụ già có khẩu vị ngược đời. Mỗi khi ăn chuối, cụ bóc chuối bỏ vỏ vào miệng ăn ngon ăn lành, còn ruột

chuối thì cụ vứt vào sọt rác. Mỗi lần xuất hiện, cụ làm đám con tôi cười rũ rượi.

Tuy nhiên tôi không muốn cười. Tôi chỉ muốn hy vọng, là biết đâu trong gần một ngàn sáu trăm bài thi ban giám khảo đã loại đi lại chẳng có những tác phẩm xuất sắc vượt bực . . .

Và tôi cầu nguyện rằng chẳng bao lâu nữa mọi chuyện ổn định hơn, mức sống vật chất của văn nhân nước tôi sẽ cao hơn, cho họ nhiều thì giờ hơn để viết với sự cẩn trọng cần thiết . . . Còn nữa, họ sẽ có nhiều sách vở từ bốn phương thế giới để đọc, để bắt kịp trào lưu nhân văn của cộng đồng nhân loại, để khỏi mất công loay hoay tái khám phá hay thí nghiệm với những văn thể tưởng như cầu kỳ hay táo bạo, nhưng đã lỗi thời từ lâu . . . Tôi cũng cầu nguyện sẽ không còn ai lạm dụng ba chữ "Vị Nhân Sinh" hay "Văn Tải Đạo" để ép buộc văn nghệ sĩ viết khẩu hiệu, thay vì nghiêm chỉnh phục vụ con người ở mức độ nghệ thuật cao nhất . . . Và những chính trị gia sẽ không còn dùng những mỹ từ như "dấn thân" như "xuống đường", để quyến rũ văn nghệ sĩ phục dịch cho những nhu cầu đảng phái nhất thời . . .

Khi đó, mùa xuân văn học sẽ lại trở về với đất nước tôi. Và những kỳ thi văn sẽ sản xuất những văn phẩm có nghệ thuật cao, những mỹ phẩm tuyệt vời, viết với nhân sinh quan nhân hậu cổ truyền của đất nước và của cộng đồng nhân văn thế giới, thấm nhuần một nền đạo lý và công lý lành mạnh xứng đáng con người hiện đại. □

LẠI VĂN LONG

kẻ sát nhân lương thiện

Lời tòa soạn: *Bài này được đăng lại ở đây như phần phụ lục cho bài viết về giải thưởng truyện ngắn trong nước của tác giả Mai Kim Ngọc.*

*

Ký ức xa xôi trở thành một trong những tri thức đầu đời của hắn là câu hát:

Con vua thì lại làm vua
Con sãi ở chùa lại quét lá đa . . .

Đến bây giờ hắn cũng không biết mình thuộc câu đó từ lúc nào, và ai là người đã hát cho hắn nghe đầu tiên. Chỉ biết khi còn là một cậu học trò tiểu học, ý nghĩa câu hát đã là cơ sở cho tuổi thơ hắn hình thành mặc cảm thân phận và nẩy nở ước mơ về một sự vượt qua thân phận.

Hắn đã lớn lên nhờ năm tháng cắn răng chịu đựng của người mẹ. Những ngày phiêu bạc tìm chồng "bụng mang dạ chửa", không vốn liếng, không người thân. Giai đoạn nào trên vai quang gánh, đầu thúng xôi, đầu đứa con lê lết phố phường. Quanh năm thân mẹ tiều tụy, mất buồn xa xăm, cho đứa con côi cút luôn hướng đến một góc tối tăm, kín đáo ở lớp học và một tính cách rụt rè, xa lánh với tất cả các quan hệ còn lại của xã hội . . .

1975 . . . Đại bác rền rĩ, máy bay gầm rú . . . phố nhỏ hoang mang, người lính – biểu tượng cuối cùng của một chế độ trong giờ cáo chung, lột bỏ mọi thứ, trốn chạy ám ảnh về sự trả thù . . . 24 giờ của một xã hội vô chính phủ. Phố nhỏ vỡ tung: đập phá, cướp giật, hôi của, thanh toán lẫn nhau . . . Hò reo của say máu, khóc than của mất mát và im lặng nấu mình của các loại chờ đợi . . .

Mẹ con người bán xôi chia nhau thạp gạo, lúc này nhu cầu dự phòng trên hết! Cậu bé mười sáu tuổi ngồi chắn cửa nhà ọp ẹp, liên tục cầu khấn thầm cho cái tổ ấm xiêu vẹo. Kể ra nỗi lo của cậu cũng thừa, những kẻ có gan, có sức, có chí làm cướp, giờ đây đang bận rộn với đập phá, khuân vác, hò hét . . . trước và trong những cửa hàng lớn, những gia đình giàu có đã di tản.

Roét . . . Cành . . .! Ba kẻ tội tù xổng trại, dùng súng bắn nát cả cửa sắt nhà ông chánh án. Biệt thự kế bên là tư dinh của tỉnh trưởng cũng đã mở rộng cổng cho các thần dân của ngài chia sẻ bớt sự giàu có. Anh lính gác cổng hôm nào, đang chỉ huy chiến hữu của mình gỡ nốt cần ăng-ten Ti-vi trên nóc. Họ dùng cả xe GMC vào việc chuyển sở hữu tài sản . . . Khi không còn luật pháp, bạo lực đồng nghĩa quyền lực!

Trưa hôm sau, những chiếc xe tăng và xe quân sự của "phía bên kia" đã vào đến, cả thị xã đổ ra xem "Cộng sản" . . . Cờ đỏ sao vàng phất phới từ nóc dinh tỉnh trưởng đến mái nhà lụp xụp nhất thị xã.

Trưa hôm sau nữa, trật tự được xác lập sau khi các loa phóng thanh tuyên bố bản án tử hình dành cho một số "loạn quân". Bình yên trong những ngày đầu âu lo như lớp sương giăng mờ thị xã . . .

*

Thời cuộc đi qua cuộc sống người nghèo để lại một thoáng ngỡ ngàng, rồi chuyện cơm áo vẫn là một ép uổng tưởng chừng bất tận. Xóm lao động trước đây bao nhiêu người là bấy nhiêu nghề, toàn những cách kiếm sống nhọc nhằn thân xác. Giải phóng về, anh khuân các, bác thợ nề, chị bán rong . . . đều dừng lại cái riêng, chung nhau nghề mới. Ai cũng như ai, sáng sáng quang gánh, dao, rựa, kéo nhau vào núi, chiều về thành đoàn đổi củi lấy gạo tỏa khắp ngõ ngách thị xã.

Cậu học trò lớp mười dang dở chẳng còn màng đến chuyện học hành cùng với đoàn quân vô sản mỗi ngày một gánh củi bán dạo. Ngày đầu mắc cỡ, qua các phố có nhà quen cứ phải ngó ngón chân, cắm đầu bước . . . Khổ nhục có tình mẹ con đền bù, chóng quen . . .

Tháng bảy 1977, chính sách vận động di dân lập ấp các vùng kinh tế mới, mẹ con hắn "được" chọn.

Sáng kiến này cho phép mười bảy tuổi trở lên được sống tập trung trong doanh trại Thanh niên Xung kích.

Năm giờ kẻng đánh, doanh trại rạo rực tập thể dục, bếp đỏ lửa, nước sôi, sắn khoai bốc mùi . . . Bảy giờ nai nịt gọn gàng, xuất quân ra đồng . . . Mười một giờ nhà bếp cho ăn: cơm độn bắp xay, bầu bí nấu canh, cá khô nướng . . . Mười ba giờ tiếp tục làm việc . . . Mười bảy giờ ăn cơm tại chỗ . . . Mười chín giờ làm tiếp ca đêm cho đến hai mốt giờ. Đêm nào thiếu ánh sáng hoặc mưa gió, thì tập trung sinh hoạt chính trị. Hàng ngàn người ngồi bên đống lửa nghe một người nói về "Paven của cách mạng tháng mười" . . .

Và nếu không có buổi chiều 21 tháng 10 năm 1978, có lẽ hắn cũng như hơn ngàn con người còn lại, xứng đáng trở thành những "Paven của vùng kinh tế mới" . . .

Buổi chiều không bao giờ quên . . .! Đứa trẻ hao mòn trong mặc cảm mồ côi bất ngờ . . . có bố!

Bố hắn trở về — Nét kiêu dũng của bậc anh hùng trên chiếc com măng ca có tài xế, có cận vệ, tóc bạc, trán hói, quân phục bạc màu, nước da từng trải . . . xứng đáng là vị "thánh" của mẹ con hắn.

Bố nước mắt, mẹ nước mắt, hắn ngỡ ngàng rồi điên lên vì hạnh phúc lớn bất ngờ! Một phút gặp gỡ xóa nhòa mười tám năm cử tưởng trống không . .!

Đại úy bí thư xã, chỉ huy trưởng Thanh niên Xung kích đến thăm gia đình đầu tiên, mang theo bao nhiêu lời khen về hắn trong cái bắt tay "đồng chí" với vị trung tá hắn gọi bằng bố.

Hắn kinh ngạc trước sự săn sóc tinh thần của ông ấy. Buổi sáng hôm nào ông ấy đã tặng cho tiểu đội không hoàn thành nhiệm vụ của hắn một câu nặng trịch "lập trường": "Các anh — tàn dư chế độ cũ, quen nhảy đầm, uống rượu hơn là làm ruộng . . . Phải rèn luyện nhiều nữa . . ." Thế mà nay . . . Cảm ơn số phận đã cho ông bố muộn màng nhưng đầy ý nghĩa . . .

Ông bố đã kéo hắn ra khỏi tiểu đội một, trung đội ba, đại đội chín của lực lượng Thanh niên Xung kích, và kéo mẹ hắn ra khỏi cái "chuồng bồ câu" hai mái — tám miếng tôn — tiêu chuẩn dân kinh tế mới, để về lại thị xã. Ở đó bố bất ngờ "tặng" mẹ con hắn một ngôi biệt thự sang trọng ngoài cổng còn y tấm biển đá với dòng chữ nhũ vàng Villa Pensée.

Hôm tân gia kiêm lễ đoàn tụ gia đình, bố hắn chuếnh choáng hơi men, trịnh trọng tuyên bố: "Cám ơn các đồng chí đã nhường cho tôi một ngôi nhà đầy ý nghĩa "cách mạng". Thiếu tá quận trưởng Lâm Quang Sang — chủ Villa Pensée này, có người cha là chủ của bố tôi trước cách mạng tháng Tám

và hơn ba mươi năm về trước, tôi cũng là đầy tớ của "cậu ấm Sang" này, ngày trước ăn hai bữa để tắm rửa, chải chuốt, cắt cỏ cho con ngựa quý của 'cậu'. Các đồng chí thấy đó (chỉ tay ra phía sau nhà), 'ngài thiếu tá quận trưởng' mang cả máu mê ngựa từ miền Trung vào đây. Dãy chuồng ngựa năm gian này là bằng chứng của thói đam mê trưởng giả. Không biết các đồng chí quản giáo ở trại cải tạo hôm nay có giúp "ngài" thoát khỏi máu thích sưu tầm các giống ngựa quý chưa? Ha . . . ha . . .!" Men rượu thêm men chiến thắng làm những người tham dự phấn kích cực độ.

Chiều hôm đó sau mười tám năm khai sinh, hắn mạnh dạn tin tưởng cuộc đời sẽ không dành cho hắn phận . . . "quét lá đa".

Và quả vậy hắn đã được "bù đắp" bằng những năm ôm vở đến trường tiếp theo. Nếu nghĩa "bù đắp" được thực hiện trọn vẹn thì hôm nay hắn đã là một nhà nghiên cứu sử học như mơ ước. Song một "ân huệ" mới đã buộc hắn phải giã từ trường Đại học ở cuối năm thứ hai, để trở thành một công nhân lao động giản đơn ở một nhà máy chế tạo ô-tô trên đất nước Xô Viết.

Thay vì hằng ngày phải mài thân ở ghế giảng đường, thư viện, tích lũy tri thức để rồi tự "hạ thấp" con người mình bằng lý lịch trí thức, tiểu tư sản . . . thì hôm nay, ở nhà máy ô-tô này, đầu óc khỏi cần phải tư duy trước yêu cầu công việc: "Năm phút giáng cho một nhát búa năm ký cho hai bánh răng cưa khớp vào nhau . . ." Thế là xong! Sau mấy năm có nồi điện, bàn ủi, xoong chảo, đem về Việt Nam dùng. Lại có thêm lý lịch công nhân và "mác": "Đã được đào tạo ở nước xã hội chủ nghĩa tiên tiến về kỹ thuật . . . đập búa năm kilôgam". Đó là một trong những lý do chân thành nhất thôi bùng lên ham muốn "vượt biên" để hắn mạnh dạn hơn với sự ra đi.

*

Thằng con trai đi rồi, ông bà già ở nhà cần cù, tích cực tăng gia sản xuất. Sau bao năm chinh chiến, trở về sở hữu ngôi biệt thự lộng lẫy của kẻ thù giai cấp, ông cảm nhận sâu xa ý nghĩa vinh quang của cuộc cách mạng mà ông đã tham gia. Ông có cảm hứng với ngôi nhà "chiến lợi phẩm" này lắm! Dù tính trầm ít bộc lộ, song không ít lần bà bắt gặp ông đi làm về, dừng lại trước cửa vuốt ve say sưa hàng cột ốp đá ở hành lang. Có lần ông còn tâm sự với bà:

– Hồi bố con tôi còn ở đợ cho gia đình thằng Sang ở Huế, suốt đời lui cui dưới xó nhà kho, chuồng trâu, chuồng ngựa, chứ có bao giờ dám bén mảng lên nhà trên. Việc lau rửa quét dọn ở đó có một mụ khác, đàn ông trai cày chân cẳng lấm lem mà bước lên thềm nhà lát men thì chỉ có ăn gậy . . .

Bà cũng kể lại ông nghe những ngày mẹ con chui rúc, ở nhờ, ở đậu. Nay bị đuổi, mai bị xua . . . cực thân mình đã đành, tội nghiệp thằng con chẳng bao giờ dám mời bạn bè đến. Vì mấy khi chỗ ở đáng được gọi là nhà.

"Cái khổ không nhà gia truyền từ đời cha đến đời mình, đến cả đời con . . . không đi làm cách mạng thì kéo dài đến chừng nào?" Kết luận thầm lặng

của ông hôm đó tưởng như khúc khải hoàn chấm dứt chuỗi triền miên thống khổ...

Mấy hôm sau trung tá Sửu được cấp đại tá trước khi về hưu. Mọi cái đối với ông đều ở thế chấp nhận được. Một nửa cuộc đời đóng góp cho binh nghiệp, về hưu với vợ con và một mái nhà khang trang tự chủ, thiết tưởng chẳng còn gì phải vướng bận. Ông yên tâm với công việc cải tạo lại ngôi nhà theo ý riêng của mình. Vấn đề "lợi ích" lúc này đang bành trướng sâu vào các quan hệ xã hội. Nhưng đối với một người về hưu như ông, "lợi ích" chỉ quanh quẩn trong khuôn viên. Nghĩa là hiện tại ông đủ thì giờ để thực hiện quan điểm "lợi ích" của mình trong phạm vi xã hội đã phân ra cho ông. Villa Pensée vẫn nguyên vẹn với cấu trúc cũ, sát hàng rào cuối vườn là dãy trệt năm căn, chủ nhân cũ dùng làm chuồng ngựa. Từ chồng ngựa bước lên trăm bước, một nhà chữ A hai tầng xinh gọn với màu tím than của tường nhà và màu vàng tươi của các ô cửa. Màu ca-rô men xanh ngọc của thềm nhà làm nổi bật hàng cột chống lan can ốp đá trắng vân đen. Lùi bốn mét sát tường phía trái ngôi nhà là đầu hồi đổ bê-tông vuông vức dùng làm ga ra thoáng để xe du lịch. Một khu vườn đẹp, rộng hai nghìn mét vuông trước mặt tòa nhà chính. Một đường trải đá cuội trắng chạy từ cổng vào và chia đôi khu vườn mé trái là sân ten-nít, sàn lát bê-tông có những đường sơn kẻ biên. Mé phải là vườn hoa và một hồ kiểng méo mó kéo dài, trong đặt hòn non bộ, viền quanh bằng những cây liễu rũ cành tha thướt xuống mặt hồ. Giữa vườn hoa có đài phun nước bằng tượng tiên cá hai bên có hai chú hài đồng... Nói chung đây là một thiết kế hoàn toàn "nghệ thuật vị nghệ thuật" của bọn trưởng giả, chẳng giúp ích gì cho công cuộc hưu trí của ông, ông quyết cải tạo lại...

Đầu tiên ông sử dụng hồ kiểng làm hố ủ phân, cưa bớt những cây tùng cây liễu rậm rạp, kế đến là cạy sân ten-nít lên trồng khoai lang. Sau nữa chôn thêm vài cây cọc chung quanh tượng tiên cá, rồi lấy dây kẽm gỡ từ hàng rào cột vào đầu tiên cá, căng ra mấy cọc kế bên, kéo lan sang mấy gốc liễu (trụi cành)... Thế là ông có một giàn rộng, kiên cố, có thể thả lên đấy dăm bảy dây bầu, dây bí, lại thêm hố phân hỗ trợ, nên khoai lang, bầu, bí tốt đáo để... Thêm dăm con lợn quay vòng, cặp vợ chồng già đã biến Villa Pensée trưởng giả thành một tiểu công xã tự cấp tự túc...

*

Giữa tháng 11 năm 1988 ông nhận được một bức thư bất ngờ:

Sài Gòn ngày 03 tháng 11 năm 1988.

Kính gởi ông Trương Văn Sửu.

Tôi đã được phóng thích sau mười ba năm ở trại cải tạo của các ông. Và hơn mười năm qua ông đã ở không trả tiền tại Villa Pensée của tôi. Như thế là quá đủ đối với nợ máu của một "tay sai đế quốc" rồi phải không?

Vợ con tôi từ Pháp sẽ trở về, chúng tôi sẽ làm thủ tục xin lại căn nhà ông đang ở. Tôi viết thư này báo trước để ông khỏi bất ngờ và đủ thời gian chuẩn

bị. Đây là luật pháp của một xã hội văn minh mà một sĩ quan cao cấp như ông tất thừa hiểu.

Ông với tôi không xa lạ gì, nên mong rằng ông sẽ không gây nhiều khó khăn trong việc để căn nhà trở lại chủ cũ.

Cảm ơn — Chúc ông khỏe.

Lâm Quang Sang.

Nhưng bất ngờ lớn hơn là sau đó ít lâu ông được các đồng chí còn đương chức của mình mời đến xác nhận tính đứng đắn của bức thư trên.

Ông chưa hoàn hồn vì cái chuyện khó tin nhưng có thật ấy thì sáu tháng sau, vào một buổi trưa, một chiếc xe du lịch đời mới bóng nhoáng lao thẳng vào Villa Pensée. Ba người sang trọng bước xuống xe, đường hoàng tiến về phía ông Sửu đang đứng dựa cột, nhìn ra đường. Người đàn ông cao to, đầu bạc, đeo kiếng gọng vàng, mặc côm-lê xám đưa tay trước:

– Nếu tôi không lầm, đây là ông Sửu . . . dù đã ba mươi năm . . . – Vâng, tôi đây ông Sang – Chủ nhà bắt tay mặt và đưa tay trái đẩy cửa phòng khách.

– Xin mời các ông bà.

– Có lẽ tôi không cần nhắc lại . . . – Lâm Quang Sang lên lại lên tiếng trước.

– Không cần! Chừng nào anh đến ở?

– Mười lăm ngày nữa! – Lâm Quang Vinh – con trai Lâm Quang Sang trả lời kèm cái hất đầu về xấc xược về phía chủ nhà.

– Đáng ra chúng tôi không có đề nghị này, song ông đã làm hư hại nhiều quá nên chúng tôi buộc phải . . . – người đàn bà mặc váy xanh, áo lông trắng, mình mẩy đầy châu báu dùng một giọng cố kéo lơ lớ để than phiền về chuyện khoai lang mọc trên sân ten- nít và bầu bí bò trên vườn hoa . . .

Thế rồi đâu cũng vào đấy. Có thêm vai trò của chính quyền nên yêu cầu của mỗi bên đều được thỏa mãn. Đại khái là:

1. Bên đòi nhà được bồi thường một khoản tiền nhỏ tương đương với với công chăn nuôi, sản xuất của vợ chồng ông Sửu trong . . . ba năm.

2. Trong thời gian chờ đợi được phân một nhà khác, vợ chồng ông Sửu "được" quyền trú ngụ tạm thời tại . . . một trong năm căn chuồng ngựa cũ.

Hai bên cam kết thi hành các điều khoản đã ghi.

Trở về chủ cũ Pensée bừng nở, kiến trúc phục vụ nhu cầu "nghệ thuật hóa" đời sống của giới thượng lưu – hào hoa, lịch lãm, nay được "can" thêm đôi chút để tăng phần bề thế theo chiều sâu phù hợp với tư cách "Văn phòng của Công ty Kinh doanh Việt kiều".

Pensée phục hồi chủ sở hữu, phục hồi "nhan sắc" và đáng nói hơn: – phục hồi quyền lực tư sản, sức hấp dẫn của "mác Việt kiều" và sự liên tưởng về những con số đầu tư bằng đô-la (qua những lời hứa hẹn) đã giúp cho một số người, công kênh tàn tích đổi màu của chế độ vừa được đánh đổ bằng máu của chính họ.

Mới khai trương hơn tháng, khi hai chữ "đầu tư" vừa được công bố ở một quảng cáo . . . các kiểu xe hơi với các loại biển số nườm nượp đến viếng . . .

Có lần nghe tin bà giám đốc Việt kiều quyết định tặng nghìn đô-la để trùng tu lại nghĩa trang liệt sĩ, vị chủ tịch tỉnh xúc động đến mức gọi "nhầm" bà Việt kiều là . . . "đồng chí"! Hôm sau báo chí nhắc lại lần nữa coi như thay mặt cho hơn nghìn liệt sĩ nằm dưới đất cám ơn "hương hoa" của bà . . .

Những việc đó hằng ngày diễn ra trước mắt vị đại tá về hưu, lúc đầu ông cũng ấm ức bực bội. Song dần dần theo tác dụng của các loại tuyên truyền, ông phải tự nói với mình "Mười lăm năm rồi, . . . tất cả là người Việt Nam".

Ngay cả với lời hứa của những người có trách nhiệm về một căn nhà mới, thay cho gian chuồng ngựa vợ chồng ông đang tá túc làm ông hết hy vọng, hết chờ đợi và cũng hết bực bội. Sau năm bảy chục lần hẹn hò . . . Cũng may Chủ tịch một phường ngoại ô đã chiếu cố đến hoàn cảnh, cấp cho ông một khoảng đất dăm trăm mét vuông ở rìa thị xã. Vấn đề còn lại là cất nhà, bài toán chưa giải được là tiền.

Ông viết thư cho cậu con trai ở Liên Xô đề nghị nó hỗ trợ. Lá thư hồi âm chẳng mang thêm được gì về, ngoài chuyện trách móc: "Bố không hiểu chúng con phải sống, làm việc thế nào, thu nhập ra sao; nhưng nói dứt khoát rằng: đừng hy vọng vào nghề "ở đợ" nước ngoài của con hiện nay . . ."

Để chứng minh đam mê trưởng giả không bị mất đi sau mười mấy năm ở trại cải tạo, Lâm Quang Sang đã chọn được gần chục con ngựa khác xứ về nuôi. Hằng ngày lão bỏ tiền ra thuê cắt cỏ nuôi ngựa, lão trả giá rất hời nên nhiều người muốn làm việc ấy. Song lão chỉ muốn lấy việc này làm chuyện "giúp đỡ" cho con người đã từng gặp gỡ trong quá khứ với lão. Thế là hai vợ chồng vị đại tá Cộng sản già được bao thầu thức ăn cho các con ngựa trong thời gian dài để tích thêm tiền làm nhà.

Thịnh tình của thiếu tá bại trận đã được đại tá thắng trận ghi nhớ bằng "sự bảo đảm danh dự quân nhân" qua chất lượng các bao cỏ . . . Có lẽ ông cũng chưa quên là mình đã từng làm việc này cách đây bốn mươi năm.

*

Khi ông bà có được hai phần ba số tiền theo tính toán của căn nhà gỗ lợp lá giấy dầu thì cậu con trai trở về sau bảy năm làm thuê ở nước ngoài. "Khả năng" thì đúng như lời đã hứa trong thư – tay trắng . . .

Trước mặt bố mẹ, hắn "kiểm điểm" những hành vi thiếu khôn ngoan (mà hắn cho là "sĩ diện") dẫn đến sự trắng tay sau bảy năm . . . Ông già tính nhẩm cũng ra ngay giá của "danh dự" con trai ông vừa bảo tồn được . . . Dù sao cũng chỉ là sự hào nhoáng của kẻ nghèo . . .!

Sau một tuần nghỉ ngơi, hắn tính đến chuyện giúp bố mẹ thoát khỏi mùi phân ngựa.

Hắn gõ cửa bao nhiêu nơi, nhưng cả "năm thành phần kinh tế" đều không có nhu cầu về thứ lao động giản đơn đó, nên "chuyên viên đập búa năm kilôgam" (dù được đào tạo ở nước công nghệ tiên tiến) cũng đành thất nghiệp . . .

Cuối cùng hắn đành nối dõi ông già, vác bao đi cắt cỏ thuê . . .

Chiều đó trời nắng gắt, vợ chồng con cái lưng đẫm mồ hôi, cỏ mía cao ngang ngực, cạnh sắc như dao, cứa rát mặt, thêm chứng ngứa ngáy vì lông cỏ, bụi bặm, làm tăng cơn bực dọc vốn là căn bệnh âm ỉ lòng hắn từ khi trở thành người thất nghiệp đến giờ – "đời bất công, người sướng mãi, kẻ khổ triền miên... "Mẹ kiếp!" Hắn chửi.

– Con mệt về trước đi, bố mẹ rán thêm bao nữa về sau – Mẹ hắn bao giờ cũng dịu ngọt với con.

– Muốn bao giờ về thì tùy! Về trước đây . . .! – Hắn đáp sẵng giọng rồi chẳng cần nhìn ai, bỏ lại tất cả, lừ đừ cất bước.

Hắn mang cả dáng lừ đừ đó đi qua hai trụ cổng chung để ra phía nhà sau.

Tin . . . tin . . . Còi xe hơi thúc giục tránh đường . . . Mặc kệ! Hắn cứ đi . . . Tin . . . tin . . . Lại còn còi nữa!

– Điếc hả? – Qua kiếng xe hắn thấy khuôn mặt Lâm Quang Vinh hầm hầm, con bé ngồi cạnh cũng ngoe nguẩy, chau mày ra điều tức giận.

Chiếc xe sau còn sốt ruột hơn, hai ba cái đầu lau chau thò ra cửa kính hầm hè chửi rủa.

Hắn quay lại gườm gườm:

– Cái gì?

– Mẹ mày chớ gì . . . Chiếc xe đi đầu dấn ga vọt lên tưởng như muốn đè bẹp thằng "hạ đẳng" vô lễ. Nhưng không, tất cả đã khựng lại, người trên hai xe túa xuống . . . vung vẩy đe dọa bằng hành động. Thằng Vinh nhanh nhất nên một giây trước khi mọi người hiểu chuyện gì thì "tên xấc xược" đã lãnh trọn mũi giày vào ngực . . . Đau đớn ê chề trước cú đá của địch thủ và trước bao nhiêu con mắt khinh bỉ chung quanh, hắn lảo đảo đi về cái hốc trú ẩn trong chuồng ngựa, bỏ lại sau lưng chuỗi cười miệt thị và tiếng hét lanh lảnh của một vị quan chức nào đó.

– Gông cổ nó lại! Đồ bố láo . . . Gọi điện cho anh Hùng bên công an cho tôi . . .

Đầu óc u u loạng quạng, hắn mò mẫm vào đầu gường bố hắn. Phương tiện cuối cùng ông bố để dành cho hắn đây – khẩu súng lục còn mới tinh, với nguyên ổ đạn. Làm thủ tục kiểm tra cho cây súng "cất tiếng" xong, hắn đi ra, đưa chân khép cửa nhà. Hắn có thấy rõ hũ rượu ngâm thuốc của ông già còn đến hơn nửa, song không cần! Lúc này căm thù đã cho lại hắn sự dũng cảm vốn tiết kiệm từ hơn hai mươi năm nay. Cầm súng vững vàng, hắn hướng đến ngôi nhà trước mặt, nơi có tiếng ồn ào vui vẻ là nơi cần đến . . . Hắn choạng chân đứng giữa khung cửa đã mở toang hoang giữa phòng khách lớn. Một cuộc nói chuyện vui vẻ sặc sụa men bia và mịt mù khói thuốc. Cả thảy có bốn thằng đàn ông ngả nghiêng bên bốn con đàn bà lơi lả. "Chúng nó – bọn trưởng giả cũ và mới sung sướng, thỏa thuê vì tiền của, vì đe dọa hành hạ được người khác, những người có số phận không may, đáng chết . . ." Pằng . . .! Pằng . . .! Hai phát đầu tiên nhắm vào hai thằng góc trái. Các tròng mắt căng tròn tê liệt. Pằng . . .! Pằng . . .! Tiếp tục cho những đứa còn lại . . . Những

cây thịt kéo đồ đạc rổn rảng . . . Thằng cuối cùng, "thằng đáng ghét nhất đây", kính râm trên sóng mũi, mắt nhướng lên, tay rã rời trên mép bàn, "ông" phó giám đốc Việt kiều Lâm Quang Vinh bảnh bao hùng dũng đã ướt át và mềm nhũn . . . Pằng . . .! Pằng . . .! Một chấm đỏ nổi lên giữa cái trán trắng trẻo rịn mồ hôi. Pằng! Phát thứ hai làm cái chấm thành cái lỗ toác hoác đỏ lòm. Cái thân gọn gàng, vừa khít trong bộ com-lê khéo cắt đổ chồm lên đống lon, ly, tách trên bàn . . . Máu, các loại nước giải khát và cả nước dãi . . . lênh láng trên da đệm sa lông, trên kiếng mặt bàn, nhớp nhúa trên quần áo, da thịt người sống, kẻ chết . . . Có đứa con gái trúng đạn sây sát, có đứa không bị gì, nhưng tất cả đều lạc hồn mất trí, chồng chất ngổn ngang thành đống xác . . .

Mọi việc diễn ra bất ngờ, kết thúc nhanh gọn. Ngoài tiếng súng trong phòng chát chúa, tiếng đồ đạc đổ bể, phản ứng của gần chục cái mồm kia chẳng có gì đáng kể . . .

Mọi thứ đã giải quyết xong, tên sát nhân đàng hoàng đến tủ rượu, nhấc ra một chai còn nguyên tem vàng chóe, trở báng súng đập văng cổ chai rồi ngửa cổ khô đắng tu . . .

Còn viên đạn cuối cùng hắn tặng cho chân dung lão già mặc áo chùng, đội khăn đóng đeo mề-đay Pháp thuộc tên tường.

Hắn bắn vào người họ Lâm đã thành quá khứ . . .

*

– Lúc đó anh say rượu?

– Không!

– Thế sao miệng anh có mùi rượu?

– Tôi uống sau khi làm xong mọi việc.

– Anh có hối hận vì tội lỗi ghê gớm đó không?

– Có gì phải hối hận khi tôi đã có ý định từ hơn hai mươi năm trước.

– Tại sao anh không dành cho mình viên đạn cuối cùng theo thường lệ?

– Bởi viên đạn đó tôi phải dành cho một việc khác quan trọng hơn!

– Việc gì?

– Thay mặt ông nội tôi thanh toán món nợ . . .

– Anh có thể trở thành một người lương thiện được không?

– Chỉ có người lương thiện thật sự mới đám nổ súng vào sự đê hèn truyền kiếp! Tôi không muốn "con vua tiếp tục làm vua" . . . Cha tôi đã tìm cách thanh toán việc này bằng ba mươi năm chiến đấu có tổ chức. Tôi đã làm theo cách của tôi. Tự giải phóng mình khỏi số phận đê hèn là một việc thiện, ít nhất cho chính mình . . . Con tôi (nếu có) sẽ không bao giờ phải đi cắt cỏ ngựa thuê cho các thế hệ của dòng họ Lâm như ba đời trước nó . . . □

GABRIEL GARCÍA MÁRQUE
VỤ BẢN dịch

người tình trong mộng

truyện ngắn

Lời người dịch: *Gabriel García Márquez sinh năm 1928 tại Aracata, một làng nhỏ, xứ Colombia. Ông sống ở ngoại quốc (Mexico, Venezuela, Pháp và Tây Ban Nha) nhiều hơn là tại quê nhà. Ông theo học Luật khoa và Báo chí tại Đại học Quốc gia Bogotá, về sau làm phóng viên hải ngoại và bình luận gia phim ảnh cho tờ* El Spectador, *một nhật báo lớn của nước ông.*

Ngoài cuốn trường thiên Cien anos de solidad (Một Trăm Năm Cô Độc) *phát hành năm triệu bản khắp thế giới, ông còn viết nhiều tập truyện ngắn nổi danh, như* El Colonel No Tiene Quien Le Escriba (Không Ai Viết Thư Cho Đại Tá), La Hojarasca (Trận Bão Lá), Ojos del Perro Azul (Đôi Mắt Chó Xanh) *v.v... Mấy cuốn truyện gần đây như* El Amor En Los Tiempos de Cólera (Tình Yêu Vào Thời Dịch Tả) *hay* El Otonio del Patriarca (Mùa Thu Của Cha Già dân Tộc), *mực in chưa ráo, đã được xếp hạng vào loại kỳ thư thế giới. Gabriel García Márquez được giải thưởng Nobel năm 1982. Với hàn lâm viện Na Uy, văn chương ông khai thác, một cách sâu rộng và thâm trầm, về cuộc sống và thân phận con người.*

*Người ta gọi văn thể của ông là Hiện thực Huyền ảo (*Magical Realism*), cái hiện thực không dựa trên những chi tiết tỉ mỉ chính xác về hình hài của nhân vật hay địa hình địa vật của khung cảnh, mà nhằm tạo nên những đồng vọng thâm sâu nơi tiềm thức độc giả. Những cảm giác hay nhận định của trường phái này nhiều khi rất thiên lệch nếu so với kích thước vật lý của ngoại giới, nhưng lại vô cùng hiện thực nếu đối chiếu với tâm lý nhân vật.*

*

Người đàn bà nhìn tôi. Tôi tưởng lúc đó chúng tôi gặp nhau lần đầu. Nhưng khi nàng đi vòng ra sau cây đèn, và cái nhìn ướt át của nàng như dừng lại trên lưng trên gáy tôi, thì cảm giác lại quen thuộc quá.

Không, tôi nhớ ra rồi . . . Tối nay không phải lần đầu chúng tôi gặp nhau. Tôi châm điếu thuốc, kéo một hơi dài, cảm thấy khói thuốc vừa mạnh vừa gắt. Rồi tôi kiễng chân ghế, quay một vòng.

Bây giờ đối diện với nàng, tôi lại thấy nàng nhìn tôi, tựa hồ như đêm đêm nàng vẫn đứng bên cây đèn nhìn tôi như vậy. Mấy phút trôi qua, và chúng tôi yên lặng nhìn nhau.

Tựa lưng trên chiếc ghế ngả, tôi yên lặng ngắm nàng. Nàng yên lặng nhìn lại, đôi bàn tay ngón dài hong trên chiếc chụp đèn. Như mọi đêm, ánh đèn phản chiếu trên mí mắt nàng, quen thuộc quá. Tôi buột miệng nói, "Đôi mắt em giống mắt chó con . . . Xinh quá!" Nói xong, tôi bỗng nhớ ra tất cả mọi chuyện.

Tay vẫn hong trên đèn, nàng nói:

– Mật hiệu này của anh em mình, chắc chẳng bao giờ em quên được. Rồi nàng thở dài:

– *Đôi mắt chó con.* Em đã viết câu này lên khắp mọi nơi.

Nàng bước lại bàn phấn. Tôi ngắm nàng xuất hiện trong tấm gương tròn. Nàng nhìn tôi, tia nhìn của nàng đi vào đáy gương, bật lại, để tới mắt tôi theo một hành trình hình học đối xứng. Nàng trân trân nhìn tôi, đôi mắt mở to, nóng như than hồng. Vừa nhìn, nàng vừa mở chiếc hộp xa cừ nhỏ, lấy phấn ra thoa. Trang điểm xong, nàng đóng hộp phấn, đứng dậy, bước trở lại bên cây đèn. Nàng hỏi:

– Em sợ có người nằm mơ thấy căn phòng này, sẽ biết hết bí mật của em.

Nàng vừa nói vừa hong tay trước đèn, đôi bàn tay ngón dài run rẩy.

Nàng hỏi:

– Anh không thấy lạnh sao?

– Có khi anh cũng lạnh chứ.

– Bây giờ anh thấy lạnh, phải không?

Và tôi chợt nhớ đã ngủ một mình. Cái lạnh bỗng làm tôi ghi nhận cảnh sống đơn độc của tôi. Tôi nói:

– Ờ, em nói đúng. Bây giờ thì anh thấy lạnh. Kể cũng lạ, vì đêm nay lặng gió. Chắc chiếc mền lại tuột xuống đất rồi.

Nàng không trả lời, đi ra bàn phấn, và tôi lại quay ghế, xoay lưng lại nàng. Không cần nhìn, tôi cũng biết nàng đang làm gì. Tôi biết nàng đang ngồi trước gương, ngắm lưng tôi trong gương, và lấy son ra tô môi. Còn trước mặt tôi là bức tường phẳng lì như một tấm gương lớn. Đúng, xoay lưng mà tôi vẫn biết nàng đang làm gì, tựa như chiếc tường trước mặt tôi đã phản chiếu lại tất cả khung cảnh. Tôi bảo nàng:

– Anh thấy em.

Nhìn mặt tường phẳng, tôi tưởng tượng thấy nàng đang nhướng mắt lên nhìn lưng tôi qua tấm gương bàn phấn. Rồi tôi thấy nàng cúi xuống nhìn ngực mình, yên lặng, đôi mắt dừng nơi phần trên chiếc xú chiêng. Tôi nhắc lại:

– Anh thấy em thật đấy.

Tầm mắt nàng từ chiếc xú chiêng ngước lên gương nhìn tấm lưng tôi. Nàng bảo:

– Vô lý!

Tôi hỏi tại sao lại vô lý. Nàng cắt nghĩa:

– Tại vì anh đang quay lưng lại em.

Tôi xoay ghế lại, điếu thuốc vẫn gắn trên môi. Tôi nhìn về phía bàn phấn, nhưng nàng đã trở lại bên cây đèn. Nàng lại đưa hai tay lên đèn hơ, bàn tay xòe ra như đôi cánh con gà mái, bóng mấy ngón tay chiếu lên mặt nàng. Nàng nói:

– Có lẽ em bị cảm mất. Thành phố này sao mà lạnh như nước đá.

Khuôn mặt bây giờ nghiêng nghiêng bán diện, da nàng từ màu đồng cua trở thành đỏ ửng. Bỗng đượm vẻ u buồn, nàng lại nói:

– Anh làm gì cho em khỏi lạnh đi.

Và nàng cởi quần áo, từng món, từng món một, bắt đầu bằng chiếc xú chiêng. Tôi đề nghị:

– Để anh quay đi nhé.

Nàng trả lời:

– Đừng, anh. đằng nào thì anh cũng thấy em, dù anh có quay lưng lại như lúc nãy.

Nói dứt câu nàng đã thoát y xong, ánh đèn lấp lánh trên làn da màu đồng cua.

– Anh bao giờ cũng thích ngắm em như thế này, những ngấn da nơi bụng em . . .

Tôi biết mình ăn nói vụng về. Cảnh nàng khỏa thân bao giờ cũng làm tôi lúng túng, ngôn ngữ lôi thôi. Nàng trở lại bên cây đèn, hai tay ôm chụp đèn tìm hơi ấm. Nàng nói:

– Nhiều khi em nghĩ thân em làm bằng kim loại.

Nàng yên lặng giây lâu, hai tay nhẹ xoa chụp đèn. Tôi nói:

– Trong những giấc mơ khác, có khi anh tưởng em là một bức tượng đồng nhỏ bày trong một góc của bảo tàng viện. Chắc tại vậy mà khi nào em cũng thấy lạnh.

Và nàng trả lời:

– Nhiều khi nằm đè lên tim, em cảm thấy thân mình em như trống rỗng bên trong, da em như bằng đồng lá. Em nghe mạch máu em đập, vang vang như âm thanh của tất cả chất đồng trong em.

Nàng ép mình gần đèn hơn. Tôi nói:

– Anh ước ao có ngày được *nghe* em như vậy.

– Bao giờ anh em mình tìm được nhau, khi em ngủ, anh để tai lên sườn em bên ngực trái, anh sẽ nghe thấy chất đồng âm vang thành tiếng bên trong em. Ô, ước gì có ngày anh *nghe* được em như vậy.

Nàng kế tiếp, hơi thở nặng nề.

Nàng cho tôi hay đã nhiều năm nay, nàng đi tìm tôi. Nàng tìm tôi trong

đời sống thực của ban ngày, hy vọng nhận ra tôi qua mật hiệu "đôi mắt chó con" của hai đứa. Và đi đâu nàng cũng lớn tiếng nói câu mật hiệu đó, câu mật hiệu chỉ một người hiểu, con người độc nhất có khả năng đêm đêm đi vào giấc mộng của nàng, để nói với nàng là đôi mắt em xinh như đôi mắt chó con.

Nàng kể là đã bao lần vào tiệm ăn, trước khi gọi món ăn, nàng nói với người bồi câu "đôi mắt chó con". Và người bồi chỉ lễ phép cúi đầu, rõ ràng là anh ta chưa từng nói, cũng chưa từng nghe câu đó bao giờ, ngay cả trong khi ngủ mơ. Có khi nàng viết vào khăn ăn, hay lấy dao vạch lên vẹc ni bàn mấy chữ "đôi mắt chó con". Và nàng còn lấy ngón tay viết câu mật hiệu lên những mặt cửa kính đọng hơi nước, bất cứ ở đâu, ở nhà ga, ở khách sạn, hay ở cả công thự thành phố nữa . . .

Nàng lại kể có lần vào tiệm dược phẩm, nàng ngửi thấy một mùi đặc biệt, giống hệt như cái mùi một hôm xuất hiện trong phòng nàng, sau khi nằm mơ thấy tôi. Lúc đó nàng nghĩ:

– Chắc anh ấy chỉ quanh quẩn đâu đây.

Nàng bước tới người bán hàng, và nói với ông ta: "Tôi thường mơ thấy một người hay nói với tôi, 'Em có đôi mắt chó con'". Và nàng kể là ông bán hàng ngắm nàng giây lát, rồi đồng ý là đôi mắt nàng quả có như vậy. Khi nàng nói là phải tìm cho được con người trong giấc mơ vẫn nói với nàng câu ấy, thì ông bán hàng cho là nàng nói chơi, cười lớn rồi bỏ ra phía cuối quầy. Vẫn ngửi thấy mùi quen thuộc ấy, nàng mở ví, lấy cây son viết lên nền gạch men hàng chữ "đôi mắt chó con". Ông bán hàng trở lại, nhăn nhó : "Bà làm dơ hết cả sàn nhà rồi". Và ông ta đưa cho nàng chiếc giẻ ướt, bắt phải lau sạch những chỗ viết bậy.

Nàng ngồi bên đèn, kể tiếp câu chuyện.

Suốt buổi chiều hôm đó, nàng lom khom bò dưới đất chùi gạch men, miệng nhắc đi nhắc lại "đôi mắt chó con". Kẻ qua người lại tưởng nàng mất trí xúm nhau lại xem . . .

Đêm nay trong giấc mơ chung, kiễng ghế ngồi trong góc phòng, nghe nàng kể chuyện, tôi thú thật:

– Ngày nào anh cũng gắng nhớ câu mật hiệu ấy để tìm em. Ngày nào cũng tự nhủ là nhất định ngày mai anh sẽ không quên như mọi lần. Bao giờ anh cũng nói vậy mà đến khi thức giấc, lại không thể nào nhớ ra.

Nàng nói:

– Chính anh đã nghĩ ra câu đó, hôm anh gặp em lần đầu.

Tôi nói:

– Anh nói câu đó khi thấy mất em. Thế mà thức dậy lại không nhớ.

Nàng đứng bên đèn, đôi bàn tay nắm chặt, ao ước:

– Giá mà ít nhất anh biết được tên đô thị nơi em hay viết câu mật hiệu của tụi mình.

Hàm răng nàng lấp lánh ánh đèn. Tôi nói:

– Em. Giá mà anh được cầm tay em.

Đang nhìn đèn, nàng ngước lên tìm tôi. Toàn thân nàng phản chiếu ánh đèn, nóng bỏng, từ làn da cho đến đôi mắt. Nàng nói:

– Chưa bao giờ anh nói với em anh muốn cầm tay em như vậy.

Tôi nói:

– Anh nói với em bây giờ này. Và anh nói với em với tất cả đam mê.

Từ bên kia cây đèn, nàng xin tôi cho nàng điếu thuốc. Điếu thuốc tôi hút trong tay châm từ lúc nãy, đã cháy rụi lúc nào không hay. Nàng nói:

– Còn em, không biết tại sao em không nhớ em đã viết mật hiệu ở đâu.

Tôi nói:

– Anh cũng chẳng hơn gì em. Ngày mai là anh sẽ quên bẵng mật hiệu của tụi mình.

Nàng buồn bã:

– Nhiều khi em nghĩ là cả chuyện em ra phố viết câu mật hiệu của tụi mình, biết đâu chỉ là chuyện em ngủ mê . . . Lạnh quá, cho em điếu thuốc, anh . . .

Tôi bước lại cây đèn. Tay cầm thuốc lá và quẹt, tôi tiến lại nàng. Nàng ở bên kia cây đèn, hơi quá tầm tay tôi. Tôi đưa thuốc lá cho nàng. Nàng lấy môi đón nhận điếu thuốc. Tôi chưa kịp đánh diêm, thì nàng đã cúi mặt mồi thuốc vào đèn. Tôi nói:

– Có một đô thị trên thế giới, trên tường chắc phải chi chít những hàng chữ "đôi mắt chó con" do tay em viết . . . Nếu mà nhớ được mật hiệu của tụi mình, thế nào anh cũng tìm được em.

Nàng ngẩng đầu, điếu thuốc trên môi đã thắp, mắt nhắm hờ. Nàng thở dài:

– Ôi, đôi mắt chó con.

Rồi kéo một hơi thuốc, nàng nói:

– Thuốc ngon quá. Em thấy ấm lại rồi.

Giọng nàng trầm trầm, trôi trượt, tựa như không phải là nói. Tựa như nàng viết lời đó lên một mẩu giấy, đưa lên đèn cho tôi đọc, mảnh giấy bắt lửa tỏa ra hơi ấm, và khi nàng nói xong chữ "ấm lại rồi" thì mẩu giấy cũng vừa cháy xong, chút tàn tro rơi xuống sàn nhà. Tôi nói:

– Em ấm lại, anh mừng quá. Em lạnh làm anh phát sợ. Nhìn em đứng bên đèn, run rẩy thế ấy . . .

Chúng tôi gặp nhau thường xuyên, đã nhiều năm nay. Có lần hai đứa vừa xáp lại với nhau, thì có ai bên ngoài đánh rớt cái muỗng làm giấc mơ tan biến. Lần hồi chúng tôi ghi nhận là cuộc tình hai đứa bị cấm cản bởi những chuyện tầm thường chẳng đâu vào đâu. Những lần hò hẹn của chúng tôi bao giờ cũng bị gián đoạn như vậy, vì chỉ ai vô ý đánh rơi chiếc muỗng trên bàn điểm tâm, một buổi sớm mai . . .

Đêm nay nàng đứng bên đèn nhìn tôi. Và tôi nhớ nàng đã nhìn tôi như vậy trong quá khứ, kể từ một hôm đã lâu, trong mơ, khi tôi kiễng gế quay người,

bỗng thấy mình đối diện với người đàn bà xa lạ có đôi mắt giống đôi mắt chó con. Trong giấc mơ của buổi ban đầu hôm đó, tôi hỏi nàng:

– Cô là ai?

Và nàng bảo:

– Em không nhớ nữa.

Tôi nói:

– Tôi nhớ chúng ta đã gặp nhau ở đâu một lần.

Nàng bình thản:

– Em nhớ em đã mơ thấy anh một lần. Cũng tại căn phòng này.

Và tôi bảo nàng:

– Đúng rồi. Anh bắt đầu nhớ lại rồi.

Và nàng nói:

– Thật là kỳ lạ. Nhất định là chúng mình đã gặp nhau trong nhiều giấc mơ trước nữa . . .

Nàng kéo hai hơi thuốc liền. Tôi vẫn yên chỗ, ngồi nhìn cây đèn. Rồi tôi nhìn nàng. Nàng trông vẫn như đúc bằng đồng đỏ, nhưng không phải một thứ đồng cứng và lạnh, mà mềm mại, như nặn được, như bóp được. Tôi lại nói:

– Anh muốn ôm em quá.

Nàng trả lời:

– Đừng anh. Anh lại sắp làm hư hết mọi chuyện.

Tôi nói: – Mặc kệ, không sao đâu. Anh em mình chỉ cần lật gối ngủ lại, là được gặp nhau.

Tôi với tay về phía nàng. Nàng đứng yên. Và trước khi tay tôi chạm tới người nàng, nàng nói:

– Anh lại sắp làm hư hết mọi chuyện cho mà xem. Nhưng biết đâu, nếu anh chịu khó đi vòng ra sau cây đèn . . . anh với em biết đâu sẽ cùng nhau thức giấc, để cùng sợ hãi, cùng ngơ ngác thấy mình bỗng dưng ở một thành phố hoàn toàn xa lạ.

Tôi nài nỉ:

– Anh không sợ. Cho anh ôm em đi.

Và nàng nói:

– Chỉ cần lật gối ngủ lại, tụi mình sẽ gặp lại nhau. Chỉ có điều khi thức giấc rồi anh lại quên hết.

Tôi bỏ cuộc, bước về phía cuối phòng. Nàng ở lại chỗ, ngồi sưởi bên đèn. Chưa tới ghế, tôi nghe nàng nói:

– Lắm khi nửa đêm thức giấc, em ôm gối nằm đến sáng, lẩm nhẩm lập đi lập lại câu "đôi mắt chó con". Sợ quên.

Ngồi quay mặt vào tường, tôi nói mà không nhìn nàng:

– Trời sắp sáng rồi. Lúc đồng hồ đánh hai tiếng, anh còn thức. Từ đó đến giờ cũng đã lâu lắm rồi.

Tôi tiến về phía cửa. Lúc tôi nắm núm cửa, nàng vội nói:

– Đừng mở cửa, anh. Những giấc mơ ngoài hành lang không tốt đâu.

– Sao em biết?

– Em biết vì lúc nãy em vừa ra đó. Em đã phải trở về phòng, khi em khám phá ra là em nằm ngủ nghiêng sang bên trái, đè lên tim.

Tôi mở hé cửa. Có làn gió nhẹ mang lại mùi đất vườn rau ai mới cuốc vỡ, và mùi đồng ruộng đẫm nước. Tôi tiếp tục mở cửa và nói với nàng:

– Làm gì có hành lang ngoài này. Anh chỉ ngửi thấy mùi đồng quê.

Nàng bảo tôi, giọng xa vắng:

– Tin em đi, em biết rõ hơn anh. Đồng quê nào đâu, chẳng qua là ngoài đấy có người đàn bà đang nằm mơ thấy cảnh thôn dã ấy mà.

Hai tay ôm chụp đèn, nàng nói tiếp:

– Ô, người đàn bà đó luôn luôn mơ ước một ngôi nhà nơi thôn dã, vậy mà không bao giờ bà ta được rời khỏi thành phố.

Bây giờ nàng nhắc tới, tôi mường tượng nhớ lại đã gặp người đàn bà đó trong những giấc mơ trước. Nhưng tôi cũng biết, cửa phòng bây giờ hé mở rồi, nửa giờ nữa là tôi phải xuống ăn điểm tâm. Và tôi nói:

– Đằng nào anh cũng phải ra khỏi phòng để thức giấc.

Bên ngoài, gió thổi lất phất một lát rồi lặng. Tôi nghe thấy tiếng thở dài, và tiếng người say ngủ bỗng vừa cựa mình trong mơ. Gió từ đồng nội đã tắt, và những mùi hương lúc nãy đã tan biến đâu mất. Tôi nói:

– Ngày mai, nhất định anh sẽ nhớ em, nhờ mật hiệu của chúng mình. Ngày mai anh sẽ tìm người đàn bà cầm son viết lên trên tường hàng chữ "đôi mắt chó con".

Còn nàng, nụ cười buồn trên môi, nụ cười đầu hàng, nụ cười cam phận, nàng như không còn mong đợi những chuyện ngoài tầm tay, những chuyện không bao giờ bắt được. Nàng nói với tôi:

– Tỉnh dậy, anh lại quên hết cho mà coi.

Nàng lại hong tay lên chụp đèn, dung nhan u hoài:

– Anh là người độc nhất mà khi tỉnh giấc mơ, không bao giờ chịu nhớ lại mình đã mơ những gì. □

RAYMOND CARVER
VỤ BẢN dịch

chiếc xe cũ

truyện ngắn

Lời người dịch: *Raymond Carver sinh năm 1939 tại Clatskanie, tiểu bang Oregon. Ông sống nhiều ở Port Angeles, tiểu bang Washington, và qua đời ở đó năm 1988. Mặc dù chết trẻ, ông đã thành công lẫy lừng trong văn nghiệp (National Endowment for the Arts Grants; Mildred and Harold Strauss Living Award 1983; Livinson Prize, tuần báo Poetry 1985; Hội viên American Academy and Institute of Arts and Letters 1988; Tiến sĩ văn chương, Harford University 1988; Brandeis Citation in Fiction cũng 1988).*

*

Chuyện chính là phải bán tống bán tháo chiếc xe đi, và Lân giao cho vợ việc này. Tuyết thông minh, bộ điệu lại dễ thương. Ngày xưa nàng làm nghề bán tự điển bách khoa nhi đồng, đã từng đi gõ cửa từng nhà để chào hàng. Hồi ấy Lân quen nàng vì mua tự điển. Nàng đã thuyết phục Lân mua một bộ từ điển nhi đồng, dù bấy giờ Lân đâu đã con cái gì. Từ mua bán đến chỗ hẹn hò, và từ hẹn hò đến chỗ nên vợ nên chồng hôm nay.

Chiếc xe phải bán ngay để lấy tiền mặt, mà phải thanh toán tức thì. để đến mai, nhỡ luật sư đòi xiết nợ là mất toi. Lân biết chủ nợ đã nghe phong thanh và đã rục rịch. Hôm qua luật sư của chàng đã gửi thư bố cáo đi các nơi. Tuy nhiên thứ hai này, chàng ra tòa ký giấy hoàn tất thủ tục vỡ nợ là thoát.

Nghe nói phiên tòa thì chẳng có gì đáng ngại. Ông tòa sẽ hỏi vài câu và Lân sẽ phải ký vài chữ vào xấp văn kiện là xong. Nhưng chiếc xe bỏ mui này phải bán ngay hôm nay, ngay chiều nay mới ổn. Tất nhiên là hai vợ chồng sẽ được giữ chiếc xe của Lân. Nhưng chiếc xe bỏ mui của Tuyết, thứ hai mà còn

thì thế nào tòa cũng tịch thu.

Tuyết trang điểm. Đã bốn giờ chiều rồi mà nàng trang điểm vẫn chưa xong. Thế này thì các tiệm mua bán xe cũ sẽ đóng của mất. Lân sốt ruột quá, nhưng Tuyết vẫn dềnh dang. Nàng mặc bên trong chiếc *blouse* trắng mới cổ tay viền ren trắng, bên ngoài diện bộ áo mới, đi giày cao gót mới. Nàng chuyển đồ từ chiếc ví cói thường mang sang chiếc ví da mới. Nàng cầm chiếc túi da cá sấu nhỏ đựng son phấn lên ngắm nghía rồi bỏ luôn vào ví. Tuyết đã sửa soạn cả hai giờ đồng hồ rồi. Lân đứng cửa phòng tắm sốt ruột ngắm vợ. Nàng nói:

"Anh cứ đứng ám làm em cuống cả lên. Thôi, hỏi anh cái này nhé. Anh trông em có đẹp không?"

"Đẹp lắm. Đi mua xe mà gặp em là anh mua liền," Lân trả lời.

Nàng vừa soi gương vừa nói:

"Nhưng anh làm gì có tiền mà mua xe của em. Mà anh lại thành tích tài chánh bất hảo nữa. Anh không đủ tư cách mua xe của em."

Rồi tìm mắt chồng trong gương nàng chữa:

"Giỡn chơi tí mà, đừng giận nghe anh. Nhưng mà chuyện này phải có tay em mới xong. Để cho anh thì được ba bốn trăm là may. Anh, em sợ anh mang xe đi bán có khi còn phải các tiền cho họ nữa."

Nàng vỗ nhẹ mái tóc bồng lần chót, tô lại môi rồi ngậm miếng giấy *kleenex* để thấm bớt son thừa. Nàng quay lại với chiếc ví. Nàng lại nói:

"Tối nay thế nào cũng phải ăn với người ta. Anh biết đấy, dân mua bán xe cũ mà, em đi guốc trong bụng bọn họ. Nhưng đừng lo, em không sao đâu. Em biết cách trị."

" Trời đất. Em nói như vậy làm gì."

Nàng nhìn chồng:

"Chúc em đi may mắn đi anh."

"Chúc. Mà này, đừng quên thẻ chủ quyền."

Nàng gật đầu. Lân theo vợ ra cửa. Chàng ngắm vợ, dáng cao ráo, bộ ngực tròn, đôi chân dài. Vợ xinh quá. Bất giác Lân đưa tay gãi cổ. Chàng nói:

"Chắc không? Kiểm lại coi, em." "Em có thẻ chủ quyền mà."

"Thì cứ kiểm lại cho chắc."

Nàng định nói gì nhưng lại thôi. Nàng ngắm mình trong tấm kính cửa sổ, vừa ngắm vừa lúc lắc mái đầu.

Chàng nói:

"Thế nào cũng gọi về nhé. Công chuyện đến đâu cũng cho anh hay."

"Em sẽ gọi. Hôn em tí đi. Chỗ này này."

Chỉ ngón tay vào góc mép, nàng dặn:

"Cẩn thận khéo hỏng hết son của em."

Chàng mở cửa cho vợ.

"Em định vào hiệu nào trước?" Lân hỏi.

Nàng bước ngang qua mặt chồng, đi ra cổng.

Lão Vinh bên kia đường đang nhìn sang. Hôm nay lão mặc quần đùi Bermuda, mỡ bụng chẩy ra đằng trước, tay cầm vòi nước tưới cây, tọc mạch nhìn vợ chồng Lân. Chàng bỗng nhớ lại một hôm mùa đông năm ngoái, nhân dịp Tuyết dẫn con về thăm bố mẹ, chàng đem gái về nhà. Sáng hôm sau, một sáng thứ bảy trời đầy sương mù, chàng tiễn người đàn bà ra cửa thì gặp ngay lão đang cầm tờ báo đứng trên vỉa hè. Lão không nói gì, tờ báo cuộn tròn đang cầm tay, lão đập mạnh vào đùi cái bốp.

Tiếng lão đập báo bây giờ như còn văng vẳng bên tai, Lân ngượng ngùng so vai lên, làm bộ hỏi vợ:

"Em định mang xe đi bán ở đâu?"

"Em tính bắt đầu từ cuối dãy, lần lượt đi lên, tiệm nào cũng thử."

"Cứ đòi chín trăm trước, rồi bớt sau. Anh biết giá thị trường rẻ mạt cũng chín trăm, dù lấy tiền mặt."

"Em biết cách mà."

Lão Vinh quay vòi nước về phía đường, mắt vẫn nhìn hai vợ chồng Lân.

Lân nói với vợ:

"Thì anh dặn cho chắc."

Nàng nói:

"Yên tâm. Thôi, em đi nhé."

Chiếc xe đem bán là xe của vợ. Và vì vậy Lân càng đau lòng. Hai vợ chồng mua chiếc xe này mùa hè ba năm trước. Hồi đó trẻ con đã đi học, nên rảnh rang nàng đi bán hàng trở lại. Còn Lân sáu ngày một tuần làm trong hãng chế tạo thủy tinh sợi. Với hai lợi tức, có lúc tiền vào tiêu không xuể. Hai vợ chồng lấy ra một ngàn đặt cọc mua trả dần chiếc xe bỏ mui. Tháng tháng lại trả gấp hai gấp ba, trong vòng một năm mua đứt chiếc xe. Lúc nãy khi nàng bận trang điểm, Lân đã ra xe lấy bộ kích cất đi, và dọn sạch những đồ lặt vặt trong ngăn kéo xe. Xong xuôi, chàng lấy vòi nước rửa xe, lau chùi láng bóng.

Lân vỗ nhẹ lên vai vợ, khẽ nói:

"Đi cho mau mắn nghe em."

Nàng gật đầu, nhưng Lân biết nàng đã nghĩ sang chuyện khác. Lân biết nàng đang nghĩ đến chuyện bán xe với những tính toán thương lượng giá cả ... Chàng nói:

"Em, rồi chúng mình sẽ khấm khá trở lại. Thứ hai này ta bắt đầu lại. Nhất định là sẽ khá, nghe em."

Bên kia đường lão Vinh nhìn hai vợ chồng rồi quay mặt đi. Lão nhổ nước bọt xuống đất. Nàng ngồi vào xe, lấy thuốc ra châm.

Lân nói:

"Ngày này tuần sau ... Mọi chuyện rồi cũng thành chuyện cũ."

Tuyết lùi xe ra ngoài đường, Lân vẫy tay theo. Nàng sang số và rồ ga, chiếc xe lướt đi, tiếng lốp cao su rào rạo trên đường.

*

Lân vào bếp rót ly rượu mang ra sau vườn ngồi uống. Nhà vắng tanh, trẻ

con đã gửi hết về đằng bà nội. Ba bữa trước Lân nhận được lá thư nhàu nhĩnh, bì đề bằng bút chì, lá thư độc nhất không phải của chủ nợ đòi tiền. Con chàng kể là chúng nó sướng lắm, bà nội chiều chúng nó lắm. Bà nội lại có con chó đặt tên là *Ông Sáu*, thật dễ thương. Sau cùng là con xin hết lời . . .

Chàng rót thêm ly rượu nữa. Lúc thả mấy cục đá vào ly, chàng bỗng thấy tay run run. Lân quan sát bàn tay. Đặt ly rượu xuống, chàng xòe cả hai tay ra trước, ngắm nghía. Rồi chàng mang ly rượu ra bực cửa ngồi uống. Mơ màng, Lân nhớ một hôm còn bé được bố chỉ cho coi một tòa biệt thự khang trang sơn trắng, giữa vườn táo, có hàng rào gỗ trắng bao quanh. Bố nói, "Nhà ông Phương đó. Đẹp quá hở con. Vậy mà ông này đã bị vỡ nợ ít nhất là hai lần đấy." Lúc ấy Lân nghĩ vỡ nợ thê thảm lắm. Nó nhắc đến hình ảnh những công ty sụp đổ, ban giám đốc người thì cắt cổ tay, người thì nhẩy lầu tự tử, đường phố cả ngàn người chết.

Lân nghĩ đến cảnh mình. Chàng và Tuyết vẫn còn giữ được đồ gỗ trong nhà, và áo quần cho con cái. Còn gì nữa nhỉ? À, còn mấy cái xe đạp đã đem đến nhà bà nội cất. Cái máy điều hòa không khí, máy giặt máy xấy, xe vận tải đã tới chở đi từ mấy tuần trước. Hết rồi sao? Chàng rán nhớ . . . À, còn ít đồ tập tành lắt nhắt, những vật dụng đã hỏng, những máy móc bộ phận đã rã rời rơi rụng từ lâu.

Nhưng Lân cũng nhớ nhiều chuyện vui trong trong quá khứ. Những bữa chè chén, những lần đi chơi đây đó. Đi Reno hay Tahoe chơi, hạ mui xe xuống phóng như bay 80 dặm một giờ, máy radio mở lớn. Lại còn vụ ăn uống hả hê . . . Nhà này chi vào đồ ăn cả bạc ngàn. Tuyết đi chợ thấy gì ngon cũng bỏ vào xe. Nàng thường nói, "Thuở bé bố mẹ nghèo, em cái gì cũng phải nhịn. Con em sẽ không còn phải thèm nhạt thứ gì nữa." Nàng phân trần tựa hồ Lân không muốn cho lũ trẻ ăn uống đầy đủ. Tuyết lại thích mua sách. Thấy hội bán sách nào quảng cáo trên báo, nàng cũng đăng ký. Mỗi khi mở những gói sách nặng bưu điện vừa gửi tới, nàng lại nói, "Thuở bé, nhà em chẳng có lấy một cuốn sách mà đọc . . ." Nàng còn đăng ký với những hội bán đồ âm nhạc để có đĩa hát mà chơi với giàn máy mới. Mua cả chó nữa. Con chó nhỏ Ginger, vừa trả tiền 200 đồng, tuần sau đã bị xe cán chết ngoài đường. Hai vợ chồng thứ gì cũng mua, thứ gì cũng sắm, không sẵn tiền thì mua chịu trả góp.

Áo lót Lân ướt sũng, mồi hôi chẩy dưới cánh tay có giọt. Ngồi trên bực cửa, chiếc ly cạn trong tay, chàng lặng ngắm bóng tối lên dần trong sân. Chàng vặn mình rồi đưa cườm tay lên chùi mặt. Chàng lắng nghe tiếng động ngoài xa lộ vẳng lại, và rồi miên man nghĩ tới chuyện xuống nhà kho dưới hầm, leo lên chiếc bàn giật lấy dây lưng treo cổ. Chàng giật mình thấy mình vừa muốn tự vận.

Lân vào nhà. Chàng pha ly rượu lớn, mở TV, và sửa soạn đồ ăn. Chàng ngồi xuống bàn mở hộp đậu xay ăn với bánh quy mặn, vừa ăn vừa coi TV. Họ đang truyền hình câu chuyện người thám tử mù. Chàng dọn bàn, rửa bát đĩa

lau khô cất đi. Sau cùng chàng nhìn đồng hồ.

Chín giờ hơn. Vợ đi đã gần năm giờ rồi, chàng tính nhẩm.

Lân đổ thêm rượu, pha chút nước lã, rồi mang ly vào phòng khách. Chàng ngồi xuống sofa, nhưng lưng mỏi và cứng đơ nên không tựa vào thành ghế được. Chàng vừa coi TV vừa nhấm nháp uống, chẳng mấy chốc cạn ly. Chàng đi rót thêm rượu rồi lại ngồi xuống. Đài vừa đổi sang một chương trình mới. Thế là đã mười giờ. "Khổ quá. Không biết lại xẩy ra chuyện gì nữa đây?" Lân nghĩ. Lân xuống bếp rót thêm rượu. Chàng trở lại ghế ngồi, yên lặng, mắt nhắm. Lát sau điện thoại reo.

"Em đây," tiếng vợ bên kia đầu dây.

Lân nói:

"Em ở đâu vậy?"

Có tiếng nhạc dương cầm trong điện thoại.

"Em cũng không biết. Em đang uống một ly giao tế với khách. Lát nữa sẽ đi ăn cơm tối với ông ta ở một chỗ khác. Ông ta là quản lý tiệm mua bán xe cũ. Hơi lỗ mãng một chút, nhưng không sao. Ông ta thuận mua chiếc xe. Thôi em phải đi bây giờ. Em đang đi nhà tắm thì thấy điện thoại nên gọi cho anh hay."

"Bán được xe không em?"

Lân vừa nói vừa nhìn ra sân, chỗ vợ thường đậu xe.

Nàng nói:

"Em đã nói với anh rồi. Em phải đi bây giờ."

Lân nói:

"Khoan đã em. Đợi một phút. Có bán được xe không?"

Nàng nói:

"Lúc em đứng dậy thì hắn đang mở cuốn chi phiếu ra. Mà em cúp đây. Em phải đi nhà tắm."

Chàng lên giọng:

"Khoan đã."

Nhưng đường dây đã tắt, và chàng chỉ còn nghe thấy tiếng máy o o. Lân đứng sững, tay cầm ống nghe, bực tức.

Lân đi vòng quanh bếp trở lại phòng khách. Chàng bồn chồn, đứng lên ngồi xuống không yên. Chàng vào nhà tắm đánh răng súc miệng, không quên lấy dây tơ ra chà kẽ răng. Chàng rửa mặt rồi trở lại bếp. Lân lại nhìn đồng hồ, rồi lấy một chiếc ly sạch ra đổ đầy nước đá. Lân nhìn chiếc ly một lát nhưng bỏ ly lại trong chậu rửa bát.

Lân tới đầu sofa ngồi, chân gác lên cuối sofa. Chàng không chú tâm nổi để coi TV. Lân xoay vòng chiếc ly rượu trong tay, muốn đưa vành ly lên miệng mà cắn cho hả. Chàng trăn trở giây lát rồi tính đi ngủ, tuy biết rằng nếu ngủ chàng lại sẽ nằm mơ giấc mơ kỳ cục trong đó có người đàn bà phì nộn tóc bạc trắng. Trong giấc mơ này, chàng luôn luôn đang cúi xuống buộc giày, ngẩng lên thấy bà ta, để lại cúi xuống buộc giày như cũ. Lân đưa bàn

tay ra trước mặt nhìn, các ngón từ từ nắm lại thành một quả đấm. Điện thoại lại reng.

Lấy lời nhẹ nhàng, chàng hỏi:

"Em ở đâu vậy?"

"Em đang ở tiệm ăn," giọng nàng vui tươi mạnh dạn.

"Tiệm ăn nào vậy em?"

"Tiệm ăn dưới phố. Hình như là tiệm New Jimmy. (Nàng nói với người bên cạnh) — Đây là tiệm New Jimmy phải không? (Trở lại với Lân) — Đúng rồi anh, tiệm New Jimmy. Mọi chuyện tốt đẹp, gần xong rồi, ông ấy sẽ đưa em về nhà."

Chàng nói, ống nghe áp vào tai:

"Cưng. Cưng này . . ."

Nàng nói:

"Em phải đi bây giờ. Em gọi cho anh yên tâm. Này đoán thử xem. đoán thử em bán được bao nhiêu?"

Chàng nói:

"Em à . . ."

Nàng nói:

"Sáu trăm hai mươi lăm đồng. Chi phiếu trong ví em đây. Ông ấy nói xe bỏ mui bán không chạy. Mình số đỏ, gặp quí nhân phù trợ, phải không anh? (Nàng cười trong máy) Em kể thật hoàn cảnh tụi mình với ông ta. Em nghĩ mình cũng chẳng cần giấu làm gì."

"Em à . . ."

"Chuyện gì vậy anh?"

"Đâu đến nỗi phải thế . . ."

Nàng lại nói:

"Ông ta bảo ông ấy ái ngại cho chúng mình. Kể ra mồm mép con buôn hơi đâu mà tin . . . Nhưng ông ấy nói vỡ nợ khổ quá. Chẳng thà mang tiếng là trộm cắp hay hiếp dâm còn hơn . . . Kể ra thì ông ta cũng tử tế."

Lân nói:

"Về nhà ngay đi em. Lấy taxi mà về."

"Không được, em đã nói với anh, ăn đã xong nửa bữa rồi."

"Anh tới đón em."

"Đừng anh. Cũng sắp xong rồi. Em đã nói với anh mà. Vụ ăn tối kể như . . . là có trong thương lượng. Mấy người này hảo ngọt, vơ được cái gì là vơ. Nhưng anh đừng lo, em trị được đám này. Sắp xong rồi. Lát nữa là em về đến nhà."

Nàng gác máy.

Mấy phút sau Lân gọi lại nhà hàng New Jimmy. Có giọng đàn ông trả lời:

"Xin lỗi, nhà hàng đã đóng cửa."

"Làm ơn cho tôi nói chuyện với nhà tôi."

"Bà nhà làm việc ở đây? Bà nhà tên gì?"

"Không, nhà tôi là khách hàng. Nhà tôi đi ăn với một người bạn . . . À, một người thương gia."

"Tôi đã gặp bà nhà bao giờ chưa nhỉ? Xin cho biết tên?"

Lân nói:

"Tôi không nghĩ là ông quen nhà tôi."

Rồi chàng nói tiếp:

"Nhưng không sao. Nhà tôi đã về đây rồi."

"Cảm ơn ông đã gọi đến hiệu."

Lân bước vội ra cửa sổ. Có chiếc xe lạ chạy ngang qua nhà, chậm lại, nhưng lại tăng tốc lực chạy đi.

Lân ngồi đợi. Khoảng hai giờ sau, điện thoại lại reo. Lân cầm lên, chỉ thấy tiếng o o, không có ai bên đầu dây bên kia. Giận dữ chàng hét vào ống máy:

"Anh đây."

*

Gần sáng có tiếng chân ngoài cổng. Lân nhổm dậy, thấy chiếc TV để quên máy kêu rù rì, mặt TV lốm đốm như tuyết rơi. Chàng mở cửa. Nàng loạng choạng bước vào, vừa đi vừa đụng tường. Nàng nhe răng cười. Khuôn mặt nàng sưng húp như người uống thuốc ngủ vừa thức giấc. Nàng liếm môi, cúi đầu né tránh khi thấy Lân cung tay. Nàng sàng qua sàng lại.

"Cứ việc đánh đi," nàng nói, giọng nhờ nhợ. Nàng vẫn đứng trước Lân, thân hình lao chao. Miệng ú ớ, nàng lao tới Lân, nắm lấy cổ áo, xé toạc cả đằng trước. "Đồ vỡ nợ!" nàng hét lớn. Nàng vung tay, xé toang chiếc áo lót mình của Lân. "Đồ khốn kiếp!" nàng vừa chửi vừa cào cấu.

Lân vặn cổ tay vợ. Gỡ được Tuyết ra, Lân lùi lại, quờ quạng xung quanh tìm quanh vật gì để phang vợ. Nhưng nàng đã bước vào phòng ngủ, chân loạng choạng, miệng chửi, "Đồ vỡ nợ". Lân nghe vợ ngã xuống giường, miệng vẫn lầu nhàu rủa chồng.

Lân đứng yên một giây nghe ngóng, rồi đi lấy nước lạnh vục vào mặt mình cho tỉnh. Chàng vào phòng ngủ. Chàng bật đèn, đứng nhìn vợ, rồi bắt đầu thay quần áo cho vợ. Nàng ú ớ nói mơ, tay chân quờ quạng. Đẩy qua đẩy lại, sau cùng Lân cởi được quần áo ngoài cho nàng. Cởi tới quần lót của vợ, Lân bất giác đưa lên đèn quan sát một giây, rồi ném vào xó nhà. Chàng vén chăn đắp lên người vợ.

Xong xuôi chàng lục ví vợ. Lân đang xem tấm chi phiếu thì có tiếng xe lái vào cổng. Nhìn qua màn cửa, chàng thấy chiếc xe bỏ mui của vợ đang đậu trước nhà, máy chạy rù rì, đèn pha sáng chưng. Chàng chớp mắt, thấy một người đàn ông cao lớn đi vòng quanh mũi xe bước tới thềm đặt một vật gì trên bực tam cấp. Y quay đầu tính trở lại xe. Y mặc một bộ đồ bằng vải đũi trắng.

Lân bật đèn cổng, mở cửa cẩn thận bước ra. Chàng thấy chiếc túi da nhỏ dựng son phấn của vợ nằm trên thềm cửa. Bên kia chiếc xe, người đàn ông nhìn Lân, rồi chui vào xe. Y thả thắng tay ra.

"Này đợi chút," Lân lên tiếng gọi người lạ mặt và rảo bước xuống thềm.

Lân bước vòng qua mũi xe trước ánh đèn pha, và người đàn ông đạp thắng. Chiếc xe bị hãm kêu cọt kẹt. Lân nhét đuôi áo sơ mi vào quần.

Người đàn ông hỏi:

"Ông muốn gì? Tôi phải đi bây giờ. Cảm phiền . . . Tôi chẳng qua chỉ là người mua xe bán xe. Bà nhà bỏ quên túi đồ trang điểm, tôi mang lại trả. Bà nhà là một người đàn bà lịch sự. Thật là hiếm có. Mà chuyện gì vậy?"

Lân tựa vào cửa xe, cúi xuống nhìn người đàn ông. Hắn nhấc tay khỏi bánh lái, rồi lại đặt tay lại chỗ cũ. Hắn gài số lùi, và chiếc xe nhích về phía sau một chút.

Lân liếm môi, lên tiếng:

"Tôi bảo cho mà biết . . ."

Đèn phòng ngủ lão Vinh hàng xóm bỗng bật sáng. Màn cửa sổ của lão bị kéo vụt lên. Lân lắc đầu, rồi đổi ý, đứng thẳng lên, tay nhét áo vào quần. Chàng lùi lại.

"Thứ hai này . . ." Lân nói.

Mắt vẫn canh chừng như sợ Lân bất thần bạo động, người đàn ông nói:

"Phải rồi, thứ hai phải không . . ."

Lân khẽ gật đầu.

Người lạ hắng giọng:

"Thôi chúc ông ngủ ngon. Bỏ qua đi, đừng có bận tâm nhiều quá, nghe tôi đi. Thứ hai này phải không? Thôi nhé."

Hắn thả thắng, lùi xe lại độ thước tây. Bỗng hắn lại đạp thắng. Dừng xe lại, hắn nói:

"Này, cho hỏi cái này. Bạn với nhau cả, nói thật nhé. Cái xe cũ này . . . À, cây số trên đồng hồ là thật đấy chứ?"

Hắn đợi Lân trả lời một giây. Rồi hắng giọng, hắn nói tiếp:

"Thôi cũng không sao . . . Đằng nào thì cũng không sao . . . Thôi tôi đi đây Đừng có bận tâm quá nhé."

Người lạ lùi xe ra đến đường, lái vội đi, giây lát đã mất hút góc phố.

Lân đi vào, khóa cửa. Khóa xong chàng xoay thử quả nắm cho chắc. Chàng bước vào phòng ngủ, lại khóa cửa. Lân lật mền, ngắm vợ nằm khỏa thân trên giường. Rồi Lân tắt đèn, cởi quần áo xếp gọn ghẽ dưới sàn, và len vào nằm bên vợ.

Lân nằm ngửa suy nghĩ, tay mân mê xoa bụng. Chàng nhìn cánh cửa phòng ngủ lờ mờ trong ánh nắng sớm từ ngoài chiếu vào. Rồi chàng lăn qua tìm vợ. Chàng sờ bụng vợ, vuốt nhẹ những vết nứt trên da nàng. Lân nghĩ những vết nứt trên da thịt vợ giống như những con đường nhỏ trên tấm bản đồ, và lấy ngón tay vạch theo. Chàng vuốt lui vuốt tới một vết nứt dài, rồi chàng vuốt sang vết nứt bên cạnh. Bụng vợ chỗ nào cũng có vết nứt, cả tá, cả trăm. Lân bỗng nhớ đến buổi sáng đầu tiên sau hôm mua xe cho vợ, chàng thức giấc nhìn qua cửa sổ thấy chiếc xe nằm dưới sân, lộng lẫy bóng bẩy trong nắng mai. □

KONSTANTIN PAUSTOVSKY
KIM ÂN dịch

đêm trắng

truyện ngắn

Konstantin Paustovsky là một tên tuổi lớn trong văn học, không phải chỉ ở Nga mà cả trên toàn thế giới. Truyện ngắn Mưa Trong Bình Minh *của ông là một tác phẩm được nói đến nhiều nhất ở Việt Nam, trước và sau 1975, qua cái không khí mù sương trong truyện, và những nhân vật của ông hiện ra nhẹ nhàng một cách khốc liệt. Truyện vừa* Bông Hồng Vàng, *một "sơ kết kinh nghiệm của ông về nghề văn, kinh nghiệm của bản thân ông, của những người quen ông, và cả kinh nghiệm của các bậc tiền bối" là một tác phẩm Paustovsky tặng cho thế hệ những người cầm bút sau này.*

Bông Hồng Vàng *là những suy nghĩ của một người cầm bút về cái vinh và cái nhục của một nhà văn. Theo Paustovsky, tác phẩm văn học cũng giống như bông hồng vàng, nó phải đem hạnh phúc đến cho người khác, nó làm cho người ta yêu đời và yêu người hơn.*

Cái rộng lớn của văn chương Konstantin Paustovsky chính là vì ông đã không để cho văn chương ông bị cái "thời thế" và cái "vấn đề" đè bẹp. Văn chương ông rất mực quan tâm đến con người. (Xem thêm bài Cơn khủng hoảng của truyện ngắn . . . *của Nguyễn Mộng Giác trong số này).*

*

Cái tàu thủy chở khách cũ kỹ nhổ neo rời bến Vôznhêxinhiê và chạy ra hồ Ônhôga.

Chung quanh là đêm trắng mênh mông. Lần đầu tiên tôi được thấy một đêm như thế không phải trên dòng sông Nêva và những cung điện thành Lêningơrát mà ở giữa những miền rừng vô tận và những hồ của phương Bắc:

Mặt trăng thấp và tái mét treo lơ lửng đằng đông. Trăng không tỏa sáng.

Những đợt sóng từ mạn tàu lặng lẽ chạy ra xa, làm đung đưa những khúc rễ thông. Trên bờ, chắc là trong một nghĩa trang cổ xưa nào đó, người gác chuông điểm canh trên gác chuông mười hai tiếng. Và mặc dầu từ đây đến bờ còn xa, tiếng chuông nọ vẫn bay tới chúng tôi, bay qua tàu và lướt trên mặt nước phẳng lặng đi mãi vào nơi tranh tối tranh sáng trong suốt nơi trăng treo lơ lửng.

Tôi không biết nên gọi cái ánh sáng mệt mỏi của đêm trắng như thế nào? Bí ẩn? Hay huyền ảo?

Bao giờ cũng vậy, tôi có cảm giác rằng sở dĩ có được những đêm như thế

là nhờ ở lòng hào hiệp vô cùng rộng rãi của thiên nhiên — trong những đêm ấy có biết bao nhiêu là không khí nhợt nhạt và ánh lấp lánh trong suốt của bạc và của giấy trang kim.

Con người không thể nào đành lòng khi biết rằng cái đẹp đó, những đêm kiều diễm đó nhất định sẽ mất đi. Chắc chính vì thế mà những đêm trắng với kiếp sống mỏng manh của chúng bao giờ cũng gợi một nỗi buồn nhè nhẹ, giống như tất cả những gì đẹp khi chúng không được sống lâu ngày.

Lần đầu tiên tôi lên phương Bắc, nhưng mọi vật đối với tôi dường như quen thuộc, nhất là những vồng anh đào trắng úa tàn vào cái mùa xuân đến chậm năm ấy trong những khu vườn đã trở thành hoang vu.

Có rất nhiều hoa anh đào lạnh lẽo và nức hương ở Vôznhêxênhiê. Ở đây không có ai hái hoa để đặt lên trên bàn, trong những bình thủy tinh. Có lẽ vì anh đào đã bắt đầu lụi.

Tôi đến Pêtơrôzavôtxkơ. Hồi đó Alếchxây Mácximôvich Gorki định xuất bản một loạt sách dưới nhan đề "Lịch sử của các xưởng chế tạo và các nhà máy". Ông kéo nhiều nhà văn vào làm việc này và hơn nữa ông còn quyết định để họ làm theo từng đội. Lúc đó danh từ "đội" mới xuất hiện trong văn học.

Gorki đưa ra một vài nhà máy cho tôi chọn. Tôi chọn nhà máy cổ Pêtơrốpxki trong tỉnh Pêtơrôzavôtxkơ. Nó được hoàng đế Piốt Đệ Nhất sáng lập, lúc đầu là một nhà máy đúc súng thần công và neo thuyền, sau đó đúc đồng và sau cách mạng chuyển thành nhà máy làm xe cộ.

Tôi từ chối cách viết văn theo đội. Lúc đó tôi tin chắc (và bây giờ cũng vậy) rằng có những lĩnh vực hoạt động của con người, trong đó lối làm việc tập thể không thể nào chấp nhận được nhất là trong việc viết văn. Khá lắm thì cũng chỉ có thể làm được một tập ký các loại, nhưng không thể nào có được một tác phẩm hẳn hoi. Theo tôi, trong một tác phẩm, bất kể đặc tính của tài liệu là thế nào, vẫn cứ phải có cá tính của nhà văn với tất cả những phẩm chất của sự cảm thụ hiện thực, cái bút pháp và ngôn ngữ của anh ta.

Tôi cho rằng cũng như không thể nào có hai hay ba người cùng chơi đồng thời một cây vĩ cầm, thì cũng không thể nào viết tập thể một tác phẩm.

Tôi nói chuyện đó với Gorki. Ông cau mày, theo thói quen lấy ngón tay gõ gõ trên bàn, nghĩ ngợi một lát rồi trả lời:

"Anh bạn trẻ ạ, người ta có thể buộc tội anh là ngạo mạn đấy. Nhưng nói chung, anh cứ làm đi. Có điều anh đừng ngượng. Thế nào cũng phải mang tác phẩm về nhé! Nhất định đấy!"

Tôi nhớ đến cuộc nói chuyện ấy trên tàu thủy và tin chắc rằng, thế nào tôi cũng viết xong cuốn sách. Tôi rất thích phương Bắc. Điều đó, theo tôi tưởng lúc đó, thế nào cũng giúp tôi làm việc dễ dàng. Tất nhiên, tôi hy vọng sẽ lồng vào cuốn sách nói về nhà máy Pêtơrốtxki những đặc điểm của phương Bắc đã làm tôi say mê: những đêm trắng, những dòng nước lặng lẽ, hoa anh đào, ngữ điệu du dương của dân thành Nôvôgôrốt, những con thuyền độc

mộc màu đen mũi cong, trông giống như cổ những con thiên nga, những chiếc đòn gánh vẽ bằng sơn đủ thứ hình cây cỏ mọi màu sắc.

Thành phố Pêtơrôzavốtxkơ lúc đó thật hoang vắng. Những tảng đá lớn đầy rêu ngổn ngang trên đường phố. Cả thành phố như làm bằng mi-ca. Chắc đó là do cái ánh lấp lánh màu trắng từ hồ chiếu vào và do màu da trời trắng như sữa, hơi đục, nhưng đáng yêu, tỏa xuống.

Tôi ngồi lì trong những kho lưu trữ và trong thư viện Pêtơrôzavốtxkơ, bắt đầu đọc tất cả những gì có liên quan đến nhà máy Pêtơrốpxki. Lịch sử của nhà máy thật phức tạp và thú vị. Hoàng đế Piốt Đệ Nhất, những kỹ sư Xcôtlen, những người nông nô thợ cả tài năng của nước Nga, phương pháp nấu đồng Carông, những cỗ máy chạy bằng sức nước, phong tục — tất cả những cái đó cho tôi tài liệu tốt để viết truyện.

Đọc xong, tôi bỏ mấy ngày đi thác Kivátsơ và đến làng Kigi, ở đó có ngôi nhà thờ gỗ duy nhất trên thế giới, xét về vẻ đẹp của kiến trúc.

Thác Kivátsơ gầm thét và lôi theo những khúc gỗ thông dựng ngược trong dòng nước trong suốt như thủy tinh và dồn dập của nó.

Tôi nhìn thấy nhà thờ Kigi lúc hoàng hôn. Tưởng chừng như muốn dựng nên công trình này cần phải có những bàn tay thợ bạc và mất hàng thế kỷ. Thế mà chính là những bác thợ mộc bình thường của chúng ta đã dựng nên nó trong một thời hạn hết sức bình thường.

Trong chuyến đi đó tôi gặp nhiều hồ, nhiều rừng, nhiều mặt trời không nóng bỏng và nhiều chân trời không rõ nét, nhưng lại gặp ít người.

Ở Pêtơrôzavốtxkơ việc đầu tiên của tôi là viết cái sườn cho cốt truyện tương lai. Trong cái sườn đó có nhiều chuyện, nhiều đoạn tả nhưng ít người.

Tôi quyết định viết ngay cuốn sách ở đấy, ở Karêlia và vì thế tôi thuê một căn phòng trong nhà bà Xêraphima Iônốpna, trước kia làm nghề dạy học. Đó là một bà lão đã bình dân hóa hoàn toàn không còn một chút gì giống một nhà giáo, trừ cặp kính và sự biết tiếng Pháp.

Tôi bắt đầu viết theo cái sườn trên, nhưng dù đã cố gắng hết sức, cuốn sách vẫn cứ vụn ra dưới tay tôi. Tôi không sao gắn hết được tài liệu, làm cho chúng hòa nhịp với nhau, thành một dòng trôi chảy tự nhiên.

Tài liệu cứ rã ra. Những đoạn thú vị cứ treo lơ lửng, không được những đoạn thú vị khác ở bên cạnh nâng đỡ. Chúng lủng lẳng một cách cô độc, không sao gắn được với một cái duy nhất có thể hà sức sống cho những sự kiện nằm trong tài liệu lưu trữ: cái duy nhất đó là chi tiết đầy hình ảnh đẹp, không khí của thời đại, số phận của con người gần gũi với tôi.

Tôi viết về những cái máy chạy bằng sức nước, về sản xuất, về những người thợ lành nghề, viết với mối buồn sâu sắc, hiểu rằng trong khi tôi chưa có được mối quan hệ với tất cả những cái đó, trong khi hơi thở trữ tình dù hết sức yếu ớt chưa làm cho tài liệu đó sống dậy, thì không thể đạt được gì trong cuốn sách. Và nói chung sẽ chẳng có cuốn sách nào hết.

Nhân thể tôi cũng muốn nói rằng hồi đó tôi đã hiểu rằng muốn viết về

những cái máy cũng cần phải viết như viết về những con người — phải cảm được chúng, yêu chúng, chia buồn sẻ ngọt với chúng. Không biết người khác thế nào chứ tôi bao giờ cũng thấy đau thật sự cho cái ô-tô, chẳng hạn như chiếc xe "Pobieda" khi nó lấy hết gân sức vượt một cái dốc dựng đứng. Thật vậy, cái đó làm cho tôi mệt chẳng kém gì chiếc xe. Có thể ví dụ ấy không đạt, nhưng tôi tin chắc rằng đối với những cái máy, nếu như ta muốn viết về chúng, thì phải coi chúng như những vật sống. Tôi nhận thấy những người thợ cả và những người thợ lành nghề đối với máy móc đều có thái độ như thế cả.

Không có gì đáng ghét hơn là sự bất lực trước tài liệu.

Tôi cảm thấy như mình đang đi làm việc của người khác, như thể tôi phải múa Ba-lê hoặc sửa triết học của Kant .

Trong trí nhớ thỉnh thoảng nhoi nhói lời của Gorki, "Có điều anh đừng ngượng. Thế nào cũng phải mang tác phẩm về!"

Tôi còn bực dọc vì một trong những điều cơ bản của nghệ thuật viết văn mà tôi coi trọng đã sụp đổ. Tôi cho rằng chỉ có người nào có thể dễ dàng và không để mất cá tính của mình, làm chủ được hết thảy mọi tài liệu, người đó mới là nhà văn.

Cái trạng thái tâm hồn ấy của tôi chấm dứt bằng việc tôi quyết định hàng phục, không viết gì nữa và rời bỏ Pêtơrôzavốtxkơ.

Tôi chẳng có ai để chia sẻ nỗi khốn khổ của tôi, ngoài bà Xêraphima Iônốpna. Tôi đã sắp sửa kể cho bà nghe cái thất bại của tôi, nhưng tế ra bà lão đã nhận thấy trước điều đó, chắc là theo thói quen của nhà giáo ngày trước.

"Ông chẳng khác gì những cô nữ sinh ngốc ngếch của tôi trước kỳ thi," bà bảo tôi." Họ nhồi nhét đủ thứ vào đầu đến nỗi chẳng nhìn thấy gì nữa và chẳng hiểu được cái gì là quan trọng, cái gì không đáng kể. Ông chẳng qua chỉ quá mệt đấy thôi. Tôi không biết việc làm văn của ông nó ra làm sao, nhưng tôi nghĩ rằng trong chuyện này có bức bách lắm cũng vô ích. Chỉ tổ làm cho thần kinh thêm căng thẳng. Mà cái đó vừa có hại lại vừa nguy hiểm. Ông đừng nóng đầu mà bỏ đi. Hãy nghỉ ngơi. Đi xem các hồ, dạo trong thành phố. Thành phố của chúng tôi rất đẹp, rất giản dị. Có khi rồi ông lại làm việc được cũng nên."

Nhưng rồi tôi cứ quyết ý ra đi. Trước ngày lên đường, tôi lang thang trong thành phố Pêtơrôzavôtxkơ. Hầu như tôi chưa đi thăm thành phố, cho mãi đến khi ấy.

Tôi đi dọc một con hồ lên phía Bắc và ra ngoại ô. Những ngôi nhà nhỏ đến đấy là hết. Những khu vườn chạy dài tiếp nối nhau. Giữa những khu vườn ấy đây đó có những cây thập ác và những tấm bia mộ.

Một ông lão đang làm cỏ cho những luống cà rốt. Tôi hỏi ông lão về những cây thập ác nọ.

"Đây trước kia là nghĩa địa," ông lão trả lời. "Đâu người ta chôn những

người ngoại quốc ở đây thì phải. Bây giờ khu đất này vỡ ra làm vườn, bia mộ mang đi cả. Cái nào còn lại thì cũng chẳng còn lâu đâu. Đến mùa xuân tới là cùng."

Đúng như vậy, bia mộ còn lại rất ít, tất cả chừng năm, sáu cái. Một trong những tấm bia đó được bao bọc bởi một hàng rào bằng gang đúc rất khéo và nặng nề.

Tôi lại gần tấm bia đó. Trên cột đá hoa cương đã vỡ còn trông rõ hàng mộ chí viết bằng tiếng Pháp. Một cây ngưu bàng cao che lấp gần hết chữ.

Tôi bẻ cây ngưu bàng đi và đọc:

"Sáclơ Ogiêni Lôngxêvin, kỹ sư pháo binh của Đại quân Hoàng đế Napôlêông. Sinh năm 1778 tại Pécpinhăng, tạ thế nơi đất khách quê người mùa hạ năm 1816 tại Pêtơrôzavôtxkơ. Cầu Chúa cho trái tim đau khổ của ông được bình an."

Tôi chợt hiểu rằng trước mặt tôi là nấm mộ của một con người khác thường, con người có một số phận bạc bẽo, rằng chính người đó sẽ gỡ bí cho tôi.

Tôi quay về nhà, nói để bà Xêraphima Iônốpna biết tôi ở lại và đi ngay ra kho lưu trữ.

Người làm việc ở đó là một ông già đeo kính, gầy rạc, đến nỗi tưởng chừng cái gầy làm cho hình hài ông ta trở thành trong suốt. Trước kia ông là một ông giáo dạy toán. Kho lưu trữ chưa được sắp xếp xong, nhưng ông lão bé nhỏ nọ nắm nó rất vững.

Tôi kể chuyện vừa qua cho ông nghe. Ông lão hết sức bối rối. Ông đã quen cung cấp những tài liệu tra cứu đáng ngán, phần lớn là những trích yếu rút ra từ trong những sổ sinh, tử, giá thú của nhà thờ mà việc đó cũng chỉ họa hoằn mới có, ấy thế mà bây giờ lại phải làm một việc khó khăn và thú vị là tìm trong kho lưu trữ tất cả những gì có liên quan đến viên sĩ quan bí ẩn thời Napôlêông, người ta không hiểu vì sao đã chết ở Pêtơrôzavôtxkơ hơn một trăm năm về trước.

Cả ông già, cả tôi — hai người đều lo lắng. Không hiểu rồi có tìm được ra trong kho lưu trữ này dù chỉ là một số dấu vết nào đó của Lôngxêvin, để có thể căn cứ vào đó mà đại khái ít nhiều khôi phục lại cuộc sống của ông ta hay không? Hay là chúng tôi chẳng tìm thấy gì hết?

Thế rồi bất thình lình ông lão tuyên bố rằng ông sẽ không về ngủ nhà và sẽ lục suốt đêm trong kho. Tôi muốn ở lại với ông nhưng hóa ra người ngoài không được phép ở lại trong đó. Tôi bèn đi ra phố mua bánh mì, xúc xích, chè và đường, mang tất cả những thứ đó lại cho ông để ông có thể uống trà đêm, và ra về.

Việc tìm kiếm đó kéo dài chín ngày trời. Cứ mỗi buổi sáng ông lão lại đưa cho tôi một bản kê các hồ sơ mà ông dự đoán là trong đó có thể có những chuyện nhắc tới Lôngxêvin. Bên cạnh những hồ sơ đáng chú ý ông ghi dấu "V" nhưng lại gọi chúng theo lối nhà toán học là "dấu căn".

Mãi đến ngày thứ bảy mới tìm được đoạn ghi trong một cuốn sổ nghĩa trang về việc mai táng viên đại úy quân đội Pháp bị bắt làm tù binh Sáclơ Ơgiêni Lôngxêvin trong một hoàn cảnh khá đặc biệt.

Đến ngày thứ chín thì tìm ra một số chỉ dẫn về Lôngxêvin trong hai bức thư riêng, còn đến ngày thứ mười thì được thêm một bản báo cáo đã rách, không còn chữ ký, của tỉnh trưởng Ôlônhiegiơ về việc trú ngụ ngắn hạn tại thành phố Pêtơrôzavotxkơ của vợ "Lôngxêvin nói trên là Mari Xêxin Tơrinitê từ Pháp đến để dựng bia Lôngxêvin".

Tài liệu chỉ được đến thế. Nhưng những gì ông lão coi kho lưu trữ hớn hở vì thắng lợi đã tìm ra cũng đã đủ cho Lôngxêvin sống dậy trong trí tưởng tượng của tôi.

Lôngxêvin vừa mới hiện ra là tôi đã ngồi ngay xuống trước bàn viết và tất cả những tài liệu lịch sử nhà máy mới đây còn vụn tan ra, bỗng chốc đã nhập vào trong cuốn sách. Chúng nhập vào một cách chặt chẽ và quy củ, đâu ra đó, chung quanh cái anh chàng pháo binh nọ, người đã tham gia cuộc cách mạng Pháp, bị lính Cô-dắc bắt làm tù binh ở mặt trận Gơgiát, bị lưu đày tới nhà máy Pêtơrôzavôtxkơ và đã chết vì sốt nóng ở đó.

Viết xong cuốn truyện dài "Số phận của Saclơ Lôngxêvin" là như vậy.

Khi con người chưa xuất hiện thì tài liệu vẫn là tài liệu chết.

Hơn nữa, tất cả cái sườn đã dựng sẵn cho cuốn sách cũng tan thành tro bụi. Giờ đây cả câu chuyện đã được Lôngxêvin dẫn dắt một cách vững vàng. Ông như một tảng nam châm hút vào mình không riêng những sự kiện lịch sử, mà còn nhiều cái khác nữa trong tất cả những gì tôi đã gặp ở phương Bắc.

Trong cuốn truyện dài có đoạn khóc người chết. Lời khóc Lôngxêvin của những người đàn bà tôi lấy ra từ những câu than khóc có thật. Chuyện này cũng đáng nhắc đến.

Tôi đi tàu thủy ngược dòng Xvirixa, từ hồ Lađôga đến Ônhêga. Ở một khúc sông nào đó, hình như ở Xvirixa, người ta mang từ bến lên boong dưới của con tàu một chiếc quan tài đơn sơ bằng gỗ thông.

Về sau tôi mới biết là ở Xvirixa có một hoa tiêu cao tuổi nhất và giàu kinh nghiệm nhất vừa mới qua đời. Những hoa tiêu, bạn ông ta, quyết định chở quan tài mang di hài ông đi suốt dòng sông Xvirixa đến Vôznhêxênhiê như muốn cho người chết có thể từ biệt dòng sông thân yêu của mình. Và ngoài ra họ còn có ý để cho dân hai bên bờ sông được chia tay cùng người mà họ rất kính trọng, người nổi tiếng khắp những vùng này.

Vấn đề ở chỗ Xvirixa là một con sông chảy xiết và có nhiều ghềnh thác. Tàu bè không có hoa tiêu giàu kinh nghiệm không thể nào vượt qua những ghềnh sông Xvirixa. Vì thế trên dòng sông này từ xưa đã có một thế hệ hoa tiêu, liên kết chặt chẽ với nhau.

Khi qua những ghềnh lớn, tàu của chúng tôi phải để hai tàu kéo dắt, mặc dầu nó đã mở hết tốc lực.

Lúc xuôi dòng, tàu bè lại đi ngược. Cả tàu thủy lẫn tàu dắt cùng mở máy

chạy giật lùi ngược dòng nước để giảm tốc độ trôi và khỏi lao vào những ghềnh đá.

Người ta đã gửi điện báo đi khắp thượng lưu sông Xvirixa cho mọi người biết rằng tàu chúng tôi có chở thi hài viên hoa tiêu. Vì thế ở bến nào cũng có hàng đoàn người ra đón. Những bà lão khóc mướn quấn khăn đen đứng đằng trước. Khi tàu vừa đến bến thì họ cũng vừa cất giọng cao và mệt mỏi khóc người quá cố.

Những lời than khóc nên thơ ấy không bao giờ lặp lại. Theo tôi, mỗi lần khóc là mỗi lần họ xuất khẩu thành chương.

Đây là một trong những bài khóc:

"Bởi sao mà người nỡ bỏ chúng tôi về nơi cõi chết? Bởi sao mà người nỡ bỏ chúng tôi, lũ trẻ mồ côi? Phải chăng chúng tôi đã không đón người bằng giọng vui mừng, bằng lời âu yếm? Hãy nhìn sông Xvirixa người đi, hãy nhìn dòng Xvirixa lần chót. Bờ lở như máu đông, dòng sông toàn nước mắt chúng tôi lũ đàn bà con gái. Hỡi ôi! Vì sao cái chết kia lại đến với người không đúng lúc? Hỡi ôi! Vì sao suốt dòng Xvirixa này lại bùng bùng những ngọn nến tang?"

Cứ như thế chúng tôi đi đến Vôznhêxênhiê trong tiếng khóc than suốt đêm không dứt.

Đến Vôznhêxênhiê những người hoa tiêu khắc khổ bước xuống tàu và mở tấm ván thiên. Một ông lão lực lưỡng, đầu bạc phơ với bộ mặt xạm nắng gió nằm trong quan tài.

Người ta khiêng quan tài bằng những tấm khăn gai đưa lên bờ trong tiếng khóc lanh lảnh. Một thiếu phụ trẻ lấy khăn san che gương mặt tái nhợt theo sau quan tài. Thiếu phụ dắt một đứa bé tóc vàng. Theo sau thiếu phụ vài bước là một người đàn ông đứng tuổi trong trang phục thuyền trưởng đường sông. Đó là con gái, cháu ngoại và rể của người đã khuất. Trên tàu, cờ hạ xuống lưng chừng và còi kéo mấy hồi dài, khi người ta đưa quan tài ra nghĩa trang.

Còn có một ấn tượng không thể không dùng trong cuốn truyện dài. Không có chút gì đặc biệt trong ấn tượng đó nhưng không hiểu sao nó gắn bó chặt chẽ mãi mãi với phương Bắc trong trí nhớ của tôi. Đó là ánh lấp lánh khác thường của sao Mai.

Tôi chưa từng được trông thấy một thứ ánh lấp lánh mạnh mẽ và trong sạch như thế bao giờ. Sao Mai lóng lánh như một hạt kim cương giữa bầu trời đang xanh dần trước rạng đông.

Đó thực là sứ giả của vũ trụ, người báo tin bình minh rực rỡ. Không hiểu vì sao mà ở những vĩ độ trung bình và ở cả phương Nam nữa, tôi đã không để ý đến nó. Còn ở đây, sao Mai lấp lánh trong cái đẹp trinh tiết bên trên những vùng hoang vắng, trên những khu rừng, trong những giờ trước lúc rạng đông, nó ngự trị trên khắp đất đai phương Bắc, trên hồ Ônhiêga và Zavôlôtsiê, trên hồ Ladôga và vùng Zaônhiegiơ. □

LỖ TẤN
MAI KIM NGỌC dịch.

quê cũ

truyện ngắn

Lời người dịch: *Đối với độc giả Việt Nam, Lỗ Tấn là một tên tuổi quá quen thuộc. Truyện ngắn* Quê Cũ *của ông viết đã bảy mươi năm rồi mà vẫn còn làm ta rung động như đang xảy ra hôm nay. Cái khổ của nhân vật Nhuận Thổ đâu có khác gì cái khổ hiện tại của những người đang trưởng thành trong xã hội quốc nội. Cũng cường hào ác bá, cũng thuế đường thuế chợ, cũng trộm cướp, lính tráng . . . Mặc dầu những lực lượng bất nhân hiện tại đang hoành hành dưới một lá cờ khác. Và cái túng cái đói năm xưa đã biến Nhuận Thổ thành kẻ bất lương (khi giấu chồng bát đĩa vào đống tro) cũng đã tái diễn bây giờ. Câu chuyện đáng thương hơn là đáng cười hay đáng giận.*

Và cũng như với Lỗ Tấn hơn nửa thế kỷ trước, con đường độc nhất còn lại cho chúng ta là nỗ lực, và hy vọng. Hy vọng vào tương lai đất nước tốt đẹp, khi con cháu chúng ta, hải ngoại cũng như quốc nội, sẽ cùng chia sẻ với nhau một cuộc sống tốt đẹp mà chúng ta chưa hề biết tới . . .

*

Không quản trời đông rét mướt, mà cũng không ngại hai ngàn dặm lộ trình, tôi lên đường về thăm quê cũ. Vậy mà thấm thoát, tôi đã xa nhà gần hai chục năm.

Thời tiết vào độ tàn đông. Khi gần tới làng thì trời chuyển mưa, mây đen vần vũ, và gió sông heo hút thổi vào khoang thuyền. Qua tấm mành trúc, nhìn ra quang cảnh ven sông, tôi chỉ thấy tiêu điều, với thôn xóm xa gần xác xơ dưới bầu trời ủ rũ.

Cảnh quê làm tôi chạnh lòng. Phải chăng đây là chốn cố hương tôi vẫn hằng mơ ước suốt hai chục năm qua. Quê cũ trong ký ức sao đẹp hơn thế này nhiều lắm. Nhưng nếu hỏi tại sao ngày xưa đẹp mà bây giờ lại xấu, thì tôi chịu không kiếm ra lý do gì cụ thể. Rồi tôi lại nghĩ, cố hương trước sau vẫn

vậy, không đẹp hơn mà cũng không xấu hơn. Chỉ có bản thân là thay đổi. Trên đầu đã hai thứ tóc, tôi cũng không còn bao nhiêu ảo tưởng nữa.

Hôm nay tôi về làng mục đích là để giã từ. Ngôi nhà lớn, nơi chi tộc tôi mấy đời cư ngụ, nay đã bán, và cuối năm chủ mới sẽ tới tiếp thu. Tôi phải vội về, phần để từ giã ngôi nhà cổ kính, phần để đón gia đình tôi tới nơi cư ngụ mới.

*

Vừa đến ngõ, tôi tê tái thấy mấy cọng cỏ uá trên mái nhà đìu hiu trước gió. Bán đi là phải, tôi thầm nhủ. Nhiều chi trong họ tôi đã dọn đi xa, hàng xóm láng giềng vắng tanh. Tôi vào đến sân đã thấy mẹ tôi đứng tựa cửa đợi từ bao giờ. Thằng Hoàng cháu tôi mới tám tuổi, thấy bác về cũng chạy ra nép bên bà.

Mẹ tôi vui mừng gặp lại con, nhưng bà cũng không giấu được nét buồn. Bà bảo tôi hãy nghỉ ngơi, uống chén trà tẩy trần, chuyện dọn nhà thủng thẳng bàn sau. Còn thằng Hoàng lần đầu gặp bác, còn lạ nên chỉ bẽn lẽn đứng xa mà nhìn.

Nhưng rồi hai mẹ con tôi cũng phải bàn tính chuyện dọn nhà. Tôi thưa với mẹ rằng tôi đã thuê sẵn căn phố và đã sắm sửa được ít nhiều bàn ghế. Đồ đạc cũ chắc phải bán đi lấy tiền chi dụng khi về nhà mới. Mẹ tôi cũng đồng ý. Bà nói những vật dụng hầu hết đã có người mua, chỉ đợi trao tiền là xong.

"Nghỉ ngơi vài bữa, rồi con đi chào bà con trước khi lên đường."

"Dạ."

"Con à, con còn nhớ anh Nhuận Thổ không? Lần nào lên chơi, anh ấy cũng hỏi thăm con. Hôm rồi, mẹ có cho người nhắn anh ấy là con sắp về. Chắc nay mai là anh ấy lên thăm con thôi."

Nhắc đến Nhuận Thổ, một hình ảnh đặc biệt hiện về trong trí tôi. Khung cảnh là một đêm trăng, mấy chục năm về trước. Dưới trăng, một cánh đồng bát ngát chạy dài ven biển, trồng toàn dưa hấu, quả xanh như ngọc bích. Một em bé trai cỡ mười tuổi, cổ đeo kiềng bạc, tay cầm dinh ba đang rán hết sức bình sinh đâm theo một con tra. Con vật lanh lẹ tránh đòn, rồi lao thẳng tới và luồn giữa hai chân em mà trốn thoát.

Em bé ấy chính là Nhuận Thổ. Lần gặp gỡ ấy khoảng ba mươi năm về trước. Thuở ấy cha tôi còn sống, gia đình còn sung túc, và tôi rất được nuông chiều. Năm đó đến lượt gia đình tôi lo việc giỗ tổ. Vì ba mươi năm mới có một lần, nên việc cúng giỗ này linh đình lắm. Tháng giêng, lễ vật được dâng lên bàn thờ tiền nhân. Bát dĩa toàn đồ sứ hảo hạng, nên cần có người để mắt, mong tránh chuyện mất mát trong cảnh ra vào hỗn độn của ngày giỗ lớn. Gia đình tôi chỉ có một người làm, và anh ta xin cha tôi cho mang con trai là Nhuận Thổ lên giúp một tay.

Tôi rất mừng khi cha tôi đồng ý. Tôi nghe nói Nhuận Thổ cũng trạc tuổi tôi. Hắn sinh năm nhuận. Bố nó coi tử vi thấy trong ngũ hành, số nó chỉ thiếu có thổ nên đặt tên cho nó là Nhuận Thổ. Nghe nói nó có tài bẫy chim, và đã

từng bắt được chim chóc đủ loại.

Tôi nôn nóng cho chóng đến Tết, vì Tết sẽ mang Nhuận Thổ tới. Sau cùng, tối giao thừa, mẹ tôi gọi tôi ra bảo Nhuận Thổ đã đến rồi. Tôi vội vã đi tìm gặp nó. Nó đứng trong bếp một mình. Mặt nó tròn trĩnh và ửng đỏ, đầu đội mũ nỉ điều, cổ đeo kiềng bạc lóng lánh. Nhuận Thổ rất được bố chiều. Sợ tà ma quấy phá, nó được khoán cho chùa, và chiếc kiềng là bùa hộ mệnh của nó. Nó rất nhút nhát, và chỉ thoải mái với tôi là bạn cùng tuổi. Nhân lúc trong bếp vắng người, nó bạo dạn bắt chuyện với tôi, và chẳng mấy chốc chúng tôi trở thành bạn thân. Tôi không nhớ nó nói những gì, chỉ nhớ nó khoe rằng từ khi lên tỉnh, nó đã thấy được bao nhiêu chuyện lạ.

Ngày hôm sau, tôi bảo nó đặt bẫy chim.

"Chưa được dâu. Phải đợi tuyết xuống đã. Ở nhà quê, sau trận tuyết, tớ hay ra sân quét một mảng cho sạch, rắc mấy hột thóc rồi lấy cái thúng chống que lên. Rồi ra xa núp. Khi chim xuống ăn, tớ kéo sợi giây buộc que, thúng xụp xuống là bắt được chim. Đủ thứ chim. Gà rừng này, trĩ này, cu gáy này"

Nghe nó nói, tôi nóng lòng mong tuyết rơi.

"Bây giờ lại lạnh quá," Nhuận Thổ than khi hôm tuyết xuống. "Nhưng mà đằng ấy phải về làng chơi một chuyến vào dịp hè cho biết. Ban ngày tớ đưa đằng ấy ra biển nhặt vỏ ốc ngũ sắc. Đẹp lắm, cái thì đỏ tươi, cái lại xanh lục . . . Hôm nào may, lại kiếm được những ốc quý như ốc ma, ốc tay Phật. Còn buổi tối, khi nào tớ đi canh dưa, đằng ấy đi theo cho biết."

"Sao lại phải canh? Sợ người ta lấy trộm sao?"

"Không phải. Vùng tớ, khách đi đường khát nước có hái một quả ăn, như vậy không phải là trộm. Canh là canh mấy con lợn rừng, con chồn, và nhất là con tra. Đêm trăng, khi nghe con gì nhai dưa rau ráu, là nó đấy. đằng ấy lấy đinh ba rón rén bước lại . . . Phải đi thật nhẹ, thật rón rén, thật khẽ nhá . . . . nó khôn lắm . . ."

Cho đến bây giờ tôi vẫn không biết hình thù con tra nó ra làm sao. Tôi áng chừng nó cỡ con chó nhỏ, mà chắc là nó hung dữ lắm . . .

"Con tra nó có cắn người ta không?"

"Đằng ấy sợ gì, đằng ấy có đinh ba cơ mà. Thấy nó là đằng ấy lao đinh ba liền. Tra nó khôn lắm, hễ động là nó phóng thẳng tới. Đằng ấy mà luống cuống, là nó phóng ngay giữa hai chân mà trốn mất. Lông nó trơn như mỡ."

Trước kia tôi đâu có ngờ trên đời lại nhiều chuyện lạ kỳ như vậy. Ở miền duyên hải, vỏ ốc lại đủ mầu sắc như cầu vồng. Ai ngờ quả dưa hấu lăn lóc ở góc chợ rau mà gốc gác lại dính líu đến những chuyện phiêu lưu mạo hiểm như vậy. Nó lại kể: "Vùng tớ, khi nước xuống, cá lóc nhẩy lung tung ngoài bãi biển. Mỗi con lại có chân như chân ếch . . ." Đầu óc Nhuận Thổ là một kho tàng đầy những chuyện ly kỳ. Bọn tôi tỉnh thành thật chẳng biết gì. Một đằng thì sống ngay tại bờ biển bao la, với bao nhiêu chuyện lạ. Một đằng thì tầm mắt chưa vượt quá khoảng trời bao bọc bởi bốn bức tường xây quanh sân nhà.

Sau Tết một tháng, Nhuận Thổ phải về làng. Tôi oà khóc chạy trốn vào trong bếp với nó, cho đến khi bố nó đến dẫn nó đi. Về sau nó có gửi biếu tôi một gói vỏ ốc với mấy cái lông chim thật đẹp. Tôi có một đôi lần gửi quà biếu lại, nhưng chúng tôi không gặp lại nhau nữa.

Nay nghe mẹ tôi nhắc lại bạn cũ, kỷ niệm như bừng sống lại, và tôi hiểu vì sao mình vẫn giữ một hình ảnh đẹp của quê nhà. Tôi sốt sắng hỏi tin bạn:

"Thật sao, mẹ. Thế anh ấy có khá không?"

"Nhuận Thổ ấy à? Không khá lắm . . ."

Mẹ tôi vừa nói vừa nhìn ra cửa. Bà nói sang chuyện khác:

"Mấy người này lại lộn trở lại. Cứ lấy cớ là muốn mua đồ gỗ, nhưng xểnh ra là táy máy nhặt nhạnh. Mẹ phải ra canh mới được . . ."

Mẹ tôi đứng dậy ra ngoài sân. Tôi gọi thằng Hoàng vào nhà trong nói chuyện. Tôi hỏi nó đã biết đọc chưa, và nó có thích dọn nhà đi tỉnh khác ở không.

"Mình sẽ đi xe lửa, phải không bác?"

"Ừ, mình sẽ đi xe lửa."

"Thế có đi thuyền không bác?"

"Có. Mình đi thuyền trước rồi đi xe lửa sau."

Bỗng có tiếng đàn bà cười the thé:

"Ối chao ơi. Sao mà lớn thế này. Lại để râu nữa."

Tôi vội ngẩng lên. Một bà độ khoảng năm mươi đang đứng sừng sững trước mặt. Bà ta lưỡng quyền cao, môi mỏng dính, hai tay chống nạnh, và mặc quần chứ không mặc váy như phụ nữ trong làng. Bà ta đứng dạng chân, toàn thân giống như cái com-pa trong hộp dụng cụ hình học.

Tôi còn ngỡ ngàng thì mẹ tôi đã bước vào. Bà đỡ lời con:

"Anh ấy xa nhà đã lâu, nếu có quên, cô cũng bỏ qua cho."

Rồi quay lại tôi, bà nói tiếp:

"Chắc con còn nhớ, đây là cô Dương, nhà bên kia đường."

Bây giờ thì tôi nhớ ra. Khi tôi còn bé, có một cô Dương bán đậu phụ trong tiệm bên kia đường trước nhà. Ai cũng gọi cô là Giai nhân đậu phụ. Ngày xưa, cô hay đánh phấn. Gò má không cao và môi không mỏng như bây giờ. Vả lại tôi chỉ nhớ cô suốt ngày ngồi bán hàng, nên đã bỡ ngỡ khi thấy cô trong thế đứng chống nạnh như cái com-pa. Nghe nói hồi ấy sắc đẹp của cô đã thu hút khách hàng cho cửa tiệm tầu hũ. Có lẽ hồi ấy tôi còn bé nên không bị nhan sắc cô mê hoặc, nên mới quên bẵng đi.

Nhưng Giai nhân đậu phụ rất phật ý. Tôi không biết cô là ai, có khác nào người Pháp không biết tới ông Nã Phá Luân, hay người Mỹ không biết tới ông Hoa Thịnh Đốn. Chua cay, cô trách:

"Cậu quên tôi rồi phải không? Phải rồi, tôi có gì đâu mà để cho cậu nhớ."

Tôi đứng dậy lúng túng:

"Không dám, tôi . . ."

"Nếu cậu còn nhớ thì nghe tôi đây. Cậu Tấn, bây giờ cậu giàu có rồi, đồ

đạc này cồng kềnh thô kệch, không có lý gì cậu còn cần đến nữa. Tốt nhất là cho tôi quách đi cho xong. Dân giả chúng tôi dùng thì cũng còn tốt chán"

"Tôi mà giàu có gì. Vả lại không bán đồ cũ thì lấy gì mà mua đồ mới . . ."

"Úi chao ôi. Làm quan lớn rồi mà vẫn chưa cho là mình giàu sao? Bây giờ chắc đến ba vợ hầu rồi, ra đường đi kiệu tám người khiêng. Vậy mà vẫn chưa cho là giàu hả? Ha! Cậu che mắt tôi sao được."

Biết có nói cũng không lại, tôi đành lặng yên.

"Úi chao ôi, càng giàu càng kẹo, càng kẹo càng giàu." Nói xong cô vùng vằng bỏ đi. Khi ra đến cửa, tiện tay cô chộp luôn đôi găng của mẹ tôi nhét vội vào túi.

Tiếp đến là bà con hàng xóm đến thăm. Khi nào rảnh tay tiếp khách, tôi lại gói ghém ít hành lý, và như vậy bốn ngày trôi qua.

*

Một buổi trưa khá lạnh, tôi đang ngồi uống trà thì có người đến thăm. Mới nhìn, tôi vội nhổm dậy chạy ra đón khách.

Khách chính là Nhuận Thổ. Tuy mới thoáng nhìn, tôi đã nhận ra anh. Nhưng hôm nay anh không còn là Nhuận Thổ năm xưa. Anh cao gấp hai trước. Khuôn mặt xưa kia tròn trĩnh, bây giờ đã hốc hác, đầy nếp nhăn. Anh trông giống cha anh ngày trước, mí mắt sưng đỏ, kết quả của gió biển thổi năm này qua năm khác.

Anh đội chiếc mũ nỉ cũ kỹ. Co ro trong chiếc áo bông mỏng đã sờn chỉ, and lạnh run cầm cập từ đầu đến chân. Anh mang theo một gói giấy và cái điếu cày dài bằng tre. Tay anh không còn bụ bẫm, mà thô lỗ vụng về, da dẻ sần sùi như vỏ cây. Tuy vô cùng mừng rỡ, nhưng tôi vẫn không tránh khỏi ngượng ngùng. Tôi chỉ thốt ra được mấy tiếng:

"Ô! Nhuận Thổ đấy ư."

Biết bao nhiêu điều tôi muốn nói với anh. Nào là gà rừng, nào là cá biết nhảy, nào là ốc ngũ sắc . . . và nhất là con tra. Nhưng lưỡi tôi líu lại, không thốt ra lời. Nhuận Thổ cũng đứng sững, buồn buồn tủi tủi, môi anh mấp máy nhưng không thành tiếng. Sau cùng, cung kính đến khúm núm, anh nói:

"Bẩm cậu!"

Tôi rùng mình ghi nhận cái bức tường đá đã dựng lên phân cách chúng tôi tự bao giờ. Anh ngoái đầu ra sau gọi con:

"Thủy Chương, con ra lạy ông chủ đi."

Rồi anh đẩy con ra phía trước. Thằng bé từ lúc nãy đã nép sau bố, bẽn lẽn bước ra. Đúng là hình ảnh Nhuận Thổ hai mươi năm về trước, chỉ hơi khác là nó gầy hơn, xanh hơn, và không đeo kiềng bạc.

"Đây là cháu thứ năm. Cháu chưa thấy khách lạ bao giờ, nên nhút nhát lắm."

Thấy tiếng chuyện trò, mẹ tôi và thằng Hoàng từ trên gác bước xuống.

"Thưa bà, chúng con mới được tin cách đây ít bữa. Biết cậu Tấn về chơi, chúng con mừng lắm . . ."

Mẹ tôi vui vẻ nói:

"Sao bây giờ anh Nhuận Thổ lại kiểu cách thế. Không phải ngày xưa hai anh em vẫn chơi đùa với nhau sao?"

"Dạ con không dám. Bà phúc hậu thương người quá. Hồi trước trẻ dại, thật là con chẳng biết đâu là đâu . . ."

Vừa nói Nhuận Thổ vừa đẩy thằng Chương ra trước, bắt chào mẹ tôi, nhưng thằng bé vẫn sợ hãi co rúm lại ôm chân bố. Mẹ tôi bảo:

"À, ra đây là thằng Chương. Cháu thứ năm phải không? Toàn người lạ cả, hèn gì cháu chẳng thẹn. Hoàng đâu, dẫn em ra ngoài chơi."

Được lời, Thủy Chương hớn hở bước theo bạn mới. Mẹ tôi mời Nhuận Thổ ngồi. Anh ngần ngại ngồi xuống mép ghế. Dựa chiếc điếu cày vào chân bàn, anh rảnh tay đưa gói giấy cho tôi:

"Mùa đông chẳng có thức gì quí, chỉ có nắm đỗ nhà phơi lấy, mạn phép đem lên biếu cậu."

Khi hỏi tới chuyện làm ăn, anh lắc đầu thở dài:

"Bẩm, khó khăn lắm. Cháu thứ sáu đã giúp được việc vặt rồi. Vậy mà cũng không đủ ăn. Mà cũng chẳng có an ninh gì . . . Người nào cũng sách nhiễu tiền bạc, thật chẳng còn luật pháp gì cả. Mùa màng lại kém hụt. Trồng được thứ gì mang ra chợ, lại hết thuế nọ đến thuế kia. Mà rau cỏ không đem bán, để nhà cũng hỏng."

Vừa nói chuyện, anh vừa lắc đầu ngao ngán. Mặt anh nhăn nhúm như trái trám khô. Vậy mà các vết nhăn vẫn không nhúc nhích khi anh nói chuyện, tựa hồ những khổ ải trên khuôn mặt anh đã tạc vào đá. Anh uất ức, nhưng tâm hồn thô sơ, anh không diễn tả nổi thành lời. Lát sau, với chiếc điếu cày, anh yên lặng hút thuốc.

Rồi anh cho mẹ tôi biết anh không ở lâu được, và hôm sau anh sẽ phải về vì công việc dưới quê bừa bộn lắm. Biết anh đi đường chưa dùng bữa, mẹ tôi dục anh xuống bếp rang cơm ăn. Khi anh ra khỏi phòng, cả mẹ tôi lẫn tôi đều lắc đầu ái ngại. Con đông, đói kém, sưu thuế, lính tráng, trộm cướp, thư lại, địa chủ, tất cả đã bòn rút tận xương tủy và vắt hết sinh lực anh. Mẹ tôi cho anh tùy tiện lựa chọn trong đám vật dụng phải để lại, muốn lấy gì thì lấy.

Chiều hôm đó, anh xin mấy món đồ, gồm hai cái bàn dài, bốn cái ghế, cái đỉnh đốt trầm, mấy cây nến thờ, và cái cân . . . Anh cũng xin đống tro bếp để bón ruộng, tính khi chúng tôi đi rồi sẽ đem thuyền lên hốt.

Đêm đó chúng tôi ngồi chuyện vãn rồi đi ngủ. Sáng hôm sau, anh từ giã, và dẫn thằng Thủy Chương về làng.

Độ chín ngày sau, anh trở lại. Lần này Thủy Chương không được theo bố lên tỉnh, và anh chỉ đem theo đứa con gái lên năm để coi thuyền. Khách khứa lui tới suốt ngày, có người đến tiễn đưa, có người đến lấy đồ, có người một công đôi việc. Chiều tối khi chúng tôi lên thuyền, vật dụng trong nhà, dù lớn nhỏ, tốt xấu, còn dùng được hay đã gãy nát đến đâu cũng biến sạch hết.

*

Rồi thuyền nhổ neo. Mấy rặng núi bên sông đổi thành mầu chàm đậm trong bóng chiều để dần dần mất hút đằng sau.

"Bác ơi, mình có trở về nữa không?"

"Trở về ư? Chưa đi mà đã muốn về hả cháu?"

"Tại vì thằng Thủy Chương nó rủ cháu về làng nó chơi..." Thằng Hoàng vừa nói vừa mở to đôi mắt lo lắng.

Thằng Hoàng nhắc đến Thủy Chương làm mẹ tôi và tôi nghĩ đến Nhuận Thổ. Bà kể từ hôm gia đình sửa soạn hành lý, cô Dương đậu phụ ngày nào cũng qua nhà. Hôm trước lục lọi trong đống tro bếp, cô lôi ra một chồng đĩa bát. Cô cả quyết chính Nhuận Thổ là thủ phạm, với mưu toan khi trở lại hốt tro sẽ đem bát đĩa ăn cắp về nhà. Khám phá ra chuyện này, Giai nhân đậu phụ lấy làm hãnh diện lắm, tiện tay xách luôn cái bu nhốt gà chạy biến về nhà. Mẹ tôi bảo chân nhỏ mà chạy nhanh như vậy, quả thật là giỏi.

Làng xưa bỏ lại sau thuyền, và sông núi cố hương biến dần vào xa xăm. Nhưng tôi không tiếc nuối. Tôi đã mất mọi liên hệ với quê cũ, cố nhân cũng như cố sự. Tôi chỉ thấy quanh tôi những bức tường cao vời vợi, ngăn cách tôi với đồng bào tôi. Nhận định làm tôi xót xa. Trong khoang, mẹ tôi và thằng Hoàng đang nằm dỗ giấc ngủ.

Tôi ngả lưng, nằm nghe tiếng sóng vỗ mạn thuyền róc rách. Rồi tôi nghĩ dù giữa tôi và Nhuận Thổ có ngăn cách bao nhiêu, con cái chúng tôi vẫn còn chia sẻ những điểm tương đồng. Lúc nãy, thằng Hoàng chẳng vừa nhắc đến thằng Chương đó sao?

Tôi hy vọng chúng sẽ gần gũi nhau hơn trong cuộc sống. Hơn nữa tôi mong đời chúng sẽ không dày vò dằn vặt như đời tôi, mà cũng không lam lũ nhọc nhằn như đời Nhuận Thổ. Tôi cũng mong chúng sẽ không giống những người tôi đã gặp, những người mà cả mục tiêu cuộc sống chỉ là những chuyện nhảm nhí không đâu.

Con cháu chúng tôi sẽ có một đời sống mới, một đời sống tốt đẹp, một đời sống mà thế hệ tôi chưa từng được hưởng.

Hy vọng tương lai bỗng làm tôi kinh sợ. Khi Nhuận Thổ xin cái đỉnh đốt trầm và mấy cây nến thờ, tôi đã tức cười là khổ thế mà anh còn bám víu lấy những công cụ của mê tín dị đoan. Vậy mà cái tôi gọi là Hy Vọng, chẳng qua cũng là một thứ dị đoan tôi đã tự tạo cho tôi. Chỉ có khác là điều Nhuận Thổ mơ ước là những nhu cầu vật chất gần gũi với tầm tay, còn cái dị đoan của tôi thì xa xăm và trừu tượng.

Lúc tôi chợp chờn ngủ, một dải duyên hải hiện ra trước thuyền, và vừng trăng tròn treo cao, lơ lửng trên vòm trời trong sáng. Rồi tôi nghĩ những điều tôi hy vọng không hẳn là có, mà cũng không hẳn là không. Hy vọng có thể ví như đường xá trên mặt đất. Khởi thủy làm gì có đường xá. Nhưng chân người cùng chung một hướng, giẫm mãi mà thành đường.

(Tháng giêng năm 1921)

JOYCE CAROL OATES
LÊ THỌ GIÁO dịch

bản chất của truyện ngắn, hay bản chất những truyện ngắn của tôi.

Tại sao bà viết văn?

Một vài lần có một nhà văn khác hỏi tôi câu hỏi đó, và vì vậy tôi cho người hỏi là một người nghiêm túc, ngay cả những người gần đất xa trời, nhưng thường thường người hỏi lại là một người to lớn hơn tôi đôi phần, ngồi cạnh tôi trong bàn tiệc, và thường không thể nghĩ ra một điều gì khác hơn để nói. *Tại sao bà viết văn?* ông ta hỏi, dù tôi không hỏi ông ta *Tại sao ông làm việc quá sức?* hay *Tại sao ông mơ mộng?* Tôi cũng không hỏi ông ta *Tại sao ông phải hỏi tôi câu hỏi đó? Khi lịch sự, đầu óc tôi trống rỗng, và trong những lúc đó, tôi cảm thấy mình có nhiều nữ tính nhất: Tôi thường trả lời, Tại vì tôi thích viết văn.* Câu trả lời này vô hại, và rất đúng; nó thỏa mãn những người tọc mạch thường hay làm phiền tôi (trung bình mỗi tuần một lần trong năm qua) với những câu hỏi nhắm (1) gợi ý rằng người viết văn không có khả năng đương đầu với thực tại, và (2) nói lên sự trịch thượng của người hỏi bởi vì chắc chắn ông ta không cần phải dùng đến mộng mơ để sống còn.

Tại sao bà viết văn?

Một câu hỏi khá thích thú. Dù tôi chưa bao giờ công khai giải thích hay biện hộ cho mình, nhưng trong thâm tâm tôi bị ám ảnh bởi những động cơ thúc đẩy sự sáng tác hay bất cứ một sự sáng tạo nghệ thuật nào. Tôi bị ám ảnh bởi những hố sâu thăm thẳm của tâm hồn, của óc tưởng tượng, nhất là những sự tưởng tượng trong đó có sự tham dự của tri giác, đẩy đưa đến chúng

ta những nỗi ngạc nhiên vừa kỳ quặc vừa thơ mộng, hằng ngày hằng đêm. Tôi không khác gì mấy với những người hoài nghi thường hỏi tôi một cách xách mé tại sao tôi viết văn, bởi vì, ông ta cũng "viết văn" vậy, bởi vì ông ta cũng sáng tạo, cũng mộng mơ mỗi đêm, có khi còn cả ban ngày, và những giấc mơ của ông cũng là những sáng tạo nghệ thuật chân chính vậy.

Chúng ta viết văn vì những lý do giống khi ta mơ mộng — bởi vì chúng ta không thể nào không mơ mộng, bởi vì bản tính của óc tưởng tượng của con người là mơ mộng. Những người như chúng ta "viết văn", những người dùng tri giác của mình để xóa đi sắp lại thực tại nhằm mục đích thăm dò những ý nghĩa bị khuất lấp, là những người mơ mộng một cách nghiêm túc. Có lẽ chúng ta ghiền mơ mộng, nhưng không bao giờ chúng ta sợ hãi hay coi rẻ thực tại. Flannery O'Connor đã nói (trong tuyển tập luận đề xuất bản sau khi bà đã qua đời *Mystery and Manners*), viết văn không phải là trốn chạy khỏi thực tại, mà là "lao đầu vào thực tại, và vì thế làm rúng động cả cách thế suy nghĩ thường tình." Bà còn nhấn mạnh thêm rằng nhà văn là người có nhiều hy vọng vào cuộc đời; những người không có những hy vọng đó, không viết văn.

Chúng ta viết văn là để tạo ra một hình thái thu gọn hơn, mạch lạc hơn của cuộc đời, mà cuộc đời thường rối rắm, kinh hãi, dồn dộn, khi phơi bày trước mắt chúng ta. Làm sao để sắp xếp được những ngày, những đêm, những giờ khắc kia? Cuộc đời này không có một ý nghĩa, tôi đành phải buồn lòng chấp nhận sự kiện này. Nhưng cuộc đời có rất nhiều ý nghĩa, nhiều ý nghĩa riêng rẽ, hốt hoảng, nhiều ý nghĩa có thể nắm bắt được, và làm người là phải phiêu lưu tìm kiếm cho ra hết những ý nghĩa đó. Chúng ta phải dốc tâm tìm hiểu ý nghĩa cuộc đời. Chúng ta không khác với các nhà khoa học, những kẻ thù nổi tiếng của chúng ta, những người muốn tìm ra lẽ sống của cuộc đời, muốn làm cho cuộc sống được êm đềm hơn, muốn mang lại một trật tự cho mọi điều, hết việc này qua việc khác, xóa tan những huyễn hoặc vây quanh chúng. Chúng ta viết để tìm ra những ý nghĩa trong sự rối rắm lớn lao của thời đại, hay của cuộc sống chúng ta; chúng ta viết vì chúng ta tin rằng những ý nghĩa kia có thực và muốn xếp đặt chúng vào đúng chỗ.

"Nghệ thuật gây ra ảo giác về khả năng chế ngự Bản ngã," Freud đã nói như vậy. Ông là người quan tâm đến khía cạnh huyền bí, biểu trưng (và vì vậy có tính nghệ thuật) của tâm hồn như bất cứ ai đã từng sống. Câu nói này làm tôi rất kinh ngạc. Mọi điều đều nằm trong đó, tất cả mọi điều đều ở đó. Nghệ thuật "gây ảo giác" như một giấc mộng; đó là một cơn mộng đã được tri giác hóa và mang ra trước ánh sáng, thỉnh thoảng dưới hình thức một tập sách đóng bìa cứng, bán quá giá. Nếu giấc mộng quả thực là một món hàng có thể bán một cách dễ dàng, những giấc mộng đó sẽ được đưa vào phim ảnh, một hình thái nghệ thuật tân tiến hết sức kỳ diệu có thể nhạo lại những giấc mộng của chúng ta, chuyển dịch một cách chậm chạp qua tấm màn trong bóng tối, phóng đại những hình ảnh, những nét mặt, những bộ điệu, thích

hợp một cách kỳ diệu để dàn trải mọi cơn ác mộng. Nếu những giấc mộng đó khó thành công trên thương trường, nó sẽ không bao giờ được quảng bá, nhưng, cũng như những cố gắng khác của con người, sẽ bị bỏ quên ở một nơi chốn nào đó, vô hại, không ai ngó ngàng tới, nhưng vẫn có giá trị của nó. Không có một giấc mơ nào là vô ích. Đó là ảo giác, và tất cả những ảo giác, cũng giống như những thị giác khác, đều có những giá trị không ai có thể ức đoán được.

"Chúng ta phải chân thật với những giấc mơ," Kafka đã nói.

Khi "bắt đầu" viết văn (ý niệm "bắt đầu" này tôi cho là kỳ quặc, giống như nói "bắt đầu" thở vậy), người ta thường thấy mình có rất nhiều sinh lực, với ý là họ có cái gì đặc thù cần phải nói lên, và chỉ có họ mới nói lên được. Năng lực này, niềm tin huyền bí này, chính là căn bản của mọi nghệ thuật. Nhưng một khi dấn thân vào một ngành chuyên môn mà bên ngoài trông có vẻ thứ lớp, chuyên nghiệp, hoặc có vẻ xập xệ như tình hình sáng tác vào năm 1969, họ cảm thấy kinh hãi trước nỗi lo sợ mình không đủ kỹ thuật sáng tác. Vì vậy, họ đến dự những buổi hội luận của các nhà văn. Họ ghi tên vào học các lớp Sáng tác. Họ mua sách để tìm hiểu những yếu tính của sáng tác. Và những sinh hoạt này tuy là bổ ích, bởi vì một nhà văn cần phải có càng nhiều hiểu biết càng tốt, nhưng căn bản nghệ thuật của một nhà văn không phải ở chỗ rành tay nghề, nhưng mà ở lòng ham muốn viết văn, khát vọng viết văn, hay nói đúng hơn, là không thể không viết văn. Tôi luôn khuyên bảo môn sinh của tôi viết thật nhiều. Viết nhật ký. Ghi những ý tưởng lên giấy. Viết ngay khi bạn cảm thấy ê chề, khi tâm hồn bạn chênh vênh gãy đổ . . . có ai đoán được là cái gì sẽ thoát lên từ những trạng huống đó. Tôi là một người tin tưởng mà không cảm thấy hổ thẹn vào quyền lực kỳ bí của những giấc mơ; những giấc mơ làm đẹp chúng ta. Ngay cả những cơn ác mộng cũng có mãi lực của nó — những sự đánh ma trừ tà có ý thức, có tính toán ở những cơn ác mộng cũng có điều đáng nói, như những tác phẩm của Dostoyevsky, Celine, và Kafka. Vì vậy, điều quan trọng nhất là viết, viết hằng ngày, viết lúc ốm đau cũng như khi khỏe mạnh. Trong một thời gian, trong một vài tuần, một vài năm, bạn có thể tìm ra được những ý nghĩa trong những ấn tượng hỗn tạp kia . . . hay có khi tự chúng phơi bày ra những ý nghĩa của chúng cho bạn. Theodore Roethke chỉ ghi lại một dòng "thơ" và rồi giữ nó mãi cho đến nhiều năm sau mới dùng đến trong một thi phẩm. Hay có lẽ câu thơ đó tự nó tạo ra nguyên cả một bài thơ. Có gì khác đâu? Sinh lực rất đáng quý; chúng ta viết văn bởi vì chúng ta có quá nhiều sinh lực, bởi vì chúng ta cảm thấy rất bối rối, hay cảm thấy rất vui vẻ sống động, chúng ta cảm thấy tọc mạch về cuộc sống hơn bất cứ ai, tại sao lại không biến chúng thành những cái gì tốt đẹp?

Vì vậy, nghệ thuật thật sự "gây ảo giác". Bởi vì, dĩ nhiên, nghệ thuật không "thật". Bạn không thể tìm ra đường đi trên một vùng đất nhờ vào nghệ thuật, mà nhờ những tấm bản đồ, thể hiện trung thực đường đi trên quả địa

cầu; bạn không thể tìm ra một người nào đó bằng cách đọc sách, nhưng bằng cách nhìn vào cuốn niên giám điện thoại. Nghệ thuật không "thật" và không cần phải thật, người nghệ sĩ chê bai thực tại tầm thường, và thường thích tuyên bố (và tôi thích nghĩ là họ thích nói lên những lời đó trong các bàn tiệc, không bao giờ nhận rằng mình châm chọc, như tôi vẫn thường châm chọc) như "Thực tại tệ hại quá!" Thực tại — cuộc sống thực — những tờ nhật báo, tạp chí, những gì xảy ra ở bên kia đường — đó đều là chất liệu cho một nghệ thuật lớn, nhưng tự chúng không phải là nghệ thuật, dù tôi vẫn hiểu đến việc khó định nghĩa nghệ thuật vốn đã hàm chứa tự trong từ "nghệ thuật". Hãy cho rằng "nghệ thuật" chỉ hướng đến một hiện tượng có tính cách văn hoá, không phải một hiện tượng thẩm mỹ: hãy nói rằng một con nhện chết khô được bỏ vào khung, một cách kỳ bí nào đó, đã biến nó thành một tác phẩm "nghệ thuật", nhưng cũng cùng con nhện đó, nếu không ai sờ tới, không ai ngó tới, vẫn chỉ là một công trình của "thiên nhiên" mà thôi, và chẳng bao giờ giật được một giải thưởng nào. Định nghĩa về nghệ thuật như thế này thường làm những người bảo thủ cay cú, nhưng nó lại làm tôi vui lòng bởi vì nói lên được tính bất khả phân, và không có hình dạng nhất định của cuộc sống, và vì vậy cần phải được các nhà văn (và nhà khoa học, người làm bản đồ, người viết sử), làm cho đời sống bình thường trở lại.

Tại sao bà viết văn? Tôi viết để tìm ra ý nghĩa của cuộc sống, những ý nghĩa đã bị che khuất. Đây là một câu trả lời có thể chấp nhận được, một câu trả lời làm vừa lòng người nghe, lạc quan, dù nghe ra có vẻ là tôi đã bán linh hồn cho quỷ dữ. Tôi luôn luôn lấy chất liệu từ cuộc sống thường tình. Tôi rất chú tâm đến những mẩu tin trong nhật báo, hay trong mục gỡ rối tơ lòng của Ann Landers, tôi chú ý đến tạp chí *True Confessions* và trong những chuyện vụn vặt viết dưới dạng những chuyện "tầm phào". Những khám phá kỳ thú biết bao! Cuộc đời này đầy dẫy những khám phá như vậy, với những chuyện bi dát như vậy — bạn hãy vồ ngay lấy tờ nhật báo, lật qua trang năm hay trang mười chín, dán mắt vào những hàng tít, bất cứ hàng tít nào; đây là một câu chuyện. Tôi không thể đếm được là đã viết bao nhiêu truyện dựa trên những mẩu tin trong nhật báo như thế . . . chính cái bộ xương sơ sài của những mẩu tin trong nhật báo đã hấp dẫn tôi, đã cho tôi có nhu cầu thêm thịt thêm da cho những câu chuyện được kể một cách sơ sài, ngắn gọn, làm sống lại những biến cố mà bây giờ đã qua và sẽ không bao giờ được người ta hiểu rõ nếu không được tái tạo lại. Từ một mảng nhỏ trong đời sống của một người nào đó được ghi lại trong cột báo, nhà văn bị cuốn hút vào việc tái tạo lại toàn bộ cuộc sống. Giống như chơi ghép hình, bạn cố tìm ra một mảnh hình nhỏ vương vãi trên sàn nhà, và với một chút công khó, bạn sẽ ráp lại được toàn bộ bức hình. Tại sao không?

Vì vậy, nghệ thuật "mơ mộng" hay gây ảo giác, muộn phiền, về những gì xảy ra trong thực tại. Một lời nói nghe thoáng, một cảm xúc đớn đau, một chút thất vọng, một cơn giận, một câu chuyện trong *True Confessions* khi

đọc sẽ thấy rõ là một cơn ác mộng: đó là những chất liệu cho nhà văn. Tôi không muốn viết về một việc gì, nếu chính việc đó đã không thể được viết trên *True Confessions* trước. Tôi không muốn viết về một việc gì nếu việc đó đã không thể được hát lên, dưới một hình thái nào, như một bài ca dao chẳng hạn, hình thức thô sơ nhất nhưng cũng gây nhiều ấn tượng nhất của những hình thái nghệ thuật, một giấc mơ chưa biến thành nghệ thuật. Những bài viết có tính cách phê bình làm cho tôi băn khoăn, cũng giống như những nhà trí thức làm cho tôi rối trí, có lẽ đến điên rồ, và tôi không thể dằn lòng đối chiếu những khéo léo của tôi với tài nghệ của những nhà văn khác, phân tích, thăm dò từng tác phẩm của họ, cố gắng tìm xem những tác phẩm đó có ý nghĩa gì không — nhưng phần vụ quan trọng nhất không phải là phê bình, mà là nghệ thuật. Và nghệ thuật thường dễ đạt hơn.

Nghệ thuật gây ảo giác về sự làm chủ Bản ngã. Vậy Bản ngã là gì? Chính vì bản ngã của tôi, tôi mới viết bài này, và cũng chính vì bản ngã của bạn, chính bạn, mới đọc bài tôi viết. Bạn cũng giống như một thứ nguyên sinh chất nằm trong vòng giới hạn nhất định — Bản ngã của bạn không cố định, nhưng linh động, có thể thay đổi được, huyền bí. Không bao giờ có những cái tôi giống nhau, và nó cũng chẳng bao giờ là một cái tôi khác. Khi chết đi, không ai thế chỗ bạn được. Khi tôi chết, cuộc sống riêng của tôi, cá tính của tôi, sẽ tan biến mãi mãi — điều đó có thể tốt, nhưng lại là một sự kiện không thể sửa đổi được. Bản ngã chúng ta khát vọng một sự kiểm soát; chúng ta ưa thích "sự làm chủ". Nhưng thực tại lại luôn luôn trốn tránh chúng ta, và cũng như chúng ta, những thực tại đó có tính lưu chuyển, huyền bí và kinh hoàng một cách mơ hồ... Thực tại luôn luôn nằm ngoài tầm tay, ngay cả đến những người chúng ta yêu mến, những người yêu mến chúng ta và những người chúng ta tưởng tượng là đã kiểm soát họ được đôi chút, vẫn có được một độc lập rất khả kính, sống chết với cuộc đời riêng tư của mình, và nhiên hậu, họ không còn nằm trong tầm tay của chúng ta. Và, vì mong muốn được làm chủ nên chúng ta phải sáng tạo; chúng ta mơ mộng; chúng ta tạo ra một thế giới (hãy cho đó là một truyện ngắn đi) trong đó những nhân vật do chúng ta tạo ra cư ngụ, ý nghĩ của họ do chúng ta điều khiển, và số phận của họ cũng do chính chúng ta tạo dựng, phải như thế nào để có được nghĩa lý.

Freud còn khuyên chúng ta nên xét xem về phương diện kinh tế khi làm một nhà văn — vì chúng ta sáng tác để giả vờ làm chủ được cuộc sống. Khác với những người có đầu óc hoài nghi không ưa thích nghệ thuật bởi vì nghệ thuật "không có thực", tôi lại cho đó là điều làm tôi hài lòng hơn cả. Tôi nghĩ đó là việc làm cao quý. Cố gắng "chế ngự Bản ngã" của cuộc sống, hay của một mảng đời, đối với tôi rất cao quí. Dường như quanh một truyện ngắn nhẹ nhàng, nhạy cảm, (lấy thí dụ những truyện ngắn của Eudora Welty hay Chekhov) có một không khí thiêng liêng, và cũng một bầu khí thiêng liêng như vậy, nhưng ở một mức độ thâm sâu hơn, quanh những tác phẩm đồ sộ hơn của thế kỷ mười chín như *Moby Dick* và *Anh Em Nhà Karamazov*, do

những người muốn thu vén tất cả những gì xảy ra trong cuộc sống lên giấy, vâng, hết tất cả mọi sự! — Bởi vì người nghệ sĩ cũng là một thứ tu sĩ, một thứ ảo thuật gia, hay ngay cả một thứ khoa học gia, họ đều say mê tìm kiếm những ý nghĩa bị che lấp bên dưới cuộc đời. Thăm dò những ý nghĩa này là một việc làm cao quý.

Mọi loại nghệ thuật đều có ý nghĩa. Ý nghĩa của nó có thể nằm ngay trong chính tiến trình thô bạo, quỷ quyệt, mà nghệ thuật được sáng tạo nên, hãy lấy thí dụ những họa phẩm của Pollock hay de Kooning — hay ý nghĩa có thể tàng chứa trong chính kết cấu của tác phẩm, được nói rõ ra, để cho một sinh viên có thể gạch đít dưới dòng *Live all you can; it's a mistake not to* (như trong *The Ambassadors* của Henry James), và cảm thấy mình đã nắm được ý nghĩa của tác phẩm, mà không phải nói đôi nói ba. Ý nghĩa của *Moby Dick* không những chỉ ở trong chương mô tả về con cá voi trắng, nhưng hiện diện trong tất cả các chương — từ những chương tầm thường cho đến những chương hay — toàn bộ tác phẩm đóng góp vào ý nghĩa của nó; đó là sự thăm dò thực tại của Melville.

Và, *Tại sao bà viết văn?* Để trả lời câu hỏi này một lần nữa: Chúng ta viết văn bởi vì chúng ta đã được trao cho một trách vụ cao quý, trách vụ làm sáng tỏ những điều huyễn hoặc, hay là phơi bày ra cho người ta thấy nỗi huyền bí nơi cái gì có vẻ đơn giản một cách sai khuấy và tê dại. Chúng ta viết văn để giữ sự trung thực với một số sự kiện, một số cảm xúc. Chúng ta viết văn để "giải thích" những hành động xem ra có vẻ điên cuồng . . . tại sao một chàng thanh niên thông minh lại trở nên điên cuồng rồi sát nhân, tại sao một người đàn bà tràn đầy hạnh phúc lại hoang phí cuộc đời bằng việc trốn chạy theo một người khác, tại sao một người sống hòa hợp khéo léo với cuộc đời lại tự vẫn? Thú thật, tôi là một người rất cổ điển, rất bảo thủ. Tôi nhìn đời, và cư xử với đời một cách bảo thủ, và những động cơ thôi thúc tôi viết văn cũng cổ điển như thế, nhưng không phải là kỳ quặc. Tôi say mê những bố cục và nhãn quan kỳ cục, và nếu làm được, tôi đã có thể viết những truyện ngắn lộn tùng phèo, hay viết luôn một lèo ba cột báo, nhưng thật ra đằng sau những sáng tác có vẻ nhu mì kia, tôi chỉ có một ước vọng duy nhất là nói lên được một ý nghĩa gì đó . . . Tôi muốn biết cái lý do tại sao ở đằng sau những cảm xúc của con người, ngay cả khi tôi vẫn muốn lặp đi lặp lại nhiều lần rằng cảm xúc của con người là ý niệm huyễn hoặc nhất và không thể nào hiểu chúng được. Tôi không quan tâm mấy đến những mánh lới kỹ thuật để khai thác trang giấy, chỉ làm cho sự không thực của nó đậm nét lên mà thôi (như tác phẩm của Beckett, chẳng hạn, nhạo báng ngay chính tiến trình sáng tác), dù cho không ít những nhà họa sĩ theo phái lập thể và trừu tượng đã biến những tấm vải bố thành những nghệ phẩm, mà không dùng những tấm vải bố đó như một tấm gương phản ảnh thực tại. Nhưng đối với tôi, một người đàn bà, tri thức không thôi sẽ làm cho tôi chóng mệt: nếu một câu truyện chỉ có những tri thức, có lẽ tốt hơn nó nên là một bài nghị luận, hay một lá thư gởi cho chủ

biên là đủ. Đầu óc tôi luôn luôn nghĩ đến những động từ không chỉ một hành động nào ngoại trừ gợi ý đến tính uyển chuyển của thế giới mà chúng ta sống.

Nếu một truyện ngắn viết tài tình thì không cần phải nhấn mạnh đến ý nghĩa của nó, hay nhấn mạnh đến sự kinh ngạc trước sự kiện vô nghĩa: câu truyện *chính là* ý nghĩa của nó, và chỉ có thế thôi. Bất cứ truyện nào của Chekhov cũng là ý nghĩa của nó. Đó là một kinh nghiệm, một cảm xúc, thường là cao đẹp, nhưng thỉnh thoảng cũng xấu xa dị hợm, nhưng chính nó lại rất tinh khiết, không cần phải giải thích dài dòng. *The Lady with the Pet Dog*, một truyện ngắn tiêu biểu của Chekhov, nói lên mối tình vô vọng giữa một người đàn ông từng trải và một người đàn bà ngây thơ, vợ của người đàn ông khác giàu có nhưng dễ chán. Họ gặp nhau, yêu nhau, rồi tiếp tục gặp nhau... người đàn bà than khóc, người đàn ông vô vọng, họ không cưới nhau được vì gia đình, vì những áp đặt của xã hội. Đó là tất cả những gì truyện ngắn này muốn nói. Chekhov cho chúng ta biết được tình trạng tiến thối lưỡng nan của họ, cho chúng ta một ý niệm khó quên về nỗi khổ đau của họ, và câu chuyện không cần phải có thêm một ý nghĩa nào hơn thế. Chắc chắn không phải họ đang chịu hình phạt cho tội thông dâm của họ! — họ cũng không bị chê trách bởi đã không đủ can đảm để cùng nhau chạy trốn, hay là đã không có đủ tính lãng mạn. Họ là những con người tầm thường bị vây bủa bởi những trạng huống phi thường; *The Lady with the Pet Dog* là dấu tích của cơn khủng hoảng cảm xúc của họ, và chúng ta cũng thông cảm với họ, dù là một cách miễn cưỡng, bởi vì chúng ta nhìn thấy mình cũng bị vây kín trong những cái bẫy như vậy, rồi tự dối trá chúng ta, rồi cũng thất vọng, dù cho chúng ta có đủ khôn lanh xảo quyệt.

Còn về bản chất của truyện ngắn thì sao? Không chỉ có một, mà có nhiều bản chất. Nhiều bản chất khác biệt nhau. Cũng như mỗi chúng ta đều có một cá tính riêng biệt, cho nên những giấc mộng của cá tính chúng ta cũng khác nhau. Không có một quy luật nào để chỉ vẽ cho chúng ta cả. Trước đây cũng đã có một quy luật: "Đừng nên kể chuyện một cách nhàm chán!" — nhưng quy luật đó bây giờ đã bị lờ đi; những nhà văn ngày nay như Beckett, Albee và Pinter đã cố tình làm nhàm chán (tuy họ thành công nhiều mà họ không biết), và bất cứ cách sáng tác nào cũng được chấp nhận cả. Phóng đại lên, thu gọn lại một cách thái quá. Những cảnh dài, cảnh ngắn... những hình ảnh chớp qua như xi-nê, những ấn tượng, những đoạn văn dài lê thê như trong tác phẩm của Thomas Mann: bất cứ kỹ thuật nào cũng được cả. Không có một giới hạn nào về độ dài cho truyện ngắn, ngay cả cho tiểu thuyết. Tôi tin rằng bất cứ một truyện ngắn nào cũng có thể kéo dài thành một tiểu thuyết, và ngược lại, một cuốn tiểu thuyết cũng có thể thu gọn lại thành một truyện ngắn hay ngay cả một bài thơ. Thực tại luôn luôn thay hình đổi dạng; chúng ta hãy gói ghém nó thành nhiều gói, nhiều hộp, nhiều hình dạng khác nhau, đặt tên cho chúng, hay xuất bản thành những cuốn sách đóng bìa cứng. Hãy làm nên phim ảnh với những thực tại đó. Hãy tuyên bố rằng mọi sự trên

đời đều đáng tôn quý, và mọi thứ đều là chất liệu cho nghệ thuật, — hoặc là, có lẽ không có thứ gì đáng tôn quí, nên không thể bỏ quên chúng được.

Người viết văn tài tử thường hay muốn viết những đề tài lớn, nghiêm túc. Có lẽ đó là một người nặng lòng với xã hội! Nhưng không có đề tài "lớn", mà chỉ có cách thể hiện đề tài lớn mà thôi. Tất cả các đề tài, hay chủ đề, đều nghiêm túc, hay quàng xiên. Không có một quy luật nào để phân định cả. Chúng ta hoàn toàn tự do. Những phép lạ đang chờ đợi chúng ta, nằm ngay trong những hộp băng mực của máy đánh chữ, chờ sẵn để được tháo cũi sổ lồng. Tôi khuyên sinh viên viết về những đề tài liên quan mật thiết với họ. Làm sao để có thể biết là mình đang viết về những đề tài thật với mình? Khi họ viết một cách dễ dàng. Khi họ ngần ngại là lúc họ bỏ bút. Bằng cảm giác vừa vui mừng, vừa nhức nhối, ngay cả tội lỗi đã làm một việc gì đó đáng làm, họ khai ra hết những cảm xúc của họ mà họ cho là không thể thú nhận được với ai, họ nói hết những điều mà họ nghĩ là không nên nói. Nếu khi viết văn bạn cảm thấy khó khăn, hãy ngừng viết. Bắt đầu lại với một đề tài khác. Những đề tài chân thực bao giờ cũng tự nó nói lên, chúng không thể nằm im lặng được. Hãy tạo những hình thái cho những giấc mơ của bạn, hãy vun xới cho những giấc mơ đó để ý nghĩa của nó đâm chồi nẩy lộc. Nếu bạn cảm thấy phí phạm khi ngồi bên khung cửa sổ, mắt lơ đãng nhìn vào khoảng không, bạn sẽ không bao giờ viết văn, và tại sao lại đi viết văn? Nếu bạn thấy ngồi trầm ngâm nhìn vào khoảng không trên cao, hay nhìn vào dòng sông và cho đó là một biến cố đáng tôn quí, và cái tôi nấp sâu trong người bạn cảm thấy hài lòng, có lẽ bạn là một nhà văn hay là một nhà thơ, và rồi có lúc bạn muốn truyền đạt những cảm xúc đó của mình.

Nhà văn cảm xúc trước, viết sau.

Đời sống của một nhà văn thật kỳ diệu. □

— *Dịch từ* **The Writer's Digest** —
Handbook of Short Story Writing, Ohio, 1970

tìm đọc

nửa khuya giấy trắng

thơ TRẦN HỒNG CHÂU

Bìa Đinh Cường
Thanh Văn xuất bản

CHÂN PHƯƠNG

derek walcott, khi thơ ca cất tiếng chào đời

Ngoài tài năng và sự cống hiến lớn cho văn hóa, có thể còn những lý do khác giúp cho một nhà cầm bút nào đó đoạt giải Nobel văn chương. Năm 1992 này, chắc chắn các vị Hàn lâm Thụy Điển đã tuyển chọn Derek Walcott vì cái lý do trọng đại vừa mang tính địa dư và lịch sử: kỷ niệm sự giao lưu giữa hai thế giới khởi sự năm trăm năm trước khi Columbus cặp bến Mỹ châu. Thật là nhất cử lưỡng tiện; các ngài viện sĩ vừa ăn mừng sự kiện lịch sử một cách rất là văn hóa, vừa đồng thời công nhận tầm quốc tế của một dòng văn học chưa được quan tâm đúng mức — dòng văn học Caribbean, đặc biệt là thơ ca mà đại diện xuất sắc nhất là Derek Walcott.

Saint Lucia, Sainte Lucie — chính Columbus đã mượn tên vị thánh nữ mù để đặt tên cho hòn đảo nhỏ phía Nam các quần đảo Trung Mỹ nơi nhà thơ kiêm nhà viết kịch Walcott đã chào đời và sống thời niên thiếu đầy ắp kỷ niệm với biển trời nhiệt đới nhiều nắng hạn với mưa dầm. Đây đó trong thơ ông, hình bóng khối đảo ngoi lên giữa trời nước bao la vẫn thường xuất hiện, biểu tượng cho niềm hoan lạc của giống người nguyên thủy hồn nhiên:

Đảo ấy là thiên đường — xa phố phường, bụi bặm máu me
Ngắm nhìn xem, đường vịnh cong cong, đóa hoa bung cánh nở
Rào rạt tiếng cây rừng như chim vỗ cánh, khi đêm xuống bầu trời lấm tấm sao...

(As John to Patmos, 5) (1)

Tả cảnh quê hương miền biển, ông không thiếu những câu thơ đẹp không thua các bức họa tài tình:

Cơn mưa trắng trời kéo chiếc lưỡi nước dọc dài bờ biển...

(Return to d'Ennery; rain, 29)

hoặc:

... trắng hếu các nghĩa trang sò ốc
bên cạnh biển đầy những nứt rạn sắc cobalt...

(Origins, 11)

Các nhà thơ lớn thường ấp ủ trong tâm tưởng một mảnh đất thiêng nơi hàm dưỡng hồn thơ ẩn mật. Nếu Réné Char có miền Midi nước Pháp, nếu Neruda có núi và đảo Chile thì Walcott có biển và mặt trời của vùng Caribbean. Thiên nhiên có ảnh hưởng sâu đậm lên tính khí nhà thơ. Walcott có lúc đã nói, "Tôi yêu biển như yêu bản thân mình", hoặc có lúc ông ao ước:

... Tôi muốn viết câu thơ sạch khô như cát
trong lành như nắng, mát lạnh tựa làn gió cuộn ...
(Islands, 52)

Sự kết tinh từ tình yêu thiên nhiên đất nước sau này hóa làm hình tượng Địa Đàng trong thơ ông, với cư dân đầu tiên như Adam hoặc Crusoe, kẻ đắm tàu văn minh để khai phá những phương trời mới. Trả lời phỏng vấn cho tờ *The Paris Review*, ông nói khá rõ về đoạn đời niên thiếu ấy:

Từ lúc còn trẻ, tôi đã cảm biết rằng tôi mang một chức năng, chức năng nói lên cho được, không phải kinh nghiệm cá nhân mình mà là những gì tôi thấy chung quanh kể từ khi còn bé, tôi đã biết là quanh tôi đầy tràn cái đẹp. Cứ leo lên bất cứ chóp đỉnh nào ở St. Lucia cũng cảm nhận được đồng thời sự tinh khôi cùng với cái cảm xúc phi thời gian của khoảnh khắc hiện tiền. Điều này có tính nguyên sơ và xưa nay vẫn cứ như thế. Nhưng cùng lúc ấy tôi cũng biết những người nghèo khổ quanh mình không đẹp đẽ gì hiểu theo cái nghĩa lãng mạn như thứ đề tài sặc sỡ mà văn chương hội họa hay ưa chuộng. Tôi đã sống, đã nhìn thấy họ, và đã nhìn thấy những điều chẳng phải tìm kiếm ở đâu xa... (2)

Lời tâm sự này soi tỏ ý thức của một ngòi bút đã thấm thía khá sớm thân phận lớp người nghèo khó mà chính mẹ ông, người vợ góa chồng tần tảo nuôi ba đứa con mồ côi cha rất sớm là một hình ảnh gần gũi nhất. Trong một chương hồi ký đầu đời thuật lại thời tập tành viết vẽ của mình, Walcott kể lại một kỷ niệm đầy xúc động:

... Khi cảm thấy sẵn sàng để "xuất bản tác phẩm", tôi hỏi xin mẹ tôi hai trăm đô-la để in một tập thơ mỏng. Lúc ấy tôi ngồi bệt ở đầu cầu thang còn mẹ tôi đang may vá bên cửa sổ. Mẹ tôi làm gì có nổi món tiền ấy, cho nên bà khóc. Nhưng rồi bà cũng xoay được đủ số, tập thơ được in ra và chính tay tôi đã mang đi rao bán đầu đường xó chợ, một quyển một đồng, và đã thu hồi lại vốn. Tập thơ lại được "tái bản". (3)

Địa Đàng như vậy bị phủ định bởi sự xuất hiện của con người mang theo những phân biệt giàu nghèo, màu da, hay tín ngưỡng. Mang trong mình hai dòng máu da đen da trắng, nhà thơ đau khổ vì sự xung đột khó hàn gắn năm trăm năm lịch sử đã để lại cho châu Phi và châu Mỹ. Ông thường nghĩ ngợi về hai người ông của mình, một đại biểu cho văn minh và quyền lực da trắng, một tượng trưng cho những giống người bị áp bức đọa đày:

Con vượn rừng vật lộn với kẻ siêu nhân
Mang trong người độc tố từ cả hai dòng máu
Tôi biết chọn phía nào, khi chính kinh mạch mình đã bị xé đôi ...
(A Far Cry from Africa, 17)

Tân Thế giới chỉ đẹp trong huyền thoại, thực tế đó là sân khấu nơi đã diễn ra chính sách nô lệ, thống trị thuộc địa và tội diệt chủng. Rừng xanh nhiệt đới mát mắt kia đã từng chứng kiến sự tàn sát các thổ dân, rừng xanh chính là "cặp xương hàm lặng lẽ tạp ăn há rộng nhai nuốt" hai giống người Arawak

và Carib, thổ dân da vàng nguyên thủy vùng biển Trung Mỹ, sau đó tiếp tục ăn sống các chủng người da đen bị bắt từ Phi châu sang. Bọn sống sót thì bị chế độ thuộc địa tàn phá nhân tính, vất vưởng lê kiếp sống nghèo túng, trây lười và bất cần đời. Trong vở kịch thành công nhất, *Giấc Mơ Trên Núi Khỉ (Dream on Monkey Moutain,* 1969) với nhân vật Makak, lão già nấu than mỗi bận gánh than xuống núi bán xong là mua rượu uống say mèm để rồi nằm mơ thấy mình trở thành ông vua của cả châu Phi khi bị bắt nhốt vào bót, Walcott có dụng ý tố cáo tội ác của thực dân. Ông nói rõ: "Makak là biểu tượng cực độ của tác hại do chính sách thuộc địa gây ra cho những con người bị biến chất, sa đọa đến mức gần thành thú vật." (4)

Về thân phận dân nô lệ da đen, Walcott không dừng lại với địa phương Trung Mỹ. Sau này có dịp sinh sống, thăm viếng nhiều nơi trên nước Mỹ, ông tiếp tục quan sát cái hố ngăn cách mà tệ phân biệt chủng tộc đã đào sâu giữa hai giống người khác màu da. Trên chuyến bay từ Mỹ trở về quê nhà, từ không trung miền Nam Hoa Kỳ nhìn xuống ông hình dung, "khói bốc lên từ các *ghetto* chật muốn nổ tung", cảm thấy khoảng cách thù hận ngày càng lan rộng và "nỗi sợ khiến tiếng nói tôi đặc lại, mảnh đất vừa lạ vừa quen kia khiến tóc tai tôi dựng đứng, tôi — kẻ mang qui chế của thứ linh hồn hạng hai." (*The Gulf*, 104)

Đó là một kinh nghiệm phức tạp vì Walcott vốn có nhiều kỷ niệm đẹp với người Mỹ da trắng trong những năm tháng cư ngụ trên nước Mỹ, trong đó ông có nhiều bạn bè thật thà tốt bụng. Và ông làm sao quên được hình ảnh gần như thiêng liêng của Lincoln, vị tổng thống nhân hậu thuở nào khi suy nghĩ về vấn nạn da màu trong suốt dòng lịch sử Hoa Kỳ. Trong bài thơ quan trọng mang tên *Bắc Nam* (*North South*, 405) trầm tư về tương quan thế giới hôm nay, một bên là phương Tây đứng đầu là Hoa Kỳ trong thế tranh chấp Tư bản-Cộng sản khốc liệt kèm với sự tàn tạ của thực dân da trắng, một đằng là những dân tộc nghèo hèn, nạn nhân của những tranh chấp quyền lực giữa các giống dân da trắng, Walcott đã gửi gấm nỗi lòng vào đoạn kết như sau:

Nhưng trong mấy cánh rừng Virginia cũng có một ông già
dáng dấp bụi đời với chiếc áo khoác trận rách sờn thời Nội chiến
vừa dạo bước vừa lắng nghe lá cây ca hát,
và khi tôi nhận ra món tiền thối
cô thâu ngân tiệm thuốc tây tỉnh lẻ
đã rụt nhanh mấy ngón tay lại tránh né
làm như thể da cô sẽ bị đốt phỏng bởi tay tôi
well, yes, je suis un singe, (5)
tôi thuộc bộ lạc giống vượn người hăng tiết và sầu muộn
cái bộ lạc sẽ còn làm ra âm nhạc cho cô
trong nhiều mùa trăng nữa, nhiều hơn
đồng bạc cắc ngổn ngang trong cái ngăn kéo đựng tiền.
(North South, 405)

Sự xung đột trong tình cảm ấy còn một nguyên nhân sâu xa hơn. Dù sao Walcott vẫn hàm ân văn hóa da trắng, đặc biệt là ngôn ngữ văn chương Anh quốc, lợi khí ông đã thủ đắc sau nhiều năm luyện tập. Nếu không có nền thơ Phục hưng thời Elizabeth với những Shakespear, Spencer, nếu không có những thi hào lớn khác như Milton, Keats, Tennyson, Wordsworth, nếu không có dòng thơ hiện đại từ Eliot, Spender, Auden và Dylan Thomas, làm gì Walcott tìm được tiếng thơ riêng cho bản thân ông. Đó là chưa kể đến những năm học hỏi thêm với các nhà thơ ở Mỹ, đặc biệt là Robert Lowell.

Mặc dù khả năng sử dụng Anh ngữ của ông thuộc hàng bậc thầy trong văn học hiện đại, mặc dù đã được các nhà thơ Anh chính hiệu như Robert Graves, Seamus Heaney ca tụng tài năng, trong nhận thức và tình tự Walcott không bao giờ xem mình thuộc về văn học của phương Tây da trắng. Chính điểm này phân biệt ông với nhà văn có tiếng Vidal Naipaul, người gốc Ấn Độ sinh trưởng ở Trinidad, Trung Mỹ, càng về sau càng từ bỏ cội nguồn, gắn bó với nước Anh và các độc giả phương Tây, phần lớn là dân Anh quốc. Sự trưởng thành về ý thức lịch sử, kèm theo tài năng chín rộ đã tạo cho Walcott một thế đứng độc đáo. Đối với dòng văn học vùng biển Caribbean non nớt đang độ thành hình, ông là nhà khai sáng có công tạo thiên lập địa. Cùng với những bạn thơ như Edward Brathwaite, Dennis Scott, Ian McDonald, nhà thơ và nhà viết kịch của đảo St. Lucia đã xây đền đặt móng cho cả một tòa văn chương bừng bừng sức sống. Cũng như Aimé Césaire, Léon Damas, René Depestre đối với thơ văn da đen Négritude một thời được Sartre và Paris tán dương, các ngòi bút tiếng Anh của vùng Caribbean đã có công lớn trong việc khắc tạo diện mục văn hóa độc đáo cho địa phương mình. Ở đây có thể nhắc tới khái niệm *Liminality* của nhà nhân chủng lớn Victor Turner, ứng dụng vào lĩnh vực văn chương. Khi một vùng đất mới hình thành (ở đây là Mỹ châu chia thành ba khu vực Bắc, Trung, Nam), khoảng trống văn hóa sẽ cất tiếng kêu gào đòi tên tuổi, khát khao chờ đợi các tài năng có sức sáng tạo lớn để khai sinh diện mạo và danh tính cho mình. (6)

Phải chăng giải Nobel văn chương cho Derek Walcott năm nay là tờ chứng nhận khai sinh mà Thụy Điển đại diện cho cả loài người đã trao cho một địa phương văn hóa mới? Để cho năm thế kỷ chết chóc oan khiên có được cái hậu tốt lành, để cho sự xung đột chủng tộc được hóa giải và thăng hoa? Và còn ai khác ngoài thơ ca, nghệ thuật để đảm nhận trọng trách cao quý đó. Nhưng các viện sĩ Hàn lâm còn chờ cơ hội thuận tiện để công bố cái điều mà giữa các nhà thơ tâm đắc với nhau đã sáng tỏ từ lâu. Bởi Joseph Brodsky, một thi hào Nobel khác, từ chục năm trước đã phát biểu rằng: "Vùng đất do Columbus khám phá, sau này bị biến thành thuộc địa của nước Anh, đã được Derek Walcott biến thành bất tử." (7)

Chú thích:

(1) *Collected Poems,* 1948-1984 (New York, 1986). Tất cả các đoạn thơ

trích dẫn Walcott trong bài viết này đều được lấy từ thi tập này với số trang ghi kèm.

(2) *Writers at Work,* 8th series (Paris Review Inc., 1988), trang 278.

(3) *The Autobiographical Eye,* Antaeus Review, Xuân/Hè 1982, trang 248.

(4) *Current Biography Book 1984,* trang 429.

(5) Nguyên văn tiếng Pháp trong bài thơ, dịch nghĩa: *Vâng, tôi là một con khỉ.*

(6) *Victor Turner and the Construction of Cultural Criticism,* Editor Kathleen M. Ashley (Indiana, 1990); xem bài của Stephen W. Foster, trang 117-137.

(7) *The New York Review of Book,* Nov. 10, 1983.

DEREK WALCOTT

bản đồ tân thế giới

*

I. Quần đảo

Cuối câu này mưa bắt đầu rơi.
Ngoài rìa mưa, một mảnh buồm xuất hiện.

Cánh buồm chậm chạp rời xa,
đảo, hòn dần dần mất dạng;
niềm tin tưởng của cả một giống dân
vào bến cảng sẽ biến thành sương khói.

Cuộc chiến mười năm kết thúc.
Mái tóc Helen, mây xám giạt trôi
Nằm bên biển dầm mưa
thành Troa, trắng tro miệng hố.

Mưa lâm râm dày hạt như những sợi tơ dàn
Một người cặp mắt kéo mây nhặt tiếng mưa lên
và gảy dòng chữ đầu cho thiên hùng ca Ulysses.

Chú thích của người dịch: *Walcott mượn hình tượng Homer để nói về bản thân mình. Bài thơ là sự liên tưởng giữa hai nền văn minh Trung Mỹ Caribbean. Cuộc chiến ngày xưa là sự tranh chấp thuộc địa giữa các thế lực thực dân trước đây. Người đẹp Helen chính là hòn đảo quê hương Saint-Lucia của*

nhà thơ, mười ba lần thay đổi chủ nhân, cuối cùng Anh giành được nhưng vẫn nặng tình với Pháp. Cái tứ trong bài này sẽ được triển khai thành trường ca Omeros (1990) thi phẩm quan trọng mới nhất của Walcott.

tân thế giới

*

Sau câu chuyện về vườn Địa Đàng
Còn điều gì bất ngờ chăng?

Có chứ, nỗi hoảng kinh của Adam
Khi bắt gặp lần đầu hạt mồ hôi tươm rịn.

Từ đó thịt da phải được tẩm ướp muối
để cảm nhận lưỡi dao thời tiết,
nỗi sợ hãi và mùa màng,
niềm vui gian nan nhưng ít ra
cũng thuộc về chàng.

Con rắn thì sao? Nó đâu chịu nằm
trên chạc cây chờ ngày rã mục.
Vốn mến chuộng tính cần lao,
không khi nào con rắn rời bỏ Adam.

Cả hai sẽ cùng ngắm lá bạc óng ánh
khoác áo cho thân cây tống quán
rồi tháng mười vàng úa rừng sồi,
tất cả hóa thành của tiền, tài sản.

Khi Adam bị đày sang Tân Địa Đàng,
trong lòng chiếc bè hồng thủy
con rắn cũng cuộn tròn đi theo cho có bạn,
số mệnh đã sắp đặt như thế.

Adam nảy ra sáng kiến: đánh đổi Địa Đàng
lấy phần lời chia đôi với rắn.
Như thế cả hai làm ra Tân Thế giới.
Và hoàn tất công trình tốt, amen.

— Chân Phương dịch

BÙI DIỄM-ÂU

nét họa châu mai

truyện ngắn

1.

– Xin lỗi, cô . . . Quyên?

Người con gái ngẩng đầu lên nhìn Lam, đôi mắt tròn xoe lại dưới cặp lông mày cánh cung rất đậm. Lam ngẩn người vì đôi mắt của nàng hình như biết nói. Ngoại trừ Chân Phương, cô em khả tú của chàng, chưa bao giờ Lam thấy ai nhìn mình với một cặp mắt linh động và ngộ nghĩnh đến thế. Lam nhớ đến đôi mắt đen của Chân Phương những ngày còn thơ ấu mà trong lòng thầm nghĩ, ôi, sao người con gái tóc mướt dài với một vóc dáng đĩnh đạc trầm tĩnh này lại có được đôi mắt của một cô bé con hết sức vô tư như thế kia.

Thấy người con gái chỉ nhìn mình trong im lặng, Lam lại phải lịch sự nghiêng đầu chào nàng thêm một lần nữa. Chàng nói một cách hết sức từ tốn và nghiêm chỉnh:

– Ông quản thủ ở lầu dưới có chỉ cho tôi lên đây. Tôi sẽ ngồi ở phòng gần đây, phòng số 314. Cũng là phòng đọc sách tạm, cách đây ba căn, bên tay trái. Vậy nếu khi nào cô xem xong quyển sách này thì cảm phiền cô đem qua cho tôi mượn nhé. Tôi đã nói chuyện với ông quản thủ rồi. Như thế thì khỏi phiền cô đem trả cho ông ấy, khỏi phiền ông ấy đem lên lầu cất, và cũng khỏi phiền . . . tôi phải chờ ông ấy lên lục lại đem xuống dưới này.

Người con gái cắn nhẹ môi, đôi mắt đã hết tròn vì đôi lông mày bắt đầu hơi nhíu lại. Nàng có vẻ lưỡng lự giây lát trước khi cất tiếng hỏi Lam:

– Sao anh biết tôi đọc sách gì mà lại muốn mượn?

– Tôi . . . tôi đưa phiếu điền tên sách đến cho ông quản thủ thì ông ấy bảo tôi là cô vừa mới mượn ra cách đây một vài tiếng và ông ấy chỉ cho tôi lên đây tìm cô.

– Anh nói ông Ohara, quản thủ Văn khố Đông phương ở đây ấy à? Ông ấy . . . khó tính như gì ấy thôi. Lần nào mượn sách xong, tôi cũng phải đem trả lại tận tay ông ta, chứ còn cứ để bừa lại trên bàn ông ấy, chẳng may có ai đi qua . . . cầm nhầm mất nó thì dám ông ấy sẽ mất việc ở cái Thư viện Quốc hội Hoa Kỳ này lắm chứ chẳng phải chơi. Xin lỗi anh nhé, tôi nói thế là nói . . . thật lòng đấy, chứ không phải tôi có ý nghi ngờ gì anh cả. Tôi . . . đưa sách cho anh . . . không được đâu. Với lại, tôi phải đưa lại tận tay cho ông ấy để còn đòi lại cái thẻ lái xe của tôi nữa.

– Ông Ohara có bảo tôi cứ nói lại với cô như thế, sau đó cô cứ việc xuống nhà gặp ông ấy, ông ấy sẽ trả thẻ lái xe lại cho. Tôi thì đã điền một phiếu mượn quyển sách này và đưa cho ông ta giữ cùng với lại thẻ lái xe của tôi rồi. Nhưng . . . hay là . . . Thôi, nếu cô không tin tôi thì chút nữa khi nào đọc xong, cảm phiền cô qua phòng 314 cho tôi biết, tôi sẽ cùng đi xuống gặp ông Ohara với cô vậy.

Người con gái lại nhìn Lam, im lặng. Lam ngạc nhiên vì cảm thấy hình như nàng có thói quen im lặng . . . hơi lâu khi phải suy nghĩ điều gì. Buổi trưa, căn phòng đọc sách vuông vắn ở lầu thứ ba trong tòa nhà đồ sộ của Thư viện Quốc hội Hoa Kỳ này cũng lặng lờ và yên tĩnh không kém. Lam có cảm tưởng như cả những quyển thư mục dầy cộm, nằm ngăn nắp trên kệ chung quanh tường, cũng đang lười biếng ngủ trưa, chẳng buồn rù rì chuyện vãn. Lam còn đang tần ngần, không biết có nên đề nghị thêm điều gì nữa không thì người con gái chợt mỉm miệng cười thân thiện. Đôi mắt nàng như cũng cười theo, khóe cười tươi vui, hồn hậu.

– Chắc anh cũng đang nghiên cứu cái gì về lịch sử dân mình, phải không ạ?

Rồi không đợi Lam trả lời, nàng tiếp:

– Tiếc ghê, cái Thư viện Quốc hội này không cho phép mình mượn sách đem ra ngoài, mà làm copy sách ở trong này thì phải chờ mấy lâu quá sức. Cứ phải chịu khó lên ngồi đọc ở mấy cái phòng đọc sách tạm này cũng bực mình ghê đi. Anh đang . . . nghiên cứu về cái gì thế ạ?

Lam lắc nhẹ đầu khi nghe người con gái ân cần hỏi. Chàng có nghiên cứu cái gì đâu. Chẳng qua vì tính tò mò cố hữu. Chàng đã từng được nghe cụ Jean-Pierre Dubois, một người bạn thân của gia đình chàng, nhắc nhiều đến một số sách biên khảo quý báu liên quan đến nguồn gốc dân tộc Việt hiện còn được lưu giữ tại Thư viện Quốc hội Hoa Kỳ — nên nhân dịp ghé chơi Hoa Thịnh Đốn, chàng lặn lội đến tận nơi, định bỏ ra vài hôm vào đây tìm sách đọc. Lam mỉm cười khi vừa chợt nghĩ đến cái gốc gác của mình — mà thật ra, lại có ít nhiều liên hệ với quyển sách người con gái đang đặt trên bàn kia. Chàng trả lời vu vơ:

— Không . . . không, tôi cũng chẳng có gì phải nghiên cứu cả.

Lam đổi đề tài ngay sau đó:

– Thế còn cô? Ông Ohara bảo là cả hơn một tuần nay, ngày nào cô cũng vào đây và mượn sách đọc kỹ quá. Tôi đoán chắc cô đang theo học ngành Đông phương học hay Sử học gì đó, phải không?

Người con gái lắc đầu, đưa ngón tay út lên môi cắn nhẹ, làm Lam lại nhớ đến thói quen trẻ con đó của Chân Phương và thấy người con gái này càng ngộ nghĩnh lắm. Lam kéo ghế ngồi xuống đối diện với nàng.

– Tôi đoán sai rồi sao?

– Anh thử đoán lại đi xem nào . . . Hai tuần nay tôi về đây thăm nhà, chứ còn thật ra, tôi đang đi làm ở Nữu Ước cơ. Mà thôi . . . anh đoán sai rồi. Tôi theo học ngành vẽ y phục thời trang, nên hiện giờ tôi đang làm người vẽ kiểu mẫu quần áo, chứ nếu hồi xưa tôi theo học về Sử học hay Đông phương học gì đó như anh đoán thì chắc là bây giờ, tôi chẳng đến nỗi mù mờ dốt nát như thế này đâu.

Người con gái kết luận hết sức thẳng thắn hồn nhiên làm cho Lam bật cười thích thú. Chàng lướt nhìn mấy ngón tay trắng nhỏ xinh xinh của người con gái tiếp tục nghịch ngợm những mép sách và lại càng thấy nàng giống cô em gái Chân Phương của chàng đến lạ lùng.

– Cô làm về ngành vẽ y phục thời trang mà ngày nghỉ lại vào đây ngồi đọc hết cả tá sách về . . . người Mường thì cũng hay nhỉ!

Người con gái nhoẻn miệng cười:

– Trời ơi, anh nói quá chứ làm gì mà đọc được đến cả tá sách! Tôi tìm được có một ít quyển, cả tiếng Việt lẫn các thứ tiếng khác nhưng, đây mới chỉ là quyển thứ ba mà tôi thật sự bỏ thời giờ ra ngồi đọc mà thôi. Tuần vừa qua thì tôi mất gần tuần lễ vật lộn với *Les Muong* của bà Jeanne Cuisinier, vừa đọc vừa tra tự điển mỏi cả tay! Còn quyển này tôi đang đọc dở dang, mới được có hơn một nửa. Cuối tuần này là tôi lại phải trở lại Nữu Ước rồi.

– Vậy mà tôi lại đến làm phiền, đòi mượn lại sách của cô. Thôi vậy, cô cứ tiếp tục đọc cho xong đi. Cho tôi xin lỗi nhé. Vài hôm nữa tôi lại có dịp trở lại. Tôi cũng còn một ít sách khác có thể đọc qua trước. Cô . . . đọc tiếng Pháp giỏi đấy chứ, chịu khó đọc cả *Les Muong* nữa sao? Gia đình chúng tôi có quen với một ông cụ người Pháp, hồi xưa từng làm việc thiện nguyện ở vùng Hòa Bình, Bắc Việt, trong một thời gian khá lâu. Hiện giờ ông cụ đang sinh sống ở một thành phố ngoại ô Paris nhưng, trong những lá thư gửi cho chúng tôi, ông cụ cũng có nhắc đến *Les Muong* nhiều lần. Tôi thì chưa bao giờ có cơ hội tìm đọc cho biết cả, bây giờ mới thật sự có dịp . . .

Người con gái lại nhoẻn miệng cười, chúm chím.

– Tiếng Pháp thì tôi có học ngày còn bé, bây giờ còn nhớ lõm bõm, chỉ tạm đủ dùng chứ chẳng giỏi giang gì cả. Anh cứ nhìn cái quyển tự điển dầy cộm này đây thì sẽ rõ tôi đã phải vất vả như thế nào trong tuần qua.

Người con gái ngừng một chút. Nàng đưa mắt tinh nghịch nhìn Lam, nhìn bâng quơ lên những kệ sách thư mục chung quanh tường rồi không hiểu sao, nàng lại lắc nhẹ đầu, nói liến thoắng một hơi dài như muốn cắt nghĩa cho Lam nghe về những điều chàng chưa tiện hỏi. Trông nàng có cái vẻ tự nhiên và thoải mái như đang hàn huyên tâm sự với một người quen thân, hơn là với một người lạ mặt vừa mới gặp chưa đầy dăm ba phút trước.

– Anh biết không . . . thật sự, tôi chỉ muốn tìm hiểu xem ngày xưa, thật xưa, dân mình ăn mặc ra làm sao, y phục của dân mình dài ngắn xanh đỏ như thế nào mà thôi. Tôi . . . có ý định phác họa một tập *porfolio*, tập tranh sưu khảo . . . về y phục dân Việt, từ thượng cổ đến hiện đại. Tôi nảy ra ý này đã từ lâu và cảm thấy tò mò đến có thể chết được! Có một hôm, tôi xem hoạt cảnh mấy cô bé xinh thật xinh đóng vai Hai Bà Trưng, mặc áo dài vàng, đội khăn vành cũng màu vàng lóng lánh. Trông Hai Bà Trưng lộng lẫy và uy nghi vô chừng. Hình ảnh đó làm cho tôi cảm động nhưng cùng lúc, lại làm cho tôi thấy thắc mắc trong lòng khôn nguôi. Vì cái lẽ giản dị là, tôi tin chắc, dân mình vào cái thời tự động đứng lên đánh đuổi ngoại xâm lần đầu tiên trong lịch sử đó, không có ăn mặc như thế bao giờ! Phải không anh? Tôi nghĩ, chiếc áo dài thuần túy của dân Việt ngày nay, gốc gác cũng là do chiếc áo dài Trung Hoa mà ra. Tuy nhiên, trải qua bao ngàn năm dâu bể, mình đã sửa đổi và biến chiếc áo dài Trung Hoa ra thành một chiếc áo dài Việt Nam tha thướt, cho hợp với khí hậu, phong thổ của xứ mình. Bây giờ thì đó chính là quốc phục đặc biệt của dân Việt vậy. Nhưng mà, còn ở vào cái thời Hai Bà Trưng thì sao? Không lẽ nào cũng thế được hay sao? Tôi lấy ví dụ . . . chẳng hạn như . . . anh có bao giờ nghĩ được là thuở xưa, chàng anh hùng Ben Hur lẫm liệt, vừa hò hét với mấy chú tuấn mã trên cỗ chiến xa, vừa đầm đìa mồ hôi vì phải đóng nguyên bộ com-lê, cà-vạt của thời đại nguyên tử trên người không hở anh?

Lần này thì đến lượt Lam phải tròn mắt. Lam bắt đầu để ý đến lối nói chuyện rất tự nhiên của người con gái. Nàng có vẻ lanh lẹ, hứng khởi và hoạt bát hơn ban nãy, khi say sưa cắt nghĩa về những suy nghĩ và dự tính của mình. Giống như bé Chân Phương những ngày còn bé, mỗi khi nó hăng hái khoe với Lam về những điều lạ lùng vừa mới học được chẳng hiểu từ đâu ra. Lam cảm thấy vui vui trong lòng khi nghĩ đến điều đó. Bây giờ thì Chân Phương của chàng không còn bé bỏng nữa, đã có chồng, có con, già dặn và trưởng thành với trách nhiệm làm vợ, làm mẹ rồi. Cha mẹ chàng đều đã qua đời khi hai anh em còn niên thiếu, vậy mà giờ đây hoàn cảnh đưa đẩy mỗi người ở một chốn xa cách nhau hàng vạn dặm nên lúc nào, trong lòng Lam cũng tiếc nuối những ngày còn thơ, hai anh em quấn quít bên nhau không rời một bước. Tự nhiên, Lam cảm thấy có cái gì gần gũi với người con gái quá, hệt như chàng đang nói chuyện với con bé em của mình, để nghe nó liến thoắng tâm sự về những điều ngây ngô trên trời dưới biển. Nhưng, những điều người con gái vừa nói thì chẳng ngây ngô chút nào. Có lẽ nó đã làm cho nàng trăn

trọc nhiều đêm nên mới phải vào đây tìm sách đọc. Lam đổi lối xưng hô và hỏi người con gái — chàng có cảm tưởng chẳng khác gì như khi xưa, hay hỏi đố để thử tài bé Chân Phương.

– Vậy thì theo . . . Quyên, ngày xưa, vào cái năm Hai Bà Trưng nổi lên đuổi giặc chiếm lấy 56 thành trì đó, dân mình ăn mặc ra sao?

Người con gái cắn môi, lưỡng lự. Nàng lại im lặng khá lâu trước khi ngước lên nhìn sâu vào mắt Lam.

– À . . . cái này thì rất ư là rắc rối. Cái khó là ở chỗ . . . tôi nói ra anh đừng cười . . . tôi muốn tìm hiểu cho ra lẽ về nguồn gốc cổ thời của dân tộc mình trước đã, rồi thì sau đó mới dám tưởng tượng, dám phác họa. Theo rất nhiều sách nghiên cứu có thẩm quyền của khoa nhân chủng học, thì dân Việt mình có nguồn gốc phát xuất từ chủng Cổ Mã Lai mà ra và, anh em họ hàng bà con xa lơ xa lắc của mình chính là người Nam Dương, người Mã Lai, người Thái, người Lào, Cao Miên, Miến Điện, người Mélanésien và cả người Nhật nữa. Nhưng, bây giờ, mình và họ đã khác xa nhau rồi, chỉ còn lại một vài điểm tương đồng lấm chấm đây đó như tục ăn trầu, tục nhuộm răng, búi tóc, trống đồng, thuyền hải điểu. Chỉ có riêng người Mường là còn nhiều điểm trùng hợp và giống mình hơn hết cả, chắc anh biết rồi. Kể cả tiếng nói cũng vậy, cũng giống gần như hệt, dù họ bỏ đấu ít hơn mình. Mà . . . theo tôi hiểu, thì bao anh hùng Đại Việt cũng xuất thân từ đất của người Mường mà ra, từ Lê Hoàn, Phùng Hưng, đến Đinh Bộ Lĩnh, Lê Lợi, Đinh Công Tráng. Thật ra, chúng ta phải hiểu rằng ngày xưa, dân Việt với dân Mường chỉ là một, như anh em trong cái bọc trứng khổng lồ của bà mẹ Âu Cơ thôi. Làm gì có chuyện người Việt và người Mường. Tôi cũng cứ thắc mắc không hiểu cái danh từ Mường nó phát xuất từ cái thời nào, ai đặt chuyện ra như thế không biết.

Người con gái nghỉ một chút rồi lại vui vẻ tiếp:

– Thành ra . . . bây giờ muốn tìm hiểu về y phục người Việt cổ thời, tôi phải bắt chước mấy ông bà nghiên cứu về nhân chủng học và đi tìm hiểu về y phục của người Mường thời cổ. Chắc là vào cái năm Hai Bà Trưng đứng lên hô hào dân mình chống giặc, dân mình ăn mặc không khác những người miền núi mấy dâu! Mà chắc lúc đó, ngôn ngữ của mình và của người miền núi cũng là một, cũng không khác nhau gì hết!

Lam thấy nghẹn ở cổ khi người con gái dứt lời, trên môi nàng điểm một nụ cười có vẻ như dò xét. Nụ cười còn ánh ngời trên đôi mắt biết nói của nàng. Và, bất giác, Lam mơ hồ cảm thấy hình như chàng đã gặp người con gái, đã ngồi nói chuyện như thế này với nàng ở một nơi nào khác rồi mà không thể nhớ. Cái cảm giác nửa đoan chắc, nửa mơ hồ đó thả Lam lơ lửng giữa bầu không khí tĩnh lặng của căn phòng sách, làm cho Lam vừa rộn rã, vừa băn khoăn.

– Anh nhìn tôi có vẻ . . . nghi ngờ quá vậy? Tôi đã bảo là tôi còn mù mờ lắm, nên nhiều khi vừa đi tìm sách đọc vừa . . . đoán lung tung, biết đâu mai

mốt trúng được chuyện gì thì tôi sẽ mừng hết lớn. Sao thế anh, anh nghĩ tôi nói thế là sai bét hết rồi hay sao mà anh lại có vẻ . . . ngỡ ngàng quá vậy?

Lam lắc đầu, im lặng, chăm chăm ngó vào quyển sách đóng bìa cứng màu xanh lá cây người con gái đang để mở trên bàn. Tự nhiên chàng xúc động, rưng rưng. Lạ quá, không hiểu chàng đã gặp người con gái này ở đâu chưa mà sao cái cảm giác lại gần gũi đến thế. Và, những điều nàng nói, sao lại hết sức thành khẩn đến tự nhiên như thế kia. Tự nhiên, như sự tích sao ôi, sự tích trống đồng, sự tích nàng Ngu Cơ và chàng Long Vương mà bà ngoại và mẹ hay kể cho hai anh em Lam nghe ngày còn bé. Tự nhiên, như người con gái nói, "Phải hiểu rằng ngày xưa dân Việt và dân Mường chỉ là một, như anh em trong cái bọc trứng khổng lồ của bà mẹ Âu Cơ thôi". Lam đưa tay dụi mắt, chàng nói như trong giấc mơ:

– Cái danh từ Mường . . . Quyên không hiểu nó phát xuất từ đâu, do ai đặt ra? Thật ra, theo tôi được nghe kể lại, thì Mường là một danh từ Thái cổ — đúng thật ra, tiếng Thái phải là *Muang*, có nghĩa là xứ, vùng, hay là một nhóm người, một thị trấn. Còn cái danh xưng người Mường tự xưng, chính thật là *Mwan* hoặc *Mwai*, chỉ có nghĩa đơn giản là Người mà thôi. Họ gọi họ là *Mwai Tlong*, tức Người Trong, tức người-ở-trong-rừng, còn gọi dân Việt là *Mwai Ngwai*, tức Người Ngoài, tức Người-ở-đồng-bằng. Người Trong hay Người Ngoài thì cũng đều là Người, là *Mwai*, là anh em cả thì mới dám nhận là anh em như thế. Về sau, người văn minh ở đồng bằng biến *Mwai* thành Mường để chỉ người trên núi, và gây rắc rối vô cùng vì nó trùng với chữ *Muang* của tiếng Thái (1). Rồi lâu về sau nữa, có lẽ vào đời nhà Trần khi người-ở-đồng-bằng đã tiến xa thì danh từ Mường lại bị biến nghĩa thành một danh từ tổng quát để chỉ bất kỳ những người nào kém mở mang, giống như danh từ man di của Trung Hoa vậy.

– Anh nói từ đời nhà Trần? Tại sao . . . anh lại suy đoán ra như thế?

– Vì còn sót lại cái câu ca dao bất hủ mà người đời ác miệng đã đặt ra cho công chúa Huyền Trân, *"Tiếc thay cây quế giữa rừng, Để cho thằng mán, thằng mường nó leo"*, Quyên nhớ không? Chữ Mán, chữ Mường đâu có viết hoa, lại ám chỉ dân nước Chiêm Thành chứ đâu có chỉ người dân Mường hay dân Mán đâu.

– Ồ! Người con gái bật kêu. Chắc là anh đúng rồi đó! Vào đời nhà Trần thì nước mình thịnh trị phú cường lắm rồi, văn hóa chính trị và tôn giáo lên cao đến tột đỉnh. Lúc đó, chắc dân mình đã . . . ngó xuống dân nước Chiêm Thành và cho rằng họ còn thua kém dân mình lắm đó chăng.

Lam nhìn khuôn mặt đột nhiên có nét buồn buồn của người con gái và, cảm thấy được sự xúc động toát ra từ đôi mắt đang chớp rất nhanh của nàng. Lam lại thấy đôi mắt nàng sao ngộ nghĩnh quá. Ngộ nghĩnh và cảm thông. Mái tóc óng dài đong đưa theo từng cái gật đầu đầy chia sẻ. Không hiểu đôi mắt nàng có phải là những vạt nắng hồng tinh quái không mà sao Lam có

cảm tưởng như chàng đang là một chiếc lọ thủy tinh trong suốt để người con gái soi rọi những tia ánh sáng, xuyên thấu hết cả tâm tư đời chàng.

Bất giác, Lam ước ao được có dịp ung dung ngồi kể chuyện cho người con gái nghe. Dễ dàng. Lôi cuốn. Tự nhiên, như trong một giấc mộng. Tự nhiên, như lời bà ngoại và mẹ Lam đã kể cho hai anh em Lam nghe ba mươi mấy năm về trước. Tự nhiên, như bà ngoại đã kể cho mẹ nghe hơn sáu mươi mấy năm về trước. Và, như bà ngoại đã được nghe, khi còn là một cô bé hồn nhiên hạnh phúc giữa rừng núi Châu Mai. Khi đó, bà ngoại còn là cô con gái út nổi tiếng mắt đẹp như trăng sao và tóc đen mềm như tơ lụa của vị Quan Lang (2) khả kính, một trong những dòng dõi quý tộc Mường còn sót lại, ở rải rác khắp vùng Hòa Bình . . .

2.

Trước ngày tôi rời Ivry-sur-Seine, theo hai đại gia đình vợ chồng con cái của Paul và Charlotte, cậu con trai thứ nhì và cô con gái út của chúng tôi, đi xuống vùng biển Cannes ở chơi nghỉ mát vài tuần, thì tôi nhận được một phong thư dầy cộm của Lam. Thằng bé chịu khó viết một lá thư dài tôi chưa từng thấy, lẽ dĩ nhiên, bằng tiếng Anh chứ không phải tiếng Pháp như chú ta hay viết trong những lá thư thăm hỏi thông thường trước đây. Tôi đem phong thư theo bên mình suốt những ngày hè, lúc nào rỗi rảnh không phải chơi đùa hay kể chuyện cổ tích cho mấy đứa chắt nghe, thì lại lấy thư ra đọc. Lũ con, cháu và chắt của tôi có vẻ cảm thông, tôn trọng những giây phút riêng tư êm đềm ấy nên chúng thầm bảo nhau không được quấy rầy tôi, để yên cho tôi vừa đọc thư vừa thả hồn bay về những quãng đời đầy sôi nổi trong quá khứ.

Tôi thích đọc thư của Lam và của Chân Phương, không phải vì chúng viết thư hay, cũng chẳng phải vì chúng có điều gì lý thú để kể cho một ông lão hơn tám chục tuổi sắp gần đất xa trời nghe . . . mà bởi vì, qua thư của hai anh em nhà ấy, tôi như luống đất cằn cỗi được tưới mát bởi những trận mưa kỷ niệm ngọt ngào. Thường thường, tôi vừa đọc thư, vừa miên man hình dung lại những hình ảnh sống động bên ngoài trang thư, như một cuộn phim quay chậm. Những hình ảnh lãng đãng như sương. Những cảm xúc mơ hồ khó phân biệt được là hư hay thực. Những giây phút tôi đã sống qua và không thể nào trở lại được nữa. Trong cái trí nhớ lú lẫn của tôi, những năm tháng lăn lộn giữa rừng núi Châu Mai để làm việc thiện nguyện ấy, sao vẫn có thể ám ảnh vùng tim óc của tôi nhiều đến thế. Tôi thì biết quá nhiều về Châu Mai, còn hai anh em Lam và Chân Phương có biết gì đâu ngoài những tấm ảnh mù mờ trong gia phả, những câu chuyện được nghe kể lại từ đời này qua đời kia.

Vậy mà, chúng lại là những người giúp tôi thấy lại được Châu Mai rõ ràng, khúc chiết nhất. Điều này, chỉ duy nhất mình tôi là hiểu tại sao. Bao

nhiêu năm nay, từ ngày ông bà ngoại rồi cha mẹ chúng qua đời đến giờ, tôi vẫn cố gắng giữ liên lạc với chúng bằng bất cứ giá nào, tìm ra được chúng cho dù chúng đang phiêu bạc ở bất cứ chân trời góc biển nào đi chăng nữa.

Thế nhưng, lần này thì trong thư của Lam cũng có kể được mấy câu chuyện khá lý thú đấy. Chú ta vừa quen được với một cô nàng khá đặc biệt, hành nghề vẽ kiểu mẫu y phục thời trang. Hiện giờ, cô ta lại đang đặt hết mọi sự chú tâm vào việc nghiên cứu y phục của dân Việt từ thượng cổ đến hiện đại. Lam viết, ". . . Có thể Quyên sẽ viết thư hỏi thêm ý kiến của cụ về y phục của các sắc dân thiểu số, nhất là người Mường, vì dĩ nhiên là cụ biết rõ hơn cháu về vấn đề này nhiều . . ."

Người Mường? A ha, cái sắc dân hiền lành chân chất ở vùng rừng núi Châu Mai mà tôi đã từng đem những hiểu biết y học của mình ra giúp đỡ. Một phần tư trong người chú Lam nhà ta cũng là người Mường đấy thôi! Ôi, cái thời trai trẻ đầy hăng say và nhiệt huyết ấy . . . nghĩ lại sao thấy giống như những câu truyện huyền thoại xa xôi ở đâu đâu, chẳng dính líu chi tới chuỗi ngày đều đặn, nhàn nhã đến nhàm chán bao nhiêu năm qua. Cái cô bé Quyên nào đó, chẳng hiểu sẽ hỏi tôi những gì và, tôi sẽ trả lời cho cô được những gì? Cái đầu óc già nua, lẩn thẩn của tôi coi vậy chứ vẫn còn sáng suốt lắm — nếu muốn nhớ thì sẽ nhớ được rất nhiều (và, chỉ nhớ riêng những điều mình muốn nhớ), còn muốn quên thì sẽ sẵn sàng quên tuốt luốt, đơn giản như người ta cầm cục tẩy xóa sạch những hàng chữ viết bằng bút chì. Thế thôi.

Người Mường ư? Tôi nhớ chứ. Nhưng, nhớ nhiều hơn cả, có lẽ là câu chuyện sao ôi, kể về sự tích cây sáo trúc của họ (câu chuyện mà tôi đã nhiều lần phải chảy nước mắt khi tưởng nhớ lại). Suốt đời, tôi chẳng thể nào quên. Truyện như thế nào? Truyện kể về mối tình bi thương của một chàng trai tên Khun Lồ và một người con gái tên U Tiệm. "Họ yêu nhau nhưng Trời Đất nhất định bắt họ phải xa nhau! Bấy giờ, Trời và Đất không cách nhau quá xa như hiện nay. Đứng trên chòi cao, người dưới đất có thể thấy được cổng trời thoáng hiện trong màn mây mỏng. Nhờ vậy mà U Tiệm chiều chiều vẫn hay mở cửa Trời ngó xuống trần gian, mong gặp lại người yêu dưới thế. Vào một đêm trăng mười sáu sáng vằng vặc, U Tiệm chợt nghe tiếng hát quen thuộc của Khun Lồ. Nàng ngó xuống và bắt gặp chàng đang ngồi trên một đỉnh núi cao chót vót. U Tiệm vội buộc giải khăn thêu vào ngọn cây trên Trời rồi buông hờ xuống chỗ Khun Lồ ngồi cho chàng leo lên. Nhưng, chàng đang leo giữa chừng thì Nhà Trời bắt gặp chém lìa khăn thêu. Chàng Khun Lồ chết không kịp nhìn người yêu lần cuối. U Tiệm cũng nhảy ra khỏi màn mây mỏng mà chết theo. Khu rừng trúc nơi hai người qua đời bỗng nổi lên khúc nhạc réo rắt. Khi dân trong làng kéo nhau ra rừng trúc để xem chuyện lạ thì họ thấy một thân cây trúc cao vời vợi chọc thẳng lên trời, giữa thân cây có bốn lỗ thủng. Khi gió thổi vào những lỗ thủng ấy thì tiếng nhạc trầm bổng lại nổi lên, nghe hệt như bài ca dao mà nàng U Tiệm hay hát khi xưa. Trai gái trong làng mỗi người đều chặt một đoạn trúc, dùi bốn lỗ, ghé môi thổi

thủ. Từ đó, khắp nơi đều vang lên tiếng nhạc huyền diệu làm say đắm lòng người. Lâu về sau, để đặt tên cho ống trúc kỳ hoặc, người ta gọi đó là sao ôi, nghĩa là chiếc sáo ẩn lòng chung thủy. Và, người ta còn hát mãi bài ca dao ngọt ngào mà U Tiệm vẫn thường hay hát năm nào... *"Ngày hết, ngày không trở lại. Tháng hết, tháng không quay lui. Lúa lên đồng, lúa sẽ thành rơm. Thương nhau khi đôi ta còn trẻ. Đôi ta yêu nhau, đợi đến đông sang lau nở, đợi mùa nước đổ cá về, đợi chim tăng-lơ hát gọi hè. Không lấy được nhau mùa hạ, ta sẽ lấy nhau mùa đông. Không lấy được nhau thời trẻ, ta sẽ lấy nhau khi luống tuổi về già..."* (3)

Và, tôi nhớ hơn hết cả những điều đáng nhớ, không phải là câu truyện, mà là đêm trăng sáng giữa núi rừng ngai ngái lạnh và... nàng, người con gái thuộc dòng quý tộc, đã trốn giấc ngủ khuya, trốn cha mẹ ra ngồi bó gối trên sàn, thì thầm kể chuyện cho tôi nghe. Người con gái nổi tiếng mắt đẹp như trăng sao và tóc đen mềm như tơ lụa. Năm ấy, nàng vừa tròn mười sáu tuổi, cực kỳ thông minh và hãnh diện về nguồn gốc của mình. Qua năm sau, có một thanh niên khôi ngô tuấn tú tới hỏi cưới nàng. Cha nàng, vị Quan Lang khả kính, đã gật đầu tán thành nên lễ cưới được diễn ra thật long trọng một thời gian ngắn sau đó. Người ấy, chồng nàng, là Người-ở-đồng-bằng nhưng, rất mực hiền lành và biết quý trọng những Người-ở-trên-núi. Còn tôi? Còn tôi chỉ là một người... bàng quang, một tên hồng mao tuy tốt bụng nhưng, là hậu duệ của cái giống dân đã đem văn minh và bạo lực đến uy hiếp dân tộc nàng. Cái vốn liếng ngôn ngữ thật giới hạn của tôi có giúp tôi thông hiểu được ít nhiều những gì nàng nói. Mớ kiến thức nông cạn của tôi về văn hoá và lịch sử dân nàng có đem tôi đến gần hơn với những tập tục kỳ lạ của bà con láng giềng nàng. Nhưng, làm sao tôi có thể có một chỗ đứng nào trong gia tộc nhà nàng được! Tên hồng mao tốt bụng chỉ còn biết đứng chết trân nhìn người thiếu nữ mười bảy tuổi, nước mắt lưng tròng, xiêm y rực rỡ, tuân lời cha mẹ mà bỏ rừng núi theo chồng về xuôi.

Kỷ vật cuối cùng mà nàng trao lại cho tôi là một cây sáo trúc và một bức họa nàng họa chính tôi, trong bộ y phục của những người miền núi trong ngày lễ thổi xôi nếp mới của họ. Chẳng ai dạy cho nàng vẽ, vậy mà nàng vẽ rất đẹp, như đã có sẵn một năng khiếu trời ban cho. Nàng nói:

– Khi em xuống đến đồng bằng, nếu gia đình chồng cho phép, em sẽ xin đi tìm thầy học vẽ. Em muốn ghi lại hết những hình ảnh của bản làng quê em. Anh cũng sẽ là... một phần trong những hình ảnh đó.

Cái ước muốn ấy, nàng không bao giờ thực hiện được nhưng, từ đấy về sau, chúng tôi vẫn thường xuyên giữ liên lạc, một mối liên lạc thân tình do sự quen biết lâu năm.

Người con gái ấy đã trở thành vợ, thành mẹ và, là bà ngoại của Lam.

Tôi cũng trở thành chồng, thành cha, thành ông nhưng... làm sao quên nàng, làm thế nào để có thể quên nàng.

3.

Thưa cụ, hôm qua, đúng 10 giờ sáng ngày hôm qua, cháu đã đặt bút xuống tô xong những nét cuối cùng của tập *porfolio* về y phục của người Việt từ thượng cổ đến hiện đại rồi đấy. Cháu phải cám ơn cụ vì kho kiến thức của cụ, hơn hai năm qua, đã đóng góp một phần rất lớn vào việc hoàn tất tập tranh sưu khảo của cháu. Thật là một điều may mắn khi cháu được quen biết với cụ qua sự giới thiệu của anh Lam. Sách vở cháu có đọc nhiều cách mấy đi chăng nữa cũng không thể nào so sánh được với những kinh nghiệm mắt thấy tai nghe của cụ và của một số bậc lão trượng khác mà cháu đã có dịp tiếp xúc để được nghe chỉ bảo. Thời gian cụ sống và làm việc thiện nguyện trên quê hương cháu gần bằng gấp rưỡi thời gian cháu được sống trên quê hương mình. Cháu nghĩ, trên phương diện đó, cháu là người kém may mắn hơn cụ rồi đấy cụ ạ.

Ngắm lại từng bức họa, nhìn lại bộ y phục mình đã phác họa cho hai chị em nhà họ Trưng mà trong lòng cháu thấy bồi hồi không tả. Bộ y phục tuy màu sắc có phần sặc sỡ (4) nhưng lại hết sức thô sơ — phác họa theo trí tưởng tượng và hiểu biết nông cạn của cháu — là sự kết hợp giữa chiếc yếm và chiếc váy của người dân quê miền Bắc với y phục của người miền núi hiện nay. Ôi, cái thô sơ và hoang dã của dân tộc Việt, từ thuở đi khai sông phá núi. Cái thô sơ hoang dã đẹp như trăng sao và trong trắng như ngần.

Ngày mới lớn, cháu khởi sự đeo đuổi theo học ngành vẽ y phục thời trang vì tin tưởng rằng y phục có thể tạo nên con người, thay đổi con người, làm đẹp hoặc làm xấu con người. Cho dù chỉ là bề ngoài nhưng, y phục vẫn có thể ít nhiều thay đổi cách nhìn của chúng ta về một nhân vật nào đó, một dân tộc nào đó, một nền văn hoá hay một thời đại lịch sử nào đó — tất cả đều qua cách họ sáng tạo, cách họ ráp nối những vuông vải mới dệt để khoác lên người. Bây giờ thì cái nhìn của cháu đã khác, kể từ cái ngày cháu bắt đầu đắn đo về bộ y phục của Hai Bà Trưng hơn hai ngàn năm về trước. Bởi lẽ, y phục không tạo ra nền văn hóa và cũng không hề tạo ra thời đại lịch sử bao giờ. Chính nền văn hoá và thời đại lịch sử đã góp phần không nhỏ vào sự hình thành của từng chiếc áo, với những nét đặc thù riêng. Ngày xưa, dân cháu phải đánh giặc nhà Đông Hán thì chắc chắn là không thể mặc áo dài vàng thêu cườm và đội khăn vàng lộng lẫy. Cấy ruộng lúa nuôi cả dân tộc thì không thể mặc quần trấn cánh lụa mà lội nước, lội bùn cắm từng nhánh mạ cho sâu. Hay trốn giặc bỏ chạy lên rừng thì chắc là phải quấn khăn quấn váy cho thô sơ mà gọn ghẽ, màu sắc phải hòa hợp với màu sắc của thiên nhiên, của muôn loài muôn thú đó chăng.

Thưa cụ, thật là buồn cười khi cháu cứ suốt ngày loay hoay đi ... tìm lại nguồn gốc của dân tộc mình qua những bộ y phục đơn sơ. Đã nhiều lần, cháu từng tự nhủ ... đi từ rừng từ núi mà tìm. Đi từ những cái gốc thô sơ hoang dã của tổ tiên mà ra. Tự nhiên, như cháu tin rằng, cái chân cái gốc của mình phải từ đất, từ núi, từ lúa, từ sông mà thành, chứ không phải từ phố phường

diễm lệ, từ ảnh hưởng văn minh tân kỳ mà đến. Ôi, những điều đã cũ mà cháu tưởng như mình vừa khám phá ra mới đây thôi sao? Những điều có tự nguồn gốc dân tộc Việt mà ra, có tự ngày xửa ngày xưa mà thành. Cũng như khi ấy, từ khai sông phá núi, làm gì cho chuyện người Việt và người Mường, như anh Lam và cháu cũng đã đồng ý với nhau nhiều lần! Chỉ có anh em quây quần sinh sống với nhau. Chỉ có anh em quây quần ăn chung với nhau một miếng trầu, đánh chung với nhau một tiếng trống đồng và ... rù rì kể cho nhau nghe chung một truyền thuyết. Nàng Ngu Cơ không phải là tiên mà chính là hóa thân từ nai rừng. Chàng Long Vương không phải là rồng mà chính là hiện thân của cá (5). Người Mường vẫn còn kể câu truyện thần thoại đó cho con cháu của họ nghe, cụ nhỉ! Với cháu, nó nguyên thủy hơn nhiều. Trọn vẹn hơn nhiều. Thủy chung hơn nhiều. Chứ còn người Việt ở đồng bằng, theo đà tiến hoá cùng với ảnh hưởng văn minh Trung Quốc, đã thâu nhận lấy biểu tượng oai dũng của rồng và cao quý của tiên mà làm ra thành một truyền thuyết khác rồi. Nếu cụ để ý một chút thì sẽ thấy, hình nai, hình cá cũng được khắc trên khắp mặt trống đồng của nền văn minh Đông Sơn đó chứ, đâu có kém gì những cánh chim hải điểu mà nay người ta gọi là chim Lạc chim Hồng đâu.

Trống đồng! Nhắc đến trống đồng là trong lòng cháu lại được dịp ... băn khoăn. Người Việt vẫn hãnh diện tự hào về trống đồng ghê lắm nhưng, ông bà chúng cháu nào có một truyền thuyết về lịch sử của chiếc trống đồng để kể lại cho con cháu nghe như ông bà hay kể những truyền thuyết về bánh dầy, bánh chưng, về trầu cau, về nỏ thần ...? Nhưng, người Mường thì có, phải không thưa cụ? Họ kể rằng chiếc trống đồng đã trôi giạt từ biển khơi vào bờ cát. Thủ lãnh của họ là Bua (Vua) Dịt Dàng (6) đã sai thợ từ phương đông, phương tây, phương nam, phương bắc đến để xem kiểu và đúc theo hình trống. Ông còn cho mỗi tù trưởng được phong ấp mỗi người một chiếc trống. Người xưa thờ trống đồng, vì nó là biểu tượng của sự uy nghi và vô cùng linh thiêng (7). Thế còn người Việt ở đồng bằng? Cháu tin là, cái ngày Hai Bà Trưng tự trầm trên dòng sông Hát cũng chính là cái ngày mà truyền thuyết về trống đồng bị vùi dập dưới sự tàn phá hủy hoại của quan quân nhà Hán. Cụ ơi, có lẽ, câu chuyện trống đồng đã bị chôn vùi từ ngày Mã Viện sai quan quân đập phá các biểu tượng linh thiêng của dân Việt đi. Họ đem đốt cháy hết cả trống đồng để đúc thành cột trụ mất rồi cụ ạ. Rồi lâu lâu, cháu cũng vẫn tự hỏi, người Trung Hoa gọi địa danh nơi Hai Bà đã phất cờ khởi nghĩa là Mê Linh, chẳng hiểu có phải vì ngày xưa dân Việt có nuôi nai thần ở đó hay không? Như người Nhật ngày nay vẫn nuôi nai để thờ ở Nại Lương? Như bà mẹ Ngu Cơ là hiện thân của nai vậy? (8)

Thật ra, còn một trăm một ngàn điều cháu còn mù mờ chưa thể nhìn ra cho rõ. Ngày xưa còn bé ở trên quê hương cháu, chưa bao giờ cháu được sống một ngày nào ở núi rừng, có rẫy nương và thác ghềnh hùng vĩ. Vậy mà bây giờ, cứ mỗi dịp được leo lên một ngọn núi bao la giữa những cánh rừng xanh

kỳ bí, được đứng lắng nghe tiếng thác tuôn như sấm trời vang dội khắp nơi — là cháu lại có cái cảm giác như mình đang trở về. Trở về, trong một cái nghĩa sâu xa, mông mênh, vô tận nhất. Cháu nói đùa với cụ cho vui nhưng, biết đâu được . . . biết đâu rằng, lỡ ra, ngày xửa ngày xưa, cháu đã từng theo ông bà bố mẹ mà chạy giặc, bỏ đồng bằng mà trốn lên núi, bất hợp tác với quan quân nhà Hán mà ôm giữ lấy cái gốc gác chân chất nguyên thủy của dân mình? Ở lâu năm trên rừng núi đó, có thể cháu đã biến thành một đứa con của núi rừng, rồi cứ thế, đời này qua đời khác. Cụ nghĩ xem, chơi trò tưởng tượng này cũng vui đấy chứ, cụ nhỉ. Mà biết đâu được . . . hay cháu đã chẳng là gã thợ học đúc trống cho vang cho khéo của Bua Dịt Dàng, đã chẳng là con bé chăn nai ở đất Mê Linh uy linh dũng cảm — hay đã chẳng là một cô gái thường dân, mặc áo mới váy mới, chân tay đeo kiềng rổn rảng, hớn hở đi lại trong ngày hội ném còn ở rừng núi . . . Châu Mai — của cụ — không chừng? Hay ở Lạc Sơn, Kỳ Sơn, Lương Sơn, hay Trấn Yên, hay Đà Bắc? Phải không nào? Biết đâu được, cụ nhỉ, biết đâu! Cháu nghĩ cũng lạ, khi cháu thành tâm tin chắc rằng có kiếp trước, kiếp sau và, đời người ngắn ngủi này cũng chỉ là một chuyến tàu du hành chở chúng ta đi tới những chặng đường tiếp nối khác, trong những tương lai xa xăm khác. "Hạnh phúc của kẻ lạ, qua đường xa còn thấy mãi đường xa" (9) đấy cụ ạ. Bởi tin như thế nên cháu mới lại càng thành tâm đoan chắc rằng, hẳn là ở một tiền kiếp xa xôi nào đó, cháu đã từng là . . . một người miền núi, đã từng sống giữa rừng, giữa núi, giữa thác, giữa rẫy nương. Và, cũng chính ở cái tiền kiếp xa xôi đó, biết đâu chừng . . . cụ và cháu đã từng gặp nhau, từng thân nhau, từng sống chết với nhau đấy mà! Tất cả là từ Trời, từ Đất mà ra, từ Nhân Duyên nào mà có. Hạt Nhân Duyên nào đã chở chúng ta đi qua hết những quãng đời xa xôi mịt mù không thể nhớ, để đưa chúng ta đến đây, gặp nhau trong cõi đời này? Trong vô-tình mà hữu-tình này, của dòng sông đời miên man chảy?

Cụ ơi, cháu viết thư viễn vông như vậy, trước là để cám ơn cụ, sau là để báo cụ một tin mừng. Do sự giới thiệu của bà Alice Williams (bà là vị nữ giáo sư đỡ đầu của cháu khi cháu còn theo học ở Rhode Island School of Design — hiện nay bà là phó giám đốc của công ty sáng tạo thời trang nơi cháu đang làm việc), Hội Nghệ thuật Y trang Quốc tế, chi nhánh ở Hoa Kỳ, đã gửi thư mời cháu tham dự Đại hội Quốc tế hằng năm — năm nay tổ chức ở Luân Đôn — để cháu có dịp trình bày về tập tài liệu "Y Phục Dân Tộc Việt Nam Từ Thượng Cổ Đến Hiện Đại". Tập tranh sưu khảo cũng sẽ được trưng bày triển lãm trong mấy ngày Đại hội. Đây là một vinh dự vô cùng lớn lao mà cháu không hề bao giờ dám mơ tưởng đến. Cái vinh dự lớn lao này, cháu không hề nghĩ là cho cháu đâu — mà chính là cho những người đã có công sáng tạo ra từng chiếc áo thô sơ, khởi đi từ cái thời khai sông phá núi của dân Việt đấy cụ ạ.

Cháu dự tính là nhân dịp này, cháu sẽ đi thêm một vòng Âu châu và, nếu được cụ cho phép, sẽ ghé Ivry-sur-Seine thăm cụ.

4.

Hôm cô bé Quyên lấy *métro* từ khu Quartier Latin đến thăm tôi, trời mưa lất phất cả ngày không dứt. Y như mưa bụi mùa xuân. Người anh họ của cô dẫn đường cô bé đến tận nhà tôi rồi chào từ giã, hẹn đến trưa sẽ ghé lại đón. Mái tóc dài ướt mưa bụi của Quyên đẹp như một giải lụa đen óng, lấm tấm những hạt sao trời trắng sáng, bé tý hon. Thật ra thì cô ấy cũng chẳng còn bé, cũng hai mươi bảy hai mươi tám tuổi rồi còn gì — vậy mà, khi nói chuyện với cô ấy, không hiểu sao, tôi lại cứ một mực gọi cô ta là ma petite Quyên — cô bé Quyên của tôi. Có lẽ, bởi vì đối với số tuổi đời chồng chất của tôi thì Quyên cũng mới chỉ là một đứa trẻ — hay hơn đứa trẻ một chút thôi chứ gì. Quyên nói ngay với tôi khi vừa được tôi mời ngồi xuống ghế:

– Cụ Dubois! Cụ giống hệt như hình ảnh mà cháu mường tượng trong đầu. Hay quá!

Cô xách theo một chiếc *cartable* bằng da màu đen mà tôi thấy tụi sinh viên trường mỹ thuật hay xách đi cùng đường để đựng tranh vẽ của chúng. Chiếc *cartable* cũng lấm tấm bụi mưa, y như cô chủ của nó. Vừa loay hoay kéo cái *fermeture* mở chiếc cặp ra, cô vừa phân trần bằng một thứ tiếng Pháp khá đúng giọng nhưng, cô nói rất chậm, vừa nói vừa suy nghĩ :

– Lúc sáng, anh họ cháu và cháu không nghĩ là trời sẽ mưa nên chẳng đem theo dù, mà cháu cũng chẳng chịu bọc chiếc cặp này lại, lúc đi đường chỉ sợ nước mưa thấm vào. May mà trời chỉ mưa lâm râm . . .

Tôi mỉm cười nhìn cô, nói:

– Ma petite Quyên, cháu có thể sử dụng tiếng Việt hoặc tiếng Anh cho dễ dàng hơn, nếu cháu muốn. Như thế, chúng ta có thể nói chuyện thoải mái hơn.

Tôi thấy Quyên tròn mắt lại. Cô nhìn tôi chăm chăm. Lúc bấy giờ, tôi mới nhận thấy ra là Quyên có một cặp mắt sáng và đẹp lắm. Đôi mắt như hỏi giùm cô:

– Cụ vẫn còn nhớ tiếng Việt ư?

– Nhớ . . . nhớ chứ . . . cho dù là tôi cũng quên nhiều đi rồi. Tôi có thể nghe và hiểu, dễ dàng hơn là nói và đọc. Nếu cháu nói . . . chầm chậm thì tôi sẽ hiểu được gần như là hầu hết nhưng, tôi sẽ phải trả lời lại bằng tiếng Pháp vì như thế dễ hơn cho tôi.

Và, bằng cách đó, chúng tôi đã ngồi nói được rất nhiều chuyện cho nhau nghe. Quyên lấy từ trong chiếc *cartable* ra một bộ hơn một trăm mấy chục tấm phóng ảnh đã được chụp lại từ nguyên bản các tấm tranh phác họa và, được thu nhỏ lại cho dễ đem theo bên mình.

– Cháu rất tiếc là cụ đã không có mặt được trong buổi triển lãm vừa qua. Bộ tranh sưu khảo này đã gây được rất nhiều sự chú ý từ nhiều giới khác nhau. Cháu mừng ghê lắm . . . không, không phải tại vì . . . cháu sắp được nổi tiếng đâu — sao cụ lại chọc cháu như thế — mà tại vì cháu cảm thấy mình

đã hoàn tất xong một công việc, lâu nay như một gánh nặng, đè trĩu trên tâm tư cháu. Như thế, cháu đã đi được một bước khai phá nho nhỏ nhưng, biết đâu mai sau, sẽ có những người khác tiếp tục nghiên cứu và hoàn thành những công trình khác, làm cho tất cả trở nên hoàn hảo hơn, chính xác hơn. Bây giờ, cháu để cụ xem qua bộ tranh của cháu nhé? Cụ xem, rồi cho cháu thêm ý kiến . . .

Quyên dở từng tấm một ra để trên bàn trước mặt tôi. Cô nhìn tôi, mỉm cười chờ đợi. Lạ thật, cái cô bé này, tôi đã gặp ở đâu chưa nhỉ, mà sao nhìn mãi một hồi thì lại thấy quen quen, ngờ ngợ thế kia. Đôi mắt sáng rỡ như ánh trăng vằng vặc đang chớp nhẹ như thúc giục tôi. Nhưng, lúc ấy, trong lòng tôi đang thầm nghĩ, nếu cô bé Quyên này chịu khó búi cái mớ tóc dài ấy lên cao sau gáy thì chắc . . . có lẽ . . . sẽ rất giống một người. À, phải rồi . . . rất giống một người . . .

– Cụ Jean-Pierre Dubois! Cụ đang mơ mộng cái gì thế? Cụ không thích xem tranh của cháu ư? Cụ xem đi chứ. Xong rồi cháu sẽ có một món quà đặc biệt cho cụ đấy.

Tôi nghe lời cô, cầm cái gọng kính mạ vàng mà Charlotte đã tặng cho tôi mấy năm về trước nhân dịp Noel lên, giương cặp kính lão ra trước mắt.

– Đây, cháu cầm lên cho cụ xem nhé. Đây là bức đầu tiên.

Bức thứ nhất, bắt đầu nguyên bộ "Y Phục Dân Tộc Việt Nam Từ Thượng Cổ Đến Hiện Đại" mà người nữ họa sĩ vẽ kiểu thời trang vừa giơ lên, là những nét phác họa đơn sơ hình một người đàn ông khoác da thú, một người khác đứng cạnh bên khoác vỏ cây và lá che thân. Tiếp đó, là hình một người đầu có đội mũ lông chim, mặc áo giáp dầy bện bằng lông chim, ngắn chẽn để hở hai cánh tay có xâm hình sặc sỡ. Áo giáp có hai mảnh che đằng trước và đằng sau, từ ngang lưng thõng xuống đến bắp chân, trông họ giống như những hình người được khắc trên mặt các trống đồng và các tảng đá lớn tìm thấy ở Hoà Bình, Ngọc Lũ. Rồi hình một người đàn ông và đàn bà ở trần, mặc một chiếc váy, đeo đầy cổ và chân tay đủ loại kiềng, vòng giống như làm bằng đồng. Dưới mỗi bức hình đều có mấy dòng ghi chú và ước đoán niên kỷ của cô họa sĩ.

– Cụ ơi, còn đây là . . . Hai Bà Trưng của cháu đây. Nguyên do đầu tiên đã thúc giục cháu nhất tâm thực hiện tập tranh này cho bằng được đây.

Bức tranh có những nét phác họa hai người đàn bà trẻ măng, búi tóc, mặc váy và mặc yếm, nửa giống yếm nửa giống áo, thoạt trông giống như y phục của những phụ nữ ở miền quê Bắc Việt vài chục năm về trước nhưng, chiếc váy ngắn hơn, gọn hơn và, chiếc yếm bó chẽn lấy thân mình. Hai người đàn bà trông đúng là hai chị em sinh đôi, đeo cung tên, mang dáo dài và nhọn làm bằng tre trúc.

– Cháu đọc mấy dòng chú thích bằng tiếng Anh này cho cụ nghe nhé.

"Sử chép rằng, bắt đầu vào đầu thế kỷ thứ nhất, khoảng năm thứ hai, thứ ba nhà Tây Hán và năm Kiến Vũ nhà Đông Hán, hai quan thái thú Tích

Quan và Nhâm Diên đã dạy cho dân Giao Chỉ cách trồng trọt, dệt vải, theo phong tục lễ nghĩa và may mặc giống người Trung Hoa. Nhưng, vào thời điểm đó, dòng dõi quý tộc của dân bản xứ vẫn được trực tiếp cai trị nhân dân, dù phải bị lệ thuộc vào Bắc Bộ Phủ. Hai chị em Trưng Trắc và Trưng Nhị cũng thuộc dòng dõi quý tộc, đã cùng chồng bà Trưng Trắc là Thi Sách, hô hào nhân dân chống ngoại xâm. Dân Giao Chỉ dù đã bị lệ thuộc hơn 150 năm nhưng, với nhiều tinh thần độc lập và óc bài Hán, vẫn còn giữ được nhiều tập tục, sắc thái cũ. Lẽ nào họ lại không giữ được cách ăn mặc thô sơ của riêng họ khi phải tự đứng lên tập hợp nhân dân khắp các quận để phất cờ khởi nghĩa hay sao?"

Sau đó, Quyên tiếp tục cho tôi xem trọn bộ tranh, trải dài như một dòng lịch sử hết sức linh động của dân tộc Việt. Từ những tấm áo vải trắng to, áo màu thâm, màu sừng, áo thanh cát, áo the, áo tứ thân, áo dài, áo ngắn... cho đến nón mền giải, nón tam giang, nón lá sen, nón Nghệ. Từ thời lập quốc, trải qua các cuộc khởi nghĩa, đến các nhà Đinh, Lê, Lý, Trần, Lê, Nguyễn. Từ thường dân đến quân lính, từ quan lại đến vua chúa. Từ áo tang đến áo cưới, áo thành thị, áo thôn quê, áo người đồng bằng, áo người miền núi.

Được xem qua bộ tranh rồi thì tôi mới thấy là Quyên đã bỏ vào đó rất nhiều tìm óc. Cô bé ngồi trước mặt tôi quả thực phải có được một sự hãnh diện tự hào về nguồn gốc dân tộc mình ghê lắm và, có lẽ, sự gắng công của cô đã được đền bù. Cô vừa khoe là có một nhà xuất bản ở bên Londres muốn được in tập tranh sưu khảo của cô thành sách. Cô lại nhìn tôi, mỉm cười chờ đợi:

– Cụ nghĩ sao ạ? Cụ có ý kiến gì giúp cháu không? Sao cụ im lặng thế? Cụ nghĩ sao về tập tranh của cháu thế cụ?

Nghĩ sao ư? Còn nghĩ sao nữa bây giờ? Tôi nhìn cô. Im lặng. Hoàn toàn im lặng. Ma petite Quyên! Tôi chẳng có thẩm quyền gì để mà phán xét công trình nghiên cứu của cô cả. Có quyền gì đâu khi mà tôi chỉ là một kẻ bàng quan. A... không, một tên hồng mao tuy tốt bụng nhưng, là hậu duệ của những kẻ đã đem văn minh và bạo lực đến uy hiếp dân tộc cô. Tuy nhiên, tôi thấy có một điều... mài mại. Nét vẽ của cô... những nét thảo nhanh, phóng khoáng. Cô dùng ít nét nhưng, lại diễn tả được rất nhiều. Tôi càng xem thì lại càng nhận ra một số điểm quen thuộc. Những nét đậm nhạt ở những khuôn mặt được phác họa... có một cái gì giống nhau lắm... như tôi đã được nhìn những đường nét phóng khoáng ấy ở đâu rồi. Nhưng, chẳng lẽ lại nói điều đó ra cho Quyên nghe — điều duy nhất tôi có thể nghĩ được đến, mà lại chẳng ăn thua gì đến những ý kiến cô muốn được nghe.

Cô nắm bàn tay da nhăn nheo của tôi lên, xoa nhè nhẹ.

– Cụ Dubois! Cháu trông cụ có vẻ mệt. Cụ yên lặng nãy giờ... Thôi vậy, mình nói sang chuyện khác, nhé. Cháu... cháu có một món quà biếu cụ.

Quyên lôi ra từ trong chiếc *cartable* một gói bọc giấy hoa dẹp và mỏng. Cô kính cẩn đưa bằng cả hai tay cho tôi.

– Cháu nghĩ đến những hiểu biết của cụ khi cụ còn làm việc thiện nguyện trên đất nước cháu — những hiểu biết ấy đã giúp cháu rất nhiều trong việc hoàn thành tập tranh ngày hôm nay. Cháu nghĩ đến cụ trong những ngày cụ còn lăn lộn ở rừng núi Châu Mai. Cháu tin rằng cụ đã có những kỷ niệm đẹp ở đó, nếu không, cháu chắc là cụ đã chẳng thiết tha giữ một trí nhớ dồi dào như thế về mảnh quá khứ xa xôi ấy làm gì. Cháu nghĩ mãi, thấy chẳng biết biếu cụ quà gì cho có ý nghĩa nhưng, cuối cùng thì . . . cháu cũng nghĩ ra. Cụ Dubois! Cháu hy vọng là cụ sẽ thích món quà này.

Đôi mắt của Quyên long lanh nét xúc động. Ô kìa! Đáng lẽ, tôi, cái ông lão sắp gần đất xa trời, cái kẻ hân hạnh được nhận quà, mới phải xúc động nhiều hơn cơ chứ. Mà tôi . . . xúc động thật! Không hiểu nước mắt tôi từ đâu cứ từ từ ứa ra hai bên khóe, chảy lăn xuống hai gò má đầy vết đồi mồi. Đã lâu, lâu thật lâu lắm rồi, chẳng có ai trao quà cho tôi với một vẻ xúc động và thành tâm đến thế. Đám con cháu tóc vàng của tôi — chúng vừa thảy quà đến trước mặt tôi là vội vàng đặt lên hai má tôi mấy cái hôn chùn chụt, rồi sau đó tha hồ ba chân bốn cẳng chạy cho lẹ đi làm những chuyện khác, chơi những trò chơi khác.

Quyên giúp tôi mở những sợi dây buộc gói quà. Mãi cho đến lúc đó, tôi vẫn giữ cái ý nghĩ kỳ quặc trong đầu là nếu Quyên chịu khó búi cái mớ tóc lụa đen của cô lên cao sau gáy thì có lẽ . . . Quyên sẽ rất giống một người. Người ấy, bao nhiêu năm về trước rồi không biết nữa, cũng đã ân cần và xúc động trao cho tôi một món quà, y hệt như cung cách của cái cô nữ họa sĩ vẽ kiểu thời trang này hôm nay.

Tôi cúi xuống. Món quà đã được mở ra.

Và, tôi nhìn thấy một ông lão, nét mặt đặc biệt người Âu Châu — râu tóc bạc phơ — mặc một bộ y phục thô sơ của những người miền núi.

Quyên đưa tay chỉ, hồn nhiên, vui vẻ:

– Cháu tưởng tượng ra cụ và . . . vẽ cụ đấy, cụ Dubois!

Vẽ tôi? Trời đất! Ma petite Quyên! Vẽ tôi? Cô có nói đùa không đấy! Cái bộ y phục này, tôi đã từng mặc trong ngày lễ thổi xôi nếp mới, khi tôi còn rất trẻ, ở trên rừng núi Châu Mai của nàng mà!

5.

Lam hoàn toàn không rõ buổi gặp gỡ giữa ông cụ Dubois và người con gái đã xảy ra như thế nào. Chỉ biết là khi Lam điện thoại hỏi thăm nàng về buổi triển lãm ở Luân Đôn, nàng chỉ trả lời ngắn gọn là rất thành công rồi xoay qua chuyện ông cụ Dubois ngay lập tức. Nàng nói:

– Anh Lam! Anh có biết cái bức tranh Quyên vẽ cụ Dubois mặc áo quần miền núi mà Quyên tả cho anh nghe lần trước không? Ông cụ cũng có một bức tranh . . . y hệt như thế, cũng . . . áo quần y như thế — nhưng, trong bức kia thì đó là hình ảnh một người thanh niên trai trẻ, chứ không già nua, đầu tóc bạc phơ như Quyên vẽ cụ đâu. Anh có biết ai vẽ tặng cụ bức tranh kia

không? Anh đoán đi xem nào! Anh không đoán ra được sao? Ở nhà anh, bộ không ai biết về câu chuyện tình sử ấy hay sao? Bà ngoại của anh vẽ tặng cụ đấy! Vâng . . . nhưng, đó không phải là điều lạ! Điều kỳ quái là . . . tại sao nét vẽ của bà ngoại anh và của Quyên lại giống nhau như hệt đến thế! Tại sao có thể như thế được!

Lam chưa bao giờ nghe thấy giọng người con gái có những mảnh vụn lao xao, hơ hãi như vậy. Nàng nói, như kể lể, như phân bua. Mà thật ra lại vô cùng rối rắm. Rồi nàng đột ngột bảo Lam:

– Anh Lam! Quyên muốn gửi cho anh đọc một mớ tài liệu về . . . *reincarnation*, thuyết luân hồi ấy mà. Anh đọc xong rồi cho Quyên biết xem anh nghĩ gì. Anh có tin ở sự . . . đầu thai trở lại không? Nhưng, thôi . . . đừng nói chuyện này nữa. Cả tuần này Quyên mất ngủ vì nó rồi.

Tuy chẳng hiểu gì cả nhưng, không rõ tại sao, Lam chỉ một mực giữ im lặng, không dám hỏi gì thêm.

Sau đó, người con gái lại vui vẻ kể cho Lam nghe về chuyến đi vòng quanh Âu châu mấy tuần vừa qua của nàng. Trong giọng nói, có tiếng cười nhưng, không có niềm thanh thản. Lam nghĩ, người con gái không còn có được một tấm lòng bình an, êm đềm. Nàng cười mà nghe như tiếng lá khô rơi.

Trước khi buông máy, Lam nghe tiếng người con gái hỏi, nhỏ xíu, nhẹ tâng, thoang thoảng như thinh không bên kia đường dây điện thoại:

– Anh Lam! Nếu Quyên búi cao tóc lên sau gáy . . . như con gái xứ Mường . . . thì Quyên sẽ rất giống . . . một người, có phải không?

Lam còn đang ngạc nhiên, chưa kịp hiểu nàng muốn hỏi gì thì bên kia đường dây, nàng đã nói lời chào từ giã rồi cúp máy.

Vài hôm sau, Lam nhận được một thùng tài liệu người con gái gửi tới, trong đó có những bài viết luận về sinh tử, dăm ba quyển sách về thuyết luân hồi và một quyển bìa cứng tựa đề *Exploring Reincarnation*, khảo luận và tra cứu về các trường hợp tái sinh trên thế giới. Sách được dịch qua Anh ngữ, viết bởi một học giả nổi tiếng, một nhà tâm lý học người Hoà Lan, tên Hans TenDam (10). Ở trang . . . bắt đầu từ dòng . . . Lam thấy người con gái gạch vàng một đoạn dài, trong đó có kể về trường hợp của một nhà họa sĩ, một cách vô tình, đã tìm thấy lại một họa phẩm còn dở dang, chưa được hoàn tất của mình trong tiền kiếp. Khi ông đem một họa phẩm ông mới sáng tác trong kiếp này ra, ráp vào với bức họa của mấy trăm năm xưa kia, thì cả hai lại tạo thành một tuyệt phẩm hài hòa. Và, từ đó, ông hiểu ra được cái lý do vì sao ông đã đầu thai trở lại nơi đây.

Sách nói, có những linh hồn phải mất mấy trăm năm để trở lại. Nhưng, cũng có khi, chỉ cần có 49 ngày, như người Việt vẫn hay tin.

Bây giờ thì Lam mới nhớ ra một điều mà lâu nay Lam không hề nghĩ đến. Ngày xưa, Lam vẫn thường nghe mẹ nói rằng, Chân Phương cô em gái khả tú của chàng, có đôi mắt giống bà ngoại chàng như hệt. Mẹ bảo, vì thế cho nên, Chân Phương là đứa bé giống bà ngoại nhất nhà.

Và, cũng bây giờ thì Lam mới hiểu ra vì cớ gì, từ bấy lâu nay, chàng thấy người con gái cũng có một đôi mắt quen thuộc biết cười, biết nói. Đôi mắt sáng vằng vặc, như trăng sao của núi rừng. □

Chú Thích:

(1) (5) (7) (8) Theo Bình Nguyên Lộc, *Nguồn Gốc Mã Lai của Dân Tộc Việt Nam.*

(2) Theo Bình Nguyên Lộc, lang là hình thức trung điệp của danh từ làng ngày nay. Lang trong xã hội Mường có nghĩa là một thái ấp nhỏ gồm vài ba thôn. Quan Lang là quan cai trị một lang, chứ không phải là một danh từ (tên) kép như ta vẫn thường dùng trong các huyền sử đời Hùng Vương.

(3) Theo Chinh Yên, *Truyện Cổ Miền Núi.*

(4) Theo các tài liệu lịch sử, Bà Trưng khi ra trận, dù có tang chồng, vẫn ăn mặc áo quần rực rỡ để không tạo hình ảnh bi thương, làm cho quân sĩ mất lòng.

(6) Theo Bình Nguyên Lộc, Bua (Vua) Dịt Dàng, của người Mường, cũng chính là Vua Hùng Vương của người Việt ngày nay. (9) Thơ Hoàng Đông Quải.

(10) Hans TenDam. *Exploring Reincarnation*, Peinguin Books Ltd., 1990.

HOÀNG XUÂN SƠN

như nhiên

Giấu nỗi niềm trong đáy ly
mà nghe thuốc đắng
thầm thì
chuyện sau
ờ thì mây
vẫn ngang đầu
bước đi một bước
trầm thâu ngút ngàn
nắng rồi tan
nắng dầu tan
còn em vô lượng
đá vàng thuỷ chung

CAO XUÂN TỬ

mưa nào

mưa nào bay hút ngõ trưa
quét dài con phố áo sô khoác người
cỗi hoa ướp xác tháng mười
lọng dù rách mướp rước ngôi thu về

đuốc nào thắp ngọn lửa mê
trấu tro bới lấp ê chề mụn son
trăng nào khuya mọc da non
rát lòng giếng lạnh khuyết tròn thiên cơ

răng nào ngấu nát trang thơ
mặt ngày ngơ ngáo râu phờ phạc bay
nhựa nào rướm máu thân cây
cựa mùa lá động rớt đầy hiên mưa

LƯU HY LẠC

trọ

(gửi Đ. B.)

Sáng trổi dậy ngó mê mê
Tâm bỏ
dường cội bổ để tối qua
Dậy rưng rưng một tiếng gà
Vụt ngang
cánh quạ đen sa đáy lòng
Ráng ngày chìm nổi đầu, đông
Tâm lịm
dường ngược nẻo sông cạn
mùa
Đêm chưa phơi đổ bóng đùa
Nghe phủ dụ dọ chỗ khua chiêng hầu

NGUYỄN MẠNH TRINH

có gã làm thơ...

gã hân hoan vài sợi tóc bạc
xanh thiên thu mòn ngát cội lau
se cánh gió đầm đầm hơi bấc
lai sinh chờ kiếp hẹn ngày sau

ngã tư quạnh, chuyến xe chưa tới
chân hụt hơi đuổi bắt cuối ngày
ôm tương lai muôn trùng tay với
gió xoay chiều nam bắc đông tây.

gã biệt xứ ủ ê khóc mướn
em đào thương màn khép lạnh lùng
hàng ghế trống thương thân bé mọn
dĩ vãng thôi cửa đóng mông lung.

ghềnh sóng cả trơ trơ phận đá
hệ lụy chìm mặt nước lãng quên
rong oan khuất chập chờn đất lạ
giữa ngăn tim hạt máu cất riêng

gã hạnh phúc rừng che nhiệt đới
vệt thầm thì sót cặn thoáng mưa
mốt mai đỏ bụi lời trăn trối
trí nhớ còn mấy nhịp võng đưa?

trang sách dở chợt mùi hoang thảo
tai lặng thinh nhịp thở ghế bàn
cá quẫy động ngoi cơn rớt bão
hơi ngực theo thở gỗ mênh mang

gã mất hút thương thế u tịch
giỡn chơi người treo đỉnh núi nghiêng
chia với nhau bụi hạt trầm tích
sót còn ẩn tức đạo bùa thiêng.

Khép đôi mắt dõi miền mê đắm
nhện tơ giăng rêu mọc góc nhà
nội cỏ biếc ngựa bạch muôn dặm
nhói trong tâm dao mũi xót xa.

gã văn chương gõ khuôn cửa trống
càng mọt nghiến ê ẩm da đầu
ý mất hút, nghĩa không tiếng vọng
đỏ cơn đau vàng úa tóc râu.

tự vẽ chân dung soi khuôn mặt
kẻ vong ân giữa bốn vách tường
gạch thô nhám uất nghẹn khói nhạt
tận thịt da buốt nhức vết thương.

gã làm thơ khóc cười bất chợt
ngửa cổ đi chim hót tạ từ.
bóng với hình, một hai hai một
bếp đời dành đỏ lửa phần thư.

nhựa nguyên rót mật thành ngôn ngữ
phiến cỏ cây máu ứa theo tay
có một lúc suối khô thành lũ
thành bài thơ trong suốt dáng mây . . .

TRẦN VŨ

tùy bút xám

Từ khi đến gần thế giới văn chương, không hiếm những người hỏi tôi: Tại sao anh còn viết được tiếng Việt? Động cơ nào thúc đẩy anh viết tiếng Việt? Vì sao truyện ngắn của anh thường lấy bối cảnh ở quê hương? Câu hỏi ngớ ngẩn. Sao không thấy tôi là một người Việt Nam? Sao không chịu hiểu chỉ có những đứa trẻ chê ngôn ngữ mẹ và chối từ đất mẹ mới bất bình thường? Trăm lần tôi đều trả lời qua quít, nhưng vết thương thì cứ lớn mãi trong lòng.

Tôi lớn lên năm 78. Mười sáu tuổi. Lứa tuổi đẹp nhất, để rồi lìa xa đất nước vào năm sau. Hai năm 78, 79 là hai năm nghiệt ngã nhất của chế độ. Trục xuất người Hoa. Tiêu diệt tận gốc giai cấp tiểu tư sản thành thị. Chiến tranh chống bá quyền nước lớn. Chiến tranh thanh toán nước nhỏ Kampuchia. Nghĩa vụ quân sự bắt hằng ngày, từng đợt rồi từng đợt thanh niên đem Xung Phong biến mất vào trong những bãi lầy thủy lợi. Tuổi trẻ sống làm sao được dưới những điều kiện khắc nghiệt như vậy? Yêu làm sao được tổ quốc hung hiểm? Tổ quốc có 4.000 năm đâm chém. Chém giặc ngoài rồi đâm thù trong. Tổ quốc có nhân vật Trần Thủ Độ di truyền cho con cháu thứ máu *"nhổ cỏ thì phải nhổ cả cái rễ nó đi . . ."* (1). Tổ quốc có ông Lê Lợi vì mê tín sai dìm vợ là Phạm Thị Ngọc Trần xuống sông Lam để tế trời đất, cầu vinh hiển một mình (2). Lịch sử như thế còn đất nước thì đêm đêm rình bắt cha mẹ anh chị họ hàng. Ba chữ *tiểu tư sản* dưới ngòi bút cung đình nghe to lớn, nhưng thực chất trên dải đất eo hẹp hình chữ S chỉ là những hàng quán cửa tiệm nhỏ bé. Một máy xay gạo, làm bún; một bàn máy cắt may; dăm quyển vở; ba ngòi bút lá tre; tấm bảng hiệu mòn mưa nắng . . . chừng ấy đủ để kết tội. Tôi đã sống cảnh nhà bị đóng chốt, một trăm thứ vật dụng bị kiểm kê, đã thấy cả một dãy phố đem lột truồng của cải lôi vào bất hạnh không biên giới của quê hương. Yêu làm sao được đất nước?

Năm 1975, tháng 3, người phi công Nguyễn Thành Trung ném bom xuống dinh Độc Lập. Thảm kịch bắt đầu từ lúc đó. Tôi học đệ lục trên dãy lầu sáu trường Taberd, dãy lầu trông sang bệnh biện Đồn Đất. Bom. Có sống phút kinh hãi lúc bom nổ, nghe nhói ầm ở lồng ngực, tai ù đi vì sợ, có thấy máu chảy từ mảnh kính cắt trên da tay mình thì mới biết thế nào là chiến tranh. Trường lớp như tổ ong vỡ. Đạn phòng không từ xe thiết giáp của Biệt khu Thủ đô bắn xé lên trời. Trên đường Nguyễn Du trưa đó, không có ai nhớ những vần thơ óng ả của *Truyện Kiều*, chỉ có ngập xác vỏ đạn đại liên 50 và tiếng còi xe jeep hụ thiết quân luật. Bom không giết chết Tổng thống Thiệu. Nhưng bom giết chết tuổi thơ chúng tôi. Khuôn mặt sư huynh Lucien Huỳnh Công Thiện lo âu tan nát. Tôi đã hận Frère biết bao nhiêu những ngày Frère đánh đập học trò không tiếc tay của lối kỷ luật dã man Trung cổ. Tôi đã trách Frère "độc quyền tôn giáo" khi bắt học sinh Phật tử đi học giáo lý mỗi thứ sáu cuối tuần. Nhưng tôi cũng thương Frère ngồi sững sờ, bất động hôm lãnh tụ sinh viên Huỳnh Tấn Mẫm vào tiếp thu trường. Đất nước sản sinh ra hai chữ rùng rợn "Tiếp thu!" Tiếp thu trường ốc, tiếp thu nhà ở, tiếp thu cả tâm hồn người. Bảy năm theo học trường dòng, cùng với cánh cổng bằng sắt xanh nặng nề đóng lại tuổi thơ trong tôi vĩnh viễn khép chặt.

*

Mậu Thân 68. Tháng 4-75. Hai lần Sàigòn hỗn loạn. Thế hệ của tôi sinh ra sau khi triều Ngô đã đổ. Thứ "thế hệ Đệ Nhị Cộng hòa" không mặc cảm thuộc địa, không sợ hãi tên quan ba Tây, không còn trông thấy ông đồ nho, cũng không nghĩ quốc gia: phải bao gồm cả miền Bắc. Thế hệ bị cắt đứt Hán học, nhưng kiêu hãnh chủ quyền quốc gia. Thế hệ đợi tới phiên mình cầm súng lên tuyến đầu, hình ảnh của người bộ đội cứu quốc oai hùng kháng Pháp năm xưa, với nón cối, áo trấn thủ, xuống tới thế hệ tôi đã trở thành hình ảnh của thù địch. Nhưng buổi trưa 30-4, tất cả kiêu hãnh đó xụp đổ. Khác với Mậu Thân 68, khi lính Mỹ từ tòa bin-đinh đối diện bắn xối xả xuống lòng đường Yên Đổ, bắn chận toán đặc công nằm vùng phát xuất từ hiệu Phở Bình, trái hỏa tiễn pháo kích 122 li đỏ lòe lửa bay vút qua nhà nổ tan sau xóm Chùa. Mậu Thân tôi chỉ biết sợ. Đứa trẻ lên sáu rúc mặt vào ngực mẹ khóc nức nở. Tháng 4-75, tôi không khóc. Nhưng những đổ vỡ của lý tưởng còn khủng khiếp hơn khi trông thấy những người lính Cộng hòa thoát thân chạy từ cổng số 4 Tổng Tham Mưu về đến trước nhà tháo vội vã nón sắt, áo giáp, dây ba trạc thẻ bài, botte de saut, ba lô, lựu đạn, súng ống... Những dây đạn đại liên M60 vàng chóe vất tung ra mặt đường, những người lính chỉ còn độc chiếc quần đùi giẫm lên kiêu hãnh trốn vào trong những con hẻm sâu thẳm. Người lính trần truồng. Ý niệm quốc gia cũng trần truồng nằm têm hênh trên mặt lộ đợi chiến xa T-54 dầy xéo. Tôi không khóc, chưa biết thế nào là cay đắng, nhưng cổ họng khô bỏng thứ thèm khát mà vĩnh viễn đã biết không bao giờ được uống. Sống trong một đất nước chiến tranh, khi một bên điên cuồng xâm lấn, và một bên nhất quyết chống trả, ý nghĩ tình nguyện đi quân

dịch không phải là một ý nghĩ "diều hâu". Tôi đã thèm khát, đã sống cuộc đời của Phan Nhật Nam trong những giấc mơ: Ở Lính. Đón chuyến xe lửa đêm lên Đà Lạt. Mái trường Võ Bị khang trang, sân cỏ rộng rãi, tiếng nhấp môi của người lính trước khi thổi hồi kèn báo thức. Trường Võ Bị với *con đường đất đỏ dẫn về hướng đồn Daksard có cánh chim trắng bay lãng đãng trong khu rừng thông buổi sớm* ... (3) Cánh chim trắng bãng lãng đẹp đẽ như những giấc mơ cực kỳ lãng mạn của tuổi trẻ. Ước mơ tội nghiệp. Tại sao thế hệ trước có kẻ trốn quân dịch? Có phải vì ý niệm quốc gia mù mờ, vì cuộc chiến phi lý? Với thế hệ đi sau, Phan Nhật Nam là thần tượng. Cuộc chiến cũng chẳng còn ai đặt câu hỏi phi lý hay hữu lý. Tôi sinh ra trong chiến tranh và chiến tranh đã trở thành thói quen của cuộc sống. Giống ăn, ngủ, thi cử, học hành, bổn phận của con người. Nhưng 12 giờ trưa, 30-4, binh chủng Dù bắn viên đạn cuối cùng ở trại Phi Long. Lớp người Phan Nhật Nam một phút tan vỡ. Thế hệ đi trước, sau này ra hải ngoại tìm ra tên gọi mới: Mất nước!

Mất nước? Vậy thì cái dải đất từ ải Nam Quan cho tới mũi Cà Mâu hay từ Đông Hà đến Cần Thơ là của kẻ khác. Làm sao yêu được tổ quốc của kẻ khác?

*

Không biết từ bao giờ nổi lên phong trào đi tìm đất hứa. Người Do Thái đi tìm đất hứa, nhưng thật ra là quay về lập nghiệp trở lại trên mảnh đất ngày xưa là tổ quốc của họ. Người Việt tìm đất hứa bằng cách rời bỏ quê hương. Tính tới năm 79, tôi 17 tuổi, 11 chuyến đi tìm đất hứa thất bại, có một lần bị bắt ở Tuy Phong giam chung với sĩ quan cải tạo cấp úy ba tháng trong nhà tù Phan Thiết. Tất cả những chuyến đi hình như đều giống nhau, ở trường về, hành lý đã sắp sẵn, cả nhà chan hòa nước mắt, rồi xe đến đón đi tìm tương lai ở chốn mịt mùng nào đó ... Tôi vượt biên lần đầu tiên tháng 9-75 ở Cà Ná, bãi bị động. Lần thứ nhì năm 76 ở Rạch Giá chủ tầu gạt không rước. Lần thứ ba sau đổi tiền 77, vừa xuống bến xe bị lộ. Lần thứ năm, thứ sáu, thứ bẩy trong cùng năm 77 mỗi lần đặt trước một cây vàng, lần thứ tám, thứ chín, thứ mười, mỗi lần đặt hai cây ...

Gia sản mẹ nghèo đi trông thấy. Nhưng sao mẹ không hỏi con có muốn ở lại? Sao mẹ không tiếc tuổi già rồi ngóng trông chờ đợi? Sao chị không giữ em ngoài khơi trùng trùng bão tố? Rất thẳng thắn, tôi tin thế hệ được 20 tuổi năm 83 ở Los Angeles, New York, Paris, Sydney đã không được chọn lựa khi ra đi. Đất hứa ở đâu? Trên chiếc tàu bằng đá ong hai bề nhồi sóng của buổi tối cặp bến đầu tiên hải đảo Liminancong, mấy trăm con người chồm lên giành giật bánh nước từ trong những chiếc rổ đan tre của hải quân Phi. Tay thiếu úy hải quân nhún nhẩy cho phát đi phát lại bản *Exodus*, bản nhạc chính trong phim *Về Miền Đất Hứa*, phỏng theo tiểu thuyết của Leon Uris. Cũng là bản nhạc của những ngày khai quật xác ở bãi Dâu ngoài Huế. Bản nhạc khủng khiếp ăn sâu vào tâm khảm người miền Nam năm 68 với bao hình ảnh tang thương bà cụ già ngồi gào khóc kêu la rũ rượi đôi tròng mắt

trắng dã đôi tay chắp vá nhặt nhạnh tử thi chồng con cháu chắt. Mậu Thân 68: máu me và tội lỗi. Thứ máu me quỉ quái mười một năm sau hãy còn theo thuyền nhân sang đến bên này biển, để phát ra rả trên loa phóng thanh của chiếc dương vận hạm đưa chúng tôi về trại Palawan.

Đất hứa? Sau cùng rồi tôi cũng sang được Pháp. Nước Pháp quí phái của Diderot, Voltaire, Rousseau, Pascal, Descartes, Verlaine, hay Beaudelaire? Không phải. Nước Pháp của chủng viện Dòng Tên với bốn vòng tường sừng sững giam hãm mọc nổi lên giữa ngôi làng nhỏ không quá trăm nóc gia mỗi chiều tiếng chuông nặng nề vàng vọt đánh đi tiếng khóc của thầy tu và học trò. Frère Préfet gằn giọng: "*Votre conduite est sauvage! Vous n'être pas autorisé à cuisinner dans le dortoir!*" Sư huynh tổng giám thị, làm sao sư huynh hiểu được ở Việt Nam thời đại tôi trẻ con hút thuốc lá từ năm 8 tuổi, uống rượu bia từ năm 12. Và dân tộc tôi ăn uống 24 trên 24. *Frère. Je suis un citadin et non un mouton!* Tôi trả lời đốp chát, làm sao ông thầy Dòng da trắng này hiểu được tôi đã từng học ngôi trường Dòng nam sinh lớn nhất miền Nam với mười một nghìn học sinh hai xuất sáng chiều. Làm sao ông ta hiểu tôi đến từ một thủ đô có ba triệu rưỡi dân, cái tu viện mồ côi và ngôi làng không quá trăm nóc gia này có gì để giải khuây tôi? Đứa trẻ mang trong mình dòng máu chống ngoại xâm đánh Tây, đánh Tầu, đánh Nhật? Đứa trẻ hậu duệ của những tiền nhân ba lần đập tan quân Mông Cổ. Đứa trẻ biết đánh đáo, tạt lon, binh xập xám, chơi xì-dách, uống rượu thuốc Ông Già, biết dắt bồ đi ăn kem ở nhà hàng Hương Lan, La Pagode, biết ngồi cà phê Hải Âu và dám leo lên nóc toa xe lửa chạy ngang cầu Bình Lợi. Làm sao ông ta biết Việt Nam có gấp đôi hai ngàn năm văn hiến của nước Pháp và học sinh Việt Nam đi chơi mang theo cây dũa trong yên xe để đánh lộn? Frère Préfet quay đi sau khi làm giấy gởi trả tôi về hội Hồng Thập Tự. Chiếc áo chùng đen của ông tha thướt, sang trọng, chẳng bù với những tấm áo chùng bạc màu vá lỗ chỗ của các sư huynh Lasan còm lưng lê lết trên đất cát trồng khoai sắn ở Lasan Mai Thôn. Làm sao yêu được đất Pháp?

Tôi không bao giờ yêu đất Pháp. Buổi chiều đó tôi ngồi đợi xe ca tới đón giải giao cho D.D.A.S.S., hội trẻ em mồ côi không ai thừa nhận. Tôi thù ghét viên tổng giám thị phốp pháp, những ngón tay trắng mũm mĩm, dấu hiệu của một chủng viện sung túc nuôi ăn đầy đủ. Ông không thay thế được Frère Thiện, cũng không biết người tu hành và giáo chức ở Việt Nam nghèo tới mức nào. Không phải đợi tới sau này xem phim *Hà Nội Trong Mắt Ai*, nghe Trần Văn Thủy thở than, *mùa rau rút thầy bán rau rút, mùa cà chua thầy bán cà chua* (4), tôi mới biết xúc động. Tôi đã có những người thầy như vậy. Giáo sư Lâm Ngọc Oánh, chủ nhiệm 10-C17 trường Phổ thông cấp III Bùi Thị Xuân. Tôi theo học phụ đạo thầy hai năm, thầy cho tôi tất cả vốn liếng toán học của mình. Thầy đã vẽ cho tôi xem bao nhiêu vòng tròn lượng giác? Đã chứng minh bao nhiêu đường thẳng song song ngoài không gian, đã lấy bao nhiêu giới hạn, nguyên hàm, đạo hàm? Có hôm tôi đi ăn kem ở công viên

Con Rùa về bắt gặp thầy oằn người dắt xe đạp qua cầu Trương Minh Giảng, hai ghi-đông xe hai thùng dầu hôi, sau *porte- bagages* một bao tải lớn không biết chứa gì, thầy rướn mình cố đẩy cho xe qua dốc cầu, thịt da như muốn tuột đi. Tôi không dám gọi, chỉ nhớ tới mấy chục đồng bạc vừa quẳng vào chầu kem. Học phụ đạo 6 tiếng một tuần tôi chỉ trả được cho thầy 5 đồng một tháng. Thầy Oánh còn may mắn. Thầy Chung Hỷ Sinh dậy vật lý mới thê thảm, giữa năm 79 bị đuổi dậy vì lỡ khai gốc người Hoa, vợ đẻ, túng bấn, thầy đẩy xe ba gác bán gạo. Gạo của con buôn, thầy chỉ đẩy mướn. Con buôn ngồi vắt vẻo, thầy gồng bắp thịt cố đẩy cho hết một ngày cơm. Xe ba gác lăn vô tình qua trước cửa nhà, thầy cúi gầm mặt, tôi lúng túng chụp vội tờ báo Tin Sáng của ông Ngô Công Đức mở ra vờ đọc. Mẹ tôi ra ngã giá. *Năm trăm một tạ? Đắt quá thôi không mua*. Con buôn ngoe nguẩy bỏ đi, ngồi vắt vẻo cho thầy còng lưng đẩy tiếp. Phố này qua phố khác, nhà này sang nhà khác. Tôi nóng bừng mặt vì xấu hổ. Xấu hổ cho thầy mà cũng xấu hổ chính mình. *Mẹ ơi, thầy con đó! Mẹ mua giúp cho thầy đỡ nặng xe*. Sao tôi ngậm tăm miệng không dám kêu? Không dám chào thầy, gọi mẹ. Hay tôi thấy nhục vì có thầy đẩy xe ba gác? Nhưng nếu tôi kêu, liệu mẹ tôi có đủ tiền mua hết mười tạ gạo không? Chắc thầy hiểu nên thầy mới cúi gầm mặt, tránh cho thầy trò cảnh ngang trái. Còn nữa, thầy Paul Hải phụ trách nhạc cho trường Lasan Taberd. Trước 75, mỗi khi đi dậy tư, thầy đánh *vespa* thong thả, thuốc píp thơm tho thong thả. Sau 76 trường Taberd bị giải thể, thầy mất chỗ ở, bán đàn bán xe đi kéo vĩ cầm mướn cho đoàn Bông Sen. Tháng 3-79, kỷ niệm 4 năm chiến thắng Buôn Mê Thuột rực rỡ, tôi đi xem, thấy thầy đói lả da mặt trắng bệch, hai hố mắt vô hồn, tiếng nhạc vô hồn, thầy kéo vĩ cầm như kéo đàn cò ò e nỉ non khóc lóc. Sao thầy chưa hiểu? Hay thầy chậm hiểu? Thiên tài âm nhạc cỡ lớn như Chopin, Beethoven, Bach . . . cũng chỉ xứng đáng "chạy *basse*" cho tiếng cồng Tây Nguyên. Văn công cách mạng mê man múa, thầy kéo mã vĩ dật dờ theo *tiếng chày trên sóc bom bo* . . . Còn nhiều nữa, tôi kể làm sao hết. Thầy tôi như thế, lo thân chưa đủ làm sao lo cho học trò? Vậy mà thầy vẫn dạy, vẫn run run hỏi: "Em đã hiểu bài chưa? Em rán học làm rạng danh đất nước." Tội nghiệp. Đất nước rách rưới eo sèo trận mưa lạc hậu, nhưng thầy vẫn cố tin. Chỉ có đám hậu sinh khả úy bây giờ là không tin.

Thầy tôi như thế, làm sao tôi còn có thể yêu kính được những ông thầy da trắng mũi lõ mắt xanh áo cổ cồn cà-vạt, vào lớp như thứ công chức thuộc địa hết giờ đi ra? Năm 86 nước Pháp bị đặt bom, *plastic* nổ ở gần Tour Montparnasse, chết bị thương mấy chục người, tâm hồn tôi dửng dưng . . .

Mãi sau này tôi mới biết vì sao mọi nỗ lực hội nhập của mình đều thất bại. Vì đã mang theo vào đất hứa quá nhiều quá khứ. Quá khứ riêng tư và quá khứ chung của dân tộc.

*

Trở lại chuyện văn chương. Các nhà văn lớn thích hỏi: "Anh là người viết trẻ trưởng thành ngoài đất nước, anh nghĩ gì về cuộc sống ở hải ngoại?" Vấn

thứ câu hỏi ngớ ngẩn, nhưng tại sao tôi cứ phải trả lời qua quít để đêm về ray rứt vết thương? Tháng 9-91, trên tạp chí *Văn Học* đăng tải một truyện ngắn của Phạm Thị Ngọc: *Florence*. Ấn tượng suốt toàn truyện là câu hỏi của một người con gái nhỏ: *Nước Mỹ còn có gì cho chúng tôi không?* (5) Câu hỏi — đúng hơn là một ám ảnh, cứ nhắc đi nhắc lại, lập đi lập lại, giống nỗi băn khoăn lo lắng của một người lạc lõng đi trên sa mạc tìm nước, cầm một viên đá cố ném xuống lòng giếng thăm dò, chờ đợi. Phạm Thị Ngọc trả lời khá tàn nhẫn: *To die in dignity!* Câu trả lời cũng được nhắc đi nhắc lại, lập đi lập lại, chẳng khác tiếng dội khô, cứng từ một huyệt giếng không có nước. Phạm Thị Ngọc ở vào một thế hệ trẻ tiêu biểu cho nguồn sinh lực mới. Nhưng *Florence* không phải là cái nhìn tiếp cận đầu tiên của tuổi trẻ ném vào đất Mỹ. Tiếp cận: hiểu dưới một dạng thức khác cũng là hội nhập, vấn đề chính của cộng đồng trong mười năm đầu rời bỏ đất nước. Năm 86, Vũ Quỳnh Hương lúc đó 29 tuổi cũng ở vào lớp người tuổi trẻ đầy sinh lực ném cái nhìn thẳng thừng trong suốt vào sâu thẳm cuối cùng trạm chót của đời người trên đất Mỹ. Từ giai đoạn hội nhập rụt rè, viết về những khó khăn trong nếp sống, ngôn ngữ, sau cùng nhà văn trẻ cũng đi tới đích: cái chết ở Bắc Mỹ. Vũ Quỳnh Hương bước thẳng vào thế giới người già bản xứ, phòng đợi của địa ngục, hay lạc quan hơn, chỗ chờ giải thoát. *Miền Vĩnh Phúc* (6) chính là nỗ lực hội nhập cao nhất cho đến nay trong văn chương hải ngoại. Tất cả kiếp người ở Bắc Mỹ thu gọn, khoanh tròn trong trung thiên truyện này. Những tiếng rên la về đêm của thân xác già cỗi. Những cử động trẻ thơ trên thân thể bị thời gian ăn vữa. Những trò đùa quái đản phát sinh từ sự bào mòn của trí tuệ. Những cô đơn lạc lõng trước lúc kết thúc lạnh lẽo. Đúng mười năm sau di tản, người tuổi trẻ bàng hoàng khám phá ra tương lai chờ đón mình trên đất hứa. May mắn thì chết đột ngột vì tai nạn, kém may mắn thì kéo lê thân xác chầu chực chờ vào *Miền Vĩnh Phúc*. Nhà văn trẻ nghĩ gì về cuộc sống ở hải ngoại? Câu trả lời đã có. *Nước Mỹ có còn gì cho chúng tôi không? — To die in dignity!* Nhưng khốn nỗi chết ở xứ sở này không phải dễ, và những nhà dưỡng lão như thứ nấm mồ sống lưu động hau háu rình rập. Làm sao sống hết được một cuộc đời trên đất Mỹ? Sống: không hề mang ý nghĩa nhiệm màu, nhưng là hành động thanh toán hóa đơn không ngừng dồn dập gởi về mỗi cuối tháng.

Người viết trẻ, vì sao anh yêu văn chương? Nghĩ thế nào về văn học hải ngoại? Tiếp tục những câu hỏi ngớ ngẩn. Sao không yêu? Yêu nhiều lắm những dòng chữ viết ra bên này biển. Những dòng chữ chắt chiu gói tròn trong áo dài của chị cho em đem đi vượt biên giữ làm kỷ niệm. Những dòng chữ lo lắng quặn ruột đêm núp dưới chân cồn cát nghe tiếng công an quát: "Hàng sống chống chết!" Những dòng chữ tất tả nhắm mắt chạy băng mình ra bãi, chân giẫm xuống nước ngã vội vào lòng xuồng chèo hối hả ra tàu lớn, lên được tàu mới ngỡ ngàng thấy chiếc áo chị đánh rơi bay vất vưởng trên cát. Những dòng chữ phó mặc cho số mạng suốt khuya trăng soi boong tàu

lắc lư loang loáng vết thương bắt đầu thành hình từ buổi trưa mẹ khóc nức nở tiễn con ra xe, chủ tàu không cho đưa sợ lộ. Những dòng chữ hốt hoảng nhận ra tàu đụng đá ngầm kẹt san hô, gần một trăm người chết đuối mất tích. Sao không thương khi mình là đứa trẻ đóng bè đi sống sót trở về của tàu MT-603, da mặt dộp lên vì bỏng nắng, tay chân nặng nề lở lói phù nước... Thương lắm những dòng chữ viết ra bên này biển. Những dòng chữ may mắn thì vất óc cho vào máy điện toán nghiến, nghiền, xay nát, ngày tám, mười, mười hai tiếng *input, output, obtain first, obtain last, obtain next, next*... cho đến khi *db end of set, error status*! Viết bao nhiêu cái JCL mới có thì giờ biên một truyện ngắn? Đó là may mắn. Còn kém may mắn thì nhúng đầu vào bồn rửa chén của những nhà hàng Việt Nam bóc lột lao công đồng hương tận xương tủy. Truyện anh sặc mùi nước rửa chén! Nhà phê bình lên tiếng. Nhưng nhà phê bình đâu hiểu: cũng những nhà hàng đó, khi ra báo phải trở lại ăn mày từng trang quảng cáo. Báo nào ăn mày giỏi, báo đó sống. Tên tuổi trước 75: vất đi! Tên tuổi sau 75: không ai biết. Bởi rất giản dị, đây là nền văn học của một cộng đồng rất giàu về vật chất, nhưng cũng rất nghèo về tinh thần. Chưa có bao giờ tạp chí văn nghệ lại thương vay khóc mướn, sống gởi thác về cho bằng hôm nay.

*

Tối thứ sáu, ngồi vào bàn viết bài tùy bút đầu tiên của đời cầm bút. Đọc lại, chỉ thấy loạn xạ những dòng chữ xám ngắt. Thứ chất xám tro tàn đìu hiu rơi vung vãi từ một quá khứ vẩn đục của đất nước hôm qua và hôm nay. Dở lại từng trang giấy, còn thấy bỏng cả đầu ngón tay, nhưng kinh hoàng nhất là thấy rõ chân dung mình dưới mặt chữ. Chân dung của một đứa trẻ *paranoiaque*! Đứa trẻ mang tâm tánh bất bình thường và thật bình thường của một đứa trẻ Việt Nam. Mình viết tùy bút hay đang chơi *Nintendo*? Mình viết văn hay đang lên đồng? Sao chữ nghĩa xáo trộn, tâm tính hung tợn, ý thức rối mờ? Và ở đầu bút thì đầy những máu me chảy tuôn như người con gái hành kinh giữa đêm khuya khoắt. Có phải *cô* nhập, *cậu* nhập? Có phải *cô* về *cậu* về? Có kẻ đồng bóng trong mỗi đứa con của đất nước? Không đồng bóng, không *cậu* nhập sao dám băng mình xuống biển vượt đại dương? Dám đưa thân cho hải tặc hãm hiếp? Dám đưa mặt cho lính Mã Lai, Thái Lan, Phi Luật Tân đấm đá? Những gót giày nện thân thể, những gót giày làm mềm xương sống, những bạo ngược hành hạ của một chủng tộc chán ngấy một chủng tộc. Chuồng cọp ở Palawan, chuồng khỉ ở Songkla, trại cấm ở Hồng Kông... Còn bao nhiêu thứ nữa, nhưng chồng vẫn muốn bơ vơ, con vẫn muốn bỏ cha mẹ, ông dám bỏ cháu để ra đi tìm hung bạo. Một dân tộc cố đấm ăn xôi, khổ dâm hay bạo dâm? Càng bị ngược đãi càng hận thù ba mươi triệu người miền Bắc: cái nguyên nhân đem đến bất hạnh hôm qua và hôm nay. Miền Bắc có thấy không? Tổ quốc lên sài uốn ván.

Miền Bắc có thấy không? Sao không thấy? Không thấy mà Nguyễn Quang Lập viết *Những Mảnh Đời Đen Trắng*? Không thấy mà Nguyễn Duy

làm thơ *Thần tượng giả xèo xèo phi hành mở, ợ lên thum thủm cả tim gan*? (7) Không thấy mà Bảo Ninh chắt máu chép *Nỗi Buồn Chiến Tranh*? Không thấy mà Phạm Thị Hoài trông chờ *Thiên Sử*? Không thấy mà Nguyễn Huy Thiệp viết *Trái Tim Hổ*? Không thấy mà Nguyễn Minh Châu hơi thở cuối cùng còn rán đọc lời ai điếu (8). Lời ai điếu như một bảng cáo phó dứt khoát khai tử cả một nền văn học minh họa, mấy mươi năm như cái thây ma nằm chình ình chính giữa đất nước. Không thấy mà cả miền Bắc dấy lên phong trào đưa ma, kẻ tay nải, người vòng cườm, cau chuối oản cùng nhau khiêng cái tử thi văn học minh họa đi vùi lấp? Chiêu hô phát tang rồi thì người có trở đều như nhau. Anh tang anh, tôi tang tôi, cùng một tiếng khóc cử ai tất nghẹn tức tưởi trong lòng đất nước. Nhưng vấn đề chính: mãn tang rồi anh có qua thăm tôi không? Anh còn ray rứt ít nhiều quá khứ. Chưa dám bỏ bàn thờ liệt sĩ, dù từ trong thâm tâm anh hiểu rõ hận thù di truyền xuống từ cái bàn thờ đó. Tôi còn trẻ. Bạn bè tôi còn trẻ, quá khứ cũng đớn đau bầm vập nhưng còn có thể phai, thôi thì tôi qua thăm anh . . .

Thiên tài ở mỗi xứ, mấy trăm năm mới có một lần. Rimbaud là một thi sĩ lớn. Đất nước lạc hậu, tổ quốc lại nghèo, nên làm sao sản sinh ra được thiên tài như Rimbaud. Tôi không hề dám ví mình với Rimbaud. Bởi vì như vậy là tự kiêu, ngạo mạn, là vô lễ, xấc xược. Nhưng tôi tin đã viết hết u uẩn ra giấy, dù những dòng chữ xám ngắt, để lòng được thanh thản rộng mở đón nhận một lời thơ chân thành, tài hoa, đầy khát khao vô vàn của Rimbaud: *Je suis jeune, tendez moi la main* (9). □

— Viết thay cho Sĩ Liêm, Trần Sa, Hồ Đình Nghiêm, Phạm Thị Ngọc, Vũ Quỳnh N.H., Hoàng Mai Đạt, Nhược Thủy.

Chú thích:

(1) *Việt Nam Sử Lược*, Trần Trọng Kim, nxb Tân Việt, 1958.

(2) *Lê Lợi và Thanh Hóa Trong Khởi Nghĩa Lam Sơn*, nxb Thanh Hóa, 1988, ban Nghiên cứu và Biên soạn Lịch sử Thanh Hóa.

(3) *Dấu Binh Lửa*, Phan Nhật Nam, nxb Đại Ngã, 1969.

(4) Phim *Hà Nội Trong Mắt Ai*, Trần Văn Thủy, Mediapoly phát hành, 1988.

(5) Truyện ngắn *Florence*, Phạm Thị Ngọc, tạp chí Văn Học, 9-91.

(6) Trung thiên truyện *Miền Vĩnh Phúc*, Vũ Quỳnh Hương, tạp chí Văn Học, 10-86.

(7) *Nhìn Từ Xa . . . Tổ Quốc*, thơ Nguyễn Duy, tạp chí Sông Hương, 4-89.

(8) *Hãy đọc lời ai điếu cho một giai đoạn văn nghệ minh họa*, tạp chí Văn Nghệ, 12-87.

(9) Rimbaud, *Les Témoins de L'Esprit*, Édition Julliard, 1947.

SĨ LIÊM

lời thú tội trong thành ghetto

Cái chữ *ghetto — ghetto — ghetto* nó cứ luẩn quẩn trong đầu tôi và ám ảnh tôi mãi suốt mấy đêm trường. Và cái mộng trở thành nhà văn vĩ đại của tôi bỗng rẽ qua một ngõ khác khi ngồi đọc lại những truyện ngắn đã và chưa đăng báo của mình. Tôi suy ngẫm rồi phát hiện ra một điều rằng "bầy con tinh thần" của mình nó không giống tay thì cũng giống chân, có khi như là một cặp sanh đôi. Dĩ nhiên anh em cùng chung một dòng máu thì phải giống nhau là điều hẳn nhiên, nhưng đằng này nó lại giống luôn cả tính tình mới là khổ. Theo Trần Vũ thì chúng nó là "sáo" và cha đẻ của nó sanh chúng nó trong thành *ghetto*! Theo tôi thì lúc tôi sáng tác, tôi ngồi ở bàn viết trong nhà mình vừa thai nghén vừa sanh đẻ chớ đâu có thấy cái tường, cái rào *ghetto* nào chung quanh mình đâu? Có đề tài thì viết, thế thôi. Không lẽ là do "tinh trùng văn chương" ở trong não đi tới từ thành *ghetto*? Chắc chắn là nó rồi! Vậy là phải đi bác sĩ mà cấy tinh trùng vạm vỡ vào rồi phát cho chúng nó mỗi đứa một cây búa tài sồi để chúng cùng nhau phá vỡ bức tường *ghetto* mới được. Nhưng khổ nỗi ở trên đời này không có trường nào đào tạo ra "bác sĩ văn học" để mà làm điều này! Vậy làm sao để mà phá vỡ bức tường *ghetto*? Đây là một câu hỏi dễ đặt ra mà khó trả lời. Giống như một căn bệnh ngặt nghèo đã tìm ra được nguyên nhân mà chưa chế được thuốc giải. Vả lại đây là một căn bệnh nằm trong lãnh vực tâm thần, khó là ở chỗ đó. Có ai cho mình điên, mình khùng đâu, có ai cho mình viết dở? Ai cũng cho mình viết hay cả, chỉ có mình là tuyệt đỉnh, ai chê thì giận, ai khen thì mừng. Đứng trước mặt thì bảo: "Anh viết thật là tài", vừa quay lưng thì bĩu môi, lắc đầu: "Thằng đó viết tồi lắm!". Bởi vậy con người thường bị cái chữ "tế nhị" mà phải cắn răng, nói ẩu cho người ta vui lòng. Cho nên muốn phá vỡ bức tường *ghetto* thì phải ăn thật nói ngay để biết mà chỉnh đốn. Nhưng ai dám nói thẳng để tự chuốc họa vào thân? Chỉ có một người có tư cách phê bình văn

của người khác là bản thân người ấy không phải là nhà văn, nhất định không phải là nhà văn.

Phần đông ở hải ngoại, một tác phẩm chào đời, mục điểm sách tôi chỉ thấy (phần đông) nhà văn này điểm cho nhà văn kia, thường là bạn văn với nhau không lẽ người ta nhờ mình đem đi chê, còn gì là "thâm tình viễn xứ"? Về mặt báo chí thì nghèo bài, bí quá cũng phải đi đại một truyện ngắn "nếu có bài khác thì cho nó vào sọt rác" để lấp cho đầy trang. Với lại cái kẹt của người chủ nhiệm mới là đáng nói, đăng thì ngại, mà liệng thì sợ mất một cây viết cho báo, lâu lắm mới có một chữ "đành" kèm theo sự suy nghĩ kỹ càng chín chắn. Phần của nhà văn được đăng bài, cái đầu tiên khi nhìn thấy bài mình trên báo thì hớn hở ghê lắm. Nhà văn không cần suy nghĩ đến bài đã đăng nữa, họ bắt đầu cắm cúi viết bài mới và tiếp tục gởi đi từ bức tường thành *ghetto*! Cứ như vậy luẩn quẩn mà bức tường *ghetto* được những viên gạch "tác phẩm" xây mỗi ngày mỗi cao, mỗi dài ra và kiên cố đến độ mấy năm nay nền văn học ở hải ngoại thành một "độc điệu" một dãy Trường Sơn bọc xung quanh vài ngọn đồi lẻ tẻ khác biệt. Trường hợp của Trần Vũ là một ngọn đồi khác biệt trong tôi. Ở đây tôi không phải trách cứ gì những người cầm bút, tôi chỉ muốn nói rằng, bức tường *ghetto* được dựng lên không phải là một công trình vô giá trị, nhưng tôi thấy chúng ta lúc xây bức tường đã quên xây những cánh cổng để lúc gặp nạn cháy nhà còn có lối để thoát thân. Bởi vì cái thiếu sót đó mà mấy năm gần đây, có những nhà văn bị bế tắc rõ rệt, có người ra đi trong tự trọng, có người ra đi ầm ĩ, có người ra đi âm thầm, có người trước khi ra đi còn quay đầu lại tuyên bố hùng hồn, "Tôi ra đi để chuyển hướng". (Không biết chuyển hướng như thế nào mà thấy biệt dạng trên văn đàn luôn!) Còn có người thì hứa hẹn, "Tôi đang thai nghén". (Chỉ sợ bị "chửa trâu" mà thôi). Rõ ràng là văn học hải ngoại đang đi vào cơn ác mộng đầy rẫy xác chết của nhà văn cùng với nấm mồ tác phẩm trong nghĩa địa cạnh bờ tường *ghetto*! Tôi hy vọng đây là một hiện tượng nhất thời chớ không phải là một sự kéo dài.

Bờ tường *ghetto* hình thành và đưa đến sự bế tắc còn có nguyên nhân khác, đó là trách nhiệm gia đình và công ăn việc làm của từng người. Bên này, nghề viết văn không phải như ở bên nhà, viết văn không phải là một nghề để nuôi sống gia đình, chỉ là cái nghề tay trái, viết để vui với cuộc đời, may lắm thì chết đi cũng có chút danh phận với người. Nhà văn độc thân thì còn có phước phần, chớ nhà văn có gia đình thì gây gổ, bực dọc nó phủ trùm quanh tác phẩm nồng nực. Thử nghĩ, ngồi nặn óc suy nghĩ đề tài để viết, tư tưởng đang ngon trớn mà người vợ hét lên một tiếng, con gào lên một tràng thì còn gì là chữ nghĩa nữa? Đang viết đến độ chín mùi mà "bả" sai mình đi mua thịt bò thì chỉ có nước "tai tái" chớ không thể nào văn chương chín rục được cả. Tôi biết cái đó là điều khổ tâm nhất của văn nghiệp, nhưng không lẽ bỏ vợ con mà chạy theo văn chương cũng đâu có được. Thôi thì đập bàn viết cho xong. Thà chịu bế tắc văn chương chớ không chịu bế tắc cái đường

... kia! Nói vậy không phải là ai cũng vậy, có những nhà văn không có cả hai, cái nào cũng bế tắc hết! Song hỉ! Song hỉ! Thêm một lần nữa cái *ghetto* của cuộc sống đã bức tử nhà văn chết không nhắm mắt.

Chúng ta cũng nên đề cập đến bờ tường *ghetto* xuất bản nữa. Nói chung so với số lượng nhà văn thì nhà xuất bản quả là ít. Nguyên một nước Pháp chỉ có hai nhà Nam Á và Quê Mẹ, còn bên Mỹ thì không quá mười nhà có số lượng in nhiều. Phần đông là nhà văn tự in tác phẩm của mình. Nói đúng ra, một người cầm bút khi viết truyện, ai cũng cầu mong truyện của mình được một nhà xuất bản in thành sách. Báo chí thì rất nghèo bài, chớ nhà xuất bản không nghèo truyện để in, muốn một cái thì khối nhà văn nhảy xổ vào dâng hiến đứa con tinh thần của mình cho nhà xuất bản, phần đông là "vô điều kiện". Cho nên tôi thấy rằng nhà văn thật là tội nghiệp, tội nghiệp đến độ đáng thương. Một bên thì bỏ tim óc ra, bao nhiêu là công trình cực khổ. Một bên là nhà xuất bản, mượn đỡ thành công của nhà văn để nuôi sống bản thân mình. Mượn luôn thành công của những nhà văn trước 75, sau 75 và mượn luôn cả những tác phẩm từ trong tay của Cộng sản để làm giàu cho chính mình. Có vay phải có trả, đằng này ăn ở theo thời "ân đền oán trả, nợ giựt luôn!" Và tôi thấy riêng những nhà xuất bản in truyện trong nước là một hành động vô lối. Nói ra thì là chuyện "bứt dây động rừng", nhưng đây là một vấn đề chẳng "đặng đừng", nên tôi bắt buộc phải nêu ra, đúng hay sai để các bằng hữu góp ý kiến thêm. Đồng ý các tiểu thuyết trong nước sau này rất hay, chống Cộng sắt thép, nhưng cái chống Cộng của họ là chống Cộng "tôn thờ lý tưởng", cầu mong cho đảng Cộng sản sửa sai đường lối để củng cố "ngai vàng" chớ không phải chống để mà lật đổ? Đầu óc của họ vẫn ăm ắp hình ảnh Hồ Chí Minh, trọn đời với đảng. Đó là quả đấm bọc nhung "bất đấm tự nhiên bầm" mà vô tình các nhà xuất bản đã tự đưa lưng ra chịu những quả đấm vô hình. Cái mà tôi thấy buồn cười nhứt là các nhà xuất bản lấy đó làm hãnh diện, cho mình là làm một chuyện "gánh vác sơn hà", "phổ biến văn học", "đổi mới tư tưởng" ... Từ cái vô tình của những nhà xuất bản đã sanh ra một mụt cóc rất lớn cho nền văn học hải ngoại. Nhìn lại hiện tình bây giờ của các nhà văn lưu vong thật là ngậm ngùi, chua xót. Cộng sản chưa thấy sụp đổ mà đã thấy giữa chúng ta, riêng trong giới cầm bút đã chia năm, xẻ bảy, nồi da xáo thịt, một giới thì hoan hô văn chương phản kháng, một nhóm thì hợp lưu, một nhóm thì lưu mà không hợp, một nhóm thì hợp mà không lưu. Cái tai hại nhứt là có những nhà văn đang sáng tác hăng say, tự nhiên đối diện với "văn chương phản kháng" thì rùn vai, lùi bước, từ cái phục tài đi đến cái sợ, rồi tự ti, mặc cảm với ngòi bút của mình, đâm ra trầm tư, suy nghĩ ... rồi ... bế tắc luôn! Dương Thu Hương, Nguyễn Huy Thiệp, Phạm Thị Hoài ... là ai? Là cái gì? Họ là cái gì mà làm cho chúng ta đảo lộn tư tưởng, phải "nấc cụt trong sáng tác"? Họ có cái riêng của họ, mình có cái cõi viết của mình. Nhà văn cầm bút để phục vụ cho đại chúng chứ không phải nhà văn phục vụ cho nhà văn với nhau. Cho nên chúng ta không có gì phải

nao núng, chùn tay, cứ việc sáng tác một cách tự nhiên để phục vụ độc giả của mình. Mỗi một nhà văn có cái hay riêng, có cái độc đáo của mình. Cũng như nhà văn Mai Thảo nói rằng "Không có cái bóng nào che được cái bóng nào..." Mỗi người có độc giả riêng của chính họ, chúng ta cũng không nên cho người này là đỉnh cao, cho người kia là rẻ tiền, cho người này vào văn học sử, người nọ vào văn sử học. Ở đời "hữu xạ tự nhiên hương" đâu cần phải cống nhau, chen lấn trước thềm văn học sử. Và tôi thật sự không hiểu "nhà văn lớn" là nhà văn như thế nào? Nhà văn là nhà văn, tại sao lại có lớn có nhỏ? Mỗi một độc giả có cái thích, có cái nhận xét riêng của chính họ. Người đọc mới là những người nhận xét chính xác nhứt. Chúng ta cứ việc sáng tác, đừng tự hủy diệt những đứa con tinh thần sắp chào đời khi độc giả đang dang hai cánh tay "mụ bà" sẵn sàng đón nhận chúng.

Trước khi tôi lách ngòi bút của mình một ngã *ghetto* khác, tôi xin mói thêm một điều với các nhà xuất bản "nước chảy hai dòng", thay vì bỏ công đi tìm tòi những cuốn sách "đã in trong nước" rồi, thì nên bỏ sức ra tìm kiếm những tác phẩm của những nhà văn chúng ta bên hải ngoại mà in thành sách chắc có lẽ sẽ hay hơn và những nhà văn còn đầy đủ hăng say sáng tác cho ra đời những tác phẩm để tiếp tục phục vụ cho độc giả. Ai cũng bỏ tiền ra xuất bản sách trong nước thì chao ôi, còn tiền đâu mà in sách ở bên này? Hoặc là tìm cách cho tác phẩm ở xứ người chen chân vào trong nước mới là điều đáng phải làm. Các nhà văn tự đưa mình vào cái *ghetto* đã dành, các nhà xuất bản cũng ùa vào cái *ghetto* luôn hay sao? Mà tôi còn thấy chưa có một nhà xuất bản nào đẩy mạnh chuyện nâng đỡ những cây viết trẻ, tại sao cứ phải đi in mãi những người có tên tuổi? Ngày xưa những người có tên tuổi bây giờ cũng đâu có tên tuổi gì đâu? Nói ra thì mọi người cho các nhà văn trẻ ganh tị, nhưng các cây bút trẻ họ có cái quyền đó, bởi vì các bậc đàn anh đều khuyến khích, cổ võ chúng tôi phải viết và đọc tiếng Việt. Chúng tôi một số ít, đã làm được nguyện vọng của bậc đàn anh, nhưng các bậc đàn anh đã "phản bội" chúng tôi. Loe hoe chỉ có vài tạp chí đứng đắn như *Văn Học, Văn, Làng Văn* là sẵn sàng đón tiếp chúng tôi mà thôi. Dĩ nhiên các chú bác sẽ đưa ra lập luận, "Chúng mày viết dở quá thì làm sao chúng tao đăng cho được?" Nhưng phải hiểu rằng chúng tôi viết dở là một chuyện đương nhiên. Chúng tôi qua đây chỉ có 14, 15 tuổi lạc lõng ở xứ người, tiếng Việt thì chưa tới trình độ lớp 10, dấu hỏi dấu ngã còn mù tịt lấy ở đâu mà viết hay cho được. Nhưng chúng tôi cũng cố gắng hết mình học tập từng li từng tí, đồng thời cũng phải có đất cho chúng tôi "dụng võ" chớ. Không có đất dụng võ thì lấy quá trình ở đâu ra mà học tập? Trường hợp của tôi ngày xưa cũng khốn khổ lắm chớ, không nhờ cậu Hồ Trường An và tờ *Làng Văn* giúp đỡ, cho một mảnh đất, nếu không thì cũng đập bàn viết từ lâu lắm rồi. Trường hợp của nhà phê bình Thụy Khuê cũng giống nhau, ngày xưa chị Thụy Khuê phê bình đâu có gì sắc bén lắm đâu, nhưng chị Thụy Khuê nhờ có tờ *Văn Học* cho một mảnh đất "mài kinh nấu sử" nên chị Thụy Khuê ngày càng bén nhọn, thâm trầm. Tôi

xin phép đại diện cho các cây bút trẻ cầu mơ sao cho những người đi trước nhẹ tay cho chúng tôi một chút và rộng lượng hơn trong việc chọn lọc bài vở để chúng tôi có điều kiện gần gũi với độc giả hơn. Chúng tôi muốn độc giả phát hiện chúng tôi chớ không phải là những người cầm bút cầm mạng sống của chúng tôi trong tay! Hãy để chúng tôi thoát khỏi vòng tường *ghetto* phe nhóm. Bởi vì chúng tôi là một phần tử nhỏ không thể chống lại nổi một phe nhóm đông đảo! Sẵn nói đến hoài vọng của những cây viết trẻ tôi cũng luôn tiện đề cập đến vấn đề xảy ra của làng báo vừa qua. Trước khi vào vấn đề tôi cũng xin biện bạch một điều. Trần Vũ và tôi phải nói là người bạn văn rất thân và ở rất gần nhà, chúng tôi cùng trang lứa, gặp nhau thường xuyên để trao đổi kiến thức và thông tin với nhau về tình hình văn nghệ. Nhưng tôi xin khẳng định trước để tránh gây hiểu lầm là "bạn bè nó bênh nhau". Đối với tôi và Trần Vũ, bạn là bạn, nhưng không phải bạn mình làm bậy mà cử việc bênh bừa, bênh bãi. Gần đây Trần Vũ có đăng bài *Vòng Tường "Ghetto"* trên *Hợp Lưu* số 2, đã làm "cho thiên hạ lối xóm đang ngủ phải thức giấc la lối um sùm (phóng tác theo lời của nhà văn Nguyễn Tấn Hưng). Nhất là nhóm "văn chương miệt vườn" (trong đó có tôi). Có hai nhà giật mình thức dậy trước tiên đó là nhà của nhà văn Bùi Vĩnh Phúc và nhà của nhà văn Nguyễn Tấn Hưng, sau đó là nhà của tôi. Nhà văn Bùi Vĩnh Phúc viết trả lời một bài cho Trần Vũ trên *Hợp Lưu* số 3. Bài đó văn chương chữ nghĩa nhiều quá, tôi đọc hoài cũng không hiểu gì ráo trọi. Xin nói riêng với nhà văn Bùi Vĩnh Phúc rằng tôi không hiểu không có nghĩa là bài đó không hay hoặc không có giá trị. Không hiểu ở đây cũng không phải là vì tôi ngu, nhưng tôi không có cảm hứng bằng bài của nhà văn Nguyễn Tấn Hưng đăng trên *Thế Kỷ 21*, mộc mạc như cái nhà lá ở miệt vườn và dễ thương như một bà nhà quê ở Vĩnh Long. Bản tánh trời sanh ra tôi khoái cười hơn là khoái khóc, khoái cà tửng, cà tửng bận áo bà ba quần xà lỏn hơn là veston quần tây lượt là. Trong văn chương cũng vậy, tôi khoái những bài viết nửa chợ nửa quê hơn là văn chương cổ kính đầy nghẹt những triết lý thời thượng. Trời sanh tôi thích cái miệng hơn là hai con mắt (khóc hoài!) Bởi vậy tôi chỉ xin bàn với nhà văn Nguyễn Tấn Hưng về cái bài góp ý với Trần Vũ trên *Thế Kỷ 21* có lẽ hợp với tôi hơn.

Sau khi đọc hết bài của nhà văn Nguyễn Tấn Hưng, tôi cứ cười tủm tỉm hoài. Có những điểm tôi đồng ý và những điểm tôi không đồng ý. Cái tôi không đồng ý nhứt là nội dung chánh của bài viết. Tôi thấy nhà văn Nguyễn Tấn Hưng không nên "nặng tay" với bạn trẻ Trần Vũ quá như vậy. Dẫu sao Trần Vũ cũng là một cây viết trẻ (ý tôi không phải trẻ rồi muốn nói cái gì thì nói), nhưng Trần Vũ có những cái nhìn rất đúng không thể chối cãi được về "văn chương miệt vườn". Phải nói văn chương miệt vườn của miền Nam từ đó tới giờ là một rập khuôn, cái sáo hiển hiện rõ ràng, linh hồn của cụ Hồ Biểu Chánh lảng vảng khắp cùng trong các truyện. Cũng như tôi, tôi bị cụ Hồ Biểu Chánh ám ảnh hoài thì sao! Mà cũng có sao đâu! Văn chương miền Nam vẫn là văn chương của miền Nam. Nó có cái hay riêng của nó, mặc dầu

phần đông các truyện thiếu cái điểm cao siêu, thâm trầm, không "dữ dội" bằng văn chương miền Bắc và miền Trung. Nhưng nó có cái dễ thương, đôn hậu, chất phác ở đằng sau và truyền cảm làm cho người đọc dễ hiểu, thông cảm. Văn chương miền Nam lấy cái nội dung làm chánh, văn chương miền Bắc và Trung lấy cái chữ nghĩa làm cột. Không có gì thắc mắc, nếu văn chương miệt vườn mà viết cao siêu quá thì không còn là văn chương miệt vườn nữa. Bởi vì chính nhân vật ở đồng quê bản chất đã không cao siêu rồi, họ có đời sống chơn chất của họ, tư tưởng của họ cũng mộc mạc, bình dị, thì khi viết về đồng quê miệt vườn, bắt buộc phải viết một cách quê mùa thì mới phản ảnh được cái miệt vườn đồng quê một cách trung thực, chính xác được. Không lẽ nói một ông cày ruộng có tư tưởng như một người ở thành phố thì trật lất! Nói như vậy không phải là chúng ta đứng yên tại chỗ tự mãn cho những gì đã tạo được. Một cái đồ khui rượu rất là đơn giản, người ta còn chưa chịu bó tay trước nhu cầu thỏa mãn của con người, người ta luôn mải tìm tòi và sản xuất ra cả trăm thứ đồ khui đủ loại, đủ kiểu. Trở lại chuyện văn chương, ta cũng nên bình tâm suy nghĩ trước tiếng chuông ngân của bạn văn Trần Vũ về văn chương miệt vườn một cách công tâm chớ không nên lấy cái "xây dựng của người" mà đâm ra tự ái, như vậy nó mất đi cái hòa khí đồng nghiệp. Dẫu sao nhà văn Nguyễn Tấn Hưng cũng là người đi trước và lớn hơn tôi nhiều, tôi không dám lên mặt dạy đời một ai hết. Tôi chỉ muốn trình bày cái ý nghĩ riêng tư của mình một cách trung thực. Tôi muốn nhìn nhận một sự thật để chúng ta cùng ngồi lại mà tìm một hướng đi mới. Hướng đi mới không có nghĩa là phủ nhận, bác bỏ cái hướng đi cũ. Tôi biết vấn đề này không phải là dễ, bởi vì con người miền Nam bản chất lè phè, dễ dãi, ăn sao nói vậy, nói chuyện thì huych toẹt, tư tưởng phóng khoáng, cởi mở, thích đánh lộn hơn là cãi lộn. Văn là người, người như vậy thì văn chương nó cũng vậy, không thể làm khác hơn. Nhưng chúng ta cứ việc thử, cứ việc sáng tạo cái mới. Nếu không được cũng chẳng sao, vì cái cũ nó sẵn hay rồi, cứ việc lấy đồ cũ xài, cứ việc xào xào nấu nấu, mặn vắt chanh, lạt bỏ nước mắm, vừa miệng là được, chớ đừng có mặn quá, lạt quá, độc giả nuốt không có vô. Tôi thừa hiểu phần đông các văn hữu miền Bắc "chê" văn phong của miền Nam lắm. Anh em miền Bắc cho rằng văn chương miền Nam phần lớn không có tư tưởng, không có chiều sâu. Tôi cho là cũng đúng một phần nào đi, nhưng cứ thử tưởng tượng ai cũng viết cao siêu hết thì giới bình dân lấy cái gì để mà đọc? Ngược lại ai cũng viết bình dân hết thì giới "cao cấp" lấy gì để mà xem? Cho nên tôi thấy trên một bàn tiệc văn chương có nhiều món nào là tiểu thuyết chả giò, tiểu thuyết chạo tôm, tiểuthuyết thịt chó, tiểu thuyết bánh ướt, tiểu thuyết mắm và rau . . . thực khách "độc giả" muốn món nào thì thưởng thức món đó. Thử tưởng tượng trên một bàn tiệc "văn học" chỉ có một món duy nhất, dù cho món đó có ngon cách mấy đi chăng nữa, ăn ba ngày cũng phải ớn tới óc o. Vì vậy một nhà văn phải là một đầu bếp giỏi, phải biết lấy món cũ xào nấu chế biến lại thành một món khác, miễn ngon miệng

là được. Trường hợp của nhà văn Hồ Trường An, Trần Vũ hơi khắt khe vì anh cho chuyện xào nấu trong văn chương không có sáng tạo. Nhưng nhà mình nghèo thì mình xào lại món cũ mình ăn, nhà ai khá giả hơn thì cứ việc đi chợ ăn món mới, cao lương mỹ vị hơn. Chớ nghèo mà đi chợ hà rầm, tiền nào chịu cho thấu. (Nhưng đừng quên rằng chuyện xào nấu từ cái cũ thành cái mới đã là sáng tạo lắm rồi). Hết tiền thì mình đi mượn bạn bè mua đỡ lon gạo cho đỡ cơn đói. Nhưng đó là trường hợp bất khả kháng, mình nên coi túi tiền của mình mà tiêu xài vừa phải. Cho nên lâu lâu một nhà văn nào có lỡ túng thiếu quá mà vô tình chấm phải bình mực của người khác, cũng không có sao. Đừng có "chôm, chỉa, chụp" một cách quá trắng trợn như trường hợp *La Bicyclette Bleu (Chiếc Xe Đạp Xanh)* của nữ văn sĩ Régines Déforges thì không thể được. Trần Vũ muốn bình mực của người nào người nấy xài, chảo của ai người nấy xào. Còn phần nhà văn Nguyễn Tấn Hưng thì giống tôi, thiếu mực thì ca bài năn nỉ, "Cho chấm một giọt đi em!" Nhưng một giọt thôi à nghen, chấm hết nửa bình của người ta thì . . . Nhưng viết xong cũng phải lách lại, cũng có những trường hợp ngẫu nhiên, không có bình mực nào đụng tới bình mực nào, không có ngòi viết nào đi lạc sang bình mực nào hết mà nó cùng màu sắc thì sao? Thì cũng đâu có sao? Trăm người bán vạn người mua, trăm người viết vạn người đọc, mỗi tác giả có độc giả riêng của mình. Chỉ có nhà văn với nhà văn thắc mắc, moi móc với nhau, chớ còn độc giả đâu có khắt khe bao giờ trên phương diện đó. Nhưng cũng không vì vậy mà chúng ta ngừng tranh đấu để thoát khỏi vòng tường *ghetto*, chúng ta nên cố gắng phá vỡ nó ra để mỗi nhà văn có một ngọn đồi riêng biệt của chính mình, nếu mãi mãi là một đoàn lữ hành đi hàng dọc trên một con đường mòn văn chương thì người ta chỉ thấy có người dẫn đầu chớ không thấy kẻ đi sau lưng dung mạo như thế nào. Như nhà văn Duyên Anh đã từng nói với tôi, "Nhà văn không cần làm gì, không thèm làm gì, không thèm làm gì cả. Cái cần làm của nhà văn là viết. Viết tác phẩm mới. Nhà văn không phải là trâu bò nên không được quyền nhai lại như trâu bò. Trừ khi nhà văn tự đồng hóa với trâu bò, nằm yên xó tối, vận dụng cỏ úa từ dạ dầy lên miệng nhai lại cái vinh quang mục rã." Và ông còn nói với tôi, "Trong đoàn lữ hành nếu có một người nào tách hàng ngũ đi ngược chiều thì hẳn nhiên người đó sẽ được chú ý nhất". Và sẵn đây tôi cũng nên nói với những người viết mới (cũng như nói với chính tôi), chúng ta phải cố gắng làm một chuyện như Michael Chang, một tay quần vợt trẻ đầy tài năng đã hạ hàng loạt những tay quần vợt kỳ cựu ở Roland-Garlos năm nào. Chúng ta phải cố gắng viết như thế nào để đưa những nhà văn đi trước vào trong bóng tối. Bởi vì những nhà văn đi trước, họ cũng kỳ vọng nơi những người viết mới vào nền văn học nay mai. Rồi cũng cầu mong những nhà văn tiền bối chuẩn bị cho những người viết mới một thảm vàng cho văn học trong tương lai. Và tôi cũng cầu mong nhà văn Bùi Vĩnh Phúc, nhà văn Nguyễn Tấn Hưng, nhà văn Trần Vũ và tôi không có gì để mà hờn dỗi nhau. Dầu sao chúng ta cùng chung một mục đích góp ý cho nền văn

học ngày một sáng tạo và đẹp đẽ hơn để phục vụ độc giả của chúng ta ngày một đẹp hơn.

Từ *ghetto* nhà, *ghetto* người, *ghetto* phe nhóm, *ghetto* nầy, *ghetto* nọ, cũng trở lại chuyện *ghetto* văn học. Tôi thấy các nhà văn có một thói quen mà tôi cần phải viết ra. Điều này có lẽ đã xưa nhưng không mấy ai chịu sửa nên nó vẫn còn mới hoài. Tôi không hiểu tại sao một người viết văn chịu khó ngồi hàng giờ trên bàn viết để hư cấu câu chuyện của mình mà lại không bỏ thêm một chút thời giờ để dịch những câu ngoại ngữ đầy ắp, nhan nhản trong truyện. Nhà văn ở Tây thì viết một tràng tiếng Tây, nhà văn ở Mỹ thì xổ một tràng tiếng Mỹ. Có những chữ trong tự điển tiếng Việt có mà lại thế tiếng Tây, tiếng Mỹ vào. Nếu có ý bỏ vào cho văn phong nó sáng tạo thì cũng làm ơn dịch ra cho những người không biết tiếng Tây, tiếng Mỹ để người ta hiểu. Chẳng hạn như lãnh tiền trợ cấp thì cứ viết là lãnh tiền trợ cấp chớ đâu có mà "oeo-phe" làm chi? Có người viết như thế này: *"Nàng đang trong tình trạng* chômage *nên nàng cảm thấy buồn bã, chán đời . . ." Chômage* là cái gì? Tại sao không viết là "thất nghiệp" có phải đơn giản hơn không? Tôi cho những nhà văn viết truyện chêm tiếng ngoại ngữ vô mà không thèm dịch là khi dễ độc giả. Đâu phải ai cũng thông thạo tiếng ngoại quốc hết đâu. Tôi chưa bao giờ thấy một cuốn sách Mỹ, hoặc Tây nào viết: "I come back nhà" (Tôi trở về nhà), hoặc "Je đi supermarché" (Tôi đi chợ) bao giờ hết mà trong tác phẩm của người Việt thì có rất nhiều. Có những người trích cả một bài thơ ngoại quốc cả mấy chục dòng mà không chịu "phụ đề Việt ngữ"! Giả sử tôi viết:

A ka la ku lu ku
I ki li lu hi hi
Ka la ma cà na cá
Kung long keng kà lem cây.

Nàng đọc xong bài thơ Ả Rập, nàng cảm thấy sao mà giống tâm trạng của mình hiện giờ quá . . . Rồi nàng khóc tức tưởi . . ."

Nếu mà các bạn cho tôi viết vậy mà mọi người hiểu thì cứ việc . . . sáng tạo! □

Chúc mừng

hai bạn **PHAN TẤN HẢI**
và **BÙI LỆ DUNG**

Hạnh Phúc Bền Lâu

DUY LAM

thử lắng nghe im lặng rừng thu

Có khi nào trong rừng thu thơ thẩn
Bạn thử lắng nghe xem im lặng ra sao?
Nhưng im lặng là ước mong vô vọng
Khi rừng thu vẫn thổn thức rì rào

Những chiếc lá vàng nhẹ rơi lả tả
Chạm vào vai lướt trên tóc: ngón tay
Nàng ve vuốt bạn bàng hoàng run rẩy
Kỷ niệm xưa buổi gặp gỡ đắm say.

Dù bạn có lặng người và nhắm mắt
Bật thiếp đi trong làn sóng u hoài
Con dế nhỏ trong đệm cỏ chợt gáy
Vẫn dửng dưng còn chê trách giễu cười.

Vào đúng lúc gió tạm ngừng lay động
Toàn rừng cây như tê cứng sững sờ:
Tiếng chim gáy từ đâu xa vẳng tới
Đầy thiết tha gợi nhớ chốn quê xưa.

Trong tuyệt vọng bạn bịt tai cố gắng
Tách mình ra xa rung động của rừng
Nhưng làm sao không lắng nghe chuyển động
Của trái tim cứ thôi thúc chẳng ngừng.

Nằm ngửa mặt trên thảm cỏ lót lá
Qua tàn cây bạn nhìn mãi lên cao
Trời xanh ngắt nhìn con người nhỏ bé
Có nghĩa chi vài khoảng khắc xôn xao.

QUỲNH GIAO

nghe tiếng quê hương trong tiếng núi

điểm sách

Tiếng Núi, *tập truyện Ngô Nguyên Dũng, tranh bìa Nguyên Khai, trình bày Cung Vũ, Làng Văn xuất bản, tháng 5-1992. Giá bán: 14 Mỹ kim.*

Nếu có phải tìm một đặc tính trong văn Ngô Nguyên Dũng, xuyên qua tập truyện *Tiếng Núi* ông vừa xuất bản năm nay, tôi sẽ nghĩ tới "nỗi nhớ Việt Nam".

Người ta chỉ nhớ những gì đã qua, đã mất, ngoại trừ trường hợp "*Ôm em trong tay mà đã nhớ em ngày chưa tới*", trường hợp của tình yêu trong thơ Thanh Tâm Tuyền. Trong truyện Ngô Nguyên Dũng, dường như tình yêu xanh mởn cũng ngã rạp dưới một khối đặc quánh của nỗi nhớ màu đen.

Ngô Nguyên Dũng đã du học từ 1970, và từ đó, ông chưa có dịp đặt chân về nước.

Trong hơn hai mươi năm qua, có biết bao chuyện xảy ra cho quê hương. Trong hơn hai mươi năm qua, bao người đã viết về chiến tranh, vì chiến sự là thực đơn hằng ngày của mấy chục triệu người dân Việt; bao người đã viết về những nhọc nhằn bải hoải của một xã hội rách nát vì chiến tranh; từ 1975, bao người đã viết về cảnh "cách mạng đổi đời" sau khi vuột được nanh vuốt "cách mạng"; bao người đã viết về cảnh ngục tù Cộng sản, ở trong và ngoài nhà tù, về cuộc hành trình từ ngôi nhà tù đó ra đến bên ngoài . . . Trong khi đa số các tác phẩm văn chương đều lấy khung cảnh sáng tác là vùng đất quê hương như vậy, Ngô Nguyên Dũng cũng viết về quê hương, nhưng từ một khung cảnh là bên ngoài, từ một khởi điểm là tâm tư của người "ngoại cuộc". Tính bi thảm trong các truyện ngắn của Ngô Nguyên Dũng không nằm trong cái thực tại tàn khốc của thế cuộc, hay con người giữa những vần vũ của xã hội, mà là những trăn trở, nỗi lạc loài và niềm khát khao của kẻ thân đã thoát vòng tục lụy mà tâm vẫn chưa nguôi gió bão. Nhân vật Lữ trong *Dòng Chữ*

Thiên Thanh là người lành lặn, nghe chừng còn có vẻ hào hoa mà vẫn tật nguyền riêng với người yêu, vì ôm theo một căn bệnh từ khi xa xứ. Căn bệnh xa xứ. Ngô Nguyên Dũng viết về những người đã được là "ngoại cuộc" mà vẫn lăn xả trở về "trong cuộc". Về mặt tâm lý mà nói, ai là người không có cảm tình với một nghệ sĩ dù chẳng đem cái nghiệp vào thân vẫn cứ nhận lấy cộng nghiệp của người khác để đau một nỗi đau chung của tha nhân. Sở dĩ như vậy, tôi trộm nghĩ, vì tác giả cảm thấy nỗi đau đó, rất thật. Và tôi e rằng trường hợp điển hình vừa dẫn ở trên (nhân vật *Lữ*) chưa phản ảnh cái thật ấy cho rõ nét, vì quá xa xôi với những tâm hồn Đông Phương.

Bàng bạc trong cả tập truyện, người đọc sẽ thấy tác giả xoay trở với nỗi nhớ Việt Nam, cay cay nơi khóe mắt. Nó gậm nhấm hồn người vào đêm Xuân lạc loài (*Chợ Phiên Đầu Xuân*), nó phơi nỗi chán chường trong một đêm canh xác (*Những Dòng Sông Di Lạc*) hoặc bùng lên mãnh liệt sau canh dài trằn trọc như trong *Tiếng Núi*. Chẳng biết tác giả có đồng ý không, tôi thú nhận là mình bắt gặp những cảm xúc rất khai ngô của nhân vật Larry trong truyện *The Razor's Edge* của Sommerset Maugham. Cảnh bình minh trên núi làm Larry chợt như giác ngộ. Trong *Tiếng Núi*, cảnh núi rừng hùng vĩ qua một đêm trằn trọc với *Rừng Mắm* của Bình Nguyên Lộc đã làm Dân bàng hoàng thao thức với hai vòm mắt mở lớn. Nhân vật là người đã êm sóng gió với thế cuộc, dẫn gia đình đi nghỉ mát trên núi, đùa chơi với con mà chợt nhớ đến lời cha khuyên con trong *Rừng Mắm*, để cả một chuỗi suy tư như những cây chàm cây đước lởm chởm chọc vào sự bình yên của đêm nghỉ hè.

Những năm sau này, chúng ta càng ngày càng tiếp nhận được những sáng tác viết về "cuộc sống hải ngoại", sau những sáng tác về quá khứ đắng cay đã dần dần lìa xa. Ngô Nguyên Dũng là người lẽo đẽo đem theo những hành trang được vứt lại, dẫn người đọc vào cõi mới với những thao thức cũ. Và ông khá thành công trong địa hạt này.

Trong các khuynh hướng sáng tác, tác giả có thể được coi như thuộc phái "hoài cổ", và người ta nên mừng là vẫn còn có Ngô Nguyên Dũng.

Ông thành công vì cảm được rất chân thật nỗi mất mát của người tha hương, mà không bị trực tiếp trải qua thảm cảnh bị quê hương ruồng bỏ. Ông sống khá ung dung ở hải ngoại, và có lẽ viết về cuộc sống phẳng lặng ở hải ngoại có chiều sâu hơn nhiều tác giả khác. Phân nửa cuộc đời ông là ở khung cảnh này, và ông không bị đẩy vào chốn phải vất vả hội nhập như đa số người tị nạn khác. Vì vậy Ngô Nguyên Dũng viết về cuộc sống bên ngoài khá tự nhiên, từ cảm quan của một sinh viên bụi đời lang bạt, sang nhận thức của người đã "an cư lạc nghiệp". Nhưng, qua Ngô Nguyên Dũng, chúng ta không bị gặp nỗi vui mừng rất ngắn ngủi của những người đã tìm được vị thế mới sau khi khôn khéo tự dung hợp với cuộc sống lưu vong. Tác giả không cho một nhân vật nào của mình hài lòng với cuộc sống mới, ông làm sống lại rất khắc khoải cái bất khả dung hợp trong đáy lòng mỗi người.

Từ ngòi bút tác giả, chúng ta vẫn thấy hình ảnh quê hương mơ hồ trong ký ức và nhạt nhòa trong khung cảnh mới chợt bùng ra thành muôn mảnh. Mỗi nhân vật đem theo một mảnh, rồi chẳng ai bảo ai, mỗi người lại từ nỗi nhớ mà kết tụ các mảnh kỷ niệm thành một khối nặng trĩu. Xoay đi xoay lại tấm kính vạn hoa này, người đọc vẫn chỉ thấy màu đen đậm nét. Mối quan hệ bí ẩn giữa Danh và Lực trong *Tàn Phai Mấy Đoá*, khởi lên từ mấy mươi năm trước ở quê nhà như một tiền nghiệp đã thành sẹo nay bỗng được phơi bày sau khi định mệnh đã an bài cho một cuộc sống mới. Truyện ngắn "tây" nhất, *Say Trăng*, được đặt trong khung cảnh rất Tây phương — hội hè tỉnh lẻ ở một vùng Bắc Hải của Hòa Lan, cuộc khiêu vũ nửa đêm — cũng vẫn là nơi nhân vật Duy mới lớn nghe cha nhắc về hủ tiếu Long Thành, bãi biển Vũng Tàu, và chân lý buồn buồn: "Quê hương có hay không tùy vào cường độ cảm xúc của mỗi người".

Cũng câu chuyện rất "tây" đó, tác giả đã nhờ một nhân vật nêu lên nỗi ám ảnh của chính mình (?) "Trường hợp nào bất hạnh hơn? Xa quê hương hay không biết quê hương mình là nơi nào?" Nỗi ám ảnh đó cũng được khơi dậy, với nhiều cường điệu hơn, ở truyện *Trăng Trên Sông Hằng*, truyện cuối của tác phẩm.

Vào đầu, tôi có nhắc đến tình yêu khi liên tưởng tới thơ Thanh Tâm Tuyền trong ý niệm trước sau của thời gian. Tập truyện của Ngô Nguyên Dũng là một tập truyện tình, nếu mình chỉ đọc trên mặt phẳng của bản văn: Mối tình của chị Hạnh với anh Thành, như đóa hoa mong manh muộn nở; mối tình của chú Huấn với cô Dung tỏa hương vào độ trăng rằm; mối tình của Hoán với chị người làm, được khơi dậy trong dịp tang cha, của Thúy và Lữ và Peter, của Du với Loretta, Liang với Kim, Tường Vi với Du ... Ngần ấy truyện tình đều chỉ mở bung ra khi được phả vào hơi thở của quê hương. Chính là nỗi nhớ nhà và những hồi tưởng về quê hương mới đẩy những truyện tình của *Tiếng Núi* tới cao điểm, gần thành nút mở trong một vở kịch. Với truyện ngắn Ngô Nguyên Dũng, tôi ngờ là tình yêu không có tác dụng cứu rỗi nhiệm mầu, nó chỉ là một liều thuốc an thần cho đêm dài tha hương, một nơi tạm trú cho những bước mệt mỏi, và nó có nổi lên từ nỗi bơ vơ của người tha hương thì cũng bị chính tâm trạng tha hương đẩy lui vào đêm tối, trong tiếng thở dài.

Hiếm thấy ai, từ đầu đến cuối truyện, lại cho quê hương cái khả năng dằn vặt mãnh liệt đến như vậy. Ngô Nguyên Dũng đạt được kết quả không phải vì cứ luôn nhắc nhở tới nỗi nhớ nhà ở từng trang giấy, trong từng truyện. Ông làm người đọc bồi hồi nhớ quê vì nghệ thuật viết khá độc đáo và những ý tứ rất phong phú của ông. Tập truyện Ngô Nguyên Dũng có những đoạn tả tình cảm động ở nỗi khắc khoải rã rời, những đoạn tả cảnh diễm tuyệt khá gần với hội họa. Tôi mong Ngô Nguyên Dũng giữ nguyên vẹn nỗi nhớ như một chứng bệnh nan y và như thế, ông không để lại một khoảng trống cho văn chương hải ngoại. □

LÊ TẤN LỘC

chân dung một linh mục

Các con cũng vậy, khi làm xong mọi việc do Thiên Chúa sai truyền, hãy nói: "Chúng tôi là đày tớ vô ích: chúng tôi chỉ làm điều mình phải làm." (Lu-ca 17:10)

"Tôi còn nhớ rõ một ngày tháng 2-1980. Sau một tháng vắng mặt, tôi trở lại trại Kuku. Bước vào nhà nguyện lợp rạ, bái gối trước nhà tạm tôi chợt cảm nghiệm được sự hiện diện linh thiêng, sự hiện diện của Giáo hội trong trại. Tôi đã vắng mặt, nhưng Người, Chúa Giêsu đã ở lại với họ.

Chúa Giêsu, trong bí tích Thánh Thể là sự hiện diện của Tình Yêu giữa những người tỵ nạn. Ngài đã đến với họ trong cuộc lưu đày. Ngài đã ở với họ tại Việt Nam và bây giờ có mặt với họ trong trại này, trong ngôi nhà nguyện nhỏ bé, xơ xác và trong hòn đảo heo hút giữa biển Nam Hải bao la này." (1)

Đó cũng là cảm nghiệm tôi chia sẻ với linh mục Gildo Dominici Dòng Tên, ngày 10-7-80. Khi tôi quì dưới chân Chúa, trong ngôi nhà nguyện nói trên mà mái tranh đã trống vắng một vài mảng nước mưa đã bắt đầu dột tưới cho cỏ hoa mọc hoang dại trên sàn nhà và gió biển đã luồn thổi qua các kẽ hở của phên vách sa sút . . .

Đa số người tỵ nạn đến trước đã được đưa đến trại Galang nên trại Kuku đã bắt đầu hoang phế. Trên sườn đồi thoai thoải, vài mươi nấm mồ của dân tỵ nạn vĩnh viễn nằm lại đảo vì bệnh tật. Ngôi mộ mới của em bé gái 11 tuổi chết trên tay tôi vì liệt lực hình như gây thương cảm đến chín tầng mây, nên trời trút mưa ồ ạt làm nhạt nhòa nước mắt của người mẹ lạc hồn đang thất thểu bước đi . . . "Chúa Giêsu đã ở lại với họ", những người đã nằm xuống, những người còn lang thang trên đảo vắng và lũ người khốn khổ chúng tôi, vừa trôi giạt vào đây, bỏ lại biển cả 8 nhân mạng, trong số có một nha sĩ kinh hoàng đến loạn óc nhảy xuống biển tự tử lần thứ hai, sau khi đã được chúng tôi vớt cứu lần thứ nhất . . . Vị đại diện Cao ủy Liên Hiệp Quốc đặc tránh người tỵ nạn — người Nam Dương nhưng nói rành tiếng Việt vì đã có thời gian phục vụ tại Việt Nam — sau khi lấy lời khai của đôi bên (chủ tàu và

khách đi vượt biển), đã thu xếp cho gia đình chị Hạnh và đứa cháu sống sót sang trại Galang trước để được chăm sóc và vỗ an tinh thần với phương tiện tương đối đầy đủ hơn.

Một tháng sau, số còn lại trong chuyến tàu khốc liệt của chúng tôi rời đảo Kuku đến hòn đảo được mệnh danh là "Cửa ngõ của Tự Do và Tình Người" (1). Tôi có cảm tưởng toàn trại Galang bị dao động dữ dội. Khu chợ búa, các quán cà phê, các tiệm ăn, các *barrack* đều bàn tán xôn xao về các bài giảng ở nhà thờ, ở chùa chiền và nhất là về bài báo đăng trên bán nguyệt san *Tự Do*, đề cập đến trường hợp thương tâm của chị Hạnh và thái độ ác đức của bọn chủ tàu: "*Chị Hạnh rời Việt Nam ngày 4-7-1980 cùng với 8 người trong gia đình, trên chiếc tàu gồm 27 người. Vì thiếu chuẩn bị, vì bất cẩn nên số lương thực trên tàu chỉ gồm hai thùng xôi, một thùng sữa bột 5 ký và hai can nước. Những người trên tàu được chia làm hai giai cấp rõ rệt, "thượng lưu" và "hạ cấp". Thượng lưu gồm thân nhân của chủ tàu, họ được ở trên ca-bin và được ưu đãi. Hạ cấp là những người còn lại, họ phải ở trong hầm tàu và thiếu sự săn sóc; gia đình chị Hạnh ở trong nhóm người này.*

Chủ tàu phân phát nước theo tiêu chuẩn: ưu tiên dành cho gia đình và thân nhân của ông, kế tiếp mới đến trẻ con và phụ nữ. Tuy nhiên vì có sự lạm dụng, nên số nước ít ỏi dành cho gia đình chị Hạnh và một số người khác bị "phỗng tay trên" nên thảm trạng đã xảy ra: sáu người thân yêu của chị đã chết. Trong cơn khát cùng cực, họ đã van xin người có trách nhiệm một chút nước, nhưng dù van xin, kêu la hay than khóc, họ vẫn bị từ chối và cuối cùng họ đã chết." (1).

Cả đảo hầu như chỉ chực "làm thịt" lũ bất nhân này.

Đêm đó tôi trằn trọc thâu canh vì nội tâm bị giằng co mãnh liệt. Nằm trong nhóm "hạ cấp", đương nhiên tôi được cảm tình của chị Hạnh và những người ở đảo muốn đóng vai "kẻ hành hiệp". Nhưng sự thật không đơn giản như mọi người đã nghĩ. Và tôi có thể đóng vai trò "chứng nhân" vì đã mục kích từ đầu diễn tiến của thảm kịch. Liệu tôi có trung thực, khách quan tuyệt đối không? Đằng nào chăng nữa tôi cũng không thể bóp nghẹt tiếng nói của lương tâm. Đã bỏ nước đi vì sự thù hằn, chẳng thể nào tôi chịu nổi sự căm thù giữa những người anh chị em vốn đã là nạn nhân của sự thù hằn dai dẳng ở Việt Nam.

Sáng hôm sau đi lễ, tôi chạm mặt chị Hạnh và đứa cháu gái trong giáo đường. Hình ảnh đau thương của cô bé gái thều thào van xin tôi nước uống — và ôm mặt khóc rưng rức khi tôi cho biết bốn hôm rồi tôi cũng chẳng có một giọt nước thấm môi — sống lại mãnh liệt trong tâm trí tôi. Tan lễ, tôi theo gót chị Hạnh mở lời ủi an một cách bất lực. Chị không thể quên những người thân yêu của chị đã chết khát, xác bị vứt xuống biển. "*Chị Hạnh vừa đau đớn, vừa oán hận. Sự thù ghét giữa chị và chủ tàu ngày càng sâu đậm và hầu như mọi người ở Galang đều biết*" (1). Tôi đọc hết bài *Kinh Hòa bình* của thánh Phan-xi-cô Nghèo Khó cho chị nghe, đặc biệt nhấn mạnh: "*Chính khi*

thứ tha là khi được tha thứ", rốt lòng cầu xin cho chị đón nhận lời nguyện cầu của thánh Phan-xi-cô: "*Đem yêu thương vào nơi oán thù, đem thứ tha vào nơi lăng nhục, đem an hòa vào nơi tranh chấp, đem chân lý vào chốn lỗi lầm.*" *Nhưng tâm trạng thê thiết của chị không cho phép chị tiếp nhận thuận lợi lời đề nghị giảng hoà, "oán thù nên cởi, không nên buộc" của tôi.*

Phía chủ tàu (bốn người cả thảy) cũng có sự đôi co kịch liệt, trút đổ trách nhiệm cho nhau và cũng chẳng hề có sự nhất trí phải nhận lỗi, an ủi cùng đền bù tương xứng cho gia đình chị Hạnh. Mà đám đông trên đảo, hoàn toàn bị chi phối bởi niềm uất hận trước hoàn cảnh bi thương của gia đình nạn nhân, thì đang hừng hực đòi "xé xác" họ.

Tình thế càng ngày càng nguy kịch, vì máu có thể đổ bất cứ lúc nào. Không thể điềm nhiên tọa thị được nữa, tôi xin gặp Cha Sở Galang. Ngài đã lắng nghe tôi trình bày tường tận ngọn ngành của thảm cảnh suốt buổi sáng. Sau đó Ngài yêu cầu tôi viết tờ trình nội vụ để Ngài có đủ dữ kiện tra cứu sâu rộng trước khi lấy quyết định tối hậu.

Đó là lần đầu tiên tôi tiếp xúc với linh mục Gildo Dominici, với vóc người trung bình, trán cao, mắt hiền hòa sau làn kính cận, nụ cười bao giờ cũng thoang thoảng trên môi, nhanh nhẹn, tháo vát, linh động, linh mục là người Ý nhưng nói lưu loát và viết thông thạo tiếng Việt, dù người chỉ ở Việt Nam một thời gian tương đối ngắn 7 năm. Một điều hiếm thấy nơi người ngoại quốc có cơ hội sinh sống ở nước ta. Chỉ có 7 năm mà sợi dây ràng buộc người với Việt Nam trở thành mối liên hệ huyết thống trường cửu.

Trở lại chuyện dầu sôi lửa bỏng trong trại Galang: Hai hôm sau, linh mục đến tìm tôi ở *barrack*, nhờ tôi hướng dẫn người đến gặp mấy ông chủ tàu. Người không nói gì ngoài những câu thăm hỏi gia đình họ và những khó khăn trong cuộc sống ở trại tỵ nạn. Nhưng khi người ra về thì đột nhiên phía chủ tàu nhờ tôi thưa với người xin người đứng ra giàn xếp một cuộc gặp gỡ với chị Hạnh. Chúa nhật tuần đó, một buổi lễ cầu siêu ở Chùa (do phía chủ tàu xin) và một thánh lễ cầu hồn cho những người đã qua đời trong gia đình chị Hạnh, có sự hiện diện của đôi bên và một số rất đông dân tỵ nạn trên đảo được tổ chức tại nhà thờ Galang, do linh mục Gildo Dominici đứng chủ tế. Mọi người xúc động nghẹn ngào khi thấy chị Hạnh, sau khi gục khóc thảm thiết trên ghế nguyện đã gượng dậy tiến tới trước bàn thờ Chúa bắt tay phe chủ tàu . . . "*Cuối cùng chị [Hạnh] đã yêu thương thay vì thù ghét, đã tha thứ hòa giải thay vì oán hận . . .*" (1) Một lần nữa, linh mục đã chứng tỏ cho dân Việt tỵ nạn thấy đảo Galang, ngoài danh hiệu "Cửa ngõ của Tự Do" còn là cửa mở cho "Tình người". TỪ BI HỈ XẢ đã gặp BÁC ÁI BAO DUNG, tái xác nhận những cảm thông và hợp tác, vốn đã có từ khi trại Galang mở cửa đón nhận thuyền nhân Việt Nam, giữa những người tuy khác tín ngưỡng nhưng cùng chung một tâm huyết: bảo vệ và phục vụ người đi tìm tự do . . . Sự hiện diện của chùa Phật, thánh thất Cao Đài, nhà thờ Tin Lành, nhà thờ

Công Giáo trên đảo xác minh nỗ lực cung ứng đồng đều nhu cầu tinh thần cho dân tỵ nạn Việt Nam.

Sau vụ hòa giải thành công, qua sự giới thiệu của linh mục, tôi đến cộng tác với bán nguyệt san *Tự Do* do người làm chủ nhiệm và hợp tác với ban Điều hành Trung tâm Huấn nghệ do người vận động với Cao ủy Liên Hiệp Quốc đặc trách người tỵ nạn dựng nên để dạy Việt ngữ, Anh ngữ cùng một số nghề cho dân tỵ nạn.

Linh mục, ngoài tiếng Việt, tiếng Pháp, tiếng Anh, tiếng La-tinh, tiếng Ý (dĩ nhiên), còn nói và viết thông thạo tiếng Nam Dương. Do đó, giới chức Nam Dương ở đảo Galang rất có cảm tình với người và qua người, rất có thiện cảm với người Việt tỵ nạn. Do sự can thiệp của người, mọi trường hợp lẻ tẻ cảnh sát Nam Dương hành hung người tỵ nạn đều được vị Chỉ huy trưởng trại Galang, thiếu tá Casmir Rachman đích thân giải quyết và có biện pháp thích nghi. Ít khi tôi thấy linh mục giam mình trong văn phòng. Ngoài giờ giấc qui định cho giáo sự, người thường cỡi vespa đi khắp hang cùng ngõ hẻm trên đảo, đến khích lệ anh chị em ở tòa soạn *Tự Do* hoặc ghé qua Trung tâm Huấn nghệ động viên tinh thần ban giảng huấn và học viên, thăm hỏi các *barrack*, giải quyết tại chỗ các tranh chấp, xích mích và quyết liệt ngăn chặn mọi xô xát bạo hành. Cái mà người căm ghét nhất là bạo lực.

Rất tiếc tôi chỉ gần người để phụ lực trong một thời gian quá ngắn ngủi là ba tháng. Người mà tôi tâm sự nhiều nhất ở đảo là linh mục. Tôi đã cô đọng tất cả trong bài viết "*Đường Về Nhà Cha*" (1).

Ngày cuối cùng tiễn tôi ra bến tàu sang Singapore để lấy máy bay đi xứ tuyết định cư, linh mục tặng tôi quyển Thánh Lễ Misa duy nhất bằng tiếng Pháp mà người có trong tay, trên đảo Galang. Ở trang đầu, người viết: "Ai đã ở trong Chúa Giêsu thì người ấy là một tân tạo vật. Thế giới cũ kỹ đã đi qua, và này đây một thực tại mới mẻ đang ló dạng." (2 Cor, 5 ,17). "Tặng bạn thân Lê Tấn Lộc của tôi món quà nhỏ này. Ước mong, trong lời cầu nguyện nó sẽ thành phương cách hiệp nhất với Thiên Chúa, một Thiên Chúa đã trở thành niềm đam mê của đời bạn". Gildo Dominici, S.J. Pulau Galang, ngày 3 tháng 11 năm 1980.

*

– Thưa Cha! Tôi xúc động bái gối, rồi ôm chầm lấy linh mục Đỗ Minh Trí – linh mục Gildo Dominici của tôi, ngày xưa ở Galang – Con tạ ơn Chúa và Mẹ đã cho con gặp lại Cha ở Xứ Tuyết này, nhân lễ Chúa Giáng Sinh.

– Ồ! Ông Lộc! (Linh mục nhận ra tôi ngay, dù đã 11 năm xa cách). Ô hay! Thật bất ngờ! Mấy lần sang Canada đều hỏi thăm ông mà không ai cho tôi được địa chỉ và điện thoại của ông. Lần chót ông liên lạc với tôi khoảng tháng 5 năm 1981. Rồi sau đó bặt tin luôn.

– Thưa Cha! Con còn nhớ lần đó Cha trả lời con là, "Có rất nhiều thuyền nhân đến đảo Galang mà không thấy bà Lộc đâu cả . . ." Con định tin cho Cha hay con không có ý để vợ con của con trải qua thảm cảnh hãi hùng của

con trên biển cả. Nhưng rồi sau đó, quá cô đơn, quá thất chí, tinh thần con sa sút trầm trọng . . . Con ở cách đây 30 cây số, nên ít khi đi lễ ở đây. Hôm nay quả là thánh ý Chúa muốn vợ con và con gặp được Cha trong thánh lễ Giáng Sinh – cũng theo thánh ý Chuá – do Cha chủ tế vào giờ chót (vì cha Mai bận việc thình lình) tại nhà thờ Cộng Đồng Công Giáo Việt Nam tại Montréal. Con nghiệm thấy vẫn còn nhận hưởng được nhiều ơn Chúa . . .

Tôi mời linh mục lên xe cùng tôi về thôn trang Dollard-des-Ormeaux. Trên xe, linh mục lần lượt cho tôi biết người đã bị các quốc gia có người tỵ nạn "cấm cửa" vì đã bênh vực quyền lợi của người tỵ nạn bằng cách lên tiếng tố giác qua sách vở, báo chí và hệ thống truyền thanh, truyền hình những vụ chà đạp nhân quyền, như đánh đập, tống tình, tống tiền, bắn giết người tỵ nạn . . .

Khởi đầu là chính quyền Nam Dương: Bán nguyệt san *Tự Do,* ra đời ngày 1-4-1980 bị giới chức ở trại tỵ nạn ngưng bản, sau khi ra tới số 100. Ngày số cuối đến với độc giả cũng là ngày chính phủ Nam Dương "mời" linh mục rời trại Galang, nhường chỗ cho một linh mục người Nam Dương, với lời yêu cầu "miễn" trở lại. Trung tâm Huấn nghệ, ra đời gần như cùng lúc với *Tự Do*, hình như cũng đã được dẹp bỏ khi người rời Galang. Tổng cộng linh mục đã ở Nam Dương với người Việt tỵ nạn 7 năm, 2 năm ở Djakarta, 5 năm ở Galang. Đa số những thuyền nhân ở đảo với linh mục tới năm 1984 đều đã được đi định cư ở đệ tam quốc gia. Hiện còn non 20 ngàn người Việt tỵ nạn bị kẹt ở Galang chờ "thanh lọc" (!) và chờ bị tống về Việt Nam.

Sau đó, linh mục đến trại Bataan ở Phi Luật Tân giúp người tỵ nạn Việt Nam. Cũng những cảnh chà đạp nhân phẩm dân tỵ nạn nhan nhản hằng ngày trước mắt người. Người lại lên tiếng tố giác. Đặc biệt lần này người thông báo cho tên trại trưởng người Phi các sòng cờ bạc, các động chích choác, các ổ điếm trá hình cùng những tệ đoan khác trong trại. Ngày hôm sau người nhận được một thư nặc danh yêu cầu người rời khỏi trại Bataan càng sớm càng tốt, nếu không sẽ bị sát hại bằng những viên đạn như ba viên đạn gửi kèm theo thư hăm dọa. Tên trại trưởng chắc chắn không xa lạ với hệ thống "làm ăn" qui mô này. Sau Nam Dương đến Phi Luật Tân cấm cửa. Người phục vụ ở Bataan 3 năm tròn.

Kế tiếp – như một nghiệp dĩ với người Việt tỵ nạn – người lại đến phục vụ họ ở trại Banthat, một trại nằm ở biên giới Thái-Căm Bốt. Cũng những cảnh đau lòng như ở các trại tỵ nạn khác mà người đã đi qua. Nhưng ở đây mức độ vi phạm, chà đạp kinh khiếp ngoài sức tưởng tượng. Ngay từ đầu, ban chỉ huy trại (người Thái) đã chỉ cho phép người và những người ngoại quốc khác trong Cao ủy Liên Hiệp Quốc đặc trách người tỵ nạn làm việc với dân tỵ nạn đến 5 giờ chiều. Một trong những lý do họ nêu ra là "lý do an ninh": Quân Khờ-me Đỏ có thể tấn công hoặc pháo kích vào trại. Nhưng thực ra , đám lính *Rangers* (Biệt động quân Thái đang nhiễu loạn trong trại không muốn có nhân chứng người ngoại quốc, để về đêm chúng tha hồ đàn áp dã

man không thể tưởng: đánh đập gây thương tật, khảo tiền, vét của, hiếp dâm, ép mãi dâm, bắt cóc, thủ tiêu ... Linh mục cho tôi biết, một cô gái may mắn sống sót sau một vụ trong nhiều vụ tàn sát tập thể đã kể lại với người: Đang đêm hàng loạt người tỵ nạn bị lùa xuống ghe cho tàu Thái Lan kéo ra khơi và *Marines* (Thủy quân lục chiến) Thái xả súng bắn chết hết. Do sự can thiệp mạnh mẽ của linh mục và phái đoàn Cao ủy Liên Hiệp Quốc, chính quyền Thái thay thế đám lính *Rangers* ô hợp bằng các toán quân nhân khác, có tác phong và kỷ luật gương mẫu hơn. Từ đó trật tự an ninh mới được vãn hồi trong trại Banthat. Sau Nam Dương, Phi Luật Tân, đến lượt Thái Lan "cấm cửa" người. Linh mục đã ở trại Banthat non 3 năm.

– Nghĩ đi nghĩ lại – Linh mục tạm kết câu chuyện khi xuống xe bước vào nhà tôi – tôi thấy, với dân tỵ nạn, người Nam Dương coi vậy mà tử tế nhất, người Phi Luật Tân độc ngầm. Tàn ác, hung bạo kinh khủng nhất là người Thái ...

Sau khi ban phép lành cho ngôi nhà, dùng bữa với chúng tôi, linh mục tiếp nối câu chuyện bỏ dở. Người cho biết, từ Âu sang Mỹ đến Úc châu, đâu đâu người cũng may mắn gặp lại các "cố nhân" đã ở "đảo tình người": ban đại diện trại, ban điều hành Trung tâm Huấn nghệ, Hội đồng Giáo Xứ, ban biên tập *Tự Do*, ban thông dịch của Cao ủy Liên Hiệp Quốc và rất nhiều người tỵ nạn khác. Mọi người, tuy đã tương đối ổn định đời sống nơi xứ lạ vẫn không ra khỏi tâm trạng tha hương, đều nhắc nhở và luyến tiếc thời ở đảo, dù thiếu nhiều tiện nghi vẫn đậm đà tình người, một thứ mà hầu hết đều nhận thấy thiếu vắng trên vùng đất định cư.

Hiện linh mục phụ trách công tác LINH THAO (gọi nôm na là "cấm phòng", tiếng Pháp là *retraite*) cho Hoa Kỳ và Canada. Có thể có nhiều điểm tương đồng với Tịnh khẩu, Tĩnh tâm, Tham thiền nhập định của Phật giáo. Tuy nhiên người vẫn dành thời giờ nghỉ hè đi khắp nơi trên thế giới – nơi nào có người Việt định cư – để thăm viếng "đồng bào" của người.

Linh mục đã về Việt Nam 2 lần và tin rằng lần thứ ba người trở lại, nước Việt Nam sẽ không còn chế độ Cộng sản nữa. "Một tất yếu lịch sử. Họ thay đổi hoặc tự sát. Một thay đổi tuần tự, một giải thể tiệm tiến. Một sự sụp đổ nhanh chóng quá có thể xảy ra đổ máu", linh mục nhận xét như vậy.

Tôi hỏi người sinh hoạt của Giáo hội ở Việt Nam giờ ra sao. Người cho biết tương đối đỡ ngột ngạt hơn xưa, nhưng những ngăn chận phát triển vẫn còn nặng, đặc biệt về nhu cầu cung ứng tu sĩ. Ta phải hoạt động "chui" để đáp ứng nhu cầu này.

– Ông có biết chính quyền Cộng sản ở Việt Nam sợ cái gì nhất giờ này không? Linh mục hỏi tôi.

– Thưa Cha, chắc không phải sợ vũ lực của bom đạn. Tôi đáp.

– Đúng. Họ sợ nhất là dân chúng xuống đường biểu tình. Năm rồi họ không dám tổ chức "Lễ Đại Thắng 30-4". Mọi thứ đã được chuẩn bị rầm rộ, nhưng giờ chót họ dẹp hết vì sợ dân biểu tình chống chế độ. Anh chị em ở

hải ngoại nên biết điểm yếu của họ và nhắm vào chỗ đó... À! Ông còn nhớ chị Hạnh không? Tôi vừa gặp lại chị ở Úc. Chị bây giờ có bốn đứa con khác.

Tôi vừa mừng cho chị vừa nhớ lại hình ảnh tang thương của chị lúc ở đảo. Mầm sống lại tái sinh từ chết chóc thê lương...

– Thưa Cha, cho con hỏi điều gì Cha đang ước ao nhất hiện nay?

– Trở về Việt Nam để góp phần giúp đỡ anh chị em tôi gầy dựng lại đất nước đã đổ nát vì chế độ phá sản. Trước đây tôi theo chân anh chị em tôi bỏ nước đi lưu đày. Giờ đây tôi sẵn sàng tháp tùng đoàn người ly hương trở về quê mẹ. Bao nhiêu tim óc tôi đều trọn hướng về Việt Nam, quê hương tôi. Tôi sẽ ở lại với người Việt Nam tại Việt Nam đến suốt đời.

*

Tôi đưa linh mục về và cùng lên phòng người để nhận sách tặng. Tuy người không nói ra, nhưng tôi nhận thấy người có vẻ "chồn chân" trên đất liền. Dĩ nhiên, công tác Linh Thao là một trong những công tác thiết yếu của Giáo hội. Và công tác nào cũng nhằm "mến yêu và phụng sự Chúa trong mọi người" (thánh Phan-xi-cô). Nhưng tôi nghĩ con người của linh mục là con người của biển cả, của đảo hoang tràn đầy người tỵ nạn gầy yếu về thể xác, còm cõi về tinh thần. Linh mục đã gắn liền cuộc sống của mình với vận mệnh đất nước Việt Nam và số mệnh của hàng triệu người Việt tỵ nạn...

Người đưa tôi xem ba tác phẩm bằng tiếng Việt của người đã phát hành ở các trại tỵ nạn. Tác phẩm đầu là bản dịch từ tiếng Ý sang Việt ngữ, nói về cuộc sống hôn nhân. Tác phẩm thứ hai, *Ra Khơi*, và tác phẩm thứ ba, *Việt Nam, Quê Hương Tôi*, viết bằng tiếng Việt.

Người tiễn tôi ra tận cửa và khi tôi lái xe ra khỏi khuôn viên Chủng viện, người vẫn còn dõi theo cho tới khi xe tôi mất hút.

Về nhà, tôi xúc động bắt gặp những tình cảm, tâm tư sâu đậm của linh mục ngay từ dòng chữ đầu của tác phẩm: *"Với tấm lòng yêu mến dân tộc Việt Nam, đặc biệt là các bạn trẻ, tôi viết ra cuốn Việt Nam Quê Hương Tôi..."* (1)

Trong bài thứ hai, tựa đề *Việt Nam Quê Hương Tôi*, người viết: *"Nếu xét theo tiêu chuẩn địa lý, thì quê hương tôi thật nhỏ bé: diện tích hẹp, dân số ít. Nhưng có một nước Việt Nam khác rộng lớn hơn, rộng lớn như một đại lục. Đó là văn hóa Việt Nam, tâm hồn Việt Nam, đó là tinh thần Việt Nam. Và chính đó mới thực sự là quê hương của tôi (...) Một nước Việt Nam mà không một chế độ nào, không một cuộc chiến tranh nào có thể xóa được trên trái đất. Một nước Việt Nam mà không một chế độ nô lệ nào có thể chà đạp và khống chế! Tôi hân hạnh được làm công dân nước Việt Nam trường cửu, bất diệt như vậy!* (1)

*

Tôi xếp quyển sách với hình ảnh linh mục Gildo Dominici – Đỗ Minh Trí – đang hướng nhìn về Việt Nam, bày tỏ nỗi lòng với tất cả người Việt, trong cũng như ngoài nước, trong đó có tôi: *"Nhắc lại một lần nữa tôi rất yêu mến*

người Việt Nam và cảm phục người Việt Nam và tôi tự coi mình một phần nào như là một người Việt Nam, ít nhất là xin phép tôi coi mình như là một người lai Việt Nam, vì thế mỗi khi gặp người Việt Nam, bất cứ lúc nào tôi đều có cảm tưởng đó là tôi gặp một đồng bào của mình." (1)

Hi vọng lần đi sinh hoạt với giáo dân ở Baie James, dưới cái lạnh cắt da tăng theo cường độ của gió buốt, kéo hàn thử biểu tới mức ghê rợn 66 độ C, linh-mục-sứ-giả-của-tình-thương sẽ thấy lòng ấm lại khi gặp được vài "cố nhân" lẻ loi, đã ở "Cửa ngõ của Tự Do và Tình người", đang công tác ở vùng địa đầu của miền giáp tuyến Cực Bắc.

Và tôi nghĩ nước Việt Nam sẽ mở rộng vòng tay đón nhận một công dân người Việt gốc Ý: Công dân Đỗ Minh Trí. □

Ghi chú:

(1) Các trích văn trong bài này mượn từ những bài viết của linh mục Đỗ Minh Trí, đăng rải rác trên 100 số của bán nguyệt san *Tự Do,* phát hành từ 1980 đến 1984, được tuyển chọn, tập trung ấn hành thành hai tác phẩm *Ra Khơi* và *Việt Nam Quê Hương Tôi*. (Tác phẩm *Việt Nam Quê Hương Tôi* được ban Giáo dục, ban Truyền thông và Đoàn Thanh Niên Hy Vọng, giáo hạt Tôma Thiện, Cộng Đồng Công Giáo Các Thánh Tử Đạo Việt Nam tại tiểu bang Victoria (Úc châu) tái bản vào tháng 7-1991, nhằm gây quĩ giúp người tỵ nạn.

Bác Sĩ

VŨ ĐÌNH MINH

DIPLOMATE AMERICAN BOARD OF INTERNAL MEDICINE

AND PULMONARY DISEASES

CHUYÊN TRỊ: BỆNH NỘI KHOA, BỆNH PHỔI

• bệnh nội khoa: tiểu đường - máu cao...

• bệnh phổi: ho - suyễn - đau ngực - lao - khó thở

NHẬN MEDICAL và BẢO HIỂM

giờ làm việc: (gọi lấy hẹn)

ngày thường: 9 - 12 AM & 1 - 6 PM

thứ bảy: 9 AM - 1 PM

Tel: (714) 641-0263

Địa chỉ: 2740 S. Bristol # 118 Santa Ana, CA 92704

NHẮN TIN CHUNG

- Sau số này, Văn Học tạm ngưng một tháng để chuẩn bị thực hiện Giai phẩm Xuân Quí Dậu 1993. Bài vở đóng góp cho Giai phẩm Xuân xin gửi về trước ngày 15-12-92 dương lịch.

- Dù đã tăng trang cho phần đặc biệt về Truyện Ngắn, tòa soạn vẫn phải tạm gác những mục thường xuyên và truyện dài Chị Em của nhà văn Mai Kim Ngọc lại một kỳ. Thành thật cáo lỗi cùng quí độc giả.

- Những bài sẽ đi trên các số báo tới:

  - o Mặt Trời Lặn.
  - o Đốm Lửa.
  - o Truyện Em Bé Gỗ.
  - o Mùa Thu Cuối Cùng
  - o Lẽ Sống.
  - o Văn Hề Du Ký
  - o Vài Ý Nghĩ Nhân Dịp Xem ...
  - o Không Có Gì, Không Còn Ai
  - o Điên

Thành thật cảm tạ sự đóng góp của các văn hữu và xin đừng gửi những sáng tác nói trên cho các báo khác.

Tìm đọc:

SÔNG CÔN MÙA LŨ

Trường thiên của Nguyễn Mộng Giác

Nhà xuất bản An Tiêm

Đã phát hành khắp nơi:

CÂY TRÁI QUÊ MÌNH

của HUỲNH HỮU CỬU và NGUYỄN VĂN BA

Với các đoản văn nhan đề: *Mù U Năm Ngoái, Xoài Tượng Nước Mắm Đường, Cây Trôm và Mủ Trôm Ngâm Đường Phèn, So Đũa và Nấm Mèo, Bông Giấy, Thịt Tam Tạng, Bông Jamaica, Dưa Hấu Cầu Đúc, Hoa Ưu Đàm, Lúa Thần Nông, Ở Quận Cam Nói Chuyện Bưởi, Hoa Mai Ngày Tết, Dưa Bồn Sông Hậu.*

Tựa của Phạm Hoàng Hộ
Bạt của Lê Văn Lân
Bìa bốn màu tuyệt mỹ của Lê Quang Xuân
Phụ bản Nguyên Khai, Lê Quang Xuân, Nguyễn Hợi, Lê Kim Sơn . . .

Giá bán 10 Mỹ kim
Hỏi mua tại các hiệu sách

Bác Sĩ BÙI THẾ HOÀNH

DIPLOMATE AMERICAN BOARD OF FAMILY PRACTICE

801 W. Valley Blvd #203 lầu 2, Alhambra, CA 91803
Tel: (818) 570-1127

CHUYÊN TRỊ:

Bệnh toàn khoa người lớn, trẻ em
Bệnh ngoài da * Tiểu giải phẫu
Bệnh phụ nữ
Chích ngừa, khám bệnh nhập học, bông sữa WIC
NHẬN TẤT CẢ CÁC LOẠI BẢO HIỂM HMO

Ngày Giờ Làm Việc:
Thứ hai - Thứ sáu: 9AM - 6PM
Thứ bảy: 9AM - 12 AM

BÁC SĨ

TRẦN TRÚC QUANG

CHUYÊN KHOA NỘI THƯƠNG

7309 Arlington Blvd, Suite 314

Falls Church, VA 22042

(703) 560-0388 / 560-0389

CHUYÊN TRỊ CÁC BỆNH NỘI THƯƠNG

CHUYÊN LO VỀ TAI NẠN XE CỘ

Phòng mạch đầy đủ các máy móc thử nghiệm.

Bệnh nặng sẽ được Nhập Viện và điều trị tại Bệnh Viện.

NHẬN MEDICAID, MEDICARE VÀ BẢO HIỂM

GIỜ LÀM VIỆC: THEO HẸN. Thứ 2 - 6: từ 9 giờ sáng đến 7 giờ tối. Thứ 7: từ 9 giờ sáng đến 2 giờ chiều.

Nhà **Xuất Bản Minh Văn** trân trọng giới thiệu những tác phẩm đã ấn hành của **Trần Long Hồ:**

Tập truyện ngắn	**NGÀY QUANH QUẨN**	$10.00 US
Truyện dài	**CÕI SA MÙ**	$18.00 US
Tập truyện ngắn	**NIỀM VUI UNG THƯ**	$10.00 US

Và tác phẩm sẽ xuất bản:

CHÂN TRỜI LAM NGỌC ký sự của Hồ Trường An

Chi phiếu, thư từ xin gởi về:

MINH VĂN, PO Box 647, Oakton, VA 22124-9998

NXB chịu cước phí và giảm 15% cho độc giả đặt mua sách trực tiếp.

Muốn thực hiện một quyển sách vừa ý, trình bày mỹ thuật và ấn loát toàn hảo!

Hãy gọi: Cơ sở trình bày và Ấn Loát Sách chuyên nghiệp

V&T Graphics - (714) 220-1794

- ❑ Nhận đánh sách và in laser với độ rõ 800x800dpi.
- ❑ Ấn loát các loại sách trên máy in lớn (32 trang), bìa 1 màu đến 6 màu, bìa đóng chỉ, UV Coated,...

- Nhận thực hiện gởi đi các tiểu bang
- Xin liên lạc để nhận sách mẫu

Giá hạ:

Ví dụ: Ấn loát 1,000 quyển sách, 160 trang trên giấy 50lb text, bìa in 4 màu trên giấy 10pt gloss cover C1S, UV coated, đóng gáy và cắt xén chỉ có: **$1.75** một quyển

Những sách đã và đang thực hiện: *Niên giám thương mại 1990, 1991 và 1992 do Phòng Thương Mại VN tại O.C. thực hiện, Trình bày quyển Kỷ Yếu Phong Thánh Tử Đạo VN do Dân Chúa thực hiện, Bộ Kinh Thanh Tịnh Đạo do Chùa Pháp Vân thực hiện, Đời Kinh Doanh Nguyễn Tấn Đời (tái bản), Truyện Phật Giáo ...*

V&T GRAPHICS & COMPUTERS

- ❑ NHẬN THIẾT KẾ HỆ THỐNG **TIẾNG VIỆT** CHO CÁC CƠ SỞ ẤN LOÁT, XUẤT BẢN, BÁO CHÍ, TÔN GIÁO, HÀNH CHÁNH...
- ❑ BÁN, HƯỚNG DẪN, VÀ HUẤN LUYỆN CÁCH DÙNG CÁC SOFTWARE NHƯ **VENTURA, CORELDRAW!, PAGEMAKER...**

Bộ Chữ Việt **$195**
Dos/Windows Version 3.1 (luôn cước phí, CA cộng 7.75% tax)
(với 50 fonts FREE)

714-220-1794
7310 Syracuse Ave. Stanton, CA 90680

- ❑ **Nhận thiết kế gởi đi các tiểu bang.**
- ❑ Bán Video (Anh ngữ) học dùng CorelDRAW! ($65), Ventura ($65), PageMaker 4 (bộ 3 cuốn $165) ...

trần mộng châu

NỬA KHUYA GIẤY TRẮNG

THANH VĂN

Giá: $10.00US

Sách có bán tại các nhà sá

hay liên lạc:

Mr. TRAN

5213 W. COMO ST

SANTA ANA, CA 9270

HALFTONE • PMT • CÁC VIỆC VĂN PHÒNG • SÁCH VỞ BÁO CHÍ • THIỆP CƯỚI • THIỆP MỜI •

HALFTONE • PMT • CÁC VIỆC VĂN PHÒNG • SÁCH VỞ BÁO CHÍ • CATALOGS • TYPESETTING • LAY OUT • DESIGN

THIỆP CƯỚI • THIỆP MỜI • DANH THIẾP • CÁC LOẠI NHÃN HIỆU • THỰC ĐƠN • FLYERS • LETTERHEADS • ENVELOPES •

• DANH THIẾP • CÁC LOẠI NHÃN HIỆU • THỰC ĐƠN • FLYERS • LETTERHEADS • ENVELOPES •

kim ấn quán

1528 S. La Cienega
Los Angeles, CA 90035
Phone: (310) 559-0413

- NƠI TIN CẬY NHỨT
- TRONG MỌI DỊCH VỤ ẤN LOÁT
- ĐEN TRẮNG, HAY NHIỀU MÀU

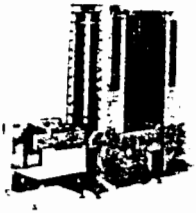

ĐẶC BIỆT VỀ SÁCH

In Sách • Đóng Sách Bằng Keo •
Đóng Sách Khâu Chỉ • Đóng Sách Bìa Cứng Mạ Vàng

Với 10 năm kinh nghiệm sẽ làm hài lòng quý vị về:

– Kỹ thuật ấn loát tân tiến
– Bảo đảm phẩm chất
– Tiêu chuẩn quốc tế
– Đúng hẹn, nhanh chóng

PHIẾU MUA BÁO DÀI HẠN

Họ và tên: . . . . . .

Địa chỉ: . . . . . .

. . . . . .

Zipe code . . . . . .

Country . . . . . .

Đặt mua dài hạn Văn Học từ số . . . . . đến số . . . . . .

Mua một năm báo tại Hoa kỳ

Gửi hạng tư $36.00

Gửi hạng nhất $42.00

Mua một năm báo tại Canada

Gửi hạng tư $40.00

Gửi hạng nhất $46.00

Mua một năm báo tại Âu, Á và Úc châu

Gửi hạng tư $48.00

Gửi hạng nhất $84.00

Trả bằng Mỹ kim. Ngoài Hoa kỳ xin trả bằng International Money Order. Ngân chi phiếu đề Văn Học

PHIẾU TẶNG BÁO

Muốn mua một năm báo để tặng cho:

Họ và tên: . . . . . .

Địa chỉ: . . . . . .

. . . . . .

Zipe code . . . . . .

Country . . . . . .

THANH VĂN
P.O.Box 411723
Los Angeles, CA 90041

SÁCH ĐÃ IN

- **TỪ CHỐN LƯU ĐÀY** $13.00
  Hoàng Nguyên Nhuận
- **ĐƯỜNG TU KHÔNG HAI** $8.00
  Minh Tâm
- **BA TRỤ THIỀN** $20.00
  Philip Kapleau
  Đỗ Đình Đồng dịch
- **NGHỀ LÀM VUA** $12.00
  Truyện dài, Lệ Hằng
- **TÌM THƠ TRONG TIẾNG NÓI** $13.00
  Tiệp ký cuả Đỗ Quý Toàn
- **BỤI VÀ RÁC** $13.00
  Truyện dài, Nguyễn Xuân Hoàng
- **NỬA KHUYA GIẤY TRẮNG** $10.00
  Thơ, Trần Hồng Châu
- **PHẬT HỌC KHÁI LUẬN** $20.00
  Biên khảo, Thích Chơn Thiện

SÁCH SẼ IN

- **ĐẠI CƯƠNG CÂU XÁ LUẬN**
  Thích Thiện Siêu
- **KINH THI**
  Đào Duy Anh dịch và chú giải

VĂN NGHỆ

P.O. Box 2301, Westminster, CA 92683 – U.S.A.
Phone: (714) 527-5761
Ngân, chi phiếu xin đề VĂN NGHỆ

SÁCH ĐÃ IN 1991

- **VÀI CHÚ GIẢI VỀ TIIIỀN ĐỐN NGỘ** — **7.00MK**
  Nguyên Giác Phan Tấn Hải
- **TIỂU TIIUYẾT VÔ ĐỀ** — **12.00MK**
  Tác phẩm mới nhất của Dương Thu Hương
- **VĂN HỌC VIỆT NAM DƯỚI CHẾ ĐỘ CỘNG SẢN 45-90** — **16.00MK**
  Biên khảo Nguyễn Hưng Quốc
- **TRUYỆN THẬT NGẮN** — *Võ Phiến* — **6.00MK**
- **NGỤ NGÔN** — *Đoàn Nhật Tấn* — **11.00MK**
- **IIỞI ƠI** — *Thơ Ngu Yên* — **6.00MK**
- **SAO CÓ TIẾNG SÓNG...** — *Võ Đình* — **13.00MK**
- **THƠ MIỀN NAM TẬP I** — *Võ Phiến* — **6.00MK**
  (viết về 8 nhà thơ miền Nam – Văn Học Miền Nam)
- **KINII DỊCII** (đạo của người quân tử) — **20.00MK**
  Nguyễn Hiến Lê dịch, giải
- **IIỒI KÍ TẬP II** (trọn bộ 3 cuốn đã in đủ) — **15.00MK**
  Nguyễn Hiến Lê
- **KIIỔNG TỬ** — *Nguyễn Hiến Lê* — **12.00MK**
- **TRUYỆN MIỀN NAM TẬP I** (Văn Học Miền Nam) — **6.00MK**
  Võ Phiến
- **TÌM PHẬT Ở ĐÂU?** (sách mới tái bản) — **7.00MK**
  Minh Tâm

SẼ IN

- **LỊCII SỬ VĂN MINII TRUNG QUỐC**
  Will Durant, Nguyễn Hiến Lê dịch
- **TIỂU TIIUYẾT I** — *Võ Phiến*
  (cuốn chót của Võ Phiến toàn tập)
- **TUÂN TỬ** — *Giản Chi và Nguyễn Hiến Lê*

Ngoài nước Mỹ thêm 1MK cho sách 12MK. Trên 12MK thêm 2MK

Giá $3.50 MK